|  |
| --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**    **CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  **NGÀNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH**  *(Ban hành theo Quyết định số …/QĐ-ĐHV ngày …/…/2021*  *của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*  **Mã số ngành đào tạo: 7140208**  **Nghệ An, 2021** |

## Thông tin chung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Tên ngành đào tạo: | Giaó dục quốc phòng và an ninh (Defense and security education) |
| 2. | Mã số ngành đào tạo: | 7140208 |
| 3. | Trình độ đào tạo: | Đại học |
| 4. | Thời gian đào tạo: | 4 năm |
| 5. | Tên văn bằng tốt nghiệp: | Cử nhân Giáo dục quốc phòng - an ninh |
| 6. | Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: | Trung tâm Giáo dục QP&AN |
| 7. | Hình thức đào tạo: | Chính quy- Tập trung |
| 8. | Số tín chỉ yêu cầu: | Tích lũy đủ 126 tín chỉ |
| 9. | Thang điểm: | 4 |
| 10. | Ngôn ngữ sử dụng: | Tiếng Việt |
| 11. | Ngày tháng ban hành: |  |
| 12. | Phiên bản chỉnh sửa: |  |

## 1. Mục tiêu chương trình đào tạo

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu chung:** Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học giáo dục và kiến thức chuyên sâu về giáo dục quốc phòng và an ninh; Có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông; Có khả năng nghiên cứu, sáng tạo để phát triển bản thân, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân | |
| **Mục tiêu cụ thể:** | |
| **PO1** | Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **PO2** | Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **PO3** | Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp |
| **PO4** | Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |

## 

## 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

*(9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **CHUẨN ĐẦU RA CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH** | **Mức độ năng lực** |
| **PLO1.1.** | **Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, kiến thức chuyên sâu và vững chắc của chuyên ngành vào việc tổ chức hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 1.1.1. | Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật, để có nhận thức dúng về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | K3 |
| 1.1.2. | Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở để nghiên cứu các nội dung trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh | K3 |
| 1.1.3 | Vận dụng kiến thức lý luận về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc, kiến thức về nghệ thuật quân sự, kiến thức về lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vào thực tiễn hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh | K4 |
| 1.1.4 | Áp dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh để giảng dạy các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh | K4 |
| 1.1.5 | Áp dụng kiến thức quân sự cơ bản vào dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh và quản lý, rèn luyện học sinh | K4 |
| **PLO1.2.** | **Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục cốt lõi, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 1.2.1. | Vận dụng kiến thức cơ bản về quy luật phát triển tâm lí, nhận thức, trí tuệ, xã hội và thể lực có ảnh hưởng đến học tập của học sinh, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | K4 |
| 1.2.2. | Vận dụng kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch về phương pháp dạy học, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | K4 |
| 1.2.3. | Vận dụng kiến thức cơ bản về tổ chức, thực hiện các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | K4 |
| **PLO1.3.** | **Vận dụng kiến thức nâng cao về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục để giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 1.3.1. | Vận dụng kiến thức nâng cao về Đường lối quốc phòng – an ninh của Đảng CSVN vào giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế hiện nay | K4 |
| 1.3.2. | Vận dụng kiến thức nâng cao về phương pháp tổ chức dạy học thực hành các kỹ năng quân sự trong chương trình, nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy, rèn luyện kỹ năng quân sự, an ninh, an toàn | K4 |
| **PLO2.1** | **Thực hiện các kỹ năng lập luận, phân tích, tư duy hệ thống và kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết vấn đề trong giáo dục quốc phòng và an ninh, trong hoạt động xã hội** |  |
| 2.1.1 | Phát triển tư duy hệ thống, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh | S4 |
| 2.1.2 | Thành thạo các kỹ năng tự học tập, nghiên cứu sáng tạo, không ngừng phát triển và hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong bối cảnh căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay | S4 |
| 2.1.3 | Thực hành thành thạo các kỹ năng cơ bản về công nghệ giáo dục số và ứng dụng ICT trong giáo dục để phục vụ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu, dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | S3. |
| 2.1.4 | Sử dụng thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Thực hành thành thạo các kỹ năng quân sự cơ bản trong hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | S4 |
| 2.1.5 | Thực hành thành thạo các kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; kỹ năng tổ chức phối hợp, thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống, tính tổ chức, tính kỷ luật cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, dân chủ trong nhà trường | S4 |
| **PLO2.2** | **Thể hiện tinh thần yêu nước, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và tác phong công tác trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 2.2.1. | Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân | A4 |
| 2.2.2. | Thể hiện phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy và trách nhiệm của giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh | A4 |
| **PLO3.1** | **Vận dụng được các kĩ năng hợp tác và làm việc nhóm để nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 3.1.1. | Vận dụng kỹ năng hợp tác làm việc hiệu quả trong thực hành nghiên cứu và giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh | S4 |
| 3.1.2. | Vận dụng kỹ năng tổ chức triển khai, quản lý và lãnh đạo hoạt động nhóm hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu phát triển lý luận về giáo dục quốc phòng và an ninh và hoạt động rèn luyện kỹ năng quân sự cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh | S4 |
| **PLO3.2.** | **Vận dụng được các kĩ năng giao tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh** |  |
| 3.2.1. | Thể hiện phong cách chững chạc, tác phong chính quy, thành thạo sử dụng ngôn ngữ và các phương thức, phương tiện trong thực hành giao tiếpsư phạm đáp ứng yêu cầu dạy học và giáo dục giáo dục quốc phòng và an ninh | S4 |
| 3.2.2. | Thể hiện năng lực Tiếng Anh bậc 3/6, Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam | S3 |
| **PLO4.1.** | **Nhận biết bối cảnh xã hội, vai trò vị trí của giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường** |  |
| 4.1.1. | Phân tích những vấn đề cơ bản của công tác quốc phòng, an ninh và hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay | C4 |
| 4.1.2. | Phân tích vị trí, vai trò, đặc điểm và những tác động đến công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường | C4 |
| **PLO4.2.** | **Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học giáo dục quốc phòng, an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.** |  |
| 4.2.1. | Hình thành ý tưởng cho hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | C5 |
| 4.2.2. | Thiết kế hoạt động hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | C5 |
| 4.2.3 | Triển khai thực hiện hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | C5 |
| 4.2.4 | Vận hành các giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | C5 |

## 3.Khung CTDH ngành GDQP-AN

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong bảng trong đó các ký hiệu như sau:*(1) Loại học phần:* 🞨 *– bắt buộc,* √*– tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | | **Mô đun** | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TH** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | PED20002 | Nhập môn ngành sư phạm | x | **3** |  |  |  | 45 | GDĐC | 1 |
| 2 | LIT20006 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 1 |
| 3 | NAP30004 | Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh  đội ngũ | x | **4** | 15 | 45 |  |  | GDCN | 1 |
| 4 | HIS20003 | Lịch sử văn minh thế giới | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 1 |
| 5 | POL11001 | Triết học Mác - Lênin | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 1 |
| 6 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | x | **2** | 20 |  | 10 |  | GDĐC | 2 |
| 7 | NAP30001 | Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự | x | **5** |  |  |  | 75 | GDCN | 2 |
| 8 | GEO20003 | Môi trường và phát triển bền vững | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 9 | EDU21003 | Tâm lý học | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 2 |
| 10 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 | x | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 11 |  | **Tự chọn 1** | x | **2** |  |  |  |  | GDĐC | 2 |
|  | SPO10001 | Giáo dục thể chất | x | **(5)** | 15 | 60 |  |  | GDĐC | (1-3) |
| 12 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 3 |
| 13 | EDU20006 | Giáo dục học | x | **4** | 45 |  | 15 |  | GDĐC | 3 |
| 14 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 | x | **4** | 45 |  | 15 |  | GDCN | 3 |
| 15 | NAP30002 | Vũ khí bộ binh | x | **3** | 30 | 15 |  |  | GDCN | 3 |
| 16 | NAP30003 | Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam | x | **5** |  |  |  | 75 | GDCN | 3 |
| 17 | NAP30005 | Địa hình quân sự | x | **3** | 20 | 25 |  |  | GDCN | 4 |
| 18 | NAP30006 | Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 4 |
| 19 | NAP30007 | Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn | x | **4** | 15 | 45 |  |  | GDĐC | 4 |
| 20 | POL11004 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | x | **2** | 20 |  | 10 |  | GDĐC | 4 |
| 21 |  | **Tự chọn 2** | x | **2** |  |  |  |  | GDCN | 4 |
| 22 | INF20005 | Ứng dụng ICT trong giáo dục | x | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 4 |
| 23 | NAP30010 | Chiến thuật bộ binh | x | **5** | 15 | 60 |  |  | GDCN | 5 |
| 24 | NAP30011 | Công tác bảo đảm hậu cần, quân y | x | **2** | 20 | 10 |  |  | GDCN | 5 |
| 25 | NAP30009 | Đường lối quân sự | x | **4** |  |  |  | 60 | GDĐC | 5 |
| 26 | NAP30008 | Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 5 |
| 27 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 5 |
| 28 | NAP30022 | Công tác quốc phòng, quân sự địa phương | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 6 |
| 29 | NAP30016 | Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông | x | **5** |  |  |  | 75 | GDCN | 6 |
| 30 | NAP30017 | Pháp luật về quốc phòng, an ninh | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 6 |
| 31 | NAP30018 | Thực hành, hành trú quân dã ngoại | x | **2** |  | 30 |  |  | GDCN | 6 |
| 32 |  | **Tự chọn 3** | x | **2** |  |  |  |  | GDCN | 6 |
| 33 | NAP30020 | Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 7 |
| 34 | NAP30021 | Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam | x | **3** | 36 |  | 9 |  | GDCN | 7 |
| 35 | NAP30015 | Hiểu biết chung về quân, binh chủng | x | **4** | 30 | 45 |  |  | GDCN | 7 |
| 36 | NAP30023 | Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | x | **5** |  | 30 |  |  |  | 7 |
| 37 | NAP30019 | Thực tế, tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội | x | **2** |  |  |  |  | GDĐC | 7 |
| 38 | NAP30024 | Thực tập và Đồ án tốt nghiệp | x | **8** |  | 75 |  | 45 | GDĐC | 8 |
|  |  | **Tổng** |  | **126** |  |  |  |  | GDĐC |  |
| **Tự chọn 1** (Chọn 1 trong 4 học phần) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | GEO20004 | Địa lí chính trị | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 2 |
| 2 | HIS20007 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 2 |
| 3 | LIT21003 | Nghệ thuật học đại cương | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 2 |
| 4 | POL20005 | Nhà nước và pháp luật Việt Nam | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 2 |
| **Tự chọn 2** (Chọn 1 trong 4 học phần) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | EDU21011 | Giao tiếp sư phạm | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 4 |
| 2 | LIT21004 | Tạo lập văn bản đa phương thức | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 4 |
| 3 | POL21003 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 4 |
| 4 | HIS20008 | Xây dựng văn hóa nhà trường THPT | √ | **2** | 20 |  | 10 |  |  | 4 |
| **Tự chọn 3** (chọn 1 trong 3 học phần) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | NAP30012 | Công sự, vật cản, vũ khí tự tạo | √ | **2** | 15 | 15 |  |  |  | 6 |
| 2 | NAP30014 | Đối ngoại quốc phòng | √ | **2** | 26 |  | 4 |  |  | 6 |
| 3 | NAP30013 | Thể thao quốc phòng, trò chơi giáo dục quốc phòng | √ | **2** | 15 | 15 |  |  |  | 6 |

## 4. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| 1 | PED20002 | Nhập môn ngành sư phạm |  | x |  | x | x | x | x | x | x |
| 2 | LIT20006 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 3 | NAP30004 | Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ | x |  | x | x | x |  | x |  |  |
| 4 | HIS20003 | Lịch sử văn minh thế giới | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 5 | POL11001 | Triết học Mác - Lênin | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 6 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 7 | NAP30001 | Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự | x | x |  | x |  | x |  |  | x |
| 8 | GEO20003 | Môi trường và phát triển bền vững | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 9 | EDU21003 | Tâm lý học |  | x |  | x | x |  | x |  |  |
| 10 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 11 | SPO10001 | Giáo dục thể chất |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 13 | EDU20006 | Giáo dục học | x |  |  | x | x | x | x | x | x |
| 14 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 15 | NAP30002 | Vũ khí bộ binh | x |  |  | x |  | x |  |  |  |
| 16 | NAP30003 | Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam | x |  | x | x | x | x |  |  | x |
| 17 | NAP30005 | Địa hình quân sự | x |  |  | x |  | x |  |  |  |
| 18 | NAP30006 | Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc | x |  | x | x | x | x |  |  |  |
| 19 | NAP30007 | Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn | x |  | x | x |  |  | x |  |  |
| 20 | POL11004 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 21 | INF20005 | Ứng dụng ICT trong giáo dục |  |  |  | x | x | x | x | x | x |
| 22 | NAP30010 | Chiến thuật bộ binh | x |  | x | x |  | x |  |  |  |
| 23 | NAP30011 | Công tác bảo đảm hậu cần, quân y | x |  |  | x |  | x |  |  |  |
| 24 | NAP30009 | Đường lối quân sự | x |  | x | x | x | x |  |  | x |
| 25 | NAP30008 | Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam | x |  | x | x | x | x |  |  |  |
| 26 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 27 | NAP30022 | Công tác quốc phòng, quân sự địa phương | x |  |  | x |  |  |  | x |  |
| 28 | NAP30016 | Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông |  | x |  | x | x |  |  | x | x |
| 29 | NAP30017 | Pháp luật về quốc phòng, an ninh | x |  | x | x | x |  |  | x |  |
| 30 | NAP30018 | Thực hành, hành trú quân dã ngoại | x |  | x | x |  | x | x | x |  |
| 31 | NAP30020 | Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội | x |  | x | x | x |  |  | x |  |
| 32 | NAP30021 | Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam | x |  |  | x | x |  | x |  |  |
| 33 | NAP30015 | Hiểu biết chung về quân, binh chủng | x |  | x | x |  | x |  |  | x |
| 34 | NAP30023 | Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh |  | x |  | x | x | x | x |  |  |
| 35 | NAP30019 | Thực tế, tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội | x | x |  |  |  | x | x | x |  |
| 36 | NAP30024 | Thực tập và Đồ án tốt nghiệp |  | x |  | x | x |  | x | x | x |
|  |  | **TỰ CHỌN** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 37 | GEO20004 | Địa lí chính trị | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 38 | HIS20007 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 39 | LIT21003 | Nghệ thuật học đại cương | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 40 | POL20005 | Nhà nước và pháp luật Việt Nam | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| 41 | EDU21011 | Giao tiếp sư phạm |  | x |  | x | x | x | x |  |  |
| 42 | LIT21004 | Tạo lập văn bản đa phương thức |  | x |  | x | x | x | x |  |  |
| 43 | POL21003 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp |  | x |  | x | x | x | x |  |  |
| 44 | HIS20008 | Xây dựng văn hóa nhà trường THPT |  | x |  | x | x | x | x |  |  |
| 45 | NAP30012 | Công sự, vật cản, vũ khí tự tạo | x |  | x | x |  |  |  |  |  |
| 46 | NAP30014 | Đối ngoại quốc phòng | x |  |  | x | x |  |  | x |  |
| 47 | NAP30013 | Thể thao quốc phòng, trò chơi giáo dục quốc phòng | x | x |  | x |  | x |  |  |  |

## 

## 

## 5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Học kỳ 3

16 TC

Học kỳ 4

16 TC

Học kỳ 5

16 TC

Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)

Giáo dục học (4)

Tiếng Anh 2 (4)

Học kỳ 6

16 TC

Học kỳ 7

16 TC

Học kỳ 8

16 TC

Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và

bảo vệ Tổ quốc (3)

Vũ khí bộ binh (3)

Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn (3)

Chiến thuật bộ binh (5)

Công tác bảo đảm hậu cần, quân y (2)

Đường lối quân sự (4)

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương (3)

Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế

phổ thông (5)

Pháp luật về quốc phòng, an ninh (3)

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội (3)

Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (3)

Học kỳ 1

16 TC

Địa hình quân sự(3)

Nhập môn ngành sư phạm (3)

Thực tập và Đồ án tốt nghiệp (8)

Cơ sở văn hóa Việt Nam (3)

Học kỳ 2

16 TC

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2)

Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự (5)

Hiểu biết chung về quân, binh chủng (4)

Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ (4)

Môi trường và phát triển bền vững (3)

Lịch sử văn minh thế giới (3)

**Tự chọn 1(2)**

Giáo dục thể chất (5)

Ứng dụng ICT trong giáo dục (4)

Thực tế, tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội (2)

**Tự chọn 3 (2)**

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)

**Tự chọn 2 (2)**

Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam (3)

Tiếng Anh 1(3)

Triết học Mác – Lênin (3)

Tâm lý học (3)

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2)

Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam (3)

Thực hành, hành trú quân dã ngoại (2)

Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh (5)

GD đại cương

K. thức cơ sở ngành

K. thức chuyên ngành

Dạy học dự án

Ngoại ngữ

Tự chọn

**6. Đề cương chi tiết các học phần ngành GDQP-AN**

***Học phần: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN***

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Thái Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email:[ntsdhv@gmail.com](mailto:ntsdhv@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Triết học; Lịch sử triết học; Logic học.

Giảng viên 2: Trần Viết Quang

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 09126271109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: phép biện chứng, nhận thức luận, lôgíc biện chứng; phương pháp giảng dạy triết học.

Giảng viên 3: Phạm Thị Bình

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983551387 Email: phamthibinhdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: một số vấn đề triết học, văn hóa lãnh đạo và quản lý

Giảng viên 4: Nguyễn Văn Sang

Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988 Email: Sangnv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

Giảng viên 5: Trương Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: GV.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: [thaottp\_gdct@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp_gdct@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu: Triết học Mác, triết học hiện sinh, vấn đề con người, nguồn nhân lực, đạo đức, mỹ học Mác - Lênin

Giảng viên 6: Lê Thị Nam An

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: naman@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Đạo đức học, Logic học

Giảng viên 7: Phan Huy Chính

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915233880 Email: phanhuychinh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

1.2. Thông tin về học phần:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác – Lênin  (tiếng Anh): Marxist - Leninist Philosophy | | |
| - Mã số học phần: POL11001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số tiết  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Triết học - Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: | | |

2. Mô tả học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 3 chương, bao gồm hệ thống tri thức về Triết học và Triết học Mác – Lênin, về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó, định hướng xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng, nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành phát triển của Triết học Mác – Lênin; vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại hiện nay; giúp sinh viên phản triển năng lực tư duy phản biện, biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác –Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác –Lênin; có bản lĩnh chính trị vững vàng vào bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng.

3. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

- CO2: Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề của đời sống chính trị, xã hội và tư tưởng, từ đó có thể phản biện được những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chung các môn lý luận chính trị

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | | | PLO1.2 | | | PLO2.1 | | | PLO2.2 | | |
| 1.1.1 | 1.1.2 | … | 1.2.1 | 1.2.2 | … | 2.1.1 | 2.1.2 | …. | 2.2.1 | 2.2.2 | …. |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Mức độ năng lực CĐR  học phần | Mô tả CĐR | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1.1 | K3 | Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S2 | Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng | Tự học, thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác | Tự học, thảo luận nhóm, | Quan sát;  Tự luận |

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá và  lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ cho bài đánh giá | Tỷ lệ  cho học phần |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | |  | 50% |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO1.1  CLO1.2 | 50% | 20% |
| - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 3 | CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1  CLO1.2 | 100% | 20% |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | | | |  | 50% |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | 100% | 50% |
| Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 (10%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Nghe bài giảng SCORM (3 điểm) | 3,0 | 2,5 – 2,0 | 1.5 – 1,0 | 0,5 - 0 |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
| Tham gia lớp học  (5 điểm) | 5,0 | 4,5 – 3,5 | 3,0 – 2,0 | 1,5 - 0 |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định |
| Ý thức phát biểu xây dựng bài  (2 điểm) | 2,0 | 1,5 | 1.0 – 0 ,5 | 0 |
| Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài. | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2 (Bài thảo luận nhóm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Cấu trúc và hình thức  (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
| Nội dung  (5 điểm) | 5.0 – 4,5 | 4.0 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
| Trình bày (3 điểm) | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 0,5 |
| - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái. | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.2 (Bài tập cá nhân)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Tiến độ thực hiện (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ |
| Nội dung  (8 điểm) | 8.0 – 7.0 | 6,5 – 5.0 | 4.5 – 3.0 | 2.5 - 0 |
| - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Thể hiện rõ niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Chưa có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

6.2. Tài liệu tham khảo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần, số tiết | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | Yêu cầu SV chuẩn bị | CĐR học phần | Bài đánh giá |
| 1  (3 tiết) | Chương 1. Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin  1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học  1.2. Triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội  1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 12-95; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Tham gia vấn đáp.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 2  (3 tiết) | 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác- Lênin  1.2.3. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và trả lời các câu hỏi TNKQ trên E-learning  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.95-115).  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
|  | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1 (1 tiết) | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 3  (3 tiết) | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.1.Vật chất và ý thức  1.1.1.Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc Giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.117-149) để hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất; các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; tính thống nhất vật chất của thế giới. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
|  | 1.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức  1.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.149-182) để hiểu được nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 4  (3 tiết) | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.2.1. Hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật  2.2.2. Sáu cặp phạm trù cơ bản của Phép biện chứng duy vật | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nội dung thảo luận. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Hướng dẫn làm việc nhóm | -Đọc tài liệu số [1] từ trang 83 đến trang 92  -Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS  - Đọc tài liệu số [1] từ trang 93 đến trang 119  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint |  | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 5  (3 tiết) | Thảo luận nhóm nội dung: Chương 2, phần hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 6  (3 tiết) | 2.2.3. Các quy luật cơ bản của Phép biện chứng duy vật | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Hướng dẫn nội dung thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 7 | Thảo luận nhóm nội dung  (2 tiết)  Chương 2, phần hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 8  (3 tiết) | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.3. Lý luận nhận thức  2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học  \* Khái niệm lý luận nhận thức  \* Các quan điểm khác nhau,...  \* Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tiết 2.3. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.116-128) để nhận biết được các quan niệm khác nhau về nhận thức.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
|  | 2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tuần học. - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình, tài liệu theo hướng dẫn của GV | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 9 | Thảo luận nhóm nội dung:  Chương 2, phần Lý luận nhận thức DVBC | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 10  (3 tiết) | Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử  1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội | - Lý thuyết: giảng các nội dung cơ bản của chương 3, phần 1: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning, đọc giáo trình Triết học Mác-Lênin (tr.287-316) để bước đầu nắm được những khái niệm cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội như sản xuất vật chất, phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất...  - Làm bài test nhanh trên hệ thống.  - Chuẩn bị kiến thức cho câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
|  | 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên | - Lý thuyết: giảng các nội dung còn lại của phần 1 (chương 3).  - - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning và trả lời các câu hỏi TNKQ trên hệ thống. Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.317-329).  - Xây dựng câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 11 | Thảo luận nhóm nội dung:  Chương 3, phần Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 12  (3 tiết) | Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử  2. Giai cấp và dân tộc  2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp  2.2. Dân tộc  2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp – dân tộc – nhân loại  3. Nhà nước và cách mạng xã hội  3.1. Nhà nước  3.2. Cách mạng xã hội | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 2, mục 3 chương 3  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, nêu các thắc mắc, tranh luận với bạn học, cố gắng giải đáp các câu hỏi liên quan đến bài học. | SV nghe bài giảng và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 329 – 419) để hiểu được lý luận về giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội theo quan điểm triết học Mác -Lênin như: nguồn gốc, đặc trưng của giai cấp; tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp; quan hệ giai cấp- dân tộc –nhân loại; nguồn gốc, bản chất của nhà nước, các kiểu nhà nước; nguồn gốc, bản chất của cách mạng xã hội…  - Trả lời câu hỏi thảo luận | CLO 1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 13  (3 tiết) | Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử  4. Ý thức xã hội  4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội  4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 4, chương 3  - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  -Hướng nội dung thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn họ | - SV nghe bài giảng trên trang E-learning và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 419 – 489)  - Trả lời câu hỏi thảo luận  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 14  (3 tiết) | Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử  5. Triết học về con người  5.1. Con người và bản chất co người  5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lê nin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 5 chương 3  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, nêu các thắc mắc, tranh luận với bạn học, cố gắng giải đáp các câu hỏi liên quan đến bài học. |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| 15 | Thảo luận nhóm nội dung Chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu trưởng | Hiệu trưởng Trường Sư phạm | Trưởng khoa |
|  | PGS TS Lưu Tiến Hưng | PGS.TS Nguyễn Thái Sơn |

***Đề cương chi tiết học phần***

***KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN***

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

- Giảng viên 1: Nguyễn Thị Diệp

Chức danh, học hàm, học vị: GVC,ThS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0914447188 Email: [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác; Kinh tế phát triển.

- Giảng viên 2: Nguyễn Thị Mỹ Hương

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Ths

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915905578 Email: hươngntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học, hội nhập kinh tế quốc tế...

- Giảng viên 3: Đinh Trung Thành

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC, PGS,TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0904252425 Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

- Giảng viên 4: Nguyễn Thị Hải Yến

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0962662626 Email: yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển.

1.2. Thông tin về học phần:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác – Lênin  (tiếng Anh): Political economics of Marxism and Leninism | | |
| - Mã số học phần: POL11002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Tất cả các chuyên ngành đào tạo đại học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☒ Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng số giờ lên lớp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

2. Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh thế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

3. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế chính trị.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Sự tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần (CLO) | Mức độ năng lực CĐR  học phần | Mô tả CĐR học phần | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1.1 | K3 | Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S2 | Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | Thể hiện phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam | Tự học | - Quan sát;  - Bài tập cá nhân |

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá và  lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ cho bài đánh giá | Tỷ lệ  cho học phần |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | |  | 50% |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO2.1 | 50% | 20% |
| - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 3 | CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | | | |  | 50% |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 50% |
| Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Nghe bài giảng SCORM (3 điểm) | 3,0 | 2,5 – 2,0 | 1.5 – 1,0 | 0,5 - 0 |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
| Tham gia lớp học  (5 điểm) | 5,0 | 4,5 – 3,5 | 3,0 – 2,0 | 1,5 - 0 |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định |
| Ý thức phát biểu xây dựng bài  (2 điểm) | 2,0 | 1,5 | 1.0 – 0 ,5 | 0 |
| Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài. | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2 (Bài thảo luận nhóm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Cấu trúc và hình thức  (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
| Nội dung  (5 điểm) | 5.0 – 4,5 | 4.0 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
| Trình bày (3 điểm) | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 0,5 |
| - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái. | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.2 (Bài tập cá nhân)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Tiến độ thực hiện (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ |
| Nội dung  (8 điểm) | 8.0 – 7.0 | 6,5 – 5.0 | 4.5 – 3.0 | 2.5 - 0 |
| - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Thể hiện rõ niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Chưa có niềm tin đối với sự lãnh đạo cúa Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] PGS.TS Phạm Quang Phan, PGS.TS Vũ Anh Tuấn, TS Tô Đức Hạnh (Đồng chủ biên) Hướng dẫn học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, NXB Thống kê, 2005.

[3] PGS.TS An Như Hải (Chủ biên), 110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác- Lênin, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2014.

7. Kế hoạch dạy học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần,  số tiết | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | Yêu cầu SV chuẩn bị | CĐR học phần | Bài đánh giá |
| 1(2) | Chương 1: Đối tượng phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin  1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 11-33; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 1  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 2 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 34-56; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 3 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường  2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 57-82; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 4 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 5 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 84 -98; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 6 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư (tiếp)  Tích lũy tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 99-109; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 2)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 7 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 110 - 122; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 3)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 9 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 124 - 136; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 1)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 10 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN  4.3. Biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 136 - 166; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 2)  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 11 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 12(2) | Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam  5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 170 - 219; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 5  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 13 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 14 (2) | Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam  6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr. 224 - 283; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 6.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 15 (2) | - Thảo luận nhóm nội dung chương 6  - Tổng kết học phần | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận; tổng kết học phần | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu trưởng | Hiệu trưởng Trường Sư phạm | Trưởng khoa |
|  | PGS TS Lưu Tiến Hưng | PGS.TS Nguyễn Thái Sơn |

Học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đinh Thế Định

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: dinhdt@vinhuni.edu.vn

Giảng viên 2:

Họ và tên: Vũ Thị Phương Lê

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: levtp@vinhuni.edu.vn

Giảng viên 3:

Họ và tên: Phạm Thị Thúy Hồng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: thuyhong@vinhuni.edu.vn

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [vinhntl@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhntl@vinhuni.edu.vn)

Giảng viên 5:

Họ và tên: Hoàng Thị Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [htnga@vinhuni.edu.vn](mailto:htnga@vinhuni.edu.vn)

1.2. Thông tin về học phần:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học  (tiếng Anh): Scientific Socialism | | |
| - Mã số học phần: POL11003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh | | |

2. Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra học phần

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Mức đô năng lực CĐR  học phần | Mô tả CĐR | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1.1 | K3 | Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S2 | Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | Tự học | - Quan sát;  - Bài tập cá nhân |

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá và  lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ cho bài đánh giá | Tỷ lệ  cho học phần |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | |  | 50% |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO2.1 | 50% | 20% |
| - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 3 | CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | | | |  | 50% |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 50% |
| Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Nghe bài giảng SCORM (3 điểm) | 3,0 | 2,5 – 2,0 | 1.5 – 1,0 | 0,5 - 0 |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
| Tham gia lớp học  (5 điểm) | 5,0 | 4,5 – 3,5 | 3,0 – 2,0 | 1,5 - 0 |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định |
| Ý thức phát biểu xây dựng bài  (2 điểm) | 2,0 | 1,5 | 1.0 – 0 ,5 | 0 |
| Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài. | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2 (Bài thảo luận nhóm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Cấu trúc và hình thức  (2 điểm) | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, nhưng có một số lỗi chính tả | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả |
|  | 5.0 – 4,5 | 4.0 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| Nội dung  (5 điểm) | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Giải quyết đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận chặt chẽ, đưa ra được một số minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Giải quyết được một số mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận chưa chặt chẽ, chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục  - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận |
|  | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 0,5 |
| Trình bày (3 điểm) | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.2 (Bài tập cá nhân)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Tiến độ thực hiện (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ |
| Nội dung  (8 điểm) | 8.0 – 7.0 | 6,5 – 5.0 | 4.5 – 3.0 | 2.5 - 0 |
| - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Thể hiện rõ niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Có niềm tin nhưng chưa vững chắc vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra  - Chưa có niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

6. Nguồn học liệu

Giáo trình

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[2] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (2016), Hỏi – đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị quốc gia.

[3] Hoàng Chí Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan (2021), Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. Đại học Sư phạm.

7. Kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá học phần)

Lý thuyết:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần, số tiết | Nội dung | Hình thức tổ chức DH | Chuẩn bị của SV | CĐR học phần | Bài đánh giá |
| 1(2) | CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học  [1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học](#_Toc501289627)  1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  - Hướng dẫn nghe giảng trên Elearning  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr11-49  - Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép, vở bài tập | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 2(2) | CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN  2.1. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr51-65  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 3(2) | Chương 2 (Tiếp)  2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr66-84  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 4(2) | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1 |
| 5(2) | CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  3.1. Chủ nghĩa xã hội  3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr86-104  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 6(2) | Chương 3 (tiếp):  3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr105-109  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 7(2) | CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung  - Tổ chức thảo luận | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr125-163  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận  - Làm bài tập nộp lên LMS | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3  A2 |
| 8(2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3,4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.2 |
| 9(2) | CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr165-193  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.2  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 10(2) | Thảo luận nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 11(2) | CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr195-237  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 12(2) | Thảo luận nội dung chương 6 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |
| 13(2) | CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình  7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr239-256.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 14(2) | Chương 7 (tiếp)  7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr257-269.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A2 |
| 15(2) | Ôn tập và thảo luận chương 7 | Giáo viên hướng dẫn ôn tập.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | Chuẩn bị trước câu hỏi ôn tập. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A2 |

8. Các quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.

- Sinh viên không đủ điều kiện dự thi cuối học phần nếu tỷ lệ thời gian sinh viên có mặt trên lớp dưới 80%.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục chính trị - Trường Sư phạm

- Địa chỉ/email: Văn phòng Khoa Giáo dục chính trị, Tầng 2, nhà A0, Trường ĐH Vinh.

Email:

10. Ngày phê duyệt: ....

11. Cấp phê duyệt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu trưởng | Hiệu trưởng Trường Sư phạm | Trưởng khoa |
|  | PGS TS Lưu Tiến Hưng | PGS.TS Nguyễn Thái Sơn |

**Học phần LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Trung

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Du lịch và Công tác xã hội - Trường KHXH & NV - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091.50.52.736 Email: trunglsd@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

Giảng viên 2: Trần Cao Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0902252168 Email: nguyengdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

Giảng viên 3: Trần Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0905797656 Email: hanhtran2202@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

Giảng viên 4: Phan Thị Nhuần

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0933698094 Email: phannhuandhv@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

Giảng viên 5: Dương Thị Mai Hoa

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0972989797 Email: hoaduong.project@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

1.2. Thông tin về học phần:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  (tiếng Anh): The history of the Communist Party of Vietnam. | | |
| - Mã số học phần: POL11004 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP:POL 11001 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng số giờ lên lớp  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

2. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần (CLO) | Mức độ năng lực CĐR  học phần | Mô tả CĐR học phần | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1.1 | K3 | Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S3 | Có khả năng bảo vệ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng. | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 | A3 | Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. | Tự hoc | Quan sát;  Tự luận |

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá và  lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ cho bài đánh giá | Tỷ lệ  cho học phần |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | |  | 50% |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO2.1 | 50% | 20% |
| - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 3 | CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | | | |  | 50% |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 50% |
| Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Nghe bài giảng SCORM (3 điểm) | 3,0 | 2,5 – 2,0 | 1.5 – 1,0 | 0,5 - 0 |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
| Tham gia lớp học  (5 điểm) | 5,0 | 4,5 – 3,5 | 3,0 – 2,0 | 1,5 - 0 |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định |
| Ý thức phát biểu xây dựng bài  (2 điểm) | 2,0 | 1,5 | 1.0 – 0 ,5 | 0 |
| Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài. | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Cấu trúc và hình thức  (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
| Nội dung  (5 điểm) | 5.0 – 4,5 | 4.0 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
| Trình bày (3 điểm) | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 0,5 |
| - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái. | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.2 (Bài tập cá nhân)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá (theo thang điểm) | | | |
| Tiến độ thực hiện (2 điểm) | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ. | Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ |
| Nội dung  (8 điểm) | 8.0 – 7.0 | 6,5 – 5.0 | 4.5 – 3.0 | 2.5 - 0 |
| - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Thể hiện rõ niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Có niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay | - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra.  - Chưa có niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN, 2020.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 2. NXB Giáo dục 2001.

[3]. Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương Lịch sử Việt Nam -Tập 3. NXB Giáo dục 2001.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Một số chuyên đề vềịch sử Đảng Công sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần, Số tiết | Nội dung  (2) | Hình thức tổ chức DH (3) | Chuẩn bị của SV (4) | CĐR học phần (5) | Bài đánh giá (6) |
| 1 (2) | Chương nhập môn:  I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)  1. Bối cảnh lịch sử  + Thế giới  +Trong nước (tự học) | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning Chương1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 49.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 2 (2) | Chương 1 (Tiếp theo)  2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng  3, Thành lập ĐCS Việt Nam |  | - Nghe bài giảng Elearning Chương1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 49 đến trang 70.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 3 (2) | II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)  1. Phong trào cách mạng 1930-1935 (Tự học)  2. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 (Tự học)  3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945  4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng ElearningChương 1  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 4 (2) | Chương 2  Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước  (1945 - 1975)  I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ (1945-1946)  2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 (Tự học)  Chương 2 (Tiếp theo)  3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)  4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning Chương 2  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 179.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 5 (2) | II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  1. Trong giai đoạn 1954-1965  2. Trong giai đoạn 1965-1975  3. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 2  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 đến trang 235.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 |  |
| 6 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 1 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 70  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A.1.2 |
| 7 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 1 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A.1.2 |
| 8 (2) | Chương 3  Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)  I. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  1. Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)  2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | -Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1975 - 1986  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 đến trang 260.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 9 (2) | Chương 3 (Tiếp theo)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)  1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 - nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 260 đến trang 271.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 10(2) | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội VII và Đại hội VIII | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 – nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 272 đến trang 295.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 11(2) | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội IX – XI | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 -nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 296 đến trang 366. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 12 (2) | Chương 3 (Tiếp theo)  Đại hội XII - XIII  3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới  KẾT LUẬN  I. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam  II. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning chương 3 phần giai đoạn 1986 - nay  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 367 đến trang 344.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 13 (2) | Thảo luận  Thảo luận nhóm, nội dung chương 2 | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 235.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 14 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 2, 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 - 235; 238 - 260.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2.1 |
| 15 (2) | Thảo luận nhóm, nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 - 434.  - Đọc tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hiệu trưởng | Hiệu trưởng Trường Sư phạm | | | Trưởng khoa | |
|  | PGS TS Lưu Tiến Hưng | | | PGS.TS Nguyễn Thái Sơn | |
|  | |  |  | |
|  | |  |  | |

**Học phần TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Bùi Thị Cần

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: canbt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phan Văn Tuấn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0985.520211 Email: [phanvantuan@vinhuni.edu.vn](mailto:phanvantuan@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

Giảng viên 3:

Họ và tên: Hoàng Thị Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983067973; Email: [htnga@vinhuni.edu.vn](mailto:htnga@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Thi

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623; Email: [kimthi@vinhuni.edu.vn](mailto:kimthi@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

Giảng viên 5:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Chi

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0943572456 Email: [Ntkchi@vinhuni.edu.vn](mailto:Ntkchi@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

Giảng viên 6:

Họ và tên: Lê Thị Thanh Hiếu

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.528.917; Email: [Ltthieu@vinhuni.edu.vn](mailto:Ltthieu@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

1.2. Thông tin về môn học:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh  (tiếng Anh): Ho Chi Minh Thought | | |
| - Mã số học phần: POL10002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục Chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị | |  |
| + Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo học phần qua LMS.  + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, làm việc nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Khoa GDCT - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

2. Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 học phần lý luận chính trị thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc của các chương trình đào tạo đại học. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ trong thực tiễn học tập, rèn luyện và công tác để trở thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được kỹ năng tư duy logic và các phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần (CLO) | TĐNL CĐR  học phần | Mô tả CĐR học phần | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1.1 | K3 | Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. | Thuyết giảng/  Thảo luận/tự học | Trắc nghiệm khách quan/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |
| CLO2.1 | S3 | Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong học tập và thảo luận nội dung học phần. | Thảo luận/tự học | Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |
| CLO2.2 | A4 | Thể hiện được sự chuyên cần, thái độ học tập tích cực; niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. | Thảo luận/tự học | Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm) |

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ | Công cụ đánh giá | CĐR học phần | | Tỷ lệ Tỷ lệ  cho bài đánh giá  (%) | Tỷ lệ  cho học phần  (%) |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | | | | 50% |
| A1.1 | - Sự chuyên cần, thái độ học tập trong giờ lên lớp và tự học, thảo luận.  -> GV đánh giá và lưu hồ sơ | Quan sát, điểm danh/ Phiếu đánh giá  (Rubrics 1) | | CLO1.1  CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nộp bài trực tiếp hoặc qua LMS, email theo yêu cầu của GV-> GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics 2,3,4) | | CLO2.1  CLO2.2 | 50% | 20% |
| - Bài tập thảo luận; nhóm trưởng nộp bài trực tiếp hoặc qua LMS, email theo yêu cầu của GV-> GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics 2,3,4) | | CLO2.1  CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm khách quan; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Bộ câu hỏi và Đáp án  (30 câu hỏi TNKQ) | | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | | | | |  | 50% |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm khách quan; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Bộ câu hỏi và Đáp án | | CLO1.1 | 100% |  |
| Công thức tính điểm tổng kết: (A1.1\*1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | | |

5.2. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1; CLO2.2)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ (theo thang điểm) | | | |
|  | 5.0 – 4.0 | 3.0 | 2.0 | 1.0 |
| Mức độ tham dự học theo TKB/ các hoạt động tự học/ buổi thảo luận  (5 điểm) | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  -Tham gia 100% các buổi học, buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học tốt (đúng, đủ, rõ ràng, sáng tạo). | - Nghe trên 90% bài SCORM;  - Tham gia trên 90% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức khá. | - Nghe trên 80% bài SCORM;  - Tham gia trên 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/trung bình khá. | - Nghe dưới 80% bài SCORM;  - Tham gia dưới 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/dưới trung bình hoặc không có sản phẩm tự học. |
| Mức độ tham gia xây dựng bài/ phát biểu/ tranh luận  (5 điểm) | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, buổi làm việc nhóm/ thảo luận  - Hoàn thành đầy đủ (100%) các bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

Bảng 2. Rubric đánh giá bài thảo luận (GV đánh giá) (A1.2)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ (theo thang điểm) | | | |
|  | 2.0 | 1.5 | 1.0 | 0.5 - 0 |
| Cấu trúc và hình thức của bài thảo luận (Đề cương thảo luận)  (2 điểm) | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, nhưng chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | 6.0 – 5.0 | 4.5 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| Nội dung của bài thảo luận  (6 điểm) | - Phân tích được đúng, đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được rõ ràng niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.  (Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong các nội dung thảo luận.  (GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí) | - Phân tích được đúng, nhưng chưa đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được niềm tin chính trị  (Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong các nội dung thảo luận nhưng ở mức chưa rõ ràng.  (GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí) | - Phân tích đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được nhưng chưa rõ ràng niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.  (Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong nội dung thảo luận nhưng ở mức chưa rõ ràng, chưa chặt chẽ.  (GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí | - Phân tích không đúng hoặc chỉ đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Không thể hiện được hoặc thể hiện rất ít niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức, theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. (Tùy thuộc vào nội dung đề bài đã phân công).  - Không thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong nội dung thảo luận.  (GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí |
|  | 2,0 | 1,5 | 1,0 | 0,5 |
| Slide báo cáo/ hoặc bản word và thuyết trình  (2 điểm) | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

Bảng 3. Rubric đánh giá kỹ năng tư duy logic trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh

(GV đánh giá: CLO2.1)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ (theo thang điểm) | | | |
| 4.0 – 3.5 | 3.0 – 2.5 | 2.0 - 1.0 | 0.5 - 0 |
| Logic hình thức | - Nội dung được trình bày đúng, đủ, mạch lạc, trình tự, nhất quán, chặt chẽ; văn phong sáng rõ.  - Xâu chuỗi các vấn đề, sự kiện lịch sử liên quan một cách khoa học. | - Nội dung được trình bày đúng, đầy đủ nhưng chưa chặt chẽ, chưa mạch lạc.  - Xâu chuỗi các vấn đề, sự kiện lịch sử liên quan. | - Nội dung được trình bày đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ, chưa mạch lạc.  - Chưa xâu chuỗi được các sự kiện lịch sử liên quan. | - Chưa biết cách trình bày các vấn đề; các ý rời rạc, không chặt chẽ, nhất quán.  - Trình bày các sự kiện nhưng không xâu chuỗi được các sự kiện lịch sử liên quan. |
|  | 6.0 – 5.0 | 4.5 – 3.5 | 3.0 - 2.0 | 1.5 - 0 |
| Logic biện chứng | - Chỉ ra được đầy đủ mối liên hệ, bản chất, sự tác động qua lại của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày và phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được những vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ ra được mối liên hệ, bản chất, sự tác động qua lại của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 đến 2 vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ ra được mối liên hệ nhưng chưa rút ra được bản chất của vấn đề/ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 vấn đề/ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Không chỉ ra được mối liên hệ, bản chất của các vấn đề/nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Trình bày nhưng chưa phân tích được sự chuyển biến/phát triển trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Đề xuất được 1 vấn đề hoặc không đề xuất được vấn đề/ ví dụ mang tính thực tiễn liên quan tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

Bảng 4. Rubric đánh giá niềm tin chính trị và phẩm chất đạo đức trong học tập

tư tưởng Hồ Chí Minh

(GV đánh giá: CLO2.2)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ (theo thang điểm) | | | |
|  | 5.0 – 4.0 | 3.0 | 2.0 | 1.0 |
| Niềm tin chính trị  (5 điểm) | - Thể hiện sự tin tưởng, tự hào vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm tích cực (bằng lời nói và hành động) trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Thể hiện sự tin tưởng, tự hào vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và  sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN nhưng tỏ ra chưa chắc chắn.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm tích cực (bằng lời nói hoặc hành động) trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Chỉ thể hiện sự tin tưởng vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Chưa thực sự tin tưởng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Thể hiện được tư tưởng và tình cảm trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng chưa thực sự tích cực. | - Chỉ thể hiện sự tin tưởng vào nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng có nhiều vấn đề vẫn còn mơ hồ.  - Chưa thực sự tin tưởng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản VN.  - Chưa thể hiện được tư tưởng và tình cảm đúng đắn trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh (còn thờ ơ, hoặc xem nhẹ việc học tập.... ). |
| Phẩm chất đạo đức  (5 điểm) | Thể hiện được các phẩm chất đạo đức đã học trong học phần bằng lời nói và hành động (có ví dụ minh chứng liên hệ bản thân):  - Thể hiện đạo đức trung với nước, hiếu với dân phù hợp trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức lòng yêu thương con người trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức tinh thần quốc tế trong sáng trong học tập, cuộc sống. | Thể hiện được các phẩm chất đạo đức đã học trong học phần bằng lời nói (trình bày, phân tích nhưng chưa lấy ví dụ liên hệ bản thân):  - Thể hiện đạo đức trung với nước, hiếu với dân phù hợp trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức lòng yêu thương con người trong học tập, cuộc sống.  - Thể hiện đạo đức tinh thần quốc tế trong sáng trong học tập, cuộc sống. | Chỉ mới thể hiện được một phần trong các phẩm chất đạo đức; hoặc thể hiện chưa đầy đủ bằng cả lời nói và hành động. | Chỉ mới biết (trình bày/ nhắc lại) chứ chưa thể hiện được các phẩm chất đạo đức; hoặc thể hiện chưa đầy đủ bằng cả lời nói và hành động. |
| TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………) | | | | |

6. Giáo trình và tài liệu tham khảo

6.1. Giáo trình:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hồ Chí Minh, Toàn tập (15 tập) NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội - 2011 (Hồ Chí Minh toàn tập, đĩa CDROM 15 tập, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2015).

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Văn Đồng, “Hồ Chí Minh – Tinh hoa và khí phách của dân tộc”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

[2]. Hoàng Chí Bảo, “Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011.

[3]. Trang web: <http://hochiminh.vn>

7. Kế hoạch dạy học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần  số tiết  (1) | Nội dung  (2) | Hình thức tổ chức DH  (3) | Yêu cầu SV chuẩn bị  (4) | CĐR học phần  (5) | Bài đánh giá  (6) |
| Tuần 1  (2 tiết) | Tín chỉ 1  Chương 1.  Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình/đàm thoại  - Hướng dẫn tự học | - Học elearning bài giảng chương 1 (mức 1 và 2)  - Đọc tài liệu [6.1], trang 11-31.  - Thực hiện yêu cầu tự học GV phân công.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 1 | IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận  2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, cũng cố niềm tin khoa học gắn liền với trao dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước  3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình tài liệu [6.1], trang 28-31.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học nội dung đó | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 2  (2 tiết) | Chương 2.  Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 2 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 3  (2 tiết) | Chương 2. (tiếp theo)  Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 2 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 2 | III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Đối với cách mạng Việt Nam  a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta  b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam  2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại  a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội  b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung | - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 65-71.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học bằng nhiều hình thức khác nhau. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 4  (2 tiết)  Thảo luận | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm cặp đôi 2 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - SV có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 5  (2 tiết) | Chương 3.  Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 3 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 3 | IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CNXH TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  Phát huy sức mạnh dân chủ XHCN  2. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  3. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và «tự diễn biến», «tự chuyển hóa» trong nội bộ | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 118-122  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 6  (2 tiết) | Chương 3. (tiếp theo)  Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp đàm thoại/ vấn đáp.  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Học elearning bài giảng chương 3 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 7  (2 tiết)  Thảo luận | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 4-6 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả.  - Có thể tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 8  (2 tiết) | Chương 4.  Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp động não/kích thích sự tò mò của SV về vấn đề nội dung chương 4. Đàm thoại/ chất vấn  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được nội dung TTHCM về XD ĐCSVN trong sạch, vững mạnh. | - Học elearning bài giảng chương 4 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 4 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC  1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh  2. Xây dựng Nhà nước | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 164-168.  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 9  (2 tiết) | Chương 4. (tiếp theo)  Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Cho phép SV đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung TTHCM về Nhà nước....  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 4 (mức 1 và 2)  - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 10  (2 tiết)  Thảo luận | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 11  (2 tiết) | Chương 5.  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ nội dung TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc | - Học elearning bài giảng chương 5 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình [6.1], trang 168-204 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 5 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Quán triệt TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng  2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng  3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình [6.1] trang 198-204  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 12  (2 tiết)  Thảo luận | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm cặp đôi SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Tuần 13  (2 tiết) | Chương 6.  Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ TTHCM về văn hóa, đạo đức. | - Học elearning bài giảng chương 6 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265  trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 14  (2 tiết) | Chương 6. (Tiếp theo)  Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. | - Giảng dạy mức 2, 3 và 4  - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Học elearning bài giảng chương 6 (mức 1 và 2)  - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 6 | IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người  2. Về xây dựng đạo đức cách mạng | Tự học  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 248-265.  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 15  (2 tiết)  Thảo luận | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3-4 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| Lưu ý: Theo quy định học phần: 30 tiết (20 lý thuyết +10 thảo luận); mỗi tuần 2 tiết thì học phần sẽ được tổ chức giảng dạy, học tập trong 15 tuần. Đồng thời thực hiện theo hình thức dạy học kết hợp bài giảng elearning nên chỉ thực hiện 70% học trực tiếp và 30% SV học qua bài giảng elearning. | | | | | |

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phần tự học

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học; có đề xuất/ sáng kiến về cách học tập tốt.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3. Làm bài thảo luận học phần

- Tham gia 80%-100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm.

- Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

8.4. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh.

- Địa chỉ/email: số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hiệu trưởng | Hiệu trưởng Trường Sư phạm | Trưởng khoa |
|  | PGS TS Lưu Tiến Hưng | PGS.TS Nguyễn Thái Sơn |

**Học phần TIẾNG ANH 1**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1**

Họ tên: **Vũ Thị Hà**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính – Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Đội Cung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0915099229 Email: vuhadhv2020@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu thành ngữ tiếng Anh – tiếng Việt

**Giảng viên 2**

Họ và tên: **Lê Thị Tuyết Hanh**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0898606686 Email: [hanhfran@gmail.com](mailto:hanhfran@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: **Lê Thái Bình**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Lê Lợi – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0902225505 Email: [libisino@gmail.com](mailto:libisino@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Ứng dụng Công nghệ thông tin vào việc dạy ngoại ngữ

**Giảng viên 4**

Họ và tên: **Trần Thị Vân Anh**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quán Bàu – Thành phố Vinh

Điện thoại: 090187097 Email: [manhcuongthuyhang@gmail.com](mailto:manhcuongthuyhang@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Cú pháp học

**Giảng viên 5**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Lành**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Bình – Thành phố Vinh

Điện thoại:  0936531777 Email: [lanh100978@yahoo.com](mailto:lanh100978@yahoo.com)

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 1  (tiếng Anh): English 1 | |
| - Mã số học phần: E0001 | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ⟏ Kiến thức cơ bản  □ Kiến thức chuyên ngành  □ **Học phần chuyên về kỹ năng chung** | □ Kiến thức cơ sở ngành  □ Kiến thức khác  □ Học phần đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: | 03 |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 |
| * Số tiết thực hành: | 05 |
| * Số tiết hoạt động nhóm: | 10 |
| + Số tiết tự học: | 90 |
| - Học phần tiên quyết: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2.** **Mô tả học phần**

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx)**  **(1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| **G1** | Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản |  | 2.0 |
| **G2** | Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản |  | 3.0 |
| **G3** | Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề chủ đề quen thuộc |  | 3.0 |
| **G4** | Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc |  | 3.0 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx.x) (1)** | | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)** |
| **G1** | **G1.1** | Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | I, T |
| **G1.2** | Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày | I, T |
| **G1.3** | Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ | T, U |
| **G1.4** | Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **G1.5** | Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **G2** | **G2.1** | Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | I, T |
| **G2.2** | Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | T, U |
| **G2.3** | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam. | U |
| **G2.4** | Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đềquen thuộc trong cuộc sống hàng ngày | T, U |
| **G2.5** | Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu | I |
| **G3** | **G3.1** | Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên | I, T |
| **G3.2** | Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm | T, U |
| **G3.3** | Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn | U |
| **G3.4** | Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày | T, U |
| **G4** | **G4.1** | Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp | I, T |
| **G4.2** | Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp | T, U |
| **G4.3** | Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc | U |
| **G4.4** | Nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp về các chủ đề thông qua những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa | U |

**5. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **(1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR học phần (Gx.x) (3)** | **Tỷ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **50%** |
| ***A1.1. Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập)*** | | | **10%** |
| Chuyên cần | A1.1.1. Tham gia tích cực giờ học trên lớp | G2.5 | 5% |
| Thái độ học tập | A1.1.2. Hoàn thành ít nhất 50% các bài tập trực tuyến phần tự học | G2.5 | 5% |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,…)*** | | | **20%** |
| Kiểm tra kỹ năng nghe hiểu | A1.2.1. Hoàn thành các bài tập nghe được giao trên hệ thống online (1) | G1.5 | 5% |
| Nhiệm vụ nhóm + kĩ năng thuyết trình | A1.2.2. Bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm  (Thuyết trình về một chủ đề đã học trên lớp hoặc qua video) | G1.2, G1.3, G1.5, G2.3, G2.4, G2.5  G3.1-G3.4,  G4.1- G4.4 | 10% |
| Kiểm tra kỹ năng viết luận | A1.2.3. Viết một lá thư điện tử giao dịch khoảng 50 từ về một chủ đề đã học (online) (2) | G1.3,G2.3,  G2.4, G2.5  G4.1- G4.4 | 5% |
| ***A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)*** | | | **20%** |
|  | A1.3.1. Kiểm tra trắc nghiệm khách quan | G1.1- G1.5, G2.1- G2.3, | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)** | | | **50%** |
| ***HP*** Lý thuyết | A2.1.Thi trắc nghiệm khách quan | G1.1- G1.5, G2.1- G2.3. | 50% |

1. *Bài listening 1của mỗi unit phần online assignment*
2. *Bài writing 2 của unit 3 phần online assignment*

**6. Kế hoạch giảng dạy**

*Phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: bảng, phấn, máy chiếu, máy tính, loa, phần mềm LIFE online

*Cách thức kiểm tra đánh giá kết quả tự học*: Thông qua các bài tập trên phần mềm Self-study và assignments. Ngoài ra GV có thể kiểm tra bài tập về nhà, các bài kiểm tra tại lớp, nhiệm vụ nhóm.

| **Tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Gợi ý hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Hoạt động của SV**  **(4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | G2.5  G3.1 | A1.1.1 |
| **2. Unit 1**  **2.1. 1a: How well do you sleep**  2.1.1. Reading and speaking  2.1.2. Grammar: Present simple and Adverbs of frequency  2.1.3. Pronunciation: /s/, /z/, or /iz/  3.1.4. Practice | Individual work  Pair work  Question and aswer | - working with a partner to ask and answer the quiz  - Listening to the quiz and checking with the teacher.  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.3  G2.5  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 2 | **2.2. 1b: The secret of long life**  2.2.1. Reading: the secret of long life  2.2.2. Vocabulary: do, play, go  2.2.3. Grammar: Present simple and present continuous  2.2.4. Practice  **2.3. 1c: Health and Happiness**  2.3.1. Reading: measuring Health and Happiness  2.3.2. Word focus: Feel  2.3.3. Critical thinking: the main argument | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Reading about the secret of long life/ health and happiness and answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of verb tenses: present simple and present continuos  - Developing critical thinking skill through reading tasks | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.3  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 3 | **2.4. 1d: At the doctor’s**  2.4.1. Vocabulary: medical problems  2.4.2. Pronunciation and spelling  2.4.3. Real life: Talking about illness  **2.5. 1e: medical advice online**  2.5.1. Writing: Online advice  2.5.2. Writing skill: conjunctions (and. Or, but, so)  2.5.3. Speaking: giving advice  **2.6. 1f: Slow food (optional)**  **2.7. Review** | Lecturing  Individual work  Online writing  Role play | -Getting to know and finding out the meaning of medical vocabulary  - Practising Pronunciation -with each others  - Listening to 2 conversations at a pharmacy and at a doctor’s  - Playing the role of doctor and patient to talk about medical problems and give advice  - writing about medical problems by using conjunctions  - writing online advice and post it into class gmail  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G4.1  G4.2  G4.3  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| 4 | **3. Unit 2: Competitions**  **3.1. 2a: Competitive sports**  3.1.1. Grammar: Verb\_ing forms/ like\_ing/ would like to  3.1.2. Pronunciation:  3.1.3. Vocabulary and listening: talking about sports  3.1.4. Speaking: ambitions for the future  3.1.5. Practice | Lecturing  Discussion/ group work  Individual work | - Identifying the difference in use between Verb-ing form and would like to by practising doing grammar exercises  - Practising pronunciation  - working with groups and tak about sports/ favorite sports  - Practising listening  - Talking about ambitions | G1.1  G1.2  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.3 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 5 | **3.2. 2c: Crazy competitions**  3.2.1. Grammar: Modal verbs  3.2.2. Vocabulary: competitions  3.2.3. Speaking: describing a competition  **3.3. 2c: Bolivian wrestlers**  3.3.1. Reading: Bolivian wrestlers  3.3.2. Word focus: like | Lecturing  Group work  Presentation | Think – pair - share  - Finding the meaning and use of competition vocabulary  - working in group to describe a competition  - Presenting in front of the class  - Reading the article “Bolivian wrestlers” and answering given questions  - differentiating the use of the verb “like”  - developing critical thinking through reading questions | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.3 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 6 | **3.3. 2d: Joining a club**  3.3.1. Speaking: joining a club  3.3.2. Real life: talking about interests  3.3.3. Pronunciation: silent letters  **3.4. 2e: Advertising for members**  3.4.1. Writing: an advert or notice  3.4.2. Writing skill: checking your writing  **3.5. 2f: Cheese rolling (optional)**  **3.6. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - talking with friends about experience of joining a club.  - Talking one’s interests  - Practice pronunciation  - writing an advert or notice and peer checking  - Doing grammar and vocabulary exercises  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G4.3 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| **Kiểm tra giữa kì** | | | | G1.1- G1.5, G2.1- G2.3, | A1.3.1 |
| 7 | **4. Unit 3: Transport**  **4.1. 3a: Transport in the future**  4.1.1. Reading: Transport in the future  4.1.2. Vocabulary: Transport 1: nouns  4.1.3. Grammar: comparartive and superlative  4.1.4. Practice  4.1.5. Listening  4.1.6. Pronunciation: than  4.1.7. Speaking and writing: questionnaire | Lecturing  Individual work  Pair work | - Read about transport in the future  - Finding out the differences between words relating to transport  - Doing grammar exercies  - Asking and answering the questionnaire, then writing down information from questionnaire | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.5  G4.1  G4.2  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 8 | **4.2. 3b: Animal Transport (Optional)**  4.2.1. Grammar: As..as  4.2.2. Listening  4.2.3. Reading: the best way to travel  **4.3. 3c: Last days of the ricksaw**  4.3.1. Reading: Last days of the ricksaw  4.3.2. Vocabulary: Transport 2: verbs  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work  Group work | - Doing grammar exercises with “as…as”  - Reading the best way to travel/ last days of ricksaw  - Indentifying the differences between verbs relating to transports  - Developing crtitical thinking thorugh reading tasks | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.3  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 9 | **4.4. 3d: Getting arounf the town**  4.4.1. Vocabulary and listening: taking transport  4.4.2. Pronunciation: Intonation  **4.5. 3e: Quick communication**  4.5.1. Writing: Notes and messages  4.5.2. Writing skill: writing in note form  **4.6. 3f: Indian Railways (optional)**  **4.7. Review** | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Identifying the appropriate expressions/ sentences to use when taking a transport  - Recognizing the rules of writing a note/ message  - Writing a note/ message to a friend in a given situation  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.4  G4.2  G4.3 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.2.3. |
| 10 | **5. Unit 4: Adventure**  **5.1. 4a: Aventure of the year**  5.1.1. Grammar: Past Simple  5.1.2. Practice  5.1.3. Pronunciation: /d/, /t/ or /id/  5.1.4. Speaking: asking about partners’ pasts  **5.2. 4b: The survivors**  5.2.1. Grammar: Past Continous  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Pair work | - Recognizing the form, use and meaning of verbs used in past simple and past continous.  - Doing grammar exercices relating to past simple and past continuous to identify the differences between the uses of these tenses.  - Practising Pronunciation  - Working with group members and talking about the past | G1.1  G1.2  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 11 | 5.2.3. Vocabulary and speaking:  Personal qualities  5.2.4. Speaking: Past events  **5.3. 4c: The right decision**  5.3.1. Reading: The right decision  5.3.2. Vocabulary: Geographical features/ on, in, at for time expressions  5.3.3. Critical thinking: identifying opinion | Lecturing  Individual work  Games  Group work | - Identifying the form, meaning and use of vovabulary about personalities  - Participating in guessing games (a classmate will describe any one in the class and all the other students try to find out who is that person)  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying opinion, through the reading task  - Recognizing the use of preposition and practising with exercises. | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| 12 | * 1. **4d**: **A happy ending**      1. Listening: Real life      2. Pronunciation: Intonation for responding      3. Speaking: Telling a story   2. **4e: A story of survival**      1. Writing: a true story      2. Writing skill: using –ly adverbs in stories   3. **4f: Alaskan ice climbing (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Identifying the information of camping trip through listening * Working in groups and making a story by sequencing the story. * Working in pair and practising conversations by using expressions to react to good news and bad news * Writing their own stories by using adverb\_ly * Presenting the stories in front of the class | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G.4.3  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| **Hết tín chỉ 2** | | | | |  |
| 13 | 1. U**nit 5: The environment**   6.1. 5a: Recycling  6.1.1. Vocabulary: household items  6.1.2. Listening  6.1.3. Grammar: Quantifiers  6.1.4. Practice  6.1.5. Reading: E-rubbish  **6.2. 5b: The Greendex**  6.2.1. Grammar: definite articles (the) or no article  6.2.2. Practice | Lecturing  Pair work  Individual work | - Recognizing the form, meaning and use of vocabulary about household items and recycling objects  - Identifying the differences between countable nouns and uncountable nouns through exercises  - Working with friends and doing grammar exercise to practice using appropriate quantifiers  - Using appropriate articles in sentences thanks to the ability of recognizing the differences in use and meaning. | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5 | A1.1.1  A1.1.2 |
| Presentation | Groupwork | Presentation in groups | G1.2 G1.3 G1.5 G2.3 G2.4 G2.5  G3.2-G3.4,  G4.1- G4.4 | A1.2.2 |
| 14 | 6.2.3. Vocabulary: results and figures  6.2.4. Pronunciation: /ðə/ or /ði:/  **6.3. 5c: A boat made of bottles**  6.3.1. Reading: A boat made of bottles  6.3.2. Critical thinking: close reading  6.3.3. Word focus: take   * 1. **5d: Online shopping**   6.4.1. Real life: Phoning about an order  6.4.2. Pronunciation: Sounding friendly | Individual work  Role play  Group work | - Practising Pronunciation and recognizing the difference between two sounds  - Reading the text “a boat made of bottles” individually and answer the related questions  - developing the critical thinking through answering reading questions  - Doing exercises to identifying the use of the verb “take”  - Role playing to practice a phone call and trying to sound friendly | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.3  G3.2  G3.3  G3.4  G4.1  G4.2  G4.3  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1 |
| 15 | * 1. **5e: Problem with an order**      1. Writing: emails      2. Writing skill: formal language   2. **5f: Coastal clean-up**      1. Watching the video      2. Speaking: Role-play   3. **Review** | Individual work  Role play  Group work | - Identifying the differences between formal and informal langangue used in an email through doing exercises  - writing an intereactive email in an given situation  - watching the video about the coastal clean-up  - Roleplay a conversation about the environment | G1.3  G1.5  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G3.4  G4.4 | A1.1.1  A1.1.2 |
| **Hết tín chỉ 3 – Thi cuối kì** | | | | G1.1- G1.5, G2.1- G2.3 | A2.1 |

**Đề cương chi tiết học phần TIẾNG ANH 2**

**1. Thông tin tổng quát:**

*1.1. Thông tin về giảng viên*

**Giảng viên 1**

Họ và tên: Lê Thị Tuyết Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: TS.GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: Email: lehanh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Trần Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0904392924 Email: [thaottp@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Hoàng Thị Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Dũng – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0985 98 9116 Email: chunght@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Phạm Thị Lương Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0983 717782 Email: giangptl@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 5**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thắm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0976605079 Email: thamnth@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

*1.2. Thông tin về học phần:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 2  (tiếng Anh): English 2 | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  v  Kiến thức cơ bản | |  |
| - Số tín chỉ: | 04 | |
| + Số tiết lý thuyết: | 45 | |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 | |
| + Số tiết thực hành: |  | |
| + Số tiết hoạt động nhóm: |  | |
| + Số tiết tự học: | 120 | |
| - Học phần tiên quyết: | Tiếng Anh 1 | |
| - Học phần song hành: |  | |

**2. Mô tả học phần**

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **TĐNL** |
| **G1** | Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp. | 3.2.8 | 3.0 |
| **G2** | Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3. | 3.2.8 | 3.0 |
| **G3** | Thực hiện tương tác nhóm, học tập nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình hiệu quả nhiệm vụ học tập hoạt động nhóm. | 3.1 | 3.0 |
| **G4** | Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh | 3.2.8 | 3.0 |

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx.x) (1)** | | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)** |
| **G1** | **G1.1** | Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: *verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiên; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.* | I, T |
| **G1.2** | Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | I, T |
| **G1.3** | Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới. | T, U |
| **G1.4** | Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | T, U |
| **G1.5** | Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.* | T, U |
| **G1.6** | Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề *(du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu)* | T, U |
| **G2** | **G2.1** | Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh. | I, T |
| **G2.2** | Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh. | T, U |
| **G2.3** | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh | T, U |
| **G2.4** | Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp | T, U |
| **G2.5** | Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu | T, U |
| **G3** | **G3.1** | Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh, điểm yếu của nhóm và từng thành viên. | I, T |
| **G3.2** | Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình và thực hiện một đề án, trao quyền cho những người trong nhóm. | T, U |
| **G3.3** | Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn, làm việc giữa các thành viên. | U |
| **G3.4** | Có khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ phù hợp, trả lời câu hỏi một cách có hiệu quả. | T, U |
| **G4** | **G4.1** | Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp | I, T |
| **G4.2** | Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp | T, U |
| **G4.3** | Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc | U |
| **G4.4** | Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh | U |

**5. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR học phần (Gx.x) (3)** | **Tỷ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **50%** |
| ***A1.1. Ý thức học tập*** | | | ***10%*** |
| Chuyên cần | Tham gia giờ học trên lớp tối thiểu 80% | G2.5 | **5%** |
| Thái độ học tập | Tham gia tích cực các hoạt động học tập trong và ngoài lớp do GV yêu cầu (bao gồm hoàn thành ít nhất 50% bài tập self-study online) | G2.5 | **5%** |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần*** | | | ***20%*** |
|  | A1.2.1. Xây dựng cơ sở học liệu: hoàn thành các bài tập nghe, ngữ pháp và từ vựng sau mỗi unit online | G1.1; G1.2, G1.3, G1.4 | **5%** |
| A1.2.2. Bài thu hoạch hoạt động nhóm: trình bày về một trong các chủ đề trong chương trình học (qua video or trực tiếp trên lớp) | G3.1; G3.2; G3.3. G3.4 | **10%** |
| A1.2.3. Bài kiểm tra viết: viết bài luận 100 từ về một trong các chủ đề đã học | G2.3; G4.1; G4.2; G4.3; G4.4 | **5%** |
|  |  |  |
| ***A1.3. Đánh giá định kỳ (điểm kiểm tra định kỳ)*** | | | ***20%*** |
|  | A1.3.1. Kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến bài số 1 | G1.1, G1.2, G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3 | **10%** |
| A1.3.2. Kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến bài số 2 | G1.1, G1.2, G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3 | **10%** |
| ***A2. Đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần)*** | | | **50%** |
| *HP Lý thuyết* | A2.1 Thi trắc nghiệm trực tuyến  Thời gian thi: Sau khi kết thúc học phần, thời gian cụ thể do Trung tâm ĐBCL sắp xếp. | G1.1, G1.2, G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3 | **50%** |

**6. Kế hoạch giảng dạy**

| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | | **Hoạt động của SV** | | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | | G2.5  G3.1 | |  |
| **2. Unit 6**  **2.1. 6a: Changing your life**  2.1.1. Vocabulary: stages in Life  2.1.2. Grammar: verb pattern + to infinitif  2.1.3. Pronunciation: /tə/  3.1.4. Practice | Individual work  Pair work | - Working individually to complete the vocabulary task in the coursebook  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | | G1.1  G1.2  G1.5  G2.1  G2.3  G3.1  G3.2  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 2 | **2.2. 6b. World party**  2.2.1. Reading: World party  2.2.2. Vocabulary: celebrations  2.2.3. Grammar: Future forms  2.2.4. Listening: Mardi Gras  2.2.5. Speaking: plan and prepare a celebration  **2.3. 6c: Masai rite of passage**  2.3.1. Reading: Masai rite of passage  2.3.2. Critical thinking: identifying key information  2.3.3. Word focus: Get | Lecturing  Individual work  Group work | - Reading World party answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of futire forms;  - Group work: speaking about celebrations.  - Reading “Masai rite of passage” and answering given questions.  - Developing critical thinking by identifying key information  - differentiate the use of “Get” | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.1  G4.1 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 3 | **2.4. 6d: An invitation**  2.4.1. Real life: inviting, accepting and declining  2.4.2. Pronunciation: emphasizing words  **2.5. 6e: A wedding in Madagascar**  2.5.1. Writing: a description  2.5.2. Writing skill: descriptive adjectives  **2.6. 6f: Steel drum (optional)**  **2.7. Review** | Individual work  Pair work  Online writing | - Listening to 2 conversations and identifying structures expressing the invitation/ acceptance and decline;  - Practice Pronunciation -with each others  - working in pair to practice the invitation conversation;  - Practising writing a description;  - Practising writing skill by using different adjectives;  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit. | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.3  G1.5  G1.6  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.1  G3.3  G4.2  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
|  | **3. Unit 7: Work**  **3.1. 7a: X-ray photographer**  3.1.1. Grammar: Prepositions of placement and movement  3.1.2. Pronunciation: Intrusive /*w*/  3.1.3. Listening: the photographer Nick Veasey  3.1.4. Vocabulary: office equipment  3.1.5. Practice | Lecturing  Group work  Individual work | - Identifying the difference in use between different preposition of placement and movement by practising doing grammar exercises;  - Practising pronunciation  - Working with friends to practice new words  - Practising listening | | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.2  G3.3  G4.2  G4.3 | |  |
| 4 | **3.2. 7b: The cost of new jobs**  3.2.1. Grammar: Present perfect simple  3.2.2. Listening: The changes in the region  3.2.3. Speaking: asking ans answering questions relating familiar topics  **3.3. 7c: Twenty-first century cowboys**  3.3.1.Vocabulary: Job sastifaction  3.3.2. Reading: Twenty-first century cowboys  3.3.3. Word focus: make or do  3.3.4. Critical thinking: the author’s opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | Think – pair - share  - Thinking the big change in life and share with friends  - Identifying the meaning and use of Present Perfect Simple and practice with exercises.  - Reading the article “Twenty-first century cowboys” and answering comprehension questions  - Differentiating the use of “make” and ‘do”  - Developing critical thinking through identifying the author’s opinion. | | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.5  G3.2  G4.1  G4.2  G4.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.1  A2.1 |
| 5 | **3.4. 7d: A job interview**  3.4.1. Vocabulary: Job adverts  3.4.2. Real life: Job interview  **3.5. 7e: Applying for a job**  3.5.1. Writing: a CV  3.5.2. Writing skill: action verbs for CVs  **3.6. 7f: Butler school (optional)**  **3.7. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - Recognizing and using appropriate words relating to jobs  - Practising a job interview after listening to a sample  - Writing a CV following the provided sample and using different actions verbs;  - Writing a complete CV of one’s own and post on google doc. | | G1.1  G1.2  G1.5  G1.6  G2.3  G2.5  G3.3  G4.3 | |  |
| **Kiểm tra giữa kì lần 1** | | | | | | | A1.3.1 |
| 6 | **4. Unit 8: Technology**  **4.1. 7a: Invention for the eyes**  4.1.1. Listening: science programme about the glasses  4.1.2. Grammar: defining relative clauses  4.1.3. Practice  4.1.4. Speaking: talking about an imaginary robot | Lecturing  Individual work  Group work | - Listening about a science programme about the glasses and identifying the main and then detail information from the listening;  - Finding out the meaning and use of relative clauses by doing grammar exercise;  - Group working and discussing about an imaginary robot. | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G2.3  G2.5  G3.2 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
|  | **4.2. 8b: Technology for explorers**  4.2.1. Vocabulary: The Internet  4.2.2. Grammar: Zero and first conditional  4.2.3. Reading: NGM BlogWild  4.2.4. Pronunciation: intonation in conditional sentences  **4.3. 8c: Design from Nature**  4.3.1. Reading: Design from Nature  4.3.2. Word focus: have  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work | - Doing vocabulary exercises relating to the Internet;  - Doing grammar exercises with zero and first conditional  - Practising pronunciation  - Indentifying key information from the reading “Design from Nature”;  - Developing crtitical thinking through reading tasks. | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G2.1  G2.2  G3.2 | |  |
| 7 | **4.4. 8d: Gadgets**  4.4.1. Vocabulary: Technology verbs  4.4.2. Real life: asking how something works  **4.5. 8e: An argument for technology**  4.5.1. Writing a paragraph  4.5.2. Writing skill: connecting words  **4.6. 8f: Wind power (optional)**  **4.7. Review** | Individual work  Pair work | - Identifying the appropriate verbs and nouns about technology;  - Practising asking and explaining how something works  - Recognizing the format of writing a paragraph , using connecting words in a paragraph  - Writing a paragraph about technology  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.5  G1.6  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G2.5  G3.3  G4.2 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2 |
| 8 | **5. Unit 9: Language and learning**  **5.1. 9a: Ways of learning**  5.1.1. Vocabulary: Education  5.1.2. Pronunciation: stress in two-syllabe words  5.1.3. Grammar: Present simple passive/ by + agent  5.1.4. Speaking: discuss given topics  **5.2. 9b: The history of writing**  5.2.1. Grammar: Past Simple passive  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Group work | - Differentiating the use of education vocabulary;  - Practising pronunciation of two-syllabe words;  - Doing grammar exercices relating to present and past simple passive;  - Working with group members and talking about the given topics in Ex 10 (p.107) | | G1.1  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4  G3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
| 9 | **5.3. 9c: Saving languages**  5.3.1. Reading: Saving languages  5.3.2. Vocabulary: Phrasal verbs  5.3.3. Critical thinking: fact or opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | - Identifying the form, meaning and use of phrasal verbs in the reading;  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying fact or opinion. | | G1.1  G1.4  G2.2  G2.5  G3.1  G3.3  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.1  A1.3.2  A2.1 |
|  | * 1. **9d**: **Enrolling on a course**      1. Reading and speaking      2. Real life: describing a process   2. **9e: Providing information**      1. Writing: filling in a form      2. Writingskill: providing the correct information.   3. **9f: Disappearing voices (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Working in groups and discussing the evening classes; * Working in pair and practising conversations by using expressions to describe a process; * Learn how to fill in a form | | G1.2  G1.3  G2.3  G2.4  G2.5  G3.1  G3.4  G.4.3  G4.4 | |  |
| **Kiểm tra giữa kì lần 2** | | | | | | |  |
| 10 | 1. U**nit 10: Travel and Holiday**   **6.1. 10a: Holiday stories**  6.1.1. Reading: Holiday stories  6.1.2. Grammar: Past perfect simple/ subject-object questions.  6.1.3. Practice  6.1.4. Speaking: ask questions about one’s holiday  **6.2. 10b: Adventure holidays**  6.2.1. Grammar: ed/ing adjectives  6.2.2. Vocabulary: Holiday adjectives  6.2.3. Listening: Radio interview about holiday | Lecturing  Pair work  Individual work | - Discovering cultural differences through reading text “Holiday stories”;  - Recognizing the form, meaning and use of Past perfect simple/ subject-object questions by doing grammar exercises;  - Working with friends, taking turns to ask questions about each other’s holiday or journey;  - Recognizing the differences in use and meaning of ed/ing adjectives;  - using appropriate adjectives to describe a holiday. | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 11 | **6.3. 10c: A tour under Paris**  6.3.1. Reading: A tour under Paris  6.3.2. Critical thinking: reading between the lines  6.3.3. Vocabulary: places in a city   * 1. **10d: At tourist information**   6.4.1. Real life: direct and indirect questions  6.4.2. Pronunciation: /ʤə/  **6.5. 10e: Requesting information**  6.5.1. Writing: a formal letter  6.5.2. Writing skill: formal expressions  **6.6. 10f: Living in Venice (optional)**  **6.7. Review** | Individual work  Role play  Group work | - Reading the text individually and answer the related questions  - Developing the critical thinking through answering reading questions  - Role playing to practice asking direct and indirect questions  -Practising writing a formal letter and post it on google doc | | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G3.3  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 12 | 1. **Unit 11: History**    1. **11a. An ancient civilisation**       1. Vocabulary: archeology       2. Listening: an interview with an archeologist       3. Grammar: Used to       4. Pronunciation: /s/ or /z/    2. **11b: Modern History**       1. Reading: Moments in space history       2. Grammar: Reported speech       3. Vocabulary: Say or Tell | Individual work  Role play  Group work | * Reading about the structure *used to* and make two sentences with this structure. * Thinking of some important historical events about some of these topics: world politics, famous individuals, space exploration, culture and the arts, countries and cities, technology.   - Recognizing the form and use of Reported speech by doing grammar exercises; | | G1.2  G1.3  G1.4  G2.3  G2.4  G2.5  G3.1  G3.3  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 13 | * 1. **11c: The life of Jane Goodall**      1. Reading: The life of Jane Goodall      2. Critical thinking: relevance      3. Word focus: set   2. **11d: A journey to Machu Picchu**      1. Real life: giving a short presentation      2. Pronunciation: pausing   3. **11e: The greatest mountaineer**      1. Writing: a biography      2. Writing skill: punctuation in direct speech   4. **11f: The lost city of Machu Picchu (optional)**   5. **Review** | Individual work  Pair work | * Reading the text and answering the comprehension questions * Developing critical thinking through reading questions * Identifying the use and meaning of the verb “set” * Practising presenting a short talk * Practising writing a biography and using puncatuation in direct speech appropriatly | | G1.1  G1.5  G1.6  G2.2  G2.5  G3.1  G3.3  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 14 | 1. **Unit 12: Nature**    1. **12a: Nature in one cubic foot**       1. Listening: a documentary about David Liittschwager       2. Grammar: infinite determiners: any/ some/ every…    2. **12b: The power of nature**       1. Vocabulary and reading: extreme weather       2. Grammar: second conditional       3. Pronunciation: would/ ‘d       4. Speaking    3. **12c: Changing Greenland**       1. Reading: Changing Greenland       2. Critical thinking: close reading       3. Vocabulary: society and economics       4. Grammar: Will/ might       5. Speaking: Changing your country | Individual work  Pair work  Group work | * Identifying the key information from the listening * Recognizing the use and meaning of different infinite determiners * Reading the text “extreme weather’ and equipe themselves with new words; * Recognizing the use and meaning of conditional sentences by doing related exercises. * Developing critical thinking by answering reading questions * Working in group to discussion solution to change one’s country or regions. | | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G1.5  G2.1  G2.2  G3.3 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| 15 | * 1. **12d: Saying the zoo**      1. Speaking and reading: talk about the zoo      2. Real life: finding a solution   2. **12e: Good news**      1. Writing: a press release      2. Writing skill: using bullet points   3. **12f: Cambodia animal rescue**   4. **Review** | - Group work  - Individual work  - Pair work | * Group working and discussing the solution for the zoo; * Writing a press release of nay topic and post it on google doc; * Watching video relating to animal rescue and discussing the solution to protect animals * Revising all related items learnt thoughout the unit. | | G1.1  G1.2  G1.4  G1.5  G1.6  G2.1  G2.2  G3.3  G4.4 | | A1.1.1  A1.1.2  A1.2.2  A2.1 |
| **Thi cuối kì** | | | | | | | A2.1 |

**7. Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.

**8. Quy định của học phần**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các giờ Lý thuyết, bài tập trên lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài; đồng thời nghiêm túc, tự giác trong việc tự học và làm bài tập ở nhà.

- Thực hiện đúng các quy định về đánh giá chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần, kiểm tra giữa kỳ cũng như thi hết học phần.

**9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa SP Ngoại ngữ/Bộ môn: Ngoại ngữ chuyên ngành

- Địa chỉ/email: Trưởng bộ môn: TS.GVC Lê Thị Tuyết Hanh

Tel: 0898606686

Email: lehanh@vinhuni.edu.vn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trần Văn Thông***

Học hàm, học vị: Thượng tá, ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 640 989, tvthongdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Đường lối QP&AN của Đảng CSVN

***Giảng viên 2: Nguyễn Đình Lưu***

Học hàm, học vị: Thượng tá, ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0986608954, dinhuongluu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối quân sự

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): NHẬP MÔN NGÀNH SƯ PHẠM  (tiếng Anh): Introduction to Pedagogy | | |
| - Mã số học phần: PED20002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Quốc phòng – An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:  + Số tiết lý thuyết: 15  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ở trường phổ thông | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo Sư phạm Giáo dục Quốc phòng – An ninh. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Quốc phòng – An ninh; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Sư phạm Giáo dục Quốc phòng – An ninh***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.2.2 | 2.1.1 | 2.2.2 | 3.1.2 | 3.2.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | K2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | K2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | A2 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | C2 |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  | C2 |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  | C2 |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  | C2 |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C2 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Tỉ lệ điểm (%)** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K2 | Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông. | 10 | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K2 | Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn Giáo dục quốc phòng và an ninh; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 10 | Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | S2 | Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông | 5 | Phiếu đánh giá |
| CLO2.2 | A2 | Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông | 10 | Bảng kiểm  Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S2 | Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra | 10 | Phiếu đánh giá |
| CLO3.2 | S2 | Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần | 10 | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C2 | Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong hoạt động dạy học và giáo dục | 5 | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 | C2 | Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | 5 | Phiếu đánh giá |
| CLO4.3 | C2 | Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | 5 | Phiếu đánh giá |
| CLO4.4 | C2 | Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | 15 | Phiếu đánh giá |
| CLO4.5 | C2 | Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn. Giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp | 15 | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | Tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO2.2.2 |
| A1.2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO1.2.2 |
| A1.3 | - CLO2.1  - CLO4.1  - CLO4.2  - CLO4.3 | Sản phẩm kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO2.1.1  PLO4.1.2  PLO4.2.1  PLO4.2.2 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | CLO3.1 | Hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.1.2 |
| A2.2 | CLO3.2 | Giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.2.1 |
| A2.3 | - CLO4.4  - CLO4.5 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 30% | PLO4.2.3  PLO4.2.4 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2+A2.3\*3)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá tính kỉ luật, trách nhiệm (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1.1 | Khái niệm và tầm quan trọng của sư phạm | 4 | 2 | 2 | - |
| 1.1.2 | Đặc điểm của lao động sư phạm | 2 | 2 | - | - |
| 1.1.3 | Một số thuyết cơ bản về dạy học và GD | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.2.2 | Trường phổ thông | 2 | 1 | 1 | - |
| 1.3.2 | Chương trình GDPT tổng thể 2018 | 6 | 2 | 3 | 2 |
| 2.2.1 | Phẩm chất giáo viên | 4 | 2 | 2 | - |
| 2.2.2 | Năng lực của giáo viên | 8 | 2 | 4 | 2 |
| 2.3.1 | Xác định mục tiêu và phong cách sư phạm | 2 | 2 | - | - |
| 2.3.2 | Phương thức học tập chung | 2 | - | 2 | - |
| 2.3.3 | Phương thức học tập đặc thù ngành sư phạm | 4 | - | 2 | 2 |
| 3.1.2 | Mục tiêu, năng lực đặc thù và yccđ của môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | 10 | 2 | 4 | 4 |
| 3.3.1 | Mục tiêu và CĐR CTĐT sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 6 | 6 | - | - |
| 3.3.2 | Khung chương trình sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 2 | 2 | - | - |
| 3.3.3 | Vị trí, việc làm và cơ hội nghề nghiệp sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 2 | 2 | - | - |
| **Tổng** | | **60** | **27** | **21** | **12** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **45%** | **35%** | **20%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá lập kế hoạch trải nghiệm (A1.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Kế hoạch**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Kế hoạch**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung trải nghiệm; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài.  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 6. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 3)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 4)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 7. Thang đo đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm (Dành cho SV đánh giá) (A2.2a)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Điểm tối đa**  **(điểm)** | **Điểm nhóm chấm** |
| 1. Kĩ năng giao tiếp, tương tác SV với SV | **5.0** |  |
| *1.1. Biết lắng nghe và đưa ra lời phản hồi 1 cách phù hợp* | *1.0* |  |
| *1.2. Biết lắng nghe và biết thừa nhận ý kiến của người khác* | *1.0* |  |
| *1.3. Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng* | *1.0* |  |
| *1.4. Biết phản hồi và phúc đáp một cách lịch sự* | *1.0* |  |
| *1.5. Biết thuyết phục người khác và đáp lại sự thuyết phục* | *1.0* |  |
| 2. Kĩ năng tạo môi trường hợp tác | **2.0** |  |
| 3. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn | **2.0** |  |
| 4. Kĩ năng xây dựng niềm tin | **1.0** |  |
| **Tổng điểm** | **10.0** |  |

**Bảng 8. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình và slide trình chiếu (Dành cho GV đánh giá) (A2.2b)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian & hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

**Bảng 9. Cách tính điểm đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 6)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 7)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 10. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  | **8.0 – 7.0** | **6.0 - 5.0** | **4.0 – 3.0** | **2.0 - 0** |
| **Nội dung bản báo cáo**  *(8 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ …….……………………………………...………….)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Tăng Đức, Thái Thị Hồng Lam, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Huyền Trang, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Ngô Thị Như Thơ, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, 2021. *Bài giảng Nhập môn ngành Sư phạm (lưu hành nội bộ).* Trường Đại học Vinh

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.* Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp trung học phổ thông.Ban hành theo *Thông tư số: 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.* Ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. *Điều lệ trường tiểu học.* Ban hành theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. *Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.* Ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[7] Chính phủ, 2016. *Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.* Ban hành theo Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

[8] Chính phủ, 2016. *Khung trình độ quốc gia Việt Nam.* Ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

[9]. *Luật Giáo dục 2019.* Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội.

[10] Trường Đại học Vinh, 2021. *Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Sư phạm* GDQP-AN *theo CDIO.* Ban hành theo Quyết định số ……. Ngày .…. tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 45 tiết, trong đó có 15 tiết lí thuyết và 30 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1:*** Chương 1 và chương 2: 15 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 3 tuần.

***Tín chỉ 2, 3***: Chương 3 và trải nghiệm thực tế phổ thông (30 tiết); trong đó 9 tiết sẽ tổ chức trên lớp tìm hiểu về môn học, ngành học và hướng dẫn lập kế hoạch trải nghiệm (tuần 4, 5, 6); thực hiện trải nghiệm nghề (tuần 8, 9). Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Chương 1. Ngành sư phạm và hệ thống giáo dục Việt Nam**  1.1. Khái quát về sư phạm  1.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sư phạm  1.1.2. Đặc điểm của lao động sư phạm  1.1.3. Một số thuyết cơ bản về dạy học và giáo dục  1.1.4. Một số mô hình đào tạo sư phạm trên thế giới  1.1.5. Mô hình đào tạo sư phạm ở Việt Nam | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.1.4 và 1.1.5 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K2, A2 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.2 |
| **2** | 1.2. Hệ thống giáo dục Việt Nam và trường phổ thông  1.2.1. Khái quát về hệ thống giáo dục quốc dân  1.2.2. Trường phổ thông  1.3. Chương trình giáo dục phổ thông  1.3.1. Khái quát các cuộc cải cách và đổi mới giáo dục ở Việt Nam  1.3.2. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.2.1 và 1.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K2, A2 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.2 |
| **3** | **Chương 2. Vai trò và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông**  2.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền của giáo viên  2.1.1. Vai trò của giáo viên  2.1.2. Nhiệm vụ và quyền của giáo viên  2.2. Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông  2.2.1. Phẩm chất giáo viên  2.2.2. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.1.1 và 2.1.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K2, A2 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.2 |
| **4** | 2.3. Một số phương thức học tập ở bậc đại học  2.3.1. Xác định mục tiêu và phong cách sư phạm của bản thân  2.3.1. Phương thức học tập chung  2.3.2. Phương thức học tập đặc thù của ngành sư phạm |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chương 3. Tìm hiểu về ngành Sư phạm Giáo dục Quốc phòng – An ninh**  3.1. Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong GDPT 2018  3.1.1. Vị trí, đặc điểm của môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong giáo dục phổ thông  3.1.2. Mục tiêu, năng lực đặc thù và những yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục quốc phòng và an ninh 3.1.3. Phương pháp GD và đánh giá môn Địa lí  3.2. Yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 và 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K2, A2 | A1.1  A1.2 | CLO1.2  CLO2.2 |
| **6** | 3.3. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh  3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình  3.3.2. Khung Chương trình  3.3.3. Vị trí việc làm và cơ hội nghề nghiệp | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 và 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K2, A2 | A1.1  A1.2 | CLO1.2  CLO2.2 |
| **7** | 3.4. Quy trình và một số kỹ năng thực hiện Dự án học phần  3.4.1. Quy trình CDIO  3.4.2. Một số kĩ năng thực hiện dự án học phần  3.4.2.1 Kĩ năng lập kế hoạch  3.4.2.2. Kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp sư phạm  3.4.3.3. Kĩ năng viết báo cáo  3.4.3.4. Kĩ năng trình bày báo cáo | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | S2, A2 | A1.1 | CLO2.2 |
| **8** | Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  (nhóm từ 4 – 6 em) | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.1  CLO3.1 |
| **9** | Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  (nhóm từ 4 – 6 em) | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.1  CLO3.1 |
| **10** | Báo cáo kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | Nhận xét, đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch trải nghiệm (nếu có) | S2, C2 | A1.3 | CLO2.1  CLO4.1  CLO4.2CLO4.3 |
| **11** | - Tìm hiểu về trường phổ thông  - Tìm hiểu về tổ chuyên môn ở trường phổ thông | Trường phổ thông | Nghe báo cáo,  tìm hiểu nhà trường, tổ chuyên môn;  thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S2, A2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.2  CLO3.1  CLO4.4 |
| **12** | - Tìm hiểu hoạt động dạy và học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông  - Tìm hiểu hoạt động giáo dục (sinh hoạt lớp, hướng nghiệp, các hoạt động giáo dục khác) ở trường phổ thông | Trường phổ thông | Nghe báo cáo, dự giờ,  tìm hiểu nhà trường, hoạt động dạy học và giáo dục;  thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S2, A2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.2  CLO3.1  CLO4.4 |
| **13** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.2 |
| **14** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S2 | A2.1a  A2.2a | CLO2.2 |
| **15** | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S2, C2 | A2.1b  A2.2b  A2.3 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.4  CLO4.5 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slides/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực tế phổ thông***

- Tham gia 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông.

- Thể hiện phong cách sư phạm khi đến trường phổ thông.

- Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm tại trường phổ thông.

- Tuân thủ các quy định của trường phổ thông, của giáo viên và của nhóm.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM**

**Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

**1. Mục tiêu**

Sinh viên lập được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong hoạt động trải nghiệm.

2. **Yêu cầu về cấu trúc chung**

Một kế hoạch cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt

- Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm

- Thời gian, địa điểm trải nghiệm

- Phương thức thực hiện

- Kế hoạch trải nghiệm chi tiết

- Tổ chức thực hiện

**3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch**

***3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt***

Sinh viên xác định mục tiêu chung của hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để xây dựng kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông.

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Với mục tiêu *Tìm hiểu trường phổ thông*, SV có thể trình bày như sau:

*- Mục tiêu:* Tìm hiểu trường phổ thông

*- Yêu cầu cần đạt*

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Nêu được chức năng, nhiệm vụ của trường PT |
| 2 | Trình bày được cơ cấu tổ chức của trường |
| 3 | Nêu được quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện của trường phổ thông |
| … | … |

***3.2. Nội dung/ nhiệm vụ trải nghiệm***

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trải nghiệm ở trường phổ thông. Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1.** Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

Ví dụ: Từ yêu cầu cần đạt 1:*Nêu chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông*. Nội dung cần tìm hiểu là “Chức năng và nhiệm vụ của trường phổ thông”.

***3.3. Thời gian, địa điểm trải nghiệm***

Cần ghi rõ thời gian và trường phổ thông cụ thể sẽ trải nghiệm. Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý về mặt thời gian và địa điểm sẽ trải nghiệm như: Những ngày nghỉ lễ, khoảng cách, phương tiện, …

***3.4. Phương thức thực hiện***

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

Ví dụ: Với nội dung *Chức năng và nhiệm vụ của trường phổ thông*, SV có thể trình bày như sau:

*- Nội dung:* Chức năng và nhiệm vụ của trường phổ thông

*- Cách thức thực hiện:*

+ Nghe báo cáo của nhà trường (Ban giám hiệu hoặc Bí thư Đoàn trường).

+ Phỏng vấn, trao đổi với Ban giám hiệu, thầy/cô đại diện các tổ chức đoàn thể.

+ Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của trường.

***3.5. Kế hoạch trải nghiệm chi tiết***

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian khi xuống trường phổ thông.

Ví dụ: Với nội dung *Kế hoạch chi tiết*, SV có thể trình bày như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung/nhiệm vụ** | **Cách thức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | **Ghi chú** |
| Sáng thứ hai ngày…. | Nội dung 1. Chức năng và nhiệm vụ của trường phổ thông | - Nghe báo cáo của nhà trường (Ban giám hiệu hoặc bí thư Đoàn trường).  - Phỏng vấn, trao đổi với Ban giám hiệu, thầy/cô đại diện các tổ chức đoàn thể;  - Tìm hiểu các tài liệu, văn bản cụ thể của trường. | - Bản ghi chép về chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông. |  |
| ….. | Nội dung 3. Hoạt động dạy và học ở trường phổ thông. | - Nghe báo cáo  - Dự giờ  - Quan sát, phỏng vấn GV, HS | - Bản mô tả về vai trò, nhiệm vụ của giáo viên; đặc điểm học sinh phổ thông.  - Bản mô tả và nhận xét về hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.  - … |  |

***3.6. Tổ chức thực hiện***

*3.6.1. Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.

- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.

- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn trải nghiệm, mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình triển khai trải nghiệm ở trường phổ thông được hiệu quả nhất.

*3.6.2. Dự kiến những vấn đề có thể thay thể hoặc phát sinh*

- Thời gian phụ thuộc vào trường phổ thông.

- Dự kiến phương thức tìm hiểu hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông (Ví dụ: tra cứu thông tin trên trang thông tin điện tử của trường phổ thông, dự giờ online, …).

**Phụ lục 2. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ PHỔ THÔNG**

**1. Mục tiêu**

Sinh viên thực hiện được kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông mà nhóm đã thiết kế. Trên cơ sở đó, sinh viên hoàn thiện dự án học phần và đưa ra được định hướng học tập để trở thành giáo viên.

**2. Yêu cầu**

- Thực hiện theo đúng Quy định của Trường Đại học Vinh về hoạt động thực hành, thực tế trường phổ thông; Quy định, Hướng dẫn của trường phổ thông nơi sinh viên về thực tế.

- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động trải nghiệm tại trường phổ thông.

- Thực hiện và nộp đầy đủ các sản phẩm theo nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.

- Tuân thủ các quy định của giáo viên hướng dẫn, của trường phổ thông và nhóm làm việc với tư cách là thành viên của nhóm.

**3. Nội dung và nhiệm vụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Nhiệm vụ cụ thể** |
| 1 | Tìm hiểu trường phổ thông | - Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của nhà trường, các tổ chức đoàn thể trong trường phổ thông.  - Cơ cấu tổ chức và hoạt động chính của trường phổ thông.  - Quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường ở trường phổ thông. |
| 2 | Tìm hiểu tổ chuyên môn ở trường phổ thông | - Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của tổ chuyên môn trong nhà trường phổ thông.  - Quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục môn học ở trường phổ thông.  - Cách thức sinh hoạt chuyên môn ở trường phổ thông. |
| 3 | Tìm hiểu hoạt động dạy và học ở trường phổ thông | - Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông.  - Đặc điểm học sinh phổ thông.  - Kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh  - Cách thức tổ chức dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông (hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS). |
| 4 | Tìm hiểu hoạt động giáo dục ở trường phổ thông | - Quy trình xây dựng hoạt động giáo dục của nhà trường và GV (GV bộ môn hoặc GV chủ nhiệm).  - Cách thức tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường.  - Cách thức tổ chức hoạt động giáo dục của GV bộ môn hoặc GV chủ nhiệm. |

**4. Nhiệm vụ của Nhà trường, tổ chuyên môn và GV phổ thông**

- Thông báo kế hoạch và trao đổi tình hình hoạt động của nhà trường và tổ chuyên môn.

- Trao đổi tình hình giảng dạy, kinh nghiệm giảng dạy, bồi dưỡng về mặt phương pháp cho sinh viên.

- Trao đổi tình hình xây dựng lớp, kinh nghiệm tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp, các phong trào tập thể của học sinh, các phương pháp giáo dục học sinh cá biệt và những điển hình tích cực của lớp, chi đoàn.

- Hướng dẫn sinh viên dự giờ, thăm lớp; dự các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng kế hoạch và quy định.

- Xác nhận tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình trải nghiệm.

**5. Quy định đối với sinh viên**

- Luôn có tác phong đúng đắn, chững chạc, lối sống lành mạnh, tính kỉ luật*.* Khi đến trường thực tập phải ăn mặc chân phương, đeo phù hiệu theo quy định của Trường Đại học Vinh, ngày đầu tuần và ngày lễ phải mặc đồng phục.

- Giữ đúng quan hệ thầy - trò đối với học sinh, gương mẫu về mọi mặt, không gây phiền hà cho học sinh và phụ huynh học sinh.

- Thể hiện tác phong mẫu mực, tinh thần cầu thị trong giao tiếp và tham gia các hoạt động cụ thể ở trường phổ thông.

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách ở địa phương; Có ý thức bảo vệ của công, phòng hoả, phòng gian, bảo vệ trật tự trị an, an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

**Phụ lục 3. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN**

**1. Các sản phẩm**

- Bản báo cáo (bản word)

- Bản trình chiếu để báo cáo

- Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện dự án

- Sổ tay làm việc nhóm

**2. Yêu cầu của từng sản phẩm**

***2.1. Bản báo cáo***

*a. Cấu trúc*

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.

- Phần nội dung:

+ Những hoạt động đã thực hiện

+ Những nội dung đã tìm hiểu được (Nhà trường, tổ chuyên môn, hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông)

+ Nhận xét về nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp

+ Một số giải pháp, khuyến nghị

- Phần kết luận:

+ Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong đợt trải nghiệm nghề nghiệp và định hướng học tập để trở thành giáo viên

+ Trình bày những thay đổi so với bản kế hoạch (nếu có)

+ Kiến nghị, đề xuất

*b. Hình thức*

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, thời gian, địa điểm thực hiện

- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 15 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

***2.2. Bản trình chiếu để báo cáo***

*a. Cấu trúc*

- Giới thiệu tên của sản phầm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)

- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)

- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)

- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

*b. Thời gian thuyết trình.*

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

***2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án***

- Nội dung của video: Giới thiệu về các thành viên của nhóm; minh chứng hoạt động nhóm

- Thời gian video: trong vòng 5 phút

***2.4. Sổ tay làm việc nhóm***

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc

- Phân công nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc

- Tiến độ thực hiện

- Tự đánh giá các thành viên trong nhóm

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thứcđồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trần Văn Thông***

Học hàm, học vị: Thượng tá,ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 640 989, tvthongdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Đường lối QP&AN của Đảng CSVN

***Giảng viên 2: Nguyễn Đình Lưu***

Học hàm, học vị: Thượng tá, ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0986608954, dinhuongluu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối quân sự

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt):**Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự**  (tiếng Anh): **History of war and military art** | | |
| - Mã số học phần: NAP30001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: GDQP&AN | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 05  + Số tiết lý thuyết:30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án:45  + Số tiết tự học:75 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). +Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, bài tập nhóm trên lớp | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: 0977 150 397 Email:Duyhieudhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần **Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự** là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với sinh viên ngành GDQP-AN,học phần giúp người học nhận diện khái quát những kiến thức, kỷ năng cơ bản về lịch sử chiến tranh, nghệ thuật quân sự của thế gới và Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ IV Trước công nguyên đến thế kỷ XVIII, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về quốc phòng và an ninh.

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần **Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự** bị cho người học những kiến thức, kỷ năng cơ bản về lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự của thế gới và Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ IV Trước công nguyên đến thế kỷ XVIII, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch nghiên cứu; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó,người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn GDQP-AN đáp ứng yêu cầu công việc, bối cảnh nghề nghiệp và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

.**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 2.2.1 | 4.1.1 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | x |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | x |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | x |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.4 | x |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  | x |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  | x | x | x | x |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | - Nắm được các nội dung cơ bản của lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự của thế giới từ thế kỷ VI TCN đến sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | - Nắm được các nội dung cơ bản của lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quan sự Việt Nam trong thời kỳ dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.3 | K4 | - Trình bày được nội dung và nghệ thuật quân sự của các cuộc chiến tranh của thế giới từ thế kỷ VI TCN đến sau chiến tranh thế giới lần thứ hai | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.4 | K4 | - Trình bày được nội dung và nghệ thuật quân sự các cuộc chiến tranh của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO2.1 | S4 | - Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề về lịch sử, chính trị, quốc phòng và an ninh của đất nước và thế giới | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | A4 | - Bồi duõng cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu tổ quốc, yêu quê hương, có lòng tự tôn dân tộc, có niềm tin vững chắc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | - Thể hiện năng lực nhận biết bối cảnh lịch sử chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại trong nước và quốc tế. | Nghiên cứu tình huống | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.2 | C4 | -Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học giáo dục quốc phòng, an ninh | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.2 | 10% |
| A1.2:Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.2 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm) | Bài tập tự luận, bài thảo luận nhóm.SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO1.1 đến  CLO3.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Seminar lần 1 | Phiếu đánh giá(Rubrics) | CLO1.1 đến CLO4.2 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá(Rubrics) | CLO1.1 đến CLO4.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kếta = a × a.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 \* 0.5.**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập đầy đủ trên LMS | Tham gia 80% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập đầy đủ trên LMS | Tham gia 80% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập chưa đầy đủ trên LMS | Tham gia 50% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập chưa đầy đủ trên LMS |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thànhđầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm- Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2: Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá giữ kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá Seminar**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Tham gia seminar**  ***(5 điểm)*** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đến chủ đề seminar  - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ  ràng, liên quan đến chủ đề | -Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề  - Tham gia tranh luận tích cực | - Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng. | - Tham gia không đầy đủ seminar và không có tranh luận gì |
| **Trả lời câu hỏi phản biện *(5 điểm)*** | Trả lời chính xác các câu hỏi của các thành viện khác và giảng viên. | - Trả lời tốt các câu hỏi của các thành viên khác.  - Trả lời được 2/3 số câu hỏi của giảng viên | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác  - Trả lời được ½ số câu hỏi của giảng viên. | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác và khong trả lời được câu hỏi của giảng viên |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

***5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 4. Rubric đánh giá dự án học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý,đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định,hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bàykhông hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  | **8.0 –7.0** | **6.0 -5.0** | **4.0 – 3.0** | **2.0 - 0** |
| **Nội dung bản báo cáo**  *(8 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai;có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưađề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ítđịnh hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và khôngđề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ…….……………………………………...………….)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Giáo trình*Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.*NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2015

[2] Giáo trình *Lịch sử quân sự* - Cục nhà trường, Nxb QĐND, 1999.

[3] Giáo trình *Lịch sử quân sự*, Cục nhà trường, Tập I, Nxb QĐND, 1997.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Giáo trình *Đường lối Quân sự*, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2015

[5] Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam , NXB,QĐND 1996

[6] Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứX, XI, XII, XIII

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tín chỉ 1**  **Chương 1: Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự thế gới thời Kỳ Cổ đại, Trung đại và Cận đại**  1.1. Chiến tranh và nghệ thuật quân sự thời đại Chiếm hữu nô lệ (cuối thiên niên kỷ thứ IV TCN đến thế kỷ V sau CN)  1.2. Chiến tranh và nghệ thuật quân sự thời đại Chiếm hữu nô lệ thời đại Phong kiến (cuối thế kỷ thứ V đến giữa thế kỷ XVII)  1.3. Chiến tranh và nghệ thuật quân sự thời đại Tư bản chủ nghĩa (giữa thế kỷ thứ XVII đến đầu thế kỷ XIX) và thời đại Đế quốc chủ nghĩa (giữa thế kỷ thứ XIX đến đầu thế kỷ XX) | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS  Tự học phần 1.1.1, 1.2.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1 |
| **2** | **Chương 2: Sự phát triển của nghệ thuật quân sự thế gới trong chiến tranh thế gới lần thứ nhất (1914 – 1918)**  1. Đặc điểm tình hình, nguyên nhân và tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất  2. Tóm tát diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất  3. Sự phát triển của nghệ thuật quân sự trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS, Tự học phần 2.1.1, 2.2.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1 |
| **3** | **Tín chỉ 2**  **Chương 3: Chiến tranh và nghệ thuật quân sự trong chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945) và từ sau đại chiến Thế giới lần thứ hai**  1. Đặc điểm tình hình, nguyên nhân và tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai  2. Tóm tát diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai  3. Sự phát triển của nghệ thuật quân sự trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS  Tự học phần 3.1.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1 |
| **4** | **Tín chỉ 3**  **Chương 4: *Chiến tranh và nghệ thuật quân sự từ sau đại chiến Thế giới lần thứ hai***  1. Các cuộc chiến tranh và một số đặc điểm chính.  2. Một số cuộc chiến tranh cục bộ và xu hướng phát triển của nghệ thuật quân sự | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS tự học phần 4.2.1, 4.3.1, 4.4.1, 4.4.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.2  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 |
| **5** | **Tín chỉ 4**  **Chương 5: *Chiến tranh và nghệ thuật quân sự từ sau đại chiến Thế giới lần thứ hai***  1. Các cuộc chiến tranh và một số đặc điểm chính.  2. Một số cuộc chiến tranh cục bộ và xu hướng phát triển của nghệ thuật quân sự | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần 5.1.1, 5.2.1, 5.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.2  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 |
| **6** | **Tín chỉ 5**  **Chương 6: Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp( 1945-1954)**  1. Nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang cách mạng tháng 8- 1945  2. Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp( 1945-1954)  3. Sự phát triển chiến thuật từ 1953 đến 1954 | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần 6.1.1, 6.2.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.2  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 |
| **7** | **Chương 7: Nghệ thuật quân sự trong cuộc kháng chiến chống Đế quốc Mỹ xâm lược( 1954- 1975)**  1. Giai đoạn từ 1965- 1968  2. Giai đoạn từ 1969 - 1975 | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần 6.1.1, 6.2.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.2  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 |
| **8** | Lập kế hoạch dự án cho học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  (nhóm từ 4 – 6 em) | Tư vấn, định hướng, giám sát | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO2.1 |
| **9** | Báo cáo kế hoạch dự án của học phần | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | Nhận xét, đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch dự án của học phần (nếu có | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO4.1  CLO4.2 |
| **10** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 | A2.1 | CLO1.1  CLO1.1 đến CLO4.2 |
| **11** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  | CLO1.1 đến CLO4.2 |
| **12** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  | CLO1.1 đến CLO4.2 |
| **13** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  | CLO1.1 đến CLO4.2 |
| **14** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 | A2.1 | CLO1.1 đến CLO4.2 |
| **15** | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S4, C4 | A3.1 | CLO1.1 đến CLO4.2 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Mục tiêu**

Sinh viên lập được kế hoạch thực hiện dự án theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong sản phẩm dự án

2. **Yêu cầu chung về cấu trúc**

Một kế hoạch của dự án cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của dự án

- Nội dung/ nhiệm vụcủa dự án

- Thời gian, địa điểm thực hiện dự án

- Phương thức thực hiện dự án

- Kế hoạch chi tiết của dự án

- Tổ chức thực hiện

**3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch**

***3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt***

***- Mục tiêu***

Sinh viên xác định mục tiêu chung của dự án theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới đểhoàn thành sản phẩm dự án

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

***- Yêu cầu cần đạt***

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Trình bày được nội dung, vai trò, ý nghĩa các cuộc chiến tranh và nghệ thuật quân sự thế giới từ thế kỷ VI TCN đến sau chiến tranh thế giới lần thứ hai |
| 2 | Trình bày được nội dung, vai trò, ý nghĩalịch sử chiến tranh và nghệ thuật quan sự Việt Nam trong thời kỳ dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam |
| 3 | Thể hiện tính vận dụng của môn học vào trong điều kiện thực tiễn hiện nay |

***3.2. Nội dung/ nhiệm vụcủa dự án***

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trong dự án Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1.** Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

***3.3. Thời gian, địa điểm thực hiện dự án***

Cần ghi rõ thời gian và địa điểm để thực hiện dự án . Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý hoặc ý tưởng về mặt thời gian và địa điểm sẽthực hiện dự án

***3.4. Phương thức thực hiện***

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

*- Cách thức thực hiện:*

+ Nhận nội dung, tiêu đề của dự án

+ Tiến hành lên kế hoạch làm dự án

+ Tìm kiếm các tài liệu liên quan đến dự án

+ Viết nội dung cho dự án

+ Báo cáo sơ bộ dự án cho nhóm và người hướng dẫn

+ Trình bày chính thức sản phẩm của dự án

***3.5. Kế hoạch chi tiết thực hiện dự án***

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian khi thực hiện dự án

*Ví dụ: Với nội dung Kế hoạch chi tiết của dự án, SV có thể trình bày như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung/nhiệm vụ** | **Cách thức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | **Ghi chú** |
| Thứ….., tuần….. | Nội dung 1, 2,3……. |  |  |  |

***3.6. Tổ chức thực hiện***

*3.6.1. Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.

- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.

- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn làm dự án , mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình thực hiện dự án đạt hiệu quả nhất.

*3.6.2. Dự kiến những vấn đề có thể thay thể hoặc phát sinh*

* Về thời gian, địa điểm
* Về bổ sung thêm nội dung cho sản phẩm
* Về phương thức tiến hành

**Phụ lục 2. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN**

**1. Các sản phẩm**

- Bản báo cáo (bản word)

- Bản trình chiếu để báo cáo

- Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện dự án

- Sổ tay làm việc nhóm ( nhật ký làm việc )

**2. Yêu cầu của từng sản phẩm**

*2.1. Bản báo cáo*

*a. Cấu trúc*

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.

- Phần nội dung:

+ Trình bày nội dung cụ thể các chương mục của dự án

+ Một số giải pháp, khuyến nghị

- Phần kết luận:

+ Tóm tắt ngắn gọn nội dung toàn bộ dự án

+ Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong quá trình làm dự án

*b. Hình thức*

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, người hướng dẫn , thời gian, địa điểm thực hiện

- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 14 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

**2.2. Bản trình chiếu để báo cáo**

*a. Cấu trúc*

- Giới thiệu tên của sản phầm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)

- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)

- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)

- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

*b. Thời gian thuyết trình.*

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án

- Nội dung của video: Giới thiệu về các thành viên của nhóm; minh chứng hoạt động nhóm

- Thời gian video: trong vòng 5 phút

**2.4. Sổ tay làm việc nhóm**

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc

- Phân công nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc

- Tiến độ thực hiện

- Tự đánh giá các thành viên trong nhóm

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thứcđồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Thượng tá, Trần Văn Thông***

Học hàm, học vị:ThS

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 640 989, tvthongdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Đường lối QP&AN của Đảng CSVN

***Giảng viên 2: Trần Văn Long***

Học hàm, học vị: ThS

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0349 744 645, longhachdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Công tác QP&AN

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam**  (tiếng Anh):**Building and protecting Vietnam's territorial sovereignty, national borders and seas and islands** | | |
| - Mã số học phần:NAP30003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành:GDQP&AN | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 05  + Số tiết lý thuyết:30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án:45  + Số tiết tự học:75 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). +Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, bài tập nhóm trên lớp | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: 0977 150 397 Email: Duyhieudhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phầnXây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo Việt Nam là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành GDQP-AN,học phần giúp người học nhận diện khái quát những kiến thức, kỷ năng cơ bản bản về chủ quyền, biên giới, biển, đảo của Việt nam và quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền, biên giới, biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về Chủ quyên, biển đảo và biên giới quốc gia.

**3.Mục tiêu học phần**

Học phầnXây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo Việt Nam bị cho người học những kiến thức, kỷ năng cơ bản về những kiến thức, kỷ năng cơ bản bản về chủ quyền, biên giới, biển, đảo của Việt nam và quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền, biên giới, biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch nghiên cứu; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó,người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn GDQP-AN đáp ứng yêu cầu công việc, bối cảnh nghề nghiệp và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| PLO1.1 |  | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.1.1 | 1.1.4 | 2.1.1 | 2.2.1 | 4.1.1 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.4 | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.5 |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | x | x | x | x |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | - Hiểu được các nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia; nội dung xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và một số vấn đề cơ bản chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong tình hình mới | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.2 | K4 | - Trình bày được nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.3 | K4 | - Trình bày được nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia Việt Nam | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.4 | K4 | - Trình bày được nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO1.5 | K4 | - Trình bày được những quan điểm của Đảng về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới | Thuyết giảng  Thảo luận | Tự luận |
| CLO2.1 | S4 | -Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề về lịch sử, chính trị, quốc phòng và an ninh của đất nước và thế giới | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | A4 | - Bồi duõng cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu tổ quốc, yêu quê hương, có lòng tự tôn dân tộc, có niềm tin vững chắc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | - Thể hiện năng lực nhận biết bối cảnh lịch sử chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại trong nước và quốc tế. | Nghiên cứu tình huống | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.2 | C4 | -Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học giáo dục quốc phòng, an ninh | Hoạt động nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.2 | 10% |
| A1.2:Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.2 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm) | Bài tập tự luận, bài thảo luận nhóm.SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.2 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Seminar lần 1 | Phiếu đánh giá(Rubrics) | CLO1.1 đến CLO4.2 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá(Rubrics) | CLO1.1 đến CLO4.2 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kếta = a × a.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 \* 0.5.**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập đầy đủ trên LMS | Tham gia 80% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập đầy đủ trên LMS | Tham gia 80% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập chưa đầy đủ trên LMS | Tham gia 50% các buổi học trực tiếp trên lớp và trực tuyến online. Nghe và làm bài tập chưa đầy đủ trên LMS |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thànhđầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm- Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2: Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá giữ kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá Seminar**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Tham gia seminar**  ***(5 điểm)*** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đến chủ đề seminar  - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ  ràng, liên quan đến chủ đề | -Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề  - Tham gia tranh luận tích cực | - Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng. | - Tham gia không đầy đủ seminar và không có tranh luận gì |
| **Trả lời câu hỏi phản biện *(5 điểm)*** | Trả lời chính xác các câu hỏi của các thành viện khác và giảng viên. | - Trả lời tốt các câu hỏi của các thành viên khác.  - Trả lời được 2/3 số câu hỏi của giảng viên | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác  - Trả lời được ½ số câu hỏi của giảng viên. | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác và khong trả lời được câu hỏi của giảng viên |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

***5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 4. Rubric đánh giá dự án học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý,đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định,hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bàykhông hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  | **8.0 –7.0** | **6.0 -5.0** | **4.0 – 3.0** | **2.0 - 0** |
| **Nội dung bản báo cáo**  *(8 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai;có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưađề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ítđịnh hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và khôngđề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ…….……………………………………...………….)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Kiều Hữu Hải, Hoàng Minh Long, Giáo trình Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam, Nxb Giáo dục, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] *Những vấn đề chung về biển, đảo Việt Nam*. NXB,QĐND 2005

[4] *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam* . NXB,QĐND 1996

[5] *Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứX, XI, XII, XIII*

[6] Giáo trình *Đường lối Quân sự*, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2015

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Chương 1: Hiểu biết chung về lãnh thổ quốc gia và biên giới quốc gia**  1. Lãnh thổ, biên giới quốc gia  2. Lãnh thổ, biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS  Tự học phần 2.2,3.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **2** | **Chương 2: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia**  1. Một số kinh nghiệm bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia của cha ông ta  2. Quan điểm, nội dung và giảo pháp của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS, Tự học phần1.5, 2.1,2.2,3.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **3** | **Chương 3: Quy chế pháp lý về biên gới quốc gia nước Cộng hòa xá hội chủ nghĩa Việt Nam**  1. Một số vấn đề cơ ban pháp luật quốc tế về biên giới quốc gia  2. Quy chế pháp lý về biên giới quốc gia trên đất liền nước Cộng hòa xá hội chủ nghĩa Việt Nam  3. Quy chế pháp lý về biên giới quốc gia trên biển nước Cộng hòa xá hội chủ nghĩa Việt Nam | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS  Tự học phần 1.1,1.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **4** | **Chương 4: Công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**  1. Một số đặc điểm về biên gới  2. Quan điểm của Đảng ta về biên giới và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia | Lớp họcvà không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 và 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 |
| **5** | **Chương 4: Công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**  3. Nguyên tắc, nội dung và hình thức quản lý, bảo vệ biên giới  4. Đấu tranh phòng chố phản động ở khu vực biên giới | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **6** | **Chương 5: Nội dung, giải pháp tăng cường bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới**  1. Bển đông và vùng biển, đảo Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  2. Nội dung bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần 3.1,3.2,3.3,3.4 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **7** | **Chương 5: Nội dung, giải pháp tăng cường bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới**  3. một số giải pháp tăng cường bảo vệ biển đảo trong thời kỳ mới | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS Tự học phần 3.1,3.2,3.3,3.4 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **8** | Lập kế hoạch dự án cho học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  (nhóm từ 4 – 6 em) | Tư vấn, định hướng, giám sát | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| **9** | Báo cáo kế hoạch dự án của học phần | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | Nhận xét, đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch dự án của học phần (nếu có | K4,A4 | A1.1  A1.2  A1.3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 |
| **10** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 | A2.1 | CLO1.1  Đến  CLO4.2 |
| **11** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  |  |
| **12** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  | CLO1.1  Đến  CLO4.2 |
| **13** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 |  | CLO1.1  Đến  CLO4.2 |
| **14** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S4 | A2.1 | CLO1.1  Đến  CLO4.2 |
| **15** | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S4, C4 | A3.1 | CLO1.1  Đến  CLO4.2 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCHTHỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Mục tiêu**

Sinh viên lập được kế hoạch thực hiện dự án theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong sản phẩm dự án

2. **Yêu cầu chung về cấu trúc**

Một kế hoạch của dự án cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của dự án

- Nội dung/ nhiệm vụcủa dự án

- Thời gian, địa điểm thực hiện dự án

- Phương thức thực hiện dự án

- Kế hoạch chi tiết của dự án

- Tổ chức thực hiện

**3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch**

***3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt***

***- Mục tiêu***

Sinh viên xác định mục tiêu chung của dự án theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để hoàn thành sản phẩm dự án

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

***- Yêu cầu cần đạt***

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Trình bày được các nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia; nội dung xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và một số vấn đề cơ bản chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong tình hình mới |
| 2 | Trình bày được những quan điểm của Đảng về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới |
| 3 | Thể hiện được các kỹ năng, thái độ trong sản phẩm của dự án |
| 4 | Thể hiện tính vận dụng của môn học vào trong điều kiện thực tiễn hiện nay |

***3.2. Nội dung/ nhiệm vụcủa dự án***

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện trong dự án Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1.** Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

***3.3. Thời gian, địa điểm thực hiện dự án***

Cần ghi rõ thời gian và địa điểm để thực hiện dự án . Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý hoặc ý tưởng về mặt thời gian và địa điểm sẽthực hiện dự án

***3.4. Phương thức thực hiện***

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

*- Cách thức thực hiện:*

+ Nhận nội dung, tiêu đề của dự án

+ Tiến hành lên kế hoạch làm dự án

+ Tìm kiếm các tài liệu liên quan đến dự án

+ Viết nội dung cho dự án

+ Báo cáo sơ bộ dự án cho nhóm và người hướng dẫn

+ Trình bày chính thức sản phẩm của dự án

***3.5. Kế hoạch chi tiết thực hiện dự án***

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian khi thực hiện dự án

*Ví dụ: Với nội dung Kế hoạch chi tiết của dự án, SV có thể trình bày như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung/nhiệm vụ** | **Cách thức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | **Ghi chú** |
| Thứ….., tuần….. | Nội dung 1, 2,3……. |  |  |  |

***3.6. Tổ chức thực hiện***

*3.6.1. Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.

- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.

- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

Lưu ý: Ngoài những quy định chung của Trường Đại học, của giảng viên hướng dẫn làm dự án , mỗi nhóm tự xây dựng quy định hoạt động riêng của nhóm để quá trình thực hiện dự án đạt hiệu quả nhất.

*3.6.2. Dự kiến những vấn đề có thể thay thể hoặc phát sinh*

* Về thời gian, địa điểm
* Về bổ sung thêm nội dung cho sản phẩm
* Về phương thức tiến hành

**Phụ lục 2. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN HỌC PHẦN**

**1. Các sản phẩm**

- Bản báo cáo (bản word)

- Bản trình chiếu để báo cáo

- Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện dự án

- Sổ tay làm việc nhóm ( nhật ký làm việc )

**2. Yêu cầu của từng sản phẩm**

***2.1. Bản báo cáo***

*a. Cấu trúc*

Cấu trúc của Dự án học phần gồm 3 phần:

- Phần mở đầu: Mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, thời gian, địa điểm thực hiện dự án học phần.

- Phần nội dung:

+ Trình bày nội dung cụ thể các chương mục của dự án

+ Một số giải pháp, khuyến nghị

- Phần kết luận:

+ Tóm tắt ngắn gọn nội dung toàn bộ dự án

+ Tóm tắt lại những kinh nghiệm thu được trong quá trình làm dự án

*b. Hình thức*

- Trang bìa ghi rõ tên học phần, nhóm thực hiện, người hướng dẫn , thời gian, địa điểm thực hiện

- Bản báo cáo trình bày tối thiểu 14 trang, khổ giấy A4, căn lề trên và dưới: 20 (mm); trái: 35 (mm); phải: 20 (mm); font chữ unicode, kiểu chữ Times NewRoman, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5

**2.2. Bản trình chiếu để báo cáo**

*a. Cấu trúc*

- Giới thiệu tên của sản phầm và thành viên của nhóm (Slide thứ nhất)

- Nội dung chính của bài thuyết trình (Slide thứ hai)

- Nội dung của bài thuyết trình (Các slides tiếp theo)

- Tài liệu tham khảo (Slide cuối cùng)

*b. Thời gian thuyết trình.*

- Mỗi nhóm có 15 phút thuyết trình, 10 phút trao đổi, nhận xét

**2.3. Video/ảnh minh chứng quá trình thực hiện đồ án**

- Nội dung của video: Giới thiệu về các thành viên của nhóm; minh chứng hoạt động nhóm

- Thời gian video: trong vòng 5 phút

**2.4. Sổ tay làm việc nhóm**

Sổ tay nhằm mục đích để sinh viên ghi lại tất cả công việc của nhóm và mỗi thành viên trong quá trình thực hiện đồ án. Yêu cầu:

- Liệt kê các công việc mà mô tả công việc

- Phân công nhiệm vụ

- Dự kiến sản phẩm, điều chỉnh và kết quả cuối cùng của công việc

- Tiến độ thực hiện

- Tự đánh giá các thành viên trong nhó

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA TIN HỌC – TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trần Thị Kim Oanh***

Học hàm, học vị: GVC.TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tin học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0912488055; oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận và phương pháp dạy học Tin học.

***Giảng viên 2: Trần Xuân Sang***

Học hàm, học vị: GVC.TS

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 3: Cao Thanh Sơn***

Học hàm, học vị: GVC.TS

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 4: Nguyễn Bùi Hậu***

Học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Ứng dụng ICT trong giáo dục  (tiếng Anh): Application ICT in education | | |
| - Mã số học phần: INF20005 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm Địa lí | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:  + Số tiết lý thuyết: 15  + Số tiết thực hành: 15  + Số tiết thực hiện đồ án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Giáo dục học; Nhập môn ngành Sư phạm | | Mã số HP: EDU20006;  PED20002 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải tự học các nội dung trên LMS trước buổi học trực tiếp trên lớp.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm đồ án học phần qua LMS.  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành, hoạt động nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Tin học, Trường Sư phạm.  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* là học phần bắt buộc, thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo các ngành Sư phạm. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ việc thiết kế, triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học bộ môn. Thông qua đồ án ứng dụng CNTT và truyền thông trong quá trình học tập, người học được phát triển năng lực để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục. Sinh viên vận dụng các kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông như là công cụ để học tập, nghiên cứu và phục vụ cho quá trình dạy học, giáo dục sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Quy trình xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học và giáo dục; Quy trình thực hiện đồ án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển đồ án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | | | |
| PLO2.1 | | | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 | | PLO4.2 | | |
| 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.2.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 |
| CLO1.1 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  | ✓ |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 |  | ✓ |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Giải thích* các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | *Trình bày* vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S3 | *Thể hiện* khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử | Thực hành | Kiểm tra thực hành |
| CLO2.2 | S3 | *Hình thành* các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử | Thực hành | Kiểm tra thực hành |
| CLO2.3 | S3 | *Thể hiện* kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục, dạy học. | Thực hành | Kiểm tra thực hành |
| CLO3.1 | S3 | *Thể hiện* khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm | Dạy học theo đồ án | Bảo vệ đồ án |
| CLO3.2 | S3 | *Thể hiện* kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục | Dạy học theo đồ án | Bảo vệ đồ án |
| CLO4.1 | C3 | *Hình thành* ý tưởng xây dựng học liệu số trong giáo dục, dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học | Dạy học theo đồ án | Bảo vệ đồ án |
| CLO4.2 | C3 | *Thiết kế* học liệu số trong giáo dục, dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học | Dạy học theo đồ án | Bảo vệ đồ án |

*Ghi chú:*

+ Kiến thức (K): K2 - Biết/Nhớ; K3 - Hiểu;

+ Kỹ năng (S): S1 - Bắt chước; S2 - Thao tác (manipulation); S3 - Chính xác

+ Năng lực CDIO (C): C3 - Vận dụng;

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 |  | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric | 10% | PLO2.2.1 |
| A1.2 | CLO1.1  CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ | 30 câu hỏi TNKQ | 15% | PLO2.1.3 |
| A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 | Thực hành trên máy tính | Rubrics | 15% | PLO2.1.1  PLO3.2.1  PLO2.1.3  PLO4.1.1  PLO4.1.2 |
| A1.4 | CLO3.1  CLO4.1 | Kế hoạch thực hiện đồ án | Rubric | 10% | PLO3.1.2  PLO4.1.1  PLO4.1.2  PLO4.2.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
|  |  |  |  |  |  |
| A2.1 | CLO3.1  CLO3.2 | Giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm đồ án học phần | Rubrics | 10% | PLO2.2.1  PLO2.1.2  PLO3.1.2 |
| A2.2 | CLO4.1  CLO4.2 | Sản phẩm đồ án học phần | Rubric | 40% | PLO4.2.1  PLO4.2.2  PLO4.2.3 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*1.5+A1.3\*1.5+ A1.4+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| 1 | **Mức độ tham dự học theo TKB**  *(5 điểm)* | Tham gia 100% | Tham gia trên 80% | Tham gia 80% | Tham gia dưới 80%. |
| 2 | **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và làm việc nhóm**  *(5 điểm)* | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Ma trận đặc tả câu hỏi TNKQ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1 | Chuyển đổi số trong trường học | 8 | 6 | 2 | - |
| 1.2 | Vai trò của ICT, thiết bị và học liệu số trong dạy học và giáo dục | 12 | 2 | 6 | 2 |
| 1.3 | Tìm kiếm thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng bài giảng trong giáo dục | 14 | 7 | 5 | 4 |
| 2.1 | Tổng quan về MS PowerPoint 2019 | 2 | - | 2 | - |
| 2.2 | Làm việc với bản thuyết trình. | 4 | - | 2 | 2 |
| 2.3 | Các thao tác với Slides. | 8 | - | 4 | 4 |
| 2.4 | Xây dựng nội dung bài thuyết trình | 4 | 4 | - | - |
| 2.5 | Làm việc với Slide Master. | 4 | 4 | - | - |
| 2.6 | Các hiệu ứng, hoạt cảnh cho bài thuyết trình. | 4 | 4 | - | - |
| **Tổng** | | **60** | **27** | **21** | **12** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100%** | **45%** | **35%** | **20%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá kiểm tra thực hành (A1.3)**

**Bảng 3.1. Rubric đánh giá tạo một trình diễn trong PowerPoint.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | |
| **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| 1 | **Định dạng và trình bày bản trình chiếu**  *(1.5 điểm)* | Bản trình chiếu được định dạng đúng theo yêu cầu và trình bày có tính thẩm mỹ. | Bản trình chiếu có một số lỗi định dạng | Bản trình chiếu có khá nhiều lỗi định dạng |
| 2 | **Chèn các đối tượng, thiết lập các hiệu ứng, liên kết**  *(1.5 điểm)* | Các đối tượng được chèn đầy đủ, có thiết lập hiệu ứng, liên kết phù hợp | Các đối tượng được chèn đầy đủ, có thiết lập hiệu ứng, liên kết phù hợp, tuy nhiên còn có một vài lỗi nhỏ về định dạng đối tượng.  . | Không chèn đối tượng nào, hoặc không thiết lập hiệu ứng, liên kết cho đối tượng theo yêu cầu. |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/3 (Bằng chữ: ……………………………………………)** | | | |

**Bảng 3.2. Rubric đánh giá sử dụng iSpring**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
| **3.5** | **3.0** | **2.5** | **2.0** | **1.5** |
| 1 | **Nội dung bản trình chiếu**  *(3.5 điểm)* | Hoàn thành đầy đủ nội dung theo yêu cầu. | Hoàn thành trên 80% nội dung | Hoàn thành trên 60% | Hoàn thành trên 40% | Hoàn thành ít hơn 40% |
| 2 | **Xuất bài trình chiếu**  *(3.5 điểm)* | Hoàn thành đầy đủ xuất bài trình chiếu theo yêu cầu. | Xuất bài trình chiếu chưa lưu đúng vị trí yêu cầu | Xuất bài trình chiếu chưa chèn: ảnh, video, âm thanh | Xuất bài trình chiếu chưa đạt 1-2 yêu cầu. | Xuất bài trình chiếu chưa lưu đúng định dạng tệp yêu cầu |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/7 (Bằng chữ: …………………………………………)** | | | | | |

**Bảng 3.3. Cách tính điểm đánh giá kiểm tra thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Tạo một trình diễn trong PowerPoint gồm 5-10 Slides. (bảng 3.1)** | **Sử dụng menu iSpring**  **(bảng 3.2)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M) |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 4. Rubric đánh giá kế hoạch đồ án (A1.4)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | |  |
| **4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0-0** |
| 1 | **Kế hoạch thực hiện đồ án**  *(4 điểm)* | Rõ ràng, đầy đủ | Rõ ràng, có thể thiếu một vài phần nhỏ | Sơ sài | Không có |
|  |  | **3.0** | **2.5** | **1.5** | **1.0-0** |
| 2 | **Tính hợp lý và khả thi của đồ án**  *(3 điểm)* | Có tính hợp lý, khả thi cao | Khá hợp lý, khả thi | Cần phải điểu chỉnh để cho đồ án hợp lý và khả thi hơn | Hoàn toàn không khả thi, cần thay đổi đồ án |
|  |  | **3.0** | **2.5** | **1.5** | **1.0-0** |
| 2 | **Phân chia công việc trong nhóm**  *(3 điểm)* | Phân chia nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý | Phân chia khá rõ ràng, khá hợp lý | Phân chia chưa thật sự rõ ràng, hợp lý | Không phân chia |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………………)** | | | |  |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 5. Thang đo đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm**

**(Dành cho SV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5-0** |
| 1 | **Tham gia các buổi họp nhóm**  *(2 điểm)* | Tham dự đầy đủ | Có vắng một buổi | Chỉ tham dự một vài buổi | Không tham dự buổi nào |
| 2 | **Tham gia đóng góp ý kiến**  *(2 điểm)* | Tích cực | Khá thường xuyên | Thỉnh thoảng | Không tham gia đóng góp ý kiến |
| 3 | **Hoàn thành công việc được giao**  *(2 điểm)* | Luôn đúng hạn | Tương đối đúng hạn | Luôn nạp chậm tiến độ | Không hoàn thành công việc |
| 4 | **Đóng góp ý tưởng**  *(2 điểm)* | Luôn có ý tưởng mới và hay được áp dụng | Có ý tưởng mới và hay nhưng một số ý tưởng chưa được áp dụng | Có ít ý tưởng | Không có ý tưởng |
| 5 | **Khả năng hợp tác**  *(2 điểm)* | Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm | Hợp tác khá tốt với các thành viên trong nhóm | Hạn chế hợp tác với các thành viên trong nhóm | Không bao giờ hợp tác |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………)** | | | | | |

**Bảng 6. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình và slide trình chiếu**

**(Dành cho GV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| 1 | **Slide báo cáo**  *(2 điểm)* | Trình bày slide đẹp, hợp lý. | Trình bày slide khá đẹp, khá hợp ý | Trình bày một số slide chưa đẹp, chưa hợp lý | Slide trình bày cẩu thả |
| 2 | **Thuyết trình**  *(2 điểm)* | Báo cáo thuyết phục | Báo cáo khá thuyết phục | Báo cáo chưa thuyết phục | Kỹ năng báo cáo kém |
| 3 | **Tương tác**  *(2 điểm****)*** | Trả lời đủ, chính xác câu hỏi từ khán giả | Trả lời đủ, khá tốt câu hỏi từ khán giả | Trả lời chưa đủ, chưa hoàn toàn chính xác câu hỏi từ khán giả | Không trả lời được các câu hỏi khán giả đưa ra |
| 4 | **Phân chia công việc trong nhóm**  *(2 điểm)* | Có phân chia công việc rõ ràng cho các thành viên trong nhóm | Có phân chia công việc khá rõ ràng cho các thành viên trong nhóm | Có phân chia công việc nhưng chưa thật rõ ràng cho các thành viên trong nhóm | Không phân chia công việc khá rõ ràng cho các thành viên trong nhóm |
| 5 | **Quản lí thời gian**  *(2 điểm)* | Báo cáo đúng thời gian quy định | Báo cáo sai lệch ít so với thời gian quy định | Báo cáo sai lệch khá nhiều so với thời gian quy định | Báo cáo sai lệch nhiều so với thời gian quy định |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….…)** | | | | |

**Bảng 7. Cách tính điểm đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(Bảng 5)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(Bảng 6)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 8. Rubric đánh giá đồ án học phần (A2.2)**

**Các sản phẩm đồ án bao gồm:**

***1, Báo cáo tổng kết đồ án (bản Word)***

***2, Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục (bản Word)***

***3, Học liệu số: Bải giảng elearning, các học liệu số khác liên quan.***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| 1 | **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  |  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| 2 | **Nội dung bản báo cáo**  *(4 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện đồ án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện đồ án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện đồ án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện đồ án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
|  |  | **4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0 - 0** |
| 3 | **Sản phẩm bài giảng elearning và các học liệu số liên quan**  *(4 điểm)* | Đáp ứng các yêu cầu về bài giảng elearning. | Bài giảng còn 1 số lỗi nhỏ. | Xuất bài trình chiếu chưa chèn: ảnh, video, âm thanh. | Bài giảng chỉ đơn thuần là powerpoint chuyển sang, chưa mang tính elearning. |
|  | **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ …….………………………………….)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Hiếu, *Tin học ứng dụng*, NXB Đại học Vinh, 2019.

[2]. Lê Văn Minh, *Các ứng dụng cơ bản của MS-OFFICE*, NXB Đại học Vinh, 2016.

[3]. Ciprian Adrian Rusen, *Internet and Computing Core Certification Computing Fundamentals Study Guide*, Sybex, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4]. Microsoft Vietnam, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2019.

[5]. Microsoft Vietnam, Giáo trình hướng dẫn sử dụng PowerPoint 2019.

[6]. Microsoft, hệ điều hành Windows 7.

[7]. Microsoft, Office 2019.

[8]. Colin Latchem, Using ICTs and Blended Learning in Transforming TVET, UNESCO and COMMONWEALTH OF LEARNING, 2017.

[9]. Victoria L. Tinio, *Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục*, Nhóm công tác e-ASEAN UNDP-APDIP, 2003.

[10]. Chính phủ, 2016. *Khung trình độ quốc gia Việt Nam.* Ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

[11]. *Luật Giáo dục 2019,* Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội.

[12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu bồi dưỡng Mô đun 9 “*Ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông*”.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 15 tiết lí thuyết, 15 tiết thực hành và 30 tiết đồ án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1:*** 15 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 8 tuần (Mỗi tuần 2 tiết).

***Tín chỉ 2:*** 15 tiết thực hành tại phòng thực hành máy tính học trong 12 tuần (mỗi tuần 2 tiết).

***Tín chỉ 3, 4***: Làm việc nhóm thực hiện đồ án học phần (30 tiết).

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG ICT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRƯỜNG HỌC**  1.1. Chuyển đổi số trường học  1.1.1. Một số thuật ngữ và định nghĩa  1.1.2. Chuyển đổi số trường học trên thế giới và tại Việt Nam  1.1.3 Các mức độ chuyển đổi số trong trường học.  1.2. Vai trò của ICT, thiết bị và học liệu số trong dạy học và giáo dục  1.2.1. Vai trò của ICT trong dạy học và giáo dục  1.2.2. Vai trò của thiết bị và học liệu số trong dạy học và giáo dục  1.2.3. Hiệu quả của ứng dụng ICT trong dạy học và giáo dục | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| **2** | 1.3. Tìm kiếm thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng bài giảng trong giáo dục  1.3.1. Tìm kiếm thông tin, dữ liệu từ nguồn Internet  1.3.2. Tìm kiến thông tin, dữ liệu từ các nguồn khác | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| **3** | CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ BÀI GIẢNG BẰNG POWERPOINT  2.1. Tổng quan về MS PowerPoint 2019.  2.1.1. Giới thiệu MS PowerPoint 2019.  2.1.2. Khởi động và thoát Microsoft PowerPoint 2019.  2.2. Làm việc với bản thuyết trình.  2.2.1. Tạo bản thuyết trình mới.  2.2.2. Lưu bản thuyết trình.  2.2.3. Mở bản thuyết trình đã có.  2.3. Các thao tác với Slides.  2.4. Xây dựng nội dung bài thuyết trình.  2.4.1. Tạo slide tựa đề.  2.4.2. Tạo slide nội dung.  2.4.3. Chèn hình vào slide.  2.4.4. Chèn âm thanh vào slide.  2.4.5. Chèn Video vào slide.  2.4.6. Chèn bảng biểu vào slide.  2.4.7. Chèn biểu đồ vào slide. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **4** | 2.5. Làm việc với Slide Master.  2.6. Các hiệu ứng, hoạt cảnh cho bài thuyết trình.  2.7. In ấn | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.7 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **5** | CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ELEARNING  3.1 Bài giảng elearning  3.1.1 Khái niệm bài giảng elearning  3.1.2 Các tiêu chí đánh giá chất lượng bài giảng elearning  3.1.3 Các chuẩn trong elearning | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **6** | 3.2 Quy trình thiết kế bài giảng elearning  3.2.1 Xác định mục tiêu bài học  3.2.2 Xác định nội dung và cấu trúc bài học  3.2.3 Xây dựng các thư viện tư liệu  3.2.4 Lựa chọn phần mềm trình diễn  3.2.5 Chạy thử và hoàn thiện  3.3 Thiết kế bài giảng elearning trên iSpring Suite  3.3.1. Giới thiệu iSpring Suite  3.3..2. Chèn bài trắc nghiệm  3.3.3. Chèn sách điện tử  3.3..4. Ghi âm, ghi hình  3.3.5. Cấu trúc bài giảng  3.3.6. Xuất bản  3.4. Quy trình đưa bài giảng elearning lên hệ thống học tập trực tuyến.  3.4.1. Hệ thống học tập trực tuyến (LMS).  3.4.2. Quy trình đưa bài giảng elearning lên LMS | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.2.1  3.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **7** | CHƯƠNG 4. MỘT SỐ CÔNG CỤ CNTT HỖ TRỢ DẠY HỌC  4.1. Công cụ thiết kế và biên tập nội dung*(như: Google docs, Photo Editor, Video Editor, Camtasia, Canva,…)*  4.2. Công cụ tổ chức và và triển khai hoạt động dạy học *(như: Zoom, Google meet, MicroSoft Teams, Padlet)* | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 4.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **8** | 4.3. Công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập *(như: Google Forms, Quizziz, Kahoot)*  4.4. Công cụ quản lý và phản hồi về người học  4.4.1. Sử dụng mạng xã hội *(như: Facebook, Zalo)* trong dạy học.  4.1.2. Mạng xã hội và lợi ích.  4.1.3. Ứng dụng mạng xã hội quản lý và phản hồi về người học | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 4.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3  S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 |
| **9** | Lập kế hoạch đồ án | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  (nhóm từ 4 – 6 em) | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3 | A1.4 | CLO3.1  CLO4.1 |
| **10** | Báo cáo kế hoạch đồ án | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | Nhận xét, đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch (nếu có) | S3 | A1.4 | CLO3.1  CLO4.1 |
| **11** | Thực hiện đề tài đồ án nhóm liên quan đến ngành học. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thiết kế học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3  C3 | A2.1  A2.2 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |
| **12** | Thực hiện đề tài đồ án nhóm liên quan đến ngành học. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thiết kế học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3  C3 | A2.1  A2.2 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |
| **13** | Viết báo cáo đồ án học phần  Hoàn thiện các bài giảng số. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3  C3 | A2.1  A2.2 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |
| **14** | Viết báo cáo đồ án học phần.  Hoàn thiện các bài giảng số. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3  C3 | A2.1  A2.2 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |
| **15** | Báo cáo đồ án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S3  C3 | A2.1  A2.2 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm đồ án được giao.

**Phụ lục 1. HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH LÀM VIỆC NHÓM**

**1. Mục tiêu**

Sinh viên lập được kế hoạch làm việc nhóm nghề nghiệp theo yêu cầu của học phần và đề xuất được một số ý tưởng trong hoạt động làm việc nhóm.

2. **Yêu cầu về cấu trúc chung**

Một kế hoạch cần có những thành phần cơ bản sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt

- Nội dung/ nhiệm vụ làm việc nhóm

- Thời gian, địa điểm làm việc nhóm

- Phương thức thực hiện

- Kế hoạch làm việc nhóm chi tiết

- Tổ chức thực hiện

**3. Yêu cầu chi tiết về kế hoạch**

***3.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt***

Sinh viên xác định mục tiêu chung của hoạt động làm việc nhóm theo yêu cầu của học phần và có thể đưa ra một số ý tưởng mới để xây dựng kế hoạch làm việc nhóm ở trường phổ thông.

Từ mục tiêu đã xác định, nhóm sẽ cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Với mục tiêu *Ghi âm vào bài giảng*, SV có thể trình bày như sau:

*- Mục tiêu:* Tìm hiểu *Ghi âm vào bài giảng*

*- Yêu cầu cần đạt*

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Nêu được các bước để ghi âm bài giảng |
| 2 | Trình bày được các bước đồng bộ, lọc tạp âm |
| … | … |

***3.2. Nội dung/ nhiệm vụ làm việc nhóm***

SV cần thể hiện được những nội dung cụ thể mà nhóm sẽ thực hiện làm việc nhóm ở trường phổ thông. Nội dung trong phần này được dẫn ra từ các yêu cầu cần đạt trong **mục 3.1.** Những nội dung này có thể được trình bày theo cách liệt kê hoặc lập bảng. Thứ tự các nội dung chi tiết nên được đánh số hoặc kí hiệu sao cho tương thích với các yêu cầu cần đạt đã xác định ở phần đầu của kế hoạch.

Ví dụ: Từ yêu cầu cần đạt 1:Nêu được các bước để ghi âm bài giảng. Nội dung cần tìm hiểu là “Các bước để ghi âm bài giảng”.

***3.3. Thời gian, địa điểm làm việc nhóm***

Cần ghi rõ thời gian và trường phổ thông cụ thể sẽ làm việc nhóm. Nhóm cũng có thể nêu lên một số lưu ý về mặt thời gian và địa điểm sẽ làm việc nhóm như: Những ngày nghỉ lễ, khoảng cách, phương tiện, …

***3.4. Phương thức thực hiện***

Dự kiến những phương thức cụ thể (những hoạt động) mà nhóm cần thực hiện để tìm hiểu những nội dung được đề xuất ở mục 3.2.

Ví dụ: Với nội dung “các bước để ghi âm bài giảng”, SV có thể trình bày như sau:

*- Nội dung:* Các bước để ghi âm bài giảng

*- Cách thức thực hiện:*

+ Xem lại bài giảng của giảng viên;

+ Đọc các tài liệu giảng viên cung cấp;

+ Tìm hiểu thêm từ Internet.

***3.5. Kế hoạch làm việc nhóm chi tiết***

Nhóm xây dựng một kế hoạch chi tiết thể hiện trình tự các nội dung, nhiệm vụ, dự kiến sản phẩm theo trình tự thời gian.

Ví dụ: Với nội dung *Kế hoạch chi tiết*, SV có thể trình bày như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung/nhiệm vụ** | **Cách thức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | **Ghi chú** |
| **…** |  |  |  |  |

***3.6. Tổ chức thực hiện***

*3.6.1. Phân công thực hiện nhiệm vụ*

- Quy định chung của nhóm.

- Phân công nhiệm vụ của nhóm trưởng và các thành viên.

- Cách thức theo dõi, nhận xét và đánh giá các thành viên của nhóm.

*3.6.2. Dự kiến những vấn đề có thể thay thể hoặc phát sinh*

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG SP** | **TRƯỞNG KHOA** |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** |  |
| Họ và tên: | **Lê Duy Hiếu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | ThS |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0977150397, Email: duyhieudhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Đường lối quân sự, Lý luận, phương pháp giảng dạy chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **Giảng viên 2:** |  |
| Họ và tên: | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | ThS |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0989640989, Email: tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 3:** |  |
| Họ và tên: | **Trần Thị Xinh** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | CN |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0962903318, Email: tranxinh180997@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Đường lối quân sự, Lý luận, phương pháp giảng dạy chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Đường lối quân sự  (tiếng Anh): Military Policies | | |
| - Mã số học phần: NAP30009 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác  🗹 Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30 | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Đường lối quân sựlà học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm làm sáng tỏ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được tiếp tục phát triển với nội dung phong phú, tập trung hoàn thiện nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng hiện đại, chính quy, tinh nhuệ, đủ sức đối phó với mọi biến động của tình hình trong nước, khu vực và quốc tế. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng phân tích vận dụng về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến tranh nhân dân; xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kếthợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới vào hoạt động Giáo dục quốc phòng và an ninh.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này giới thiệu cho ngư­ời học những nội dung cơ bản về đường lối quân sự của của Đảng nhằm nâng cao nhận thức về chính trị, giúp ngư­ời học nhận thức rõ những quan điểm cơ bản của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua nội dung học tập và nghiên cứu để ng­ười học tự rèn luyện, trao dồi phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, tu dưỡng phấn đấu thành con ngư­ời mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa và bồi dưỡng kỹ năng phân tích, xem xét và đánh giá các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước. Quá trình học tập hình thành cho người học thái độ học tập nghiêm túc, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu Tổ quốc, quê hương, có niềm tin vững chắc đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** |  | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.1.4 | 1.3.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 3.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Nắm vững nhiệm vụ của Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | Thuyết trình | Tự luận  Rubric 1 |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng những quan điểm chỉ đạo của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân nhằm trang bị kiến thức cho học sinh, sinh viên trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động chống phá cách mạng Việt Nam | Thuyết trình | Tự luận  Rubric 1 |
| CLO1.3 | K4 | Nắm vững và vận dụng những quan điểm của Đảng về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | Thuyết trình | Tự luận  Rubric 1 |
| CLO2.1 | S4 | Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu | Tự học | Hồ sơ học phần  Rubric 2 |
| CLO2.2 | A4 | Có tinh thần yêu nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong thực hiện nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết trình | Tự luận  Rubric 1 |
| CLO3.1 | S4 | Có khả năng tham gia làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh tại trường học và các cơ quan đơn vị | Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học tập  Rubric 2 |
| CLO4.1 | C4 | Hình thành ý tưởng xây dựng đồ án Đường lối quân sự | Hướng dẫn  Đồ án | Tự luận  Đồ án (Rubric 3) |
| CLO4.2 | C4 | Thiết kế đề cương và nội dung đồ án Đường lối quân sự | Hướng dẫn  Đồ án | Tự luận  Đồ án (Rubric 3) |
| CLO4.3 | C4 | Triển khai thực hiện đồ án Đường lối quân sự | Hướng dẫn  Đồ án | Tự luận  Đồ án (Rubric 3) |
| CLO4.4 | C5 | Hoàn thiện báo cáo đồ án | Hướng dẫn  Đồ án | Tự luận  Đồ án (Rubric 3) |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá [[1]](#footnote-1)** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** (tối thiểu 02 lần đánh giá) | |  |  | **30%** |
| A1.1 | Bài tập nhóm, SV nạp bài trên hệ thống LMS, báo cáo thuyết trình; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1 |  |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án lần 1 | - Rubric 2;  - Nhật ký đồ án | CLO2.1  CLO2.2 |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ [[2]](#footnote-2):** (Seminar kết quả giữa kỳ, tối thiểu 01 lần) | |  |  | **20%** |
| A2.1 | - Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics) | CLO3.1 |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  | **50%** |
| A.3.1 | -Báo cáo đồ án  -Sản phẩm đồ án (*nếu có*) | Rubric 3 | CLO4.1  CLO4.2 |  |
| A3.2 | Vấn đáp (Hội đồng đánh giá đồ án môn học) | Rubric 3 | CLO4.3  CLO4.4 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

***Rubric 1:* Đánh giá bài A1.1.** Đánh giá seminar/Bài tập nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **CĐR** | **Trọng số** | **Mô tả mức chất lượng** | | |
| **Tốt**  **(8 -10)** | **Đạt (5,0 -7,9)** | **Chưa đạt(<5,0)** |
| **1** | **Hình thức, bố cục trình bày** | CLO1.1 | **10** | Format bài seminar đúng quy định : Times New Roman, cỡ chữ 24, hàng 1.3 lines,  Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (hình ảnh, sơ đồ) | Format bài seminar đúng quy định : Times New Roman, cỡ chữ 24,  hàng 1.3 lines,  Hình thức báo cáo còn một số lỗi chính tả | Format bài seminar nhóm chưa đúng quy định :  cỡ chữ, font chữ còn chưa thống nhất, giãn cách hàng chưa đúng,  Hình thức báo cáo còn nhiều lỗi chính tả |
| **2** | **Nội dung bài seminar** | CLO1.2  CLO1.3 | **40** | -Bố cục bài seminar logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo đầy đủ yêu cầu, còn cung cấp thêm thông tin ví dụ rất hay, rất thực tế.  -Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút | -Bố cục bài seminar logic, rõ ràng  -Nội dung báo cáo cơ bản đủ theo yêu cầu.  -Hình thức báo cáo đúng khuôn mẫu quy định. | - Bố cục bài seminar chưa hợp lý  - Nội dung báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.  -Hình thức báo cáo đúng quy định, tuy nhiên đang còn một vài chỗ chưa hợp lý. |
| **3** | **Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, thông tin liên quan để giải quyết các vấn đề** | **CLO2.1** | **5** | Tìm được 03-05 tài liệu liên quan, mới, ý nghĩa cao.  Nguồn trích dẫn tài liệu rõ ràng. | Tìm được 01 -02 tài liệu liên quan.  Có trích dẫn nguồn tài liệu nhưng chưa thật chi tiết. | Hầu như chưa có tài liệu liên quan, |
| **4** | **Kỹ năng thuyết trình** | **CLO3.1** | **5** | - Âm lượng thuyết trình tốt, mọi người nghe hiểu dễ dàng.  - Phát âm rõ ràng, dừng đúng nơi.  -Nói trôi chảy và âm thanh thân thiện, thu hút. | -Nhìn chung nói đủ chậm, đủ to và đủ rõ, nhưng thỉnh thoảng còn vấp lỗi,  -Trình bày không thu hút người nghe | Thiếu một trong những đặc điểm sau trong khi nói (chậm rãi, to lớn, rõ ràng)  Nói không trôi chảy và giọng điệu không phù hợp. |
| **5** | **Kỹ năng lãnh đạo nhóm, sự phối hợp các thành viên trong nhóm** | **CLO3.1** | **10** | Có khả năng điều hành nhóm tốt, phân công công việc hợp lý các thành viên nhóm,  Đánh giá các thành viên rất chi tiết. | Có khả năng điều hành nhóm nhưng phân công chưa hợp lý. | Chưa biết điều hành nhóm hoặc chưa biết phân công công việc cho các thành viên trong nhóm |
| Các nội dung, công việc được phân công và làm việc bởi các thành viên trong nhóm rất nhịp nhàng, hiệu quả, thể hiện rõ ràng, cụ thể chi tiết qua bài báo cáo, hồ sơ làm việc của nhóm. | Các nội dung, công việc được phân công và làm việc bởi các thành viên trong nhóm hiệu quả, có thể hiện qua bài báo cáo, hồ sơ làm việc nhưng chưa thật chi tiết, cụ thể. | Các nội dung, công việc chưa được phân công và sự làm việc bởi các thành viên trong nhóm chưa thể hiện rõ ràng, chi tiết qua bài báo cáo, hồ sơ làm việc của nhóm. |
| **6** | **Thời hạn nạp báo cáo seminar** | **CLO2.1** | **5** | Nạp bài báo cáo, hồ sơ trên hệ thống trước thời gian quy định, có đầy đủ hồ sơ, báo cáo yêu cầu | Nạp bài báo cáo, hồ sơ trên hệ thống trong thời gian quy định, có hồ sơ, báo cáo nhưng còn một số lỗi nhỏ. | Hết thời gian quy định vẫn chưa có bài báo cáo, hồ sơ, cần phải gia hạn thêm. |
| **7** | **Tương tác với người nghe** | **CLO3.1** | **5** | Tốt, báo quát, thu hút được toàn bộ người nghe | Có trên 2 tương tác nhưng chưa bao quát | Chỉ có 1 - 2 tương tác |
| **8** | **Trả lời câu hỏi** | **CLO3.1** | **20** | Trả lời đúng 100% số câu hỏi | Chỉ trả lời đúng 60% số câu hỏi | Chỉ trả lời đúng 40% số câu hỏi |
|  | **Tổng số** |  | **100%** |  |  |  |

**Rubric 2. Đánh giá bài A1.2.** *Đánh giá tiến độ thực hiện đồ án*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **CĐR** | **Trọng số (%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Trung bình yếu** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4.0 - 5.4** |
| Thời gian tham gia họp nhóm | CLO2.1 | 10 | Đầy đủ | Vắng 20% số buổi | Vắng 30% số buổi | Vắng 50% số buổi |
| Thái độ tham gia, ý kiến đống góp vào tiến độ đồ án | CLO2.1 | 15 | Sẵn sàng kết nối các thành viên | Kết nối khá tốt với các thành viên khác | Có kết nối với các thành viên khác, nhưng chưa tự giác | Rất ít kết nối với các thành viên |
| Có trên 80% ý kiến đóng góp đúng, chính xác | Có 70 - 80% ý kiến đóng góp đúng | Có từ 60 - 70% ý kiến đóng góp đúng | Có từ 50 - 60% ý kiến đóng góp đúng |
| Khả năng tổ chức và phối hợp nhóm | CLO3.1 | 10 | Có tổ chức, phân công đầy đủ vai trò và công việc cho các thành viên (nhóm trưởng, thư ký, thành viên) | Có tổ chức và phân công vai trò và công việc cho thành viên, nhưng chưa đầy đủ, thiếu 1 vị trí | Có tổ chức và phân công vai trò và công việc cho thành viên, nhưng chưa đầy đủ, thiếu 2 vị trí | Chỉ phân công công việc hoặc chỉ phân công vai trò cho thành viên |
| Tiến độ hoàn thành công việc | CLO2.2 | 40 | Hoàn thành toàn bộ công việc được giao đúng tiến độ | Hoàn thành 80 - 90% công việc đúng tiến độ | Hoàn thành 50 - 79% công việc đúng tiến độ | Hoàn thành <50 % công việc đúng tiến độ, còn lại chậm tiến độ |
| Chất lượng kết quả, sản phẩm theo tiến độ | CLO3.1 | 20 | Sáng tạo, đúng yêu cầu, đúng tiến độ | Đáp ứng khá tốt yêu cầu, còn một số lỗi. | Đáp ứng một phần yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn có nhiều sai sót nghiêm trọng |

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá giữa kỳ: Đáp án

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

**Rubric 3. Đánh giá bài A3.1 và A3.2.** *Đánh giá đồ án môn học*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số (%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | |
| **Xuất sắc**  **8,5÷10** | **Tốt**  **7,0÷ 8,4** | **Đạt yêu cầu**  **5,0 ÷ 6,9** | **Chưa đạt**  **0 ÷ 4,9** |
| **Hình thức và bố cục trình bày** | CLO2.1 | 10 | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm),  Khoảng cách hàng 1.3 lines,  - Đầy đủ các phần của đồ án. | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm),  Khoảng cách hàng 1.3 lines,  . | -Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Căn lề (3 cm), giãn cách hàng chưa đúng, | Format bài đồ án đúng mẫu quy định của GV: Giấy A4, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) lề , khoảng cách hàng còn chưa thống nhất trong toàn bộ báo cáo, |
| - Hình thức báo cáo đẹp, hấp dẫn, thu hút (hình ảnh, sơ đồ) | - Còn một số lỗi chính tả | - Còn một số lỗi chính tả | -Còn nhiều lỗi chính tả |
| - Đầy đủ các phần của đồ án. | - Đầy đủ các phần của đồ án. | - Chưa đầy đủ các phần của đồ án. | - Chưa đầy đủ các phần của đồ án, lộn xộn |
| **Nội dung đồ án** | CLO1.2  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4 | 40 | -Trình bày được lý do, tên bài đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án | -Trình bày được lý do, tên bài đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án | Trình bày chưa hoàn chỉnh được lý do, tên bài đồ án, chưa nêu rõ mục đích, mục tiêu của đồ án | - Trình bày thiếu hoặc chưa nêu được lý do chọn đồ án, tên đồ án, mục đích, mục tiêu của đồ án |
| - Tổng quan: trình bày đầy đủ, logic được các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày đầy đủ được các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày chưa đầy đủ các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án | - Tổng quan: trình bày chưa đầy đủ các vấn đề liên quan đến chủ đề đồ án |
| - Trình bày đầy đủ, logic phương pháp nghiên cứu | - Trình bày đầy đủ phương pháp nghiên cứu | - Trình bày chưa đầy đủ phương pháp nghiên cứu | - Chưa trình bày rõ phương pháp nghiên cứu |
|  | - Kết quả đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | - Kết quả tương đối đầy đủ, phù hợp, logic với mục đích, mục tiêu. | -Kết quả chưa đầy đủ, phù hợp với mục đích, mục tiêu. | -Kết quả chưa đầy đủ, chưa phù hợp với mục đích, mục tiêu |
|  | -Kết luận rõ ràng, logic, thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận rõ ràng, thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận rõ ràng, chưa thể hiện được quy mô sản xuất | -Kết luận chưa rõ ràng chưa thể hiện được quy mô sản xuất |
|  | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn rõ ràng, trình bày chưa theo đúng quy định | - Tài liệu tham khảo: Trích dẫn lộn xộn, trình bày chưa theo đúng quy định |
| **Kỹ năng tìm kiếm tài liệu** | CLO2.2 | 5 | - Tìm được 8 - 10 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được 5-7 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được trên 2 - 4 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. | - Tìm được < 2 tài liệu liên quan đến vấn đề của đồ án. |
| **Sản phẩm đồ án** | CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4 | 10 | - Sản phẩm có đặc tính phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài - Có tính khả thi để triển khai nghiên cứu & sản xuất thực tế | - Sản phẩm có đặc tính phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài nhưng thiếu tính khả thi | - Sản phẩm giống với tên đề tài nhưng có đặc tính không phù hợp so với mục đích/mục tiêu đề tài & thiếu tính khả thi |  |
| **Vấn đáp đồ án** | CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4 | 30 | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi | Trả lời đúng dưới ½ số câu hỏi |
| **Thời hạn nạp báo cáo đồ án** | CLO2.1 | 5 | Nạp bài đồ án trong thời gian quy định của hệ thống | | | Nạp chậm thời gian trên hệ thống |
| Tổng |  | 100 |  |  |  |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] *Đường lối quân sự*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Bộ Quốc phòng, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng, tập 1,2,3 dùng cho lớp bồi dưỡng quốc phòng – an ninh (đối tượng 3),* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

[3]. Bộ Quốc phòng, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng, tập 1,2,3 dùng cho lớp bồi dưỡng quốc phòng – an ninh (đối tượng 1),* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

**7. Kế hoạch dạy học**

7.1. Giảng dạy lý thuyết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Tín chỉ 1**  **Chương 1: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.**  1.1. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay  1.1.1. Tình hình liên quan đến nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam  1.1.2. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay  - Học phần a. | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 5 đến trang 12.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 2(3) | 1.2. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới  1.2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc  1.2.2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 35 đến trang 49.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.3  - CLO4.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 3(3) | **Tín chỉ 2:**  **Chương 2: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**  2.1. Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới  2.1.1. Những căn cứ xác định  2.1.2. Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch  2.1.3. Dự kiến tình huống  2.1.4. Quan điểm, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn hiện nay | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 63 đến trang 84.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A1.2  - A2.1 |
| 4(3) | 2.2. Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân  2.2.1. Khái niệm  2.2.2. Mục đích, tính chất của nền quốc phòng toàn dân | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 84 đến trang 96.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A2.1 |
| 5(3) | 2.2.3. Quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 96 đến trang 115.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2  - A2.1 |
| 6(3) | **Tín chỉ 3:**  **Chương 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân**  3.1. Những vấn đề chung về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  3.1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò  3.1.2. Chức năng, nhiện vụ của lực lượng vũ trang  3.1.3. Những đặc điểm chi phối đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 116 đến trang 124.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2  - A3.1  - A3.2 |
| 7(3) | 3.2. Những quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  3.2.1. Đối với Quân đội nhân dân  3.2.2. Đối với dân quân tự vệ  3.2.3. Đối với Công an nhân dân | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 124 đến trang 140.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2  - A3.1  - A3.2 |
| 8(3) | 3.3. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  3.3.1. Phương hướng chung  3.3.2. Xây dựng Quân đội nhân dân  3.3.3. Dân quân tự vệ  3.3.4. Đối với Công an nhân dân | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 141 đến trang 154.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2  - A3.1  - A3.2 |
| 9(4) | **Tín chỉ 4:**  **Chương 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới**  1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh ở Việt Nam  4.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp  4.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 155 đến trang 163.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO4.3 | - A1.1  - A1.2  - A3.1  - A3.2 |
| 10(4) | 4.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay  4.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế xã hội  4.2.2.Kết hơp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ  4.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường, quốc phòng - an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu  4.2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc  4.2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại  4.3. Một số biện pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh ở Việt Nam hiện nay  4.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước, của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh  4.3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, đặc biệt là cán bộ quản lý  4.3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường cũng cố quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới  4.3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với cũng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới  3.4.5. Cũng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng - an ninh các cấp | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 164 đến trang 172.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO4.3 | - A1.1  - A1.2  - A3.1  - A3.2 |

7.2. Giảng dạy đồ án

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tìm hiểu đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam**  Đưa ra tên đồ án thực tập cho nhóm | Theo Bộ môn sắp xếp | -Tìm hiểu cơ sở các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.  - Hình thành ý tưởng cho đồ án nhóm. |  | A1.2 | -CLO2.3, 4.1 |
| **2** | **Hướng dẫn xây dựng và viết thuyết minh đề cương đồ án Đường lối quân sự** | Theo Bộ môn sắp xếp | - Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. |  | A1.2 | CLO3.1,  4.1 |
| **3** | **Hướng dẫn hoàn thiện đề cương đồ án, Đường lối quân sự** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. |  | A1.2 | CLO3.1, 4.1 |
| **4** | **Triển khai thiết kế thí nghiệm, kế hoạch đồ án** | Theo Bộ môn sắp xếp | -Thao tác các kỹ thuật theo hướng dẫn của Cán bộ CS. |  | A3.1 | CLO4.2 |
| **5** | **Báo cáo tiến độ** |  |  |  | A1.2 | CLO 3.1 |
| **5 -9** | Triển khai đồ án **Đường lối quân sự** | Theo Bộ môn sắp xếp | - Lắp đặt hệ thống thí nghiệm của đồ án.  -Tiến hành triển khai thí nghiệm đồ án.  - Ghi nhật ký thực tập, số liệu. |  | A3.1 | CLO 3.1, 4.2,  4.3 |
| **10** | **Viết và hoàn thiện báo cáo đồ án**  **Phỏng vấn đồ án** | Theo lịch của Nhà trường, |  |  | A3.1, A3.2 |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GDQP&AN VÀ THỰC TẾ PHỔ THÔNG**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thứcđồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thượng tá, Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0989640989, tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 2:** | **Lê Duy Hiếu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0977150397, duyhieudhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự, Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng CSVN; Pháp luật về quốc phòng, an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt):**Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần:**NAP30016** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm GDQP-AN | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:  + Số tiết lý thuyết:30  + Số tiết thực hành:15  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). +Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ở trường phổ thông | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần ***Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh*** là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ ngành Sư phạm GDQP-AN. Là học phần được thiết kế theo chuỗi các đồ án môn học giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn, kĩ năng và thái độ cần có của người giáo viên để hình thành và phát triển năng lực phân tích bối cảnh, phát hiện ý tưởng, thiết kế, triển khai các hoạt động dạy học và giáo dục môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông. Học phần tiếp nối và phát triển các kĩ năng giáo dục ở mức độ vận dụng trong lĩnh vực dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh. Bên cạnh hệ thống kiến thức về lý luận dạy học bộ môn, các kĩ năng dạy học và giáo dục môn học, sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tế phổ thông và thực hiện dự án học phần.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần giúp sinh viên có cơ hội khám phá lý thuyết dạy học bộ môn, thực hành phương pháp dạy học, giải quyết các vấn đề cơ bản của quá trình dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh, trải nghiệm quan sát và thực hiện phân tích bối cảnh, phát hiện các ý tưởng, lập kế hoạch dạy học và thực hiện trong môi trường giả định và thực tế nghề nghiệp. Về kiến thức, sinh viên vận dụng được những kiến thức nâng cao về lí luận chung về dạy học bộ môn, hệ thống các hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Về kĩ năng, sinh viên được rèn luyện các kĩ năng giảng dạy: thiết kế và thực hiện các hoạt động dạy học, sử dụng phương pháp, phương tiện, vũ khí, trang bị dạy học bộ môn và thiết kế các hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Về thái độ, sinh viên thể hiện những yêu cầu về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên tương lai thông qua các hoạt động học tập, thực tế và thực hiện đồ án học phần.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo SưphạmGDQP-AN***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | | |
| PLO1.2 | | PLO2.1 | | PLO2.2 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.2.1 | 1.2.3 | 2.1.3 | 2.1.4 | 2.2.2 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức cơ bản về những vấn đê chung về lý luận và phương pháp dạy học, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức cơ bản vềvề lý luận dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh; để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | S3 | Thông qua thực hành phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng dự án học phần thực hành thành thạo các kỹ năng cơ bản về công nghệ giáo dục số và ứng dụng ICT trong giáo dục để phục vụ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu, dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  & thực hành | Phiếu đánh giá |
| CLO2.2 | S4 | Thông qua nghiên cứu nội dung dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học GDQP&AN sử dụng thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; | Thảo luận& thực hành | Phiếu đánh giá |
| CLO2.3 | A4 | Thông qua hoạt động thực tế phổ thông, Thể hiện phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Bảng kiểm  Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C4 | Thông qua nghiên cứu quan điểm nguyên tắc và các mối kết hợp trong dạy học GDQP&AN và thực tế phổ thông, xác định vị trí, vai trò, đặc điểm và những tác động đến công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 | C5 | Hình thành ý tưởng cho hoạt động dạy học các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh, hoạt độnghuấn luyện kỹ năng quân sự, hoạt động ngoại khoá phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.3 | C5 | Thiết kế hoạt động dạy học các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh, hoạt độnghuấn luyện kỹ năng quân sự, hoạt động ngoại khoá phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.4 | C5 | Triển khai thực hiệnhoạt động dạy học các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh, hoạt độnghuấn luyện kỹ năng quân sự, hoạt động ngoại khoá phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.5 | C5 | Vận hànhcác giải pháp hoạt động dạy học các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh, hoạt độnghuấn luyện kỹ năng quân sự, hoạt động ngoại khoá phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 10% | PLO1.1 |
| A1.2 | - CLO2.1 | Sản phẩmkế hoạch, bài giảng | Phiếu đánh giá (Rubrics | 10% | PLO2.1 |
| A1.3 | - CLO2.2 | Phiếu đánh giá (Rubrics |
| A1.4 | - CLO2.3 | Đánh giá thông qua thể hiện chấp hành nề nếp, tác phong thái độ | Phiếu đánh giá (Rubrics | 10% | PLO2.2 |
| A1.5 | - CLO4.1 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá (Rubrics | 20% | PLO4.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | - CLO4.2  - CLO4.3  - CLO4.4  - CLO4.5 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 50% | PLO4.2 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng1. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1.1 | Nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học | 4 | 2 | 2 | - |
| 1.1.2 | Quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học | 4 | 4 | - | - |
| 1.1.3 | Quan niệm về nguyên tắc dạy học | 4 | - | 2 | 2 |
| 1.2.2 | Nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc dạy học | 4 | 2 | 2 | - |
| 1.3.2 | Khái niệm, đặc điểm và phân loại phương pháp dạy học | 4 | - | 2 | 2 |
| 2.2.1 | Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ | 4 | 2 | 2 | - |
| 2.2.2 | Nhóm phương pháp dạy học trực quan | 8 | 3 | 3 | 2 |
| 2.3.1 | Nhóm phương pháp dạy học thực hành | 2 | 2 | - | - |
| 2.3.2 | Nhóm phương pháp tích cực hóa hoạt động dạy học | 2 | - | 2 | - |
| 2.3.3 | Đối tượng của môn Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | 4 | - | 2 | 2 |
| 3.1.2 | Các phạm trù cơ bản của môn học Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | 8 | - | 4 | 4 |
| 3.3.1 | Nhiệm vụ của môn phương pháp dạy học dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh | 4 | 4 | - | - |
| 3.3.2 | Mối quan hệ của môn Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | 4 | 4 | - | - |
| 3.3.3 | Phương hướng phát triển môn Phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | 4 | 4 | - | - |
| **Tổng** | | **60** | **27** | **21** | **12** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **45%** | **35%** | **20%** |

**Bảng 2. Rubric đánh giá sản phẩm kế hoạch(A1.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Kế hoạch**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5–3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Kế hoạch**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dungcó đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung trải nghiệm; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dungcó đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài.  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá sản phẩm bài giảng(A1.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Bài giảng**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Bài giảng**  ***(6 điểm)*** | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế, có tính giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh mà giáo viên dạy.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp, biết kết hợp tốt các hoạt động dạy và học.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng, tạo hình ảnh trực quan, dễ tiếp thu cho học sinh.  - Tổ chức thực hiện linh hoạt các khâu lên lớp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng.  - Tổ chức thực hiện các khâu lên lớp tương đối phù hợp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. Biết tạo ra các tình huống để học sinh tham gia giải quyết vấn đề một cách hứng thú. | - Nội dung chính xác rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp tương đối phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp  - Đã có trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học theo nội dung bài giảng.  - Đã trình bày các khâu lên lớp tương đối phù hợp, đã có phân phối thời gian và có hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng. | - Nội dung còn có chỗ thiếu chính xác , chưa xác định rõ trọng tâm, chưa có liên hệ thực tế.  - Phương pháp trình bày sơ sài, chưa phù hợp với nội dung bài giảng  - Trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học chung chung, khôngtheo nội dung bài giảng.  - Các khâu lên lớptrình bày chưa phù hợp, phân phối thời gian chung chung. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Thiết kế Slide Bài giảng**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức bài giảng đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảng khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảngđạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảng đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá thông qua thể hiện chấp hành nề nếp, tác phong thái độ (GV đánh giá) (A1.4)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, thực tế ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi thực tế ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi thực tế ở trường phổ thông.  . | Tham gia dưới 80% các buổi học, thực tế ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy và chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động thực tế trường phổ thông.  - Hoàn thànhđầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy và khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động thực tế trường phổ thông.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động thực tế trường phổ thông.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Ý thức tổ chức kỷ luật chưa tốt, tác phong chưa chính quy mẫu mực, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động thực tế trường phổ thông.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]PGS.TS Nguyễn Văn Chung (chủ biên), Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học GDQP&AN, NXB GDVN, 2015

[2] Lê Văn Nghệ, Đồng Xuân Quách, Đặng Đức Thắng. Giáo trình GDQP, Tập 4 (dùng cho đào tạo giáo viên GDQP), Nxb QĐND, 2005

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức, Giáo trình Lý luận dạy học đại học, Trường ĐHSP 1, 1999

[3] Đặng Thành Hưng, Dạy học hiện đại- Lí luận – biện pháp – kỹ thuật, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2002

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 75 tiết, trong đó có 30 tiết lí thuyết 15 tiết thực hành và 30 thực tế phổ thông và dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | ***Chương 1:* Quá trình dạy học**  1. Lý luận dạy học với tư cách là một khoa học  2. Nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học  3. Quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học  ***Chương 2*. Nguyên tắc dạy học**  1. Quan niệm về nguyên tắc dạy học  2. Nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc dạy học | Lớp học | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.1.4 và 1.1.5 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, |  | CLO1.1 |
| **2** | ***Chương 3:*  Phương pháp dạy học**  1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại phương pháp dạy học  2. Hệ thống phương pháp dạy học  3. Phương hướng lựa chọn, vận dung phương pháp dạy học | Lớp học | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.2.1 và 1.3.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, |  | CLO1.1 |
| **3** | ***Chương 4: Những vấn đề chung về dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh***  1.Đặc điểm, nhiệm vụ dạy học môn dục quốc phòng và an ninh  2.Cấu trúc nội dung, chương trình môn học  3.Các nguyên tắc dạy học dục quốc phòng và an ninh | Lớp học | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.1.1 và 2.1.2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, |  | CLO1.2 |
| **4** | ***Chương 5: Phương pháp và hình thức dạy học môn dục quốc phòng và an ninh***  1.Các phương pháp dạy học dục quốc phòng và an ninh  2. Các hình thức dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 và 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A4 |  | CLO1.2  CLO4.1 |
| **5** | ***Chương 6: Tổ chưc và phương pháp dạy học các nội dung cơ bản cảu nôn giáo dục quốc phòng và an ninh***  1.Tổ chức và phương pháp dạy học phần đường lối, nghệ thuật quân sự  2. Tổ chức và phương pháp dạy bài điều lệnh dội ngũ  3. Tổ chức và phương pháp dạycác bài kỹ thuật bộ binh  4. Tổ chức và phương pháp dạy các bài chiến thuật bộ binh | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,S4 |  | CLO1.2  CLO2.2 |
| **6** | ***Chương 7: Giới thiệu phương pháp chuẩn bị và thực hành dạy học một số bài giáo dục quốc phòng và an ninh***  1.Phương pháp chuẩn bị và thực hành giảng bài lý thuyết  2. Phương pháp chuẩn bị và thực hành giảng bài lý luận chiến thuật  3. Giới thiệu Phương pháp chuẩn bị và thực hành giảng bài động tác đội ngũ không có súng  4. Giới thiệu Phương pháp chuẩn bị và thực hành giảng bài bắn súng AK | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Đọc tài liệu  Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4,S4 |  | CLO1.2  CLO2.2 |
| **7** | Thực hành xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thực hành xây dựng kế hoạch, soạn thảo giáo án | Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên | S3,S4 |  | CLO2.1  CLO2.2 |
| **8** | Thực hành xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thực hành xây dựng kế hoạch, soạn thảo giáo án | Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên | S3,S4 |  | CLO2.1  CLO2.2 |
| **9** | Báo cáo kế hoạch dạy học, bài giảng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | Lớp học | Đại diện báo cáo và theo dõi | Theo dõi, đánh giá | S3,S4 |  | CLO2.1  CLO2.2 |
| **10** | Thực tế hoạt động dạy và học môn GDQP&AN ở trường Phổ thông | Trường phổ thông | Theo bài, dự giờ giảng dạy môn GDQPAN | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | A4,C4 |  | CLO2.3  CLO4.1 |
| **11** | Thực tế hoạt động dạy và học môn GDQP&AN ở trường phổ thông | Trường phổ thông | Theo bài, dự giờ tham gia trợ giảng và các hoạt động GDQPAN | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | A4,C4 |  | CLO2.3  CLO4.1 |
| **12** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | C4 |  | CLO2.2 |
| **13** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | C4 |  | CLO2.2 |
| **14** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | C4 |  | CLO2.2 |
| **15** | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S4, C4 |  | CLO4.4  CLO4.5 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực tế phổ thông***

- Tham gia 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông.

- Thể hiện phong cách sư phạm khi đến trường phổ thông.

- Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm tại trường phổ thông.

- Tuân thủ các quy định của trường phổ thông, của giáo viên và của nhóm.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG**

**HỌC PHẦN: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN, BINH CHỦNG**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Thế Tiến**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0972195710, nguyenthetiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Đoàn Quang Dũng***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0986186187, Email: quangdung48qp@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt):  **Hiểu biết chung về quân, binh chủng**  (tiếng Anh): [General](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/general) [understanding](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/understanding) [of](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/of) [troops](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/troops) [and](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/and) [armies](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/army). | | |
| - Mã số học phần: **NAP30015** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  x Kiến thức ngành  V | Học phần chuyên về kỹ năng chung  🗹 Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 04 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
|  | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ….. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quân sự chung, kỹ chiến thuật  Điện thoại: 0972195710 Email: nguyenthetiendhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phầnhiểu biết chung về quân, binh chủng bao gồm 4 tín chỉ, là học phần cơ bản, quan trọng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP-AN nhằm trang bị cho người học những vấn đề cơ bản nhất về quá trình hình thành, phát triển, vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế, nguyên tắc sử dụng và mối quan hệ của một số binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vũ khí hủy diệt lớn, tác chiến điện tử và cách phòng chống; đồng thời rèn luyện cho người học bản lĩnh, tính quyết đoán, sáng tạo và tinh thần đoàn kết, hiệp đồng, tính tổ chức, kỷ luật trong hoạt động GDQP&AN.

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần Hiểu biết chung về Quân, binh chủng những kiến thức, kỹ năng về các quân binh chủng trong chiến đấu, những vấn đề chung của các loại vũ khí khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, tác chiến đện tử và thành thạo cách phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, tác chiến điện tử. Đồng thời là cơ sở giúp người học tìm hiểu, nâng cao chất lượng các nội dung trong chuyên ngành đào tạo và nêu cao tính tích cực, chủ động, đoàn kết, hiệp đồng, quyết đoán, sáng tạo của người làm công tác GDQP&AN.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | | |
| PLO1.1; 1.3 | | PLO2.1; 2.2 | | PLO3.1 | | PLO4.2 | | | |
| 1.1.3 | 1.3.2 | 2.1.4; | 2.2.2 | 3.1.1 | 3.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐRhọc phần (CLO)** | **TĐNLCĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | + Hiểu được tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và các Quân, binh chủng trong chiến đấu .  + Hiểu được nội dung cơ bản về những vấn đề chung của vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học vũ khí lửa và tác chiến điện tử | Hỏi đáp  Thuyết trình  Lấy ví dụ chứng minh | Tự luận |
| CLO1.2 | K4 | + Hiểu rõ và trình bày được các quân binh chủng trong chiến đấu.  + Hiểu rõ và trình bày được về bản chất nguyên nhân phát sinh, quy trình hoạt động, các yếu tố, các loại bệnh, chất cháy của các loại VKHDL và đối tượng tác chiến điện tử. Nắm chắc các biện pháp phòng chống của phân đội, cá nhân đối với các loại VKHDL và công tác phòng chống tác chiến điện tử | Hỏi đáp  Thuyết trình  Lấy ví dụ chứng minh | Tự luận |
| CLO2.1 | S4 | Thực hành thành thạo, linh hoạt một số kỹ năng xử lý tình huống của phân đội, cá nhân khi địch tập kích VKHDL và tác chiến điện tử | Thuyết trình  Động tác mẫu  Theo 3 bước  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm có phân tích  B3: Làm lại lần nữa  Hướng dẫn luyện tập theo đội hình tiểu đội, trung đội | Thực hành  Kiểm tra hành động chỉ huy và tập thể |
| CLO2.2 | A4 | Thể hiện phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy trong nhận biết được địch các tình huống địch tập kích VKHDL và tác chiến điện tử | Thuyết trình  Động tác mẫu  Theo 3 bước  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm có phân tích  B3: Làm lại lần nữa  Hướng dẫn luyện tập theo đội hình tiểu đội, trung đội | Thực hành  Kiểm tra hành động chỉ huy và tập thể |
| CLO3.1 | C4 | Thể hiện được khả năng làm việc nhóm, chỉ huy, phối hợp hiệp đồng, tính tổ chức kỉ luật, linh hoạt sáng tạo trong các tình huống | Thực hành Hướng dẫn luyện tập theo đội hình tiểu đội, trung đội | Thực hành  Kiểm tra hành động chỉ huy và tập thể |
| CLO3.2 | S4 | Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C5 | Hình thành phương pháp giảng dạy, huấn luyện nội dung VKHDL cách phòng chống và tác chiến điện tử ở các trường THPT và thực hiện nhiệm vụ QP&AN | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2 | C5 | Thiết kế hoạt động giảng dạy, huấn luyện nội dung VKHDL cách phòng chống và tác chiến điện tử ở các trường THPT và thực hiện nhiệm vụ QP&AN | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.3 | C5 | Triển khai thực hiện hoạt động giảng dạy, huấn luyện nội dung VKHDL cách phòng chống và tác chiến điện tử ở các trường THPT và thực hiện nhiệm vụ QP&AN | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.4 | C5 | Vận hành các phương pháp giảng dạy, huấn luyện nội dung VKHDL cách phòng chống và tác chiến điện tử ở các trường THPT và thực hiện nhiệm vụ QP&AN, điều kiện cụ thể của nhà trường. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO1.1.3  PLO1.3.2  PLO3.1.1 |
| A1.2 | CLO2.1 | Thực hành | Quan sát | 20% | PLO2.1.4 |
| A1.3 | CLO4.1  CLO4.2 | Sản phẩm kế hoạch dự án | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO4.2.1  PLO4.2.2 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | CLO3.1 | Hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.1.1 |
| A2.2 | CLO3.2 | Giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.1.2 |
| A2.3 | - CLO4.3  - CLO4.4 | Sản phẩm dự án học phần | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 30% | PLO4.2.3  PLO4.2.4 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2+A2.3\*3)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học | Tham gia trên 80% các buổi học | Tham gia 80% các buổi học | Tham gia dưới 80% các buổi học |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học lý thuyết và thực hành  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học lý thuyết và thực hành.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học lý thuyết và thực hành.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học lý thuyết và thực hành.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá thực hành (GV đánh giá) (A1.2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **10.0 – 9.0** | **8.0** | **7.0** | **6.0** |
| **Bài thực hành**  ***(10 điểm)*** | Tác phong bảo đảm, nêu được trường hợp vận dụng, khẩu khí to rõ, động tác đúng, phân chia cử động rõ ràng dứt khoát, đẹp, sát với thực tiễn. | Tác phong bảo đảm, nêu được trường hợp vận dung, khẩu khí to rõ, động tác đúng nhưng chưa đẹp, phân chia cử động chưa rõ ràng dứt khoát. | Tác phong bảo đảm, nêu được trường hợp vận dụng, động tác cơ bản đúng nhưng còn sai sót, chưa rõ ràng dứt khoát. | Tác phong bảo đảm, nêu được trường hợp vận dụng, động tác còn sai, chưa rõ ràng dứt khoát. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Rubric đánh giá lập kế hoạch dự án học phần (A1.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Kế hoạch**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Kế hoạch**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung trải nghiệm; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; quá sơ sài.  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 6. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 3)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 4)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 7. Thang đo đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm (Dành cho SV đánh giá) (A2.2a)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Điểm tối đa**  **(điểm)** | **Điểm nhóm chấm** |
| 1. Kĩ năng giao tiếp, tương tác SV với SV | **5.0** |  |
| *1.1. Biết lắng nghe và đưa ra lời phản hồi 1 cách phù hợp* | *1.0* |  |
| *1.2. Biết lắng nghe và biết thừa nhận ý kiến của người khác* | *1.0* |  |
| *1.3. Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng* | *1.0* |  |
| *1.4. Biết phản hồi và phúc đáp một cách lịch sự* | *1.0* |  |
| *1.5. Biết thuyết phục người khác và đáp lại sự thuyết phục* | *1.0* |  |
| 2. Kĩ năng tạo môi trường hợp tác | **2.0** |  |
| 3. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn | **2.0** |  |
| 4. Kĩ năng xây dựng niềm tin | **1.0** |  |
| **Tổng điểm** | **10.0** |  |

**Bảng 8. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình và slide trình chiếu (Dành cho GV đánh giá) (A2.2b)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian & hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

**Bảng 9. Cách tính điểm đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 6)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 7)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 10. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Số lượng và hình thức của sản phẩm**  *(2 điểm)* | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh hoạ phù hợp. | - Đủ số lượng quy định.  - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh hoạ nhưng chưa thực sự phù hợp. | - Thiếu 1 sản phẩm.  - Cấu trúc chưa chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. | Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.  - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. |
|  | **8.0 – 7.0** | **6.0 - 5.0** | **4.0 – 3.0** | **2.0 - 0** |
| **Nội dung bản báo cáo**  *(8 điểm)* | - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể | - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.  - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể. | - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.  - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.  - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần.  - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó.  - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.  - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ …….……………………………………...………….)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Trương Đình Quý (Chủ biên) - Giáo trình hiểu biết chung về Quân, binh chủng (Dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN) - NXB GD Việt Nam - Năm 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Vụ giáo dục quốc phòng - Giáo trình Giáo dục quốc phòng, an ninh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng), tập 2 - Nhà xuất bản Giáo dục. Năm 2005

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 30 tiết lí thuyết và 30 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1,2:*** Chương 1 và chương 2, 3: 30 tiết (lí thuyết và elearning)

***Tín chỉ 3,4***: 30 tiết dự án của học phần. Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Tín chỉ 1 +2: Chương1. Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và các quân, binh chủng trong chiến đấu**  **1.1 Khái quát chung về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam**  1.1.1 Bộ Quốc phòng  1.1.2 Các quân, binh chủng  **1.2 Hiểu biết chung về các quân, binh chủng và tổ chức hiệp đồng quân, binh chủng trong chiến đấu**  **1.2.1** Binh chủng Pháo binh | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.2.1 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **2** | **1.2.2.** Quân chủng phòng không – không quân  **1.2.3.** Hiểu biết chung về Binh chủng tăng thiết giáp  **1.2.4.** Tổ chức hiệp đồng quân, binh chủng trong chiến đấu | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 1.2.4 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **3** | **Chương 2. Thông tin – Tác chiến điện tử**  **2.1. Hiểu biết cơ bản về thông tin liên lạc (TTLL)**  2.1.1. Sự hình thành, phát triển, vai trò, nhiệm vụ, yêu cầu TTLL  2.1.2. Tổ chức lực lượng TTLL  2.1.3. Mối quan hệ công tác của cơ quan thông tin, người chỉ huy đơn vị thông tin  2.1.4. Một số phương tiện thông tin ở cấp phân đội  2.2. Nguyên tắc chung về tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc trong chiến đấu | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.4 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **4** | **Chương 2. Thông tin – Tác chiến điện tử**  **2.1. Hiểu biết cơ bản về thông tin liên lạc (TTLL)**  2.1.1. Sự hình thành, phát triển, vai trò, nhiệm vụ, yêu cầu TTLL  2.1.2. Tổ chức lực lượng TTLL  2.1.3. Mối quan hệ công tác của cơ quan thông tin, người chỉ huy đơn vị thông tin  2.1.4. Một số phương tiện thông tin ở cấp phân đội  2.2. Nguyên tắc chung về tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc trong chiến đấu  **2.3. Một số vấn đề chung về tác chiến điện tử**  2.3.1. Khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của tác chiến điện tử (TCĐT)  2.3.2. Thành phần của tác chiến điện tử  **2.4. Đối tượng của tác chiến điện tử**  2.4.1. Đối tượng của TCĐT  2.4.2. Công tác phòng chống TCĐT | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 2.4 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **5** | **Chương 3. Vũ khí hủy diệt lớn và cách phòng chống**  **3.1. Vũ khí hạt nhân**  **3.1.1. Những vấn đề chung**  a. Khái niệm  b. Năng lượng hạt nhân  c. Nguyên lý cấu tạo vũ khí hạt nhân (VKHN)  d. Phương thức nổ của VKHN  **3.1.2. Phân loại và phương tiện sử dụng**  a. Phân loại  b. Phương tiện sử dụng | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **6** | **3.1.3. Các nhân tố sát thương phá hoại của VKHN**  a. Sóng kích động  b. Bức xạ quang  c. Bức xạ xuyên  d. Chất phóng xạ  e. Hiệu ứng điện từ  **3.2. Vũ khí hóa học**  **3.2.1. Những vấn đề chung**  a. Khái niệm  b. Đặc điểm, tác hại cơ bản của vũ khí hóa học (VKHH)  c. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của VKHH | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **7** | **3.2.2. Phân loại và phương tiện sử dụng**  a. Phân loại chất độc quân sự  b. Phương tiện sử dụng  **3.2.3. Một số chất độc chủ yếu và cách phòng chống.**  a. Chất độc thần kinh Vx  b. Chất độc loét da Ypêrit.  **Tự học:**  c. Chất độc kích thích CS  d. Chất độc tâm thần BZ  e. Chất đầu độc  f. Chất độc diệt cây  **3.3. Vũ khí sinh học**  **3.3.1. Những vấn đề chung**  a. Khái niệm  b. Các tác nhân sinh học  c. Yêu cầu của vũ khí sinh học  d. Đặc điểm tác hại và cơ chế truyền bệnh  **33..2. Một số loại bệnh do VKSH gây ra**  a. Bệnh dịch hạch  b. Bệnh dịch tả  c. Bệnh đậu mùa  **3.3.3. Phương pháp và phương tiện sử dụng**  a. Phương pháp sử dụng  b. Phương tiện sử dụng  **3.3.4. Phòng chống VKSH**  a. Biện pháp đề phòng  b. Biện pháp khắc phục hậu quả  3**. 4. Vũ khí lửa**  3.4.1. Những vấn đề chung  a. Khái niệm  b. Yêu cầu đối với chất cháy quân sự  c. Phân loại chất cháy  d. Một số loại chất cháy chủ yếu  e. Tác hại của chất cháy  3.4.2. Phương tiện sử dụng  3.4.3. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa  a. Biện pháp đề phòng  b. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa  c. Dập cháy  d. Cấp cứu người bị bỏng | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.4.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2 |
| **8** | **3.1.3. Các nhân tố sát thương phá hoại của VKHN**  f. Đặc điểm, tác hại tổng hợp và cách phòng chống  - Một số động tác cơ bản về hành động của từng cá nhân khi xảy ra vụ nổ hạt nhân ớ các loại địa hình  3.4.3. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa  b. Dập cháy  c. Cấp cứu người bị bỏng  3.4.4. Một số phương tiện dập cháy  a. Bình bọt hóa học chữa cháy  b. Bình chữa cháy C02  (Giới thiệu các phương tiện và động tác dập cháy bằng các phương tiện và cấp cứu người bị bỏng) | Thao trường | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung và động tác mẫu. | **- GV:** Làm động tác mẫu theo 3 bước cho sinh viên quan sát và làm theo.  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm phân tích  B3: Làm lại một lần nữa | S4 A4 | A1.2 | CLO2.1  CLO2.2 |
| **9** | **3.5.** Khí tài đề phòng, cách sử dụng và động tác  tiêu tẩy của cá nhân  - Tác dụng, tính năng cấu tạo và cách sử dụng mặt nạ: EO-16 và MO-4  - Tiêu tẩy cho người, VKTB cá nhân nhiễm chất độc thể bột, bụi phóng xạ | Thao trường | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung và động tác mẫu. | **- GV:** Làm động tác mẫu theo 3 bước cho sinh viên quan sát và làm theo.  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm phân tích  B3: Làm lại một lần nữa | S4 A4 | A1.2 | CLO2.1  CLO2.2 |
| **10** | **3.7.3. Thực hành tổng hợp về hành động của phân đội khi địch tập kích VHDL**  a. Tổ chức quan sát phát hiện  b. Hành động của phân đội  c.Tổ chức khắc phục hậu quả | Thao trường | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung và động tác mẫu. | **- GV:** Làm động tác mẫu theo 3 bước cho sinh viên quan sát và làm theo.  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm phân tích  B3: Làm lại một lần nữa | S4 A4 | A1.2 | CLO2.1  CLO2.2 |
| **11** | **Tín chỉ 3,4:**  Lập kế hoạch dự án cho học phần | Lớ học học nhóm sinh viên tự lựa chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm (nhóm 4-6 sv) | Tư vấn, định hướng giám sát | C4  S4  C5 | A2.1a  A2.2a | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **12** | Báo cáo kế hoạch dự án của học phần | Lớp học | SV báo có theo nhóm | Nhận xét đánh giá, hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch dự án của học phần | C4  S4  C5 | A2.1a  A2.2a | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1 |
| **13** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | C5 | A2.1a  A2.2a | CLO4.2  CLO4.3 |
| **14** | Viết báo cáo dự án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | C5 | A2.1a  A2.2a | CLO4.2  CLO4.3 |
| **15** | Báo cáo dự án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S2, C2 | A2.1b  A2.2b  A2.3 | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.4  CLO4.5 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trần Văn Thông***

Học hàm, học vị: Thượng tá, ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 640 989, tvthongdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Đường lối QP&AN của Đảng CSVN

***Giảng viên 2: Nguyễn Đình Lưu***

Học hàm, học vị: Thượng tá, ThS

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0986608954, dinhuongluu@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối quân sự

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP  (tiếng Anh): **Pedagogical internship and final project** | | |
| - Mã số học phần: NAP30024 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm GDQP-AN | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:  + Số tiết thực tập: 75  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 45  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ở trường phổ thông | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Thực tập và đồ án tốt nghiệp* là học phần kết thúc trong Chương trình đào tạo Sư phạm GDQP-AN. Học phần để người học vận dụng toàn bộ kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất được tích lũy thông qua quá trình học tập, đào tạo kề từ đầu khóa học vào thực tiễn giải quyết các nhiệm vụ trên cương vị là giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh tại trường THPT và thể hiện năng lực sáng tạo, khả năng nghiên cứu thực tiễn, tổng hợp kiến thức lý luận, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng đồ án tốt nghiệp ngành Giáo dục quốc phòng – an ninh. Là cơ sở để hoàn chỉnh việc đánh giá kết quả đào tạo toàn bộ khóa học

*Phần 1:* Thực tập sư phạm (TTSP) có khối lượng kiến thức là 5 tín chỉ, thực hiện trong thời gian 8 tuần học ở tại trường THPT tương ứng với các ngành đào tạo giáo viên. SV thực hành các kĩ năng nghề nghiệp theo "nhóm thực tập giảng dạy" gồm các sinh viên thuộc cùng một ngành đào tạo và "nhóm thực tập chủ nhiệm" gồm các sinh viên thực tập ở cùng một lớp phổ thông. Trong suốt thời gian thực tập SV là thành viên của trường THPT, được sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên phổ thông và sự quản lí toàn diện của Ban Chỉ đạo TTSP trường THPT.

*Phần 2*: Đồ án tốt nghiệp được thực hiện trong thời gian SV đi thực tập ở trường phổ thông với khối lượng học tập tương ứng 3 tín chỉ. SV được quyền đăng kí thực hiện đồ án tốt nghiệp theo nhóm hoặc cá nhân với sản phẩm là một công trình khoa học thể hiện năng lực n­­ghiên cứu khoa học bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các vấn đề thể hiện năng lực thiết kế, triển khai vận hành kế hoạch giáo dục, dạy học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Thực tập và đồ án tốt nghiệp* để người học vận dụng kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch học tập, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, phát triển chương trình môn học, thực hành vận dụng các kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; thực hiện kỹ năng tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống, tính tổ chức, tính kỷ luật cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an ninh, an toàn, dân chủ trong nhà trường, để thực hành giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và giáo dục học sinh trên cương vị là giáo vên THPT

Xác định vị trí, vai trò, đặc điểm và những tác động đến công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường THPT hiện tại để hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai vận hành các giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Sư phạm GDQP-AN***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.2.2 | 2.1.5 | 2.2.2 | 3.2.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Hình thức tổ chức học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K5 | Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh trong việc thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học và giáo dục môn học, nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học bộ môn. | Thực tập sư phạm  Đồ án học phần | Đánh giá quan sát, Phiếu đánh giá |
| CLO2.1 | S5 | Vận dụng kĩ năng tư duy và giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học, nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông | Thực tập sư phạm  Đồ án học phần | Bảng kiểm/rubrics  Phiếu chấm |
| CLO2.2 | A4 | Thể hiện phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, và trách nhiệm của giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh | Thực tập sư phạm  Đồ án học phần | Bảng kiểm/rubrics |
| CLO3.1 | S5 | Thể hiện tác phong chính quy, thành thạo sử dụng ngôn ngữ và các phương thức, phương tiện trong thực hành giao tiếpsư phạm đáp ứng yêu cầu dạy học và giáo dục giáo dục quốc phòng và an ninh | Thực tập sư phạm  Đồ án học phần | Rubrics đánh giá thực tập |
| CLO4.1 | C5 | Xác định vị trí, vai trò, đặc điểm và những tác động đến công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường và tại trường THPT đang thực tập | Thực tập sư phạm  Thực hiện đồ án | - Rubrics đánh giá thực tập  - Đánh giá đồ án |
| CLO4.2 | C5 | Hình thành ý tưởng cho hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường THPT đang thực tập | Thực tập sư phạm  Thực hiện đồ án | - Rubrics đánh giá thực tập  - Đánh giá đồ án |
| CLO4.3 | C5 | Thiết kế hoạt động hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường THPT đang thực tập | Thực tập sư phạm  Thực hiện đồ án | - Rubrics đánh giá thực tập  - Đánh giá đồ án |
| CLO4.4 | C5 | Triển khai thực hiện được hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường THPT đang thực tập | Thực tập sư phạm  Thực hiện đồ án | - Rubrics đánh giá thực tập  - Đánh giá đồ án |
| CLO4.5 | C5 | Thực hiện được các giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng quân sự phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường THPT đang thực tập | Thực tập sư phạm  Thực hiện đồ án | - Rubrics đánh giá thực tập  - Đánh giá đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá [[3]](#footnote-3)** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thực tập** | |  |  | **63** |
| A1.1. | Đánh giá hoạt động giáo dục | Rubric đánh giá hoạt động thực tập giáo dục |  | 19 |
| A1.2 | Đánh giá hoạt động dạy học | Phiếu đánh giá giờ dạy |  | 44 |
| **Công thức tính điểm A1** = [(A.1.1\*19) + (A.1.2\*44)]/63 | | | | |
| **A2. Đánh giá đồ án** | |  |  | **37** |
| A2.1 | Đánh giá thường xuyên | Bảng kiểm  Rubric |  | 10 |
| A2.2 | Đánh giá sản phẩm | Rubric (KN lập kế hoạch; thuyết trình đồ án; sản phẩm đồ án - phiếu chấm hội đồng) |  | 27 |
| **Công thức tính điểm A2** = [(A.2.1\*10) + (A.2.2\*27)]/37 | | | | |
| **Công thức tính điểm tổng kết: A = [(A1\*5)+(A2\*3)]/8** | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**A1. Đánh giá thực tập**

*A1.1. Đánh giá hoạt động giáo dục*

**Bảng 1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP GIÁO DỤC**

Họ và tên người đánh giá:…………………………………………………

Họ và tên người thực hiện:………………………………………………...

Trường THPT……………………………………… Lớp:……….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Kế hoạch đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Kế hoạch đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Kế hoạch chưa đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
| **Dự giờ**  ***(2 điểm)*** | - Dự giờ đầy đủ, đạt 100% theo quy định  -Ghi chép đầy đủ về tiến trình, có nhận xét chi tiết | - Dự giờ đạt > 70% theo quy định.  -Ghi chép tương đối đầy đủ về tiến trình, có nhận xét cơ bản | - Dự giờ đạt > 50% theo quy định.  -Ghi chép đầy đủ về tiến trình, có nhận xét nhưng còn sơ sài | - Dự giờ đạt > 30% theo quy định.  -Không có minh chứng ghi chép |
| **Sinh hoạt lớp chủ nhiệm**  ***(2 điểm)*** | - Xây dựng được 4 giáo án sinh hoạt lớp đạt yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.  - Thực hiện được một 4 tiết sinh hoạt lớp chủ nhiệm và được xếp loạt tốt của GV chủ nhiệm | - Xây dựng được 3 giáo án sinh hoạt lớp đạt yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.  Thực hiện được một 3 tiết sinh hoạt lớp chủ nhiệm và được xếp loạt tốt của GV chủ nhiệm | - Xây dựng được 2 giáo án sinh hoạt lớp đạt yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.  Thực hiện được một 2 tiết sinh hoạt lớp chủ nhiệm và được xếp loạt tốt của GV chủ nhiệm | - Xây dựng được 1 giáo án sinh hoạt lớp đạt yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.  Thực hiện được một 1 tiết sinh hoạt lớp chủ nhiệm và được xếp loạt tốt của GV chủ nhiệm |
| **Hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa**  ***(2 điểm)*** | Thực hiện được ít nhất hai buổi hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa được giáo viên hướng dẫn đánh giá ở mức tốt | Thực hiện được ít nhất hai buổi hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa được giáo viên hướng dẫn đánh giá ở mức khá | Thực hiện được ít nhất hai buổi hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa được giáo viên hướng dẫn đánh giá ở mức trung bình | Thực hiện được không đủ buổi hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa được giáo viên hướng dẫn đánh theo yêu cầu |
| **Thực hiện giáo dục học sinh cá biệt**  ***(2 điểm)*** | Tìm hiểu được đầy đủ, chính xác đặc điểm của học sinh;  Thực hiện được biện pháp giáo dục học sinh phù hợp, hiệu quả  Thể hiện được sự giao tiếp với các bên liên quan trong giáo dục học sinh hiệu quả | Tìm hiểu được đầy đủ đặc điểm của học sinh;  Thực hiện được biện pháp giáo dục học sinh tương đối phù hợp.  Thể hiện được sự giao tiếp với các bên liên quan trong giáo dục học sinh phù hợp | Tìm hiểu được một số đặc điểm của học sinh nhưng khi thực hiện biện pháp giáo dục cần điều chỉnh.  Thể hiện được sự giao tiếp với các bên liên quan trong giáo dục học sinh chưa phù hợp | Tìm hiểu được một số đặc điểm của học sinh nhưng chưa thực hiện được giáo dục học sinh.  Chưa thể hiện khả năng giao tiếp với các bên liên quan trong giáo dục học sinh |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2.**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP GIÁO DỤC**

Họ và tên người đánh giá:…………………………………………………

Họ và tên người thực hiện:………………………………………………...

Trường THPT……………………………………… Lớp:……….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm**  ***(2 điểm)*** |  |  |  |  |
| **Dự giờ**  ***(2 điểm)*** |  |  |  |  |
| **Sinh hoạt lớp chủ nhiệm**  ***(2 điểm)*** |  |  |  |  |
| **Hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khóa**  ***(2 điểm)*** |  |  |  |  |
| **Thực hiện giáo dục học sinh cá biệt**  ***(2 điểm)*** |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**A1.2. Phiếu đánh giá hoạt động giảng dạy**

**Bảng 3**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI GIỜ DẠY GIÁO VIÊN TRUNG HỌC**

Họ và tên người dạy: Môn:

Bài dạy:

Tiết: Lớp:

Thời gian: ngày ...... tháng ...... năm

Họ và tên người đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **1. Kế hoạch**  **và tài liệu dạy học** | 1.1. Mức độ phù hợp của chuỗi *hoạt động học* với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. | 1 |  |
| 1.2. Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập.* | 1 |  |
| 1.3. Mức độ phù hợp của *thiết bị dạy học và học liệu* được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh. | 1 |  |
| 1.4. Mức độ hợp lí của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh. | 1 |  |
| **2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh** | 2.1. Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển *giao nhiệm vụ* học tập. | 2 |  |
| 2.2. Khả năng *theo dõi, quan sát, phát hiện* kịp thời những khó khăn của học sinh. | 2 |  |
| 2.3. Mức độ phù hợp, hiệu quả của các *biện pháp hỗ trợ* và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. | 2 |  |
| 2.4. Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc *tổng hợp, phân tích, đánh giá* kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh. | 2 |  |
| **3. Hoạt động của học sinh** | 3.1. Khả năng *tiếp nhận và sẵn sàng*thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp. | 2 |  |
| 3.2. Mức độ *tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác* của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. | 2 |  |
| 3.3. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong *trình bày, trao đổi, thảo luận* về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. | 2 |  |
| 3.4. Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. | 2 |  |
|  | **Cộng:** | **20** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xếp loại giờ dạy:** | ................................ | **Người đánh giá**  *(Kí và ghi rõ họ tên)* |
| **Tiêu chuẩn xếp loại:** |  |  |
| - Từ 17,0 đến 20,0 điểm: | Xếp loại Giỏi |  |
| - Từ 14,0 đến dưới 17,0 điểm: | Xếp loại Khá |  |
| - Từ 10,0 đến dưới 14,0 điểm: | Xếp loại Trung bình |  |
| - Dưới 10,0 điểm: | Xếp loại Yếu |  |

*5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá đồ án tốt nghiệp*

**A2. Đánh giá đồ án**

A2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

**Bảng 4**

**Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ làm việc (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Thời gian tham dự buổi học bắt buộc**  (5,0 điểm) | Tham gia 100% các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | Tham gia trên 90% các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | Tham gia 80%  các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | Tham gia dưới 80% các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án |
| **Tính chủ động, mức độ tích cực trong tham gia các hoạt động học tập**  (5,0 điểm) | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực các hoạt động theo kế hoạch của nhóm khi thực hiện đồ án |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5**

**Rubric đánh giá hình thành ý tưởng NCKH (lựa chọn và xác định đề tài)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **1. Tính khoa học**  ***(4 điểm)*** | **4.0** | **3.0** | **2.0** | **0.5** |
| Đề tài gắn với lí thuyết và thực tiễn. Xác định cơ sở lí luận rõ ràng. | Đề tài gắn với lí thuyết và thực tiễn. Xác định cơ sở lí luận tương đối rõ ràng. | Đề tài gắn với lí thuyết và thực tiễn. Xác định được một số cơ sở lí luận. | Đề tài chưa gắn với lí thuyết và thực tiễn. Chưa xác định được cơ sở lí luận. |
| **2. Tính mới và sáng tạo**  ***(3 điểm)*** | **3.0** | **2.0** | **1.0** | **0.5** |
| Đề tài sử dụng cách tiếp cận mới, ý tưởng sáng tạo. | Đề tài sử dụng cách tiếp cận mới, có ý tưởng phù hợp. | Đề tài sử dụng cách tiếp cận mới, ý tưởng chưa phù hợp. | Đề tài không thể hiện cách tiếp cận, chưa có ý tưởng phù hợp. |
| **3. Tính khả thi**  ***(3 điểm)*** | **3.0** | **2.0** | **1.0** | **0.5** |
| Đề tài thể hiện rõ việc nâng cao hiệu quả, đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông | Đề tài góp phần nâng cao hiệu quả, đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông | Đề tài thể hiện được một vài đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông | Đề tài không thể hiện được đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

**Bảng 6**

**Rubric đánh giá đề cương đồ án và tiến độ thực hiện đồ án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **Cấu trúc và hình thức của đề cương**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| - Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
| **Nội dung của đề cương**  ***(6 điểm)*** | **6.0** | **4.5** | **3.0** | **1.5** |
| - Xác định được rõ ràng các bước nghiên cứu: Sưu tầm tài liệu; Đọc và chọn lọc tài liệu; Viết đề cương nghiên cứu; Triển khai nghiên cứu...  - Nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các cách thức nghiên cứu và dự kiến sản phẩm.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được rõ ràng các bước nghiên cứu: Sưu tầm tài liệu; Đọc và chọn lọc tài liệu; Viết đề cương nghiên cứu; Triển khai nghiên cứu...  - Nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các cách thức nghiên cứu và dự kiến sản phẩm.  - Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được một số bước nghiên cứu: Sưu tầm tài liệu; Đọc và chọn lọc tài liệu; Viết đề cương nghiên cứu; Triển khai nghiên cứu...  - Nội dung tương đối cụ thể; lập được một số cách thức nghiên cứu và dự kiến sản phẩm.  -Dự kiến được một số nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Xác định được lập được rất ít các hoạt động và cách thức thực hiện không phù hợp.  - Nội dung không cụ thể; không lập được cách thức nghiên cứu và dự kiến sản phẩm.  - Không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
| **Tiến độ thực hiện đồ án**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| - Xác định thời gian cho các công đoạn thực hiện và hoàn thành đồ án tốt nghiệp rất hợp lí, khoa học và đảm bảo tính khả thi.  - Hoàn thành tốt các công việc trong đề cương. | - Xác định thời gian cho các công đoạn thực hiện và hoàn thành đồ án tốt nghiệp tương đối hợp lí, khoa học và đảm bảo tính khả thi.  - Hoàn thành tương đối tốt các công việc trong đề cương. | Xác định thời gian cho các công đoạn thực hiện và hoàn thành đồ án tốt nghiệp một số công đoạn chưa hợp lí, khoa học và đảm bảo tính khả thi.  - Hoàn thành các công việc trong đề cương. | Xác định thời gian cho các công đoạn thực hiện và hoàn thành đồ án tốt nghiệp không hợp lí, chưa khoa học.  - Nhiều công việc trong đề cương.không hoàn thành. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 7**

**Rubric đánh giá thuyết trình báo cáo đồ án tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slides trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lí, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với người nghe | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lí, khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với người nghe. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lí, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với người nghe. | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lí, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với người nghe. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lí và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lí và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lí và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với người nghe**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý).*  - Trả lời câu hỏi của Hội đồng đánh giá đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của Hội đồng đánh giá khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của Hội đồng đánh giá chưa đầy đủ, chính xác. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  Không trả lời được câu hỏi của Hội đồng đánh giá |
| **5. Quản lí thời gian**  ***(2 điểm)*** | - Trình bày đúng thời gian quy định.  . | Trình bày nhanh/chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). | Trình bày nhanh/chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút). | Trình bày nhanh/chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên). |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

A2.2. Đánh giá sản phẩm

**Bảng 8**

**Rubric đánh giá sản phẩm Đồ án tốt nghiệp (của người hướng dẫn)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **Ý thức, thái độ, tinh thần trong quá trình làm Đồ án tốt nghiệp**  ***(2 điểm)*** | Rất nghiêm túc, cầu thị, thực hiện rất tốt những yêu cầu của GV hướng dẫn. | Tương đối nghiêm túc, cầu thị, thực hiện tương đối tốt những yêu cầu của GV hướng dẫn. | Cầu thị, thực hiện những yêu cầu của GV hướng dẫn. Tuy nhiên một số công đoạn làm đồ án GV hướng dẫn còn phải nhắc nhở nhiều. | Thực hiện chưa đúng yêu cầu của GV hướng dẫn. GV hướng dẫn còn phải nhắc nhở nhiều. |
| **Hình thức và số lượng sản phẩm**  ***(2 điểm)*** | - Không có lỗi chính tả; bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... rõ ràng, đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic.  - Đủ 100% số lượng sản phẩm theo yêu cầu | - Không có lỗi chính tả;bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định.  - Đủ 75% số lượng sản phẩm theo yêu cầu | - Còn có lỗi chính tả; một số bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... chưa đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài chưa theo quy định.  - Đủ 50% số lượng sản phẩm theo yêu cầu | - Nhiều lỗi chính tả; bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... không đúng quy định.  - Không theo quy định, không logic  - Đủ 25% số lượng sản phẩm theo yêu cầu |
| **Tổng quan nghiên cứu và Phương pháp nghiên cứu và chọn dẫn chứng minh họa**  **cơ sở lí luận**  **(2 điểm)** | - Phong phú và phù hợp, cơ sở lí luận bám sát đề tài.  - Phương pháp nghiên cứu đa dạng, thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa rất khả thi. | - Phù hợp, cơ sở lí luận bám sát đề tài.  - Phương pháp nghiên cứu tương đối thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng tương đối khả thi. | - Chưa thực sự phù hợp, cơ sở lí luận một số chỗ chưa bám sát đề tài.  - Phương pháp nghiên cứu chưa thật thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa có một số chưa khả thi. | - Rất hạn chế/không phù hợp, cơ sở lí luận không bám sát đề tài.  - Phương pháp nghiên cứu không thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa không khả thi. |
| **Thu thập và xử lí, phân tích tài liệu tham khảo**  ***(2 điểm)*** | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo rất hợp lí và rất phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo tương đối hợp lí và phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo một số chỗ chưa phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo không đúng kĩ không phù hợp. |
| **Kết luận và Tài liệu tham khảo)**  ***(2 điểm)*** | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận rất phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - TLTK phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận tương đối phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - TLTK tương đối phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận một số chỗ chưa phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - TLTK tương đối phong phú nhưng chưa sắp xếp đúng quy định, trích dẫn chưa đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận không phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài  - Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 9**

**Rubric đánh giá sản phẩm Đồ án tốt nghiệp (của ủy viên phản biện)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **Hình thức; Bố cục**  ***( 2 điểm)*** | - Không có lỗi chính tả; bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... rõ ràng, đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic. | - Không có lỗi chính tả;bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định. | - Còn có lỗi chính tả; một số bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... chưa đúng quy định.  - Đầy đủ các phần và độ dài chưa theo quy định. | - Nhiều lỗi chính tả; bản đồ, bảng biểu, sơ đồ, đồ biểu... không đúng quy định.  - Không theo quy định, không lô-gic |
| **Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lí luận**  ***(2 điểm)*** | Phong phú và phù hợp, cơ sở lí luận bám sát đề tài. | Phù hợp, cơ sở lí luận bám sát đề tài. | Chưa thực sự phù hợp, cơ sở lí luận một số chỗ chưa bám sát đề tài. | Rất hạn chế/không phù hợp, cơ sở lí luận không bám sát đề tài. |
| **Phương pháp nghiên cứu và chọn dẫn chứng minh họa**  ***(2 điểm)*** | Phương pháp nghiên cứu đa dạng, thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa rất khả thi. | Phương pháp nghiên cứu tương đối thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng tương đối khả thi. | Phương pháp nghiên cứu chưa thật thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa có một số chưa khả thi. | Phương pháp nghiên cứu không thích hợp; phương pháp chọn dẫn chứng minh họa không khả thi. |
| **Thu thập và xử lí, phân tích tài liệu tham khảo**  ***(2 điểm)*** | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo rất hợp lí và rất phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo tương đối hợp lí và phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo một số chỗ chưa phù hợp. | Phương pháp thu thập, xử lí tài liệu tham khảo không đúng kĩ không phù hợp. |
| **Kết luận và Tài liệu tham khảo)**  ***(2 điểm)*** | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận rất phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - Tài liệu tham khảo phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận tương đối phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - Tài liệu tham khảo tương đối phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận một số chỗ chưa phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài.  - Tài liệu tham khảo tương đối phong phú nhưng chưa sắp xếp đúng quy định, trích dẫn chưa đúng thể thức. | - Rút ra kết quả nghiên cứu và Kết luận không phù hợp với nội dung và mục tiêu đề tài  - Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 10**

**Rubric đánh giá sản phẩm Đồ án tốt nghiệp (của thành viên Hội đồng)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| **Hình thức của đồ án**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định. | Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ đúng quy định. | Còn có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa đúng quy định. | Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định |
| **Chất lượng đồ án**  ***(6 điểm)*** | **6.0** | **4.5** | **3.0** | **1.5** |
| Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu | Đáp ứng 70%- 80% yêu cầu | Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |
| **Trả lời câu hỏi *(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| Trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi | Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Phạm Trung Thanh (chủ biên), Nguyễn Thị Lí, *Giáo trình thực tập sư phạm năm thứ ba*, NXB Đại học sư phạm, 2007.

[2] Vũ Cao Đàm, Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015

[3]PGS.TS Nguyễn Văn Chung (chủ biên), Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học GDQP&AN, NXB GDVN, 2015

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 và Chương trình các môn học,* Ban hành kèm theo Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp trung học phổ thông. *Ban hành kèm theo Thông tư số: 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

[5]. Lê Văn Luỹ, Lê Quang Sơn, *Giáo trình Giao tiếp Sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, 2014.

**7. Kế hoạch dạy học**

***7.1. Kế hoạch thực tập sư phạm***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 | **Tiếp cận thực tế trường phổ thông**  + Nắm tình hình lớp thực tập giáo dục, lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong cả đợt TTSP.  + Tìm hiểu nội dung và kế hoạch dạy học bộ môn ở trường phổ thông.  + Lập kế hoạch các hoạt động giáo dục và dạy học trong cả đợt TTSP. | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | - Nghe báo cáo của đại diện trường phổ thông *(lịch sử nhà trường; thành tích; những thuận lợi, khó khăn…).*  - Nghe báo cáo của tổ chuyên môn.  - Nhận sự phân công nhiệm vụ cả đợt TTSP từ giáo viên hướng dẫn (bao gồm cả nhiệm vụ dạy học và giáo dục).  - Nhận lớp và tìm hiểu về lớp chủ nhiệm  - Làm kế hoạch chủ nhiệm; Giáo án lao động; Giáo án hoạt động ngoại khóa; Giáo án sinh hoạt lớp. | - Phân tích được tình hình của trường phổ thông.  - Phân tích được hoạt động của tổ chuyên môn.  - Làm quen với lớp chủ nhiệm và tiếp nhận những nhiệm vụ của một GV chủ nhiệm.  - Xây dựng được kế hoạch hoạt động giáo dục và dạy học dưới sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 |
| 2 | **Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục** | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để có thể điều chỉnh và thực hiện kế hoạch thực tập phù hợp/ linh hoạt.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 1, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Xác định được yêu cầu của các nhiệm vụ thực tập trọng tâm ở tuần 2.  - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 1, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện được tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy của GV bộ môn và 1 tiết dạy của sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường (nếu được yêu cầu/mời tham gia).  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 3 | **Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục** | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để thực hiện yêu cầu phù hợp/ linh hoạt.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 2, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Xác định được yêu cầu của các nhiệm vụ thực tập trọng tâm ở tuần 3.  - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 2 đã hoàn thiện.  - Thực hiện tốt tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường (nếu được yêu cầu/mời tham gia).  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1 A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 4 | **Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục** | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để có thể điều chỉnh và thực hiện kế hoạch thực tập phù hợp/ linh hoạt/ sáng tạo.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 3, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Xác định được yêu cầu của các nhiệm vụ thực tập trọng tâm ở tuần 4.  - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 3 đã hoàn thiện.  - Thực hiện tốt tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường (nếu được yêu cầu/mời tham gia).  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 5 | **Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục** | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để thực hiện kế hoạch thực tập phù hợp/ linh hoạt/ sáng tạo.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 4, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Xác định được yêu cầu của các nhiệm vụ thực tập trọng tâm ở tuần 5.  - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 4 đã hoàn thiện.  - Thực hiện tốt tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường (nếu được yêu cầu/mời tham gia).  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 6 | **Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục** | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để thực hiện kế hoạch thực tập phù hợp/ linh hoạt/ sáng tạo.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 5, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Xác định được yêu cầu của các nhiệm vụ thực tập trọng tâm ở tuần 6.  - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 5 đã hoàn thiện.  - Thực hiện tốt tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường.  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (Nghiên cứu/ hình thành ý tưởng để dự kiến đề xuất các giải pháp từ thực tiễn thực tập.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 7 | Thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | *Bám sát nhiệm vụ ở trường phổ thông để thực hiện kế hoạch thực tập phù hợp/ linh hoạt/ sáng tạo.*  - Hoàn thiện bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 6, nạp cho GV hướng dẫn.  - Thực hiện giảng dạy tiết đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt.  - Dự giờ và tham gia rút kinh nghiệm, đánh giá giờ dạy của sinh viên trong nhóm thực tập giảng dạy bộ môn.  - Dự các buổi sinh hoạt chuyên môn với tổ hoặc nhóm chuyên môn ở trường phổ thông.  - Hướng dẫn lao động hoặc hoạt động xã hội, ngoại khoá...  - Theo dõi tình hình lớp chủ nhiệm/ Sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Giáo dục học sinh cá biệt, bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (nếu có). | - Bản kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục tiết 6 đã hoàn thiện.  - Thực hiện tốt tiết dạy đánh giá.  - Dự được ít nhất 1 tiết dạy sinh viên trong nhóm chuyên môn.  - Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn và nhà trường, đoàn trường (nếu được yêu cầu/mời tham gia).  - Tổ chức được ít nhất 1 hoạt động giáo dục hoặc hoạt động ngoại khóa cho học sinh.  - Thực hiện các buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm.  - Thực hiện được việc giáo dục học sinh cá biệt/ bồi dưỡng nhân tố điển hình của lớp học sinh (Nghiên cứu/ hình thành ý tưởng để dự kiến đề xuất các giải pháp từ thực tiễn thực tập.  - Ghi chú trong Nhật ký thực tập những vấn đề băn khoăn/ quan tâm/ hướng giải quyết. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| 8 | Tổng kết/đánh giá công tác thực tập | Trường THPT; Lớp chủ nhiệm | - Sinh hoạt và chia tay lớp chủ nhiệm.  - Hoàn thiện hồ sơ thực tập (kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục, nhật kí TTSP…).  - Tham gia hoạt động tổng kết TTSP của nhà trường. | - Thực hiện tốt các công tác chủ nhiệm lớp trong tuần cuối cùng đợt thực tập.  - Nộp hồ sơ thực tập nạp cho trường PT và cho ĐHV theo đúng yêu cầu.  - Có các hoạt động phối hợp với nhà trường PT để tổ chức tổng kết/ đánh giá đợt TTSP. | A1.1  A1.2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |

**7.2. Kế hoạch thực hiện đồ án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung**  **công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của SV** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Hình thành ý tưởng về đồ án tốt nghiệp** | Trước khi đi thực tập SP tại trường phổ thông/ hoặc từ thực tế TTSP có ý tưởng mới | Xác định vấn đề/ý tưởng nghiên cứu, đề xuất và lựa chọn đề tài/ vấn đề nghiên cứu | GV hướng dẫn, gợi ý các vấn đề đề tài đồ án tốt nghiệp  (e-learning kết hợp trực tiếp/trực tuyến) | Tên đề tài đồ án TN | A2.1  A2.2 | CLO2.1  CLO4.2 |
| **2** | **Lập kế hoạch/ xây dựng đề cương đồ án tốt nghiệp:**  - Lập kế hoạch thu thập dữ liệu/ thông tin.  - Lập kế hoạch nghiên cứu lí luận/ thu thập dữ liệu/ thông tin; điều tra, khảo sát thực tiễn thu thập dữ liệu liên quan đến đề tài đồ án. | Nhóm SV tự chọn không gian làm việc/ trực tiếp hoặc qua team/zalo/ email… | - Hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của Kế hoạch/đề cương Đồ án tốt nghiệp.  - Liên lạc với GV hướng dẫn.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong nhóm.  - Xin ý kiến gợi ý của GV ở trường phổ thông  - Lập kế hoạch viết Đồ án tốt nghiệp. - Viết và nộp đề cương  sơ bộ. | - GV giúp SV hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của KH/đề cương Đồ án tốt nghiệp.  - Chỉnh sửa và thông qua đề cương  sơ bộ.  - Hướng dẫn viết đề cương chi tiết | Đề cương tổng quát ĐATN | A2.1  A2.2 | CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3  CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2  CLO4.3 |
| **3** | **Hoàn thiện đề cương chi tiết và kế hoạch thực hiện đồ án** | Nhóm SV tự chọn không gian làm việc/ trực tiếp hoặc qua team/zalo/ email… | - Viết và nộp đề cương chi tiết.  - Báo cáo đề cương chi tiết đề tài/ dự án học phần. | GV góp ý, chỉnh sửa và thông qua đề cương  chi tiết. | Đề cương chi tiết ĐATN | A2.1  A2.2 | CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3  CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2  CLO4.3 |
| **4-9** | **Thực hiện**  **Đồ án**  **tốt nghiệp**  *(Về thực nghiệm các ý tưởng/nội dung đồ án đề nghị nhóm SV thực hiện trong quá trình đi thực tập về hoạt động dạy học và giáo dục để* *minh chứng, có cơ sở để đưa vào Đồ án)* | Nhóm SV tự chọn không gian làm việc/ trực tiếp hoặc qua team/zalo/ email… | - Thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lí số liệu tình hình phục vụ cho việc viết Đồ án tốt nghiệp.  - Viết bản thảo Đồ án tốt nghiệp. | **GV liên hệ, hỗ trợ, giám sát**  - Kiểm tra tiến độ thực hiện của SV. - Trao đổi và hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lí số liệu tình hình phục vụ cho việc viết Đồ án tốt nghiệp.  - Hướng dẫn SV sửa bản thảo Đồ án tốt nghiệp. | Sổ tay làm việc nhóm ĐATN | A2.1  A2.2 | CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| **10-12** | **Hoàn thành và nộp sản phẩm Đồ án tốt nghiệp** | Nộp file qua email/ nộp bản cứng trực tiếp cho GV/ VP khoa | - Chỉnh sửa hoàn thành Đồ án tốt nghiệp.  - Nộp sản phẩm Đồ án tốt nghiệp (Bản hoàn chỉnh) | GV kiểm đếm sản phẩm/phản hồi cho SV về thông tin nhận được SP | Sản phẩm Đồ án TN | A2.1  A2.2 | CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |
| **13-15** | **Báo cáo và Đánh giá kết quả sản phẩm Đồ án tốt nghiệp** | Đại diện nhóm SV báo cáo | Đại diện nhóm SV báo cáo sản phẩm Đồ án tốt nghiệp trước GV/PB/Hội đồng chấm Đồ án tốt nghiệp. | GV/Phản biện/Hội đồng Đánh giá kết quả sản phẩm Đồ án tốt nghiệp của SV. | Báo cáo thuyết trình và Sản phẩm đồ án TN được đánh giá | A2.1  A2.2 | CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN TTSP**

*(Phòng Đào tạo nhà trường hướng dẫn theo từng năm học)*

**PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN KHUNG TRÌNH BÀY ĐỒ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |

**MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP VÀ**

**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**Phần 1: Báo cáo thực tập**

**1. Nhóm sinh viên thực hiện**

- Nhóm trưởng:

- Thành viên:

**2. Nơi thực tập**

- Tên trường: ……………………………. Địa chỉ: ………………………………

- Điện thoại: …………………………….. Website: ……………………………..

- Họ tên giáo viên hướng dẫn thực tập: …………………………….. ……………….

Số điện thoại: …………………………….. E-mail: ……………………………….

**3. Mục tiêu**

**4. Phương pháp thực hiện**

**5. Nội dung chính của thực tập**

**6. Tiến độ thực hiện thực tập** [Chú ý: *Cần phải phản ánh một số nội dung công việc liên quan đến quá trình thực hiện đồ án trong quá trình thực tập*]

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thời gian | Nội dung công việc | Kết quả dự kiến đạt được | Nhận xét của  giáo viên hướng dẫn thực tập |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*(Nêu kết quả phải đạt được theo từng mốc thời gian)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cán bộ hướng dẫn của Khoa**  **TS. Nguyễn Văn A** | **Giáo viên hướng dẫn thực tập**  **Trần Văn B** |

**Phần 2: Báo cáo Đồ án tốt nghiệp**

**1. Tên đề tài:**

**2. Nhóm sinh viên thực hiện**

- Nhóm trưởng:

- Thành viên:

**3. Tiến độ và phân công nhiệm vụ đồ án**

**4. Nội dung đồ án** [tuỳ chuyên ngành có thể yêu cầu chi tiết về hình thức báo cáo]

4.1. Phần mở đầu

4.2. Phần nội dung

4.3. Sản phầm đồ án

4.4. Kết luận và kiến nghị

Tài liệu tham khảo và phụ lục của đồ án

**5. Đánh giá nhóm** [nhóm trưởng và thành viên đánh giá mức độ công việc và nhiệm vụ được giao của các thành viên]

**6. Xác nhận của GVHD**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thượng tá, Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0989640989, tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 2:** | **Nguyễn Đình Lưu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0986608954, luund37@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự, Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng CSVN; Pháp luật về quốc phòng, an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Pháp luật về quốc phòng, an ninh** (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: NAP30017 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành    🗹 Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 36 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 9 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Pháp luật về quốc phòng, an ninh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo GDQP-AN. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học các môn học thuộc khối kiến thức chung.

Pháp luật về quốc phòng, an ninh trình bày những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; lý luận về nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; Sự cần thiết ban hành, quá trình ban hành, bố cục và những nội dung cơ bản của các văn bản Luật Quốc phòng; Luật An ninh quốc gia; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam; Luật Dân quân tự vệ; Luật Công an nhân dân, Luật An ninh mạng, Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần Pháp luật về quốc phòng, an ninh trang bị cho sinh viên những kiến thức hiểu biết về nhà nước và pháp luật; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; những hiểu biết cơ bản về các văn bản pháp luật trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh đã được Nhà nước ban hành làm cơ sở vận dụng vào thực tiễn hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thông qua nghiên cứu những vấn đề cơ bản về về nhà nước và pháp luật; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; những hiểu biết cơ bản về các văn bản pháp luật trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh giúp người học phát triển tư duy hệ thống, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Đồng thời bồi dưỡng cho người học ý thức, thái độ chấp hành pháp luật của Nhà nước, làm cơ sở để quán triệt, giáo dục, phổ biến, tuyên truyền các chính sách và pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động quốc phòng, an ninh.

Nghiên cứu những nội dung Pháp luật về quốc phòng, an ninh góp phần bồi dưỡng kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết để giảng dạy, hướng dẫn tổ chức quốc phòng, an ninh trong trong các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ quan, đơn vị.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | | PLO2.2 | PLO4.4 |
| 1.1.4 | 1.3.1 | 2.1.1 | 2.1.5 | 2.2.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐRhọc phần (CLO)** | **TĐNLCĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng những kiến thức hiểu biết về nhà nước và pháp luật; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa, để giảng dạy các nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức nâng cao về Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam, Luật Dân quân tự vệ; Luật Công an nhân dân,; Luật Nghĩa vụ quân sự; vào giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế hiện nay | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | S4 | Phát triển tư duy hệ thống, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh thông qua nghiên cứu những nội dung cơ bản của Luật An ninh quốc gia, Luật An ninh mạng, | *Thuyết trình, bài tập* | *bài tập lớn* |
| CLO2.2 | S4 | Thực hành thành thạo các kỹ năng tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống, tính tổ chức, tính kỷ luật cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an ninh, an toàn, dân chủ trong nhà trường thông qua nghiên cứu nội dung cơ bản của, Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự | *Thuyết trình, Làm việc nhóm* | *Báo cáo kế hoạch ngoại khóa theo nhóm* |
| CLO3.1 | A4 | Bộc lộ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân thông qua thực hiện nề nếp, chế độ học tập nghiên cứu Pháp luật về quốc phòng, an ninh | *Thuyết trình, bài tập* | *Bảng kiểm,* |
| CLO4.1 | C4 | Nhận ra được những vấn đề cơ bản của công tác quốc phòng, an ninh và hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay thông qua nghiên cứu nội dung cơ bản của Luật Quốc phòng, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh | *Thuyết trình, Tiểu luận* | Phiếu đánh giá |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm,tự luận,vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát,hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Đánh giá tinh thần, thái độ học tập | - Rubric 1 | CLO3.1 |  |
| A1.2 | Câu hỏi TNKQ | 20 câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| A1.3 | - Bài tập 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.1 |  |
| A1.4 | - Bài báo cáo thuyết trình trên powerpoint theo nhóm | - Rubric 2 | CLO2.2 |  |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Bài tiểu luận; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO4.1 |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO 2.1  CLO3.1 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia trên 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia 80% các các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia dưới 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1 | Nhà nước và pháp luật; | 8 | 6 | 2 | - |
| 1.2 | Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa, | 8 | 6 | 2 | - |
| 1.3 | Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam | 6 |  | 3 | 3 |
| 1.4 | Luật Dân quân tự vệ | 6 |  | 3 | 3 |
| 1.5 | Luật Công an nhân dân | 6 |  | 3 | 3 |
| 2.1 | Luật Nghĩa vụ quân sự | 6 |  | 3 | 3 |
| **Tổng** | | **40** | **12** | **16** | **12** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **30%** | **40%** | **30%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá bài thuyết trình làm việc nhóm (A1.4)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Bài thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Bài thuyết trình**  ***(6 điểm)*** | - Xây dựng nội dung kế hoạch đầy đủ, phù hợp với việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xh trong lứa tuổi HS, SV nâng cao được những hiểu biết về Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự  - Hình thức tổ chức sinh động, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, có tính khả thi  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  . | - Xây dựng nội dung kế hoạch đầy đủ, phù hợp với việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xh trong lứa tuổi HS, SV phần nào nâng cao được những hiểu biết về Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự  - Hình thức tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, có tính khả thi  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. | - Xây dựng nội dung kế hoạch tạm được, tương đối phù hợp với việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xh trong lứa tuổi HS, SV chưa phục vụ nhiều cho việc nang cao hiểu biết về Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự  - Hình thức tổ chức chưa thật sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.  - Có phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. | - Xây dựng nội dung kế hoạch sơ sài, chưa phù hợp với việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xh trong lứa tuổi HS, SV chưa hướng vào nâng cao những hiểu biết về Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự  - Hình thức tổ chức đơn điệu, chưa thật sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.  - Phân công nhiệm vụ chưa cụ thể, chưa có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Đình Lưu, Tập bài giảng Pháp luật về quốc phòng – an ninh, Lưu hành nội bộ - 2020

[2] Tạ Ngọc Vãng-Bùi Văn Thịnh-Phạm Đình Xinh-Đinh Tuấn Anh- Phan Tân Hoài-Nguyễn Hoàng Minh, Giáo trình *Giáo dục an ninh – trật tự* –Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Bộ Quốc phòng, Giáo trình Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh – Tập 3-Nxb Quân đội nhân dân , 2015

[4] Giáo trình Đại cương nhà nước và pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2006,2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1.** Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật  **1.1** Những vấn đề chung về nhà nước  **1.2** Những vấn đề chung về pháp luật | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu [1], trang 2-11 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 2(3) | **Chương 2.** Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa  2.1 Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa  2.2 Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa  **2.3** Pháp luật về quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 12-58 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 3(3) | **Chương 3.** Luật Quốc phòng  2.1 Sự cần thiết xây dựng Luật QP  2.2 Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật  2.3. Quá trình xây dựng luật  2.4 Bố cục, khái lược nội dung của Luật Quốc phòng  2.5 Những vấn đề chung về quốc phòng  2.6 Hoạt động cơ bản về quốc phòng  2.7 Tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm  2.8 Lực lượng vũ trang nhân dân  2.9 Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức về quốc phòng | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 59-80 | - CLO4.1 | - A2.1 |
| 4(3) | **Chương 4.** Luật An ninh quốc gia  3.1 Sự cần thiết phải xây dựng Luật An ninh quốc gia và các quan điểm chỉ đạo được quán triệt trong Luật  3.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật an ninh quốc gia  3. 3. Những quy định chungvề An ninh quốc gia  3.4. Bảo vệ an ninh quốc gia  3.5 Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia  3.6 Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 81-95 | - CLO2.1 | -A1.3 |
| 5(3) | **Thảo luận** | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 78-86 | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO4.1 |  |
| 6(3) | **Chương 5**. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh  4.1 Sự cần thiết, quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc xây dựng Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh  4.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh  4.3.Những quy định chung về Giáo dục quốc phòng và an ninh  4.4 Giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường  4.5. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh  4.6 Phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân  4.7 Giáo viên, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 96-119 | - CLO4.1 | - A2.1 |
| 7(3) | **Chương 6**. Luật Nghĩa vụ quân sự  5.1 Sự cần thiết, quan điểm ban hành Luật Nghĩa vụ quân sự  5.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật Nghĩa vụ quân sự  5.3 Những quy định chung về Nghĩa vụ quân sự  5.4. Đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự  5.5. Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị  5.6. Nhập ngũ và xuất ngũ trong thời bình | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 120-134  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 8(4) | **Chương 7 Luật Dân quân tự vệ**  6.1 Sự cần thiết, quan điểm ban hành Luật Nghĩa vụ quân sự  6.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật Dân quân tự vệ  6.3. Khái niệm, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của DQTV  6.4. Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình  6.5. Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quản lý Dân quân tự vệ  6.6. Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ  6.7. Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình  6.8. Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ  6.9. Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ  6.10. Tổ chức Dân quân tự vệ  6.11. Hoạt động của DQTV | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 135-151  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 9(3) | **Chương 8: Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam**  7.1 Sự cần thiết, quan điểm ban hành Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam  7.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam  7.3 Những quy định chung về Sĩ quan QĐND Việt Nam  7.4. Quân hàm, chức vụ Sĩ quan QĐND Việt Nam  7.5 Nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của Sĩ quan QĐND Việt Nam  7.6 Quy định về Sĩ quan Dự bị | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 152-161 | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 10(3) | **Thảo luận** | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 78-86 | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.2 |
| 11(3) | **Chương 9: Luật Công an nhân dân**  8.1 Sự cần thiết, quan điểm ban hành Luật Công an nhân dân  8.2 Bố cục và những nội dung cơ bản Luật Công an nhân dân  8.3 Những quy định chung về Công an nhân dân  8.4 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân  8.5. Tổ chức của Công an nhân dân  8.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân  8.7. Bảo đảm điều kiện hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 162-176 | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 12(3) | **Chương 10: Luật An ninh mạng**  10.1. Sự cần thiết ban hành luật an ninh mạng  10.2. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của luật  10.3. Bố cục của luật  10.4. Những nội dung cơ bản của luật | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 177-200 | - CLO2.1 | -A1.3 |
| 13(3) | **Chương 11. Luật Hình sự**  9.1.Nhận thức chung và các khái niệm cơ bản của Luật Hình sự  9.2. Nhận thức chung về tội phạm  9.3. Nhận thức chung về hình phạt | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [2], trang 112-135 | - CLO2.2 | - A1.4 |
| 14(3) | **Chương 12. Luật Tố tụng hình sự**  10.1.Nhận thức về tố tụng hình sự  10.2. Nội dung cơ bản Luật Tố tụng hình sự  10.3. Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hình sự | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [2], trang 136-217 | - CLO2.2 | - A1.4 |
| 15(3) | **Thảo luận và ôn tập** | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn ôn tập | - Đọc tài liệu [1], trang 78-119  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.3  - CLO2.3 | - A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Học phần: Thể thao quốc phòng và trò chơi giáo dục quốc phòng**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Phạm Thế Dũng***

Học hàm, học vị: Cử nhân

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0988.823.518, thedungdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Lưu Văn Mạnh***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0987.817.345; manhqpandhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thể thao quốc phòng và trò chơi giáo dục quốc phòng**  (tiếng Anh): **Defense sports and defense educational games** | | |
| - Mã số học phần: NAP30013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức nhanh | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 06 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập:0 | |  |
| + Số tiết thực hành:24 | |  |
| + Số tiết tự học:60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận, bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Kỹ - Chiến thuật  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Thể thao quốc phòng và trò chơi giáo dục quốc phòng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, loại học phần tự chọn trong chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể thao, trò chơi giáo dục quốc phòng và phương pháp hướng dẫn, tổ chức trò chơi giáo dục quốc phòng. Đồng thời góp phần hình thành thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo cho người học.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể thao, trò chơi giáo dục quốc phòng và phương pháp hướng dẫn, tổ chức trò chơi giáo dục quốc phòng như: ba môn quân sự phối hợp; võ thể dục; trò chơi.... Bỗi dưỡng cho người học có thái độ nghiêm túc trong học tập, rèn luyện đức tính cần cù chịu khó, tinh thần đồng đội, có trách nhiệm với nghề nghiệp và cầu tiến bộ.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| PLO 1.3 | PLO 2.1 | | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.1 | | | PLO3.2 | | PLO4.4 | | PLO4.5 | | PLO4.6 | | | | |
| 1.3.4 | 2.1.2 | 2.1.5 | 2.2.2 | 2.3.3 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.1.3 | 3.2.1 | 3.2.3 | 4.4.1 | 4.4.2 | 4.5.1 | 4.5.2 | 4.6.1 | 4.6.2 | 4.6.3 | 4.6.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 1.3 | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2.1 | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2.2 |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2.3 |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3.1 |  | ✓ | ✓ |  | ✓ |  |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |
| CLO 3.2 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| CLO 3.3 | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3.4 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 02 | Nắm được ý nghĩa, vị trí và vai trò của các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.2 | 02 | Nắm được phương pháp hướng dẫn và tổ chức của các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.3 | 02 | Hiểu được điều lệ và quy tắc thi đấu của các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Thuyết trình | Vấn đáp |
| CLO 2.1 | 03 | Thực hiện thành thạo các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Giới thiệu động tác qua 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.2 | 03 | Thể hiện được khả năng phối hợp làm việc nhóm trong thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Luyện tập theo đội hình tiểu đội | Vấn đáp, kiểm tra theo tiểu đội |
| CLO 2.3 | 03 | Thể hiện được khả năng quản lý, điều hành nhóm trong thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Luyện tập theo đội hình tiểu đội | - Vấn đáp  - Nhóm trưởng báo cáo kết quả |
| CLO 3.1 | 04 | Có khả năng tổ chức thi đấu các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | Thực hành | - Vấn đáp  - Tự luận |
| CLO 3.2 | 04 | Có khả năng phân tích, đánh giá kết quả các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng | - Thuyết trình  - Thực hành | - Vấn đáp  - Tự luận |
| CLO 3.3 | 04 | Vận dụng phù hợp các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng vào thực tiễn công tác tại đơn vị | Thực hành | - Vấn đáp  - Thực hành |
| CLO 3.4 | 04 | Vận dụng sáng tạo các môn thể thao quân sự và trò chơi giáo dục quốc phòng vào các hoạt động ngoại khóa của đơn vị | Thực hành | - Vấn đáp  - Thực hành |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | - Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  - Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO2.1 | 10% |
| A1.2: Hồ sơ học phần | Ghi chép bài đầy đủ, sạch sẽ  GV đánh giá và lưu hồ sơ  - Bài tập tự luận SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO2.1 | 20% |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Sinh viên tham gia, tổ chức các trò chơi, GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 3 | CLO1.1;CLO1.2; CLO1.3;CLO2.1; CLO2.2;CLO2.3; CLO3.1;CLO3.2; CLO3.3;CLO3.3 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Thực hành, vấn đáp) | Thi Thực hành; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1;CLO1.2; CLO1.3;CLO2.1; CLO2.2;CLO2.3; CLO3.1;CLO3.2; CLO3.3;CLO3.3 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: a = a1 × 0.3 + a2 × 0.2 + a3 × 0.5**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá thường xuyên (Thái độ học tập, Chuyên cần, Hồ sơ học phần ) a2: điểm đánh giá giữa kỳ; a3: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2***

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết/ 30 tiết ) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút ) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  ( được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%  hoạt động ) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, Phát biểu (~50%  hoạt động ) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%  hoạt động ) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân  -  Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV) | 15% |

**Rubric 2: Đánh giá bài A2**

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2: Đánh giá bài A2

Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Thực hành nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan bài học  -Đưa ra  những ý tưởng rõ  ràng, liên quan đến nội dung bài học. | -Thu thập thông tin cơ bản về nội dung bài học.  -Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến nội dung bài | -Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến bài học | Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  Ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng. Tập 1 Vụ giáo dục quốc phòng - Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Năm 2005.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] **Cục quân huấn**, Huấn luyện điều lệnh đội ngũ tập 1, NXB Quân đội nhân dân, năm 2014

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2)  Lý thuyết | **Tín chỉ 1: Thể thao quốc phòng**  **Chương 1: Điều lệ và qui tắc thi đấu ba học phần quân sự phối hợp.**  1.1. Điều lệ chung  1.2. Qui tắc thi đấu | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình, vấn đáp  - Tự học: 1.2. Qui tắc thi đấu | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO1.3  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 2(2)  Lý thuyết | **Chương 2: Võ thể dục**  2.1. Ý nghĩa và tác dụng của võ tay không trong huấn luyện thể lực  2.1.1 Ý nghĩa, tác dụng  2.1.2 Nội dung và đối tượng huấn luyện | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình, vấn đáp  - Tự học: 2.1.1 Ý nghĩa, tác dụng | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO1.3  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 3(2)  Thực hành | 2.2 Tám thế đứng liên hoàn  2.2.1 Trung bình tấn  2.2.2 Đinh tấn | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 4(2)  Thực hành | 2.2.3 Trảo mã tấn  2.2.4 Bại mã tấn | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 5(2)  Thực hành | 2.2.5 Lưỡng tấn  2.2.6 Phòng thủ 1 | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 6(2)  Thực hành | 2.2.7 Phòng thủ 2  2.2.8 Động tác chuyển thế | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 7(2)  Thực hành | 2.3. Võ thể dục | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 8(2)  Lý thuyết | **Tín chỉ 2 : Trò chơi Giáo dục quốc phòng**  **Chương 3 : Trò chơi Giáo dục quốc phòng**  3.1. Tác dụng và phân loại trò chơi  3.1.1. Những phẩm chất hình thành nhân cách của một công dân nước Việt Nam  3.1.2. Tác dụng của trò chơi  3.1.3. Phân loại trò chơi | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình, vấn đáp  - Tự học: 3.1.2. Tác dụng của trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO1.3  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 9(2)  Thực hành | 3.2. Trò chơi giáo dục Quốc phòng  3.2.2. Nội dung các trò chơi giáo dục Quốc phòng | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 10(2)  Thực hành | 3.3. Trò chơi rèn luyện tinh thần và các giác quan  3.3.1. Trò chơi luyện tính tự chủ  3.3.2. Trò chơi luyện trí nhận xét | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 11(2)  Thực hành | 3.3.4. Trò chơi luyện kiến thức  3.3.5. Trò chơi luyện thính tai | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 12(2)  Thực hành | 3.4. Trò chơi rèn luyện sức khỏe  3.4.1. Trò chơi tập chạy | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 13(2)  Thực hành | 3.4.3. Trò chơi tập nhảy | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 14(2)  Thực hành | 3.4.4. Trò chơi luyện dai sức | - Địa điểm: Bãi tập  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu và hướng dẫn cách chơi  -Tự học: luyện tập cac trò chơi | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 15(2)  Thực hành | Thực hành thi đấu trò chơi và võ | - Địa điểm: Bãi tập  - Tổ chức chía tổ, nhóm thi đấu  -Tự học: luyện tập cac động tác | - Đọc và nghiên cứu tài liệu  - Sinh viên mang trang phục theo quy định  - Chuẩn bị vật chất cần thiết | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2  - CLO3.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&N**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM 1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*** ***Trần Văn Long***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0349 744 645, longhachdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác quốc phòng và an ninh, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN

***Giảng viên 2:Nguyễn Minh Quyết***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0987 257 019, nguyenminhquyetqpan@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam**  (tiếng Anh): **Party work, political work in the Vietnam People's Army** | | |
| - Mã số học phần: NAP30021 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  VV | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 36 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 9 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 45 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận , bài tập qua hệ thống LMS, hoặc trực tiếp cho giảng viên  + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: : Khoa GDQP, Tổ bộ môn Đường lối quân sự  Điện thoại: 0349 744 645 Email: longhachdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đôi nhân dân Việt Nam* là học phần lý luận cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên GDQP&AN, bao gồm 03 tín chỉ. Đâylà học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo GDQP&AN. *Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đôi nhân dân Việt Nam* là học phần nhằm cung cấp cho người học hiểu được những kiến thức cơ bản về công tác đảng, công tác chính trị, công tác tư tưởng và công tác tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học kỹ năng nhận thức, xem xét, phân tích, đánh giá các vấn đề về chính trị , kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước.

.**3. Mục tiêu học phần**

* Nắm được những kiến thức cơ bản về những nguyên lý, quy luật, nguyên tắc, chế độ, phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội.
* Trình bày được Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội
* Hình thành kỹ năng nhận thức, xem xét, phân tích, đánh giá các vấn đề về chính trị , kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Bồi dưỡng cho người học có tình cảm tốt đẹp đối với “Anh bộ đội Cụ Hồ”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu Tổ quốc, quê hương. Có niềm tin vững chắc đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN, có niềm tin tuyệt đối vào Đảng và Quân đội VN anh hùng

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO4.1** |
| **1.3.2** | **2.1.1** | **2.2.1** | **4.1.2** |
| CLO1.1 | X |  |  |  |
| CLO1.2 | X |  |  |  |
| CLO1.3 | X |  |  |  |
| CLO1.4 | X |  |  |  |
| CLO2.1 |  | X |  |  |
| CLO3.1 |  |  | X |  |
| CLO4.1 |  |  |  | X |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Nắm được kiến thức cơ bản về ĐCSVN tổ chức lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.2 | K4 | Trình bày được nội dung cơ bản về Công tác đảng, công tác chính trị trong QĐNDVN. | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.3 | K4 | Trình bày được nội dung cơ bản về Công tác tư tưởng, công tác tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.4 | K4 | Trình bày được nội dung cơ bản về Công tác chi bộ, chi đoàn, thi đua XHCN trong Quân đội nhân dân Việt Nam | Thảo luận | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện được kỹ năng nhận thức, xem xét, phân tích, đánh giá các vấn đề về chính trị , kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước. | Làm việc nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | A4 | Thể hiện thái độ học tập đúng đắn, . Có niềm tin vững chắc đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN, có niềm tin tuyệt đối vào Đảng và Quân đội VN anh hùng | Làm việc nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | Thể hiện năng lực nhận biết bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại trong nước và quốc tế | Nghiên cứu các tình huống | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | -Rubric 1 | CLO1.1đến CLO4.1 | 10% |
| A1.2: Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | -Rubric 1 | CLO1.1đến CLO4.1 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm ) | - Bài tập tự luận, bài thảo luận  SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | -Rubric 2 | CLO1.4  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 3 | CLO1.1đến CLO1.4 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | -Rubric 3 | CLO1.1đến CLO4.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: a = a × a.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 \* 0.5.**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Rubric dùng đánh giá trong HP**

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết/ 30 tiết ) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút ) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  ( được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%  hoạt động ) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, Phát biểu (~50%  hoạt động ) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%  hoạt động ) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân  -  Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV) | 15% |

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đề tài  -Đưa ra  những ý tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | -Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  -Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | -Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  Ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Giáo trình *Công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam* (dùng cho đào tạo cán bộ cấp phân đội) .NXB QĐND, 2008. Tập 1

[2] Giáo trình *Công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam* (dùng cho đào tạo cán bộ cấp phân đội) .NXB QĐND, 2008. Tập 2

[3] Giáo trình Công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (dùng cho đào tạo cán bộ cấp phân đội) .NXB QĐND, 2008. Tập 3

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ I đến XIII

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam**  1.1 Tính tất yếu khách quan và nguyên tắc Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học**:  Sơ lược lịch sử phát triển của cơ chế lãnh đạo Đảng đối với quân đội nhân dân Việt Nam. | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 2 (3) | **Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam**  1.2 Cơ chế lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Quân đội nhân dân Việt Nam | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 3 (3) | **Chương 2: Công tác đảng, công tác chính trị trong QĐNDVN.**  2.1 Vị trí, vai trò và nhiệm vụ cơ bản của công tác đảng, công tác chính trị | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học :**  Phần  2.2 Những nguyên tắc tiến hành công tác đảng, công tác chính trị | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 | - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 4 (3) | **Chương 2: Công tác đảng, công tác chính trị trong QĐNDVN**  2.3 Tăng cường công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân trong thời kỳ mới. | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 | - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 5 (3) | **Thảo luận, ôn tập chương 1, chương 2** | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  Chia nhóm và ra các chủ đề thảo luận, ôn tập. | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ  - Chuẩn bị giấy, vở ghi, máy tính cho buổi thảo luận, ôn tập | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 6 (3) | **Chương 3: Công tác tư tưởng của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam**  3.1 Vị trí, vai trò và các hình thức hoạt động chủ yếu của công tác tư tưởng  3.2 Những nguyên tắc công tác tư tưởng | **- Địa điểm:** A402TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 | - CLO1.3 | - A1.1  - A1.2 |
| 7 (3) | **Chương 3: Công tác tư tưởng của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam**  3.3 Nhiệm vụ công tác tư tưởng và những biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác tư tưởng | **- Địa điểm:** A401 TT  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 | - CLO1.3 | - A1.3  - A2.1 |
| 8 (3) | **Chương 4: Công tác tổ chức của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam**  4.1 Tổ chức, vai trò tổ chức và công tác tổ chức của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 4 | - CLO1.3 | - A1.1  - A1.2 |
| 9 (3) | **Chương 4: Công tác tổ chức của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam**  4.2 Những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác tổ chức của Đảng trong QĐNDVN | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học phần:**  Tăng cường công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân trong thời kỳ mới. | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 4 | - CLO1.3 | - A1.1  - A1.2 |
| 10 (3) | **Chương 5. Công tác Chi bộ**  5.1 Vị trí, vai trò, tổ chức của chi bộ trong quân đội  5.2 Nhiệm vụ và quy trình lãnh đạo của chi bộ đại đội | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 5 | - CLO1.4 | -A1.1  - A1.2 |
| 11 (3) | **Chương 5. Công tác Chi bộ**  5.3 Nội dung, biện pháp xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh hiện nay | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 5 | - CLO1.4 | - A1.1  - A1.2 |
| 12 (3) | **Thảo luận, ôn tập chương 3,4,5 và kiểm tra giữa kỳ** | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  Chia nhóm và ra các chủ đề thảo luận, ôn tập. Ra bài kiểm tra | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ  - Chuẩn bị giấy, vở ghi, máy tính cho buổi thảo luận, ôn tập và kiểm tra | - CLO1.1  - CLO1.3  - CLO1.3  - CLO1.4 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A2.1 |
| 13 (3) | **Chương 6. Công tác Chi đoàn**  6.1 Vị trí, vai trò, tổ chức, nhiệm vụ của chi đoàn ở đại đội  6.2 Nội dung, biện pháp công tác chi đoàn ở đại đội  6.3 Trách nhiệm của chi ủy, chi bộ, chính trị viên đại đội đối với chi đoàn | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học:**  Phần 6.3 Trách nhiệm của chi ủy, chi bộ, chính trị viên đại đội đối với chi đoàn | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 6 | - CLO1.4 | - A1.1  - A1.2 |
| 14 (3) | **Chương 7: Tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa**  7.1 Vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc của thi đua XHCN  7.2 Tổ chức thi đua XHCN | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 7 | - CLO1.4 | - A1.1  - A1.2 |
| 15 (3) | **Tổng kết và ôn tập**  **Nội dung :**  Tổng kết môn học và hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn cách làm bài thi cuối kỳ. Đọc điểm chuyên cần, thái độ và quá trình thảo luận, làm bài tập thực hành | **- Địa điểm:** A402 TT GDQP&AN  - Hướng dẫn ôn tập  - Hướng dẫn nghiên cứu các tình huống | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết, máy tính, giấy A4  - Đọc và nghiên cứu trước từ chương 1 đến chương 7  - Làm các bài tập cuối mỗi chương trong giáo trình | - CLO1.1đến CLO4.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A2.1  - A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&N**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮA GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*** ***Trần Văn Long***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0349 744 645, longhachdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác quốc phòng và an ninh, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN

***Giảng viên 2:Nguyễn Minh Quyết***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0987 257 019, nguyenminhquyetqpan@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hôi**  (tiếng Anh): **Protecting national security and maintaining social order and safety** | | |
| - Mã số học phần: NAP30020 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  VV | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 33 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 12 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 45 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận , bài tập qua hệ thống LMS, hoặc trực tiếp cho giảng viên  + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: : Khoa GDQP, Tổ bộ môn Đường lối quân sự  Điện thoại: 0349 744 645 Email: longhachdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

*Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội* là học phần lý luận cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên GDQP&AN, bao gồm 03 tín chỉ. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo GDQP&AN. Học phần *Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội* nhằm cung cấp cho người học hiểu được những nội dung cơ bản về Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, nhằm nâng cao nhận thức về chính trị, giúp người học nhân thức rõ những quan điểm cơ bản của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. **Thông qua nội dung học tập và nghiên cứu giúp người học biết phân tích, đánh giá các vấn đề về chính trị, quốc phòng và an ninh.** Hình thành cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, bản lĩnh chính trị vững vàng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày được các nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữu gìn trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay

- Nắm được Quan điểm, Đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay

- Vận dụng kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữu gìn trật tự an toàn xã hội phục vụ cho công việc học tập và nghiên cứu sau này

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh trong nước và quốc tế

- Bồi dưỡng cho người học phẩm chất của một công dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu quê hương, yêu tổ quốc, có niềm tin vững chắc với Đảng và chế độ XHCNVN.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO1.1** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO4.1** |
| 1.1.4 | 2.1.1 | 2.2.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | X |  |  |  |
| CLO1.2 | X |  |  |  |
| CLO1.3 | X |  |  |  |
| CLO1.4 | X |  |  |  |
| CLO1.5 | X |  |  |  |
| CLO2.1 |  | X |  |  |
| CLO3.1 |  |  | X |  |
| CLO4.1 |  |  |  | X |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Hiểu được những kiến thức chung về bảo vệ an ninh quốc gia và giữu gìn trật tự an toàn xã hội | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.2 | K4 | Trình bày được nội dung cơ bản về các vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.3 | K4 | Trình bày được nội dung, biện pháp phòng chống chiến lược “ Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ” ở Việt Nam | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.4 | K4 | Trình bày được nôi dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và đấu tranh phòng chống tội phạm ở Việt Nam | Tự học | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO1.5 | K4 | Trình bày được Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội | Thảo luận | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO2.1 | S4 | Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh trong nước và quốc tế | Làm việc nhóm | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | A4 | Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu quê hương , tổ quốc , tin tưởng tuyệ đối vào Đảng, Nhà nước và chế đội XHCNVN | Nghiên cứu tình huống | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | Thể hiện năng lực nhận biết bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại trong nước và quốc tế | Thảo luận | Quan sát, đánh giá hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.2: Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm) | - Bài tập tự luận, bài thảo luận  SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO1.5  CLO2.1  CLO4.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 đến CLO1.5 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 đến CLO1.5 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết** **a = a × a.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 \* 0.5.**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Rubric dùng đánh giá trong HP**

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết/ 30 tiết ) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút ) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  ( được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%  hoạt động ) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, Phát biểu (~50%  hoạt động ) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%  hoạt động ) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân  -  Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV) | 15% |

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đề tài  -Đưa ra  những ý tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | -Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  -Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | -Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  Ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh tập 1 NXB Bộ giáo dục và đào tạo, in năm 2008

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Thượng tá, Ths. Trần Văn Thông, Ths. Trần Văn Long *Đề cương bài giảng Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội*

[3] Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.*

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X ; XI, XII,XII*  NXB Chính trị Quốc gia

[5] Nghị quyết 09/CP của Chính phủ về *Tăng cường công tác đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới ;* Quyết định 138 của Thủ tướng Chính phủ về *Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*

[6] Phạm Quang Định, *“Diễn biến hoà bình”* và cuộc đấu tranh chống “*Diễn biến hoà bình*” ở Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005

[7] Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc Phòng Việt Nam (*Sách trắng Quốc phòng Việt Nam*), NXB Thế giới, Hà Nội, 2019

[8] Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  1.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học**:  Phần Nội dung bảo vệ an ninh thông tin và an ninh tôn giáo | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 | - CLO1.1  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 2 (3) | **Chương 1: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  1.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội  1.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 | - CLO1.1  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 3 (3) | **Chương 1: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  1.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội  1.5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội | **- Địa điểm:** A305 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 | - CLO1.1  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 4 (3) | **Thảo luận, ôn tập chương 1** | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  Chia nhóm và ra các chủ đề thảo luận, ôn tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ  - Chuẩn bị giấy, vở ghi, máy tính cho buỏi thảo luận ,ôn tập | - CLO1.1  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 5 (3) | **Chương 2: Một số nội dung cơ bản về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**  2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 | - CLO1.2  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 6 (3) | **Chương 2: Một số nội dung cơ bản về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**  2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo | **- Địa điểm:** A401TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 | - CLO1.2  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 7 (3) | **Chương 2: Một số nội dung cơ bản về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**  2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | **- Địa điểm:** A401 TT  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 | - CLO1.2  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 8 (3) | **Chương 3: Phòng chống chiến lược " Diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ở Việt Nam hiện nay**  3.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội  3.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 | - CLO1.3  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 9 (3) | **Chương 3: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ở Việt Nam hiện nay**  3.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta  3.4.Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp  **Tự học phần:**  Mục tiêu, nhiệm vụ phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 | - CLO1.3  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 10 (3) | **Thảo luận, ôn tập chương 2, chương 3 và Kiểm tra giữa kỳ** | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  Chia nhóm và ra các chủ đề thảo luận, ôn tập. Ra bài kiểm tra giữ kỳ | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ  - Chuẩn bị giấy, vở ghi, máy tính cho buổi thảo luận, ôn tập và kiểm tra | - CLO1.2  - CLO1.3  - CLO2.1 | -A1.1  - A1.2  - A1.3  - A2.1 |
| 11 (3) | **Chương 4: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và một số vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  4.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 4 | - CLO1.4  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 12 (3) | **Chương 4: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và một số vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  4.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 4 | - CLO1.4  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 13 (3) | **Chương 4: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và một số vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở Việt Nam hiện nay**  4.3. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm  4.4. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Thuyết trình, vấn đáp | Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 4 | - CLO1.4  - CLO1.5 | - A1.1  - A1.2 |
| 14 (3) | **Thảo luận, ôn tập chương 4** | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  Chia nhóm và ra các chủ đề thảo luận, ôn tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ  - Chuẩn bị giấy, vở ghi, máy tính cho buổi thảo luận, ôn tập chương 4 | - CLO1.4  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.2  - A.1.3 |
| 15 (3) | **Tổng kết và ôn tập**  **Nội dung :**  Tổng kết môn học và hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn cách làm bài thi cuối kỳ. Đọc điểm chuyên cần, thái độ và quá trình thảo luận, làm bài tập thực hành | **- Địa điểm:** A401 TT GDQP&AN  - Hướng dẫn ôn tập  - Hướng dẫn nghiên cứu các tình huống | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết, máy tính, giấy A4  - Đọc và nghiên cứu trước từ chương 1 đến chương 4  - Làm các bài tập cuối mỗi chương trong giáo trình | - CLO1.1 đến CLO4.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHIẾN THUẬT BỘ BINH**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Phạm Thế Dũng***

Học hàm, học vị: Trung tá, trưởng bộ môn

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0988823518, thedungdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Đinh Thị Hải***

Học hàm, học vị: Cử nhân

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 03944962557; dinhthihai11111996@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chiến thuật bộ binh**  (tiếng Anh): **Infantry Tactics** | | |
| - Mã số học phần: **NAP30010** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác  k | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 5 | |  |
| + Số tiết lý thuyết:15 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 60 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: thedungdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Chiến thuật bộ binh là học phần thuộc khối chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP-AN. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về chiến thuật bộ binh; đồng thời hình thành cho người học kỹ năng thực hành chỉ huy chiến đấu và chiến đấu; được rèn luyện bản lĩnh, niềm tin, tính tổ chức, kỷ luật và tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, tỉ mỉ trong hoạt động GDQP&AN.

**3.Mục tiêu học phần**

- Học phần Chiến thuật bộ binh giới thiệu những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của chiến thuật bộ binh.

- Hình thành cho người học những kỹ năng tổ chức chuẩn bị chiến đấu, chỉ huy chiến đấu và chiến đấu.

- Người học có bản lĩnh, niềm tin, có tính tổ chức, tính kỷ luật, đoàn kết, hiệp đồng, quyết đoán và tác phong làm việc nghiêm túc trong hoạt động nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

‘’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’’

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.1 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ | ✓ | ✓ |  |
| CLO2.2 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày được nội dung cơ bản về những vấn đề chung của chiến thuật cá nhân, tổ, tiểu đội, trung đội bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. | Hỏi đáp  Thuyết trình, lấy kinh nghiệm chiến đấu cha ông và địa hình để chứng minh | Vấn đáp |
| CLO1.2 | K4 | Thể hiện thành thạo hành động sau khi nhận nhiệm vụ, hành động chỉ huy chiến đấu và chiến đấu của từng người và tổ bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. | - Thực hành giảng theo phương pháp ĐNCT 8 bước:  B1: Nêu tên VĐHL & thời gian  B2: Yêu cầu đạt được  B3: Giảng nguyên tắc  B4: Nêu tình huống  B5: Bàn cách xử trí  B6: Hướng dẫn hành động  B7: Luyện tập  B8: Nhận xét chuyển nội dung.  - Phổ biến kế hoạch và duy trì luyện tập. | Thực hành xử trí tình huống |
| CLO 2.1 | S4 | Thể hiện thành thạo hành động tổ chức chuẩn bị chiến đấu sau khi nhận nhiệm vụ và hành động chỉ huy, thực hành chiến đấu của tiểu đội, trung đội bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. | - Thực hành giảng theo phương pháp ĐNCT 8 bước.  - Phổ biến kế hoạch và duy trì luyện tập. | Thực hành xử trí tình huống |
| CLO 2.2 | S4 | Thể hiện bản lĩnh, niềm tin và tính tổ chức, kỉ luật, trách nhiệm, tính quyết đoán. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 2.3 | C4 | Thể hiện linh hoạt kiến thức chiến thuật bộ binh vào quá trình rèn luyện người học; hoạt động GDQP&AN. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.1. | S4 | Tổ chức duy trì hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ mà học phần đề ra. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.2. | S4 | Biết xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học, đánh giá trong học tập, luyện tập. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | - Chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO2.1.4  PLO3.1.1 |
| A1.2 | - CLO1.1 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO1.1.5 |
| A1.3 | - CLO1.2  - CLO2.1 | - Sinh viên thực hiện hành động chỉ huy xử lí tình huống và hành động chiến đấu, GV đánh giá lưu hồ sơ | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO 1.3.2  PLO 2.1.4  PLO 3.1.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | CLO3.1 | - Hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO2.1.4  PLO3.1.1 |
| A2.2 | - CLO2.1  - CLO2.3 | - Vấn đáp, thực hành xử lí tình huống | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 40% | PLO 2.1.4  PLO 3.1.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi, các bài tập thực hành hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi, bài tập thực hành trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi, đông tác thực hành trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi, động tác thực hành trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá giữa kỳ (A.1.3 Phần lí thuyết)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Bài lí thuyết**  Phân tích yêu cầu chiến thuật (Nhiệm vụ, cách đánh; nội dung hiểu rõ (quán triệt) nhiệm vụ, làm công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu… | Tác phong bảo đảm, khẩu khí to rõ, nêu và phân tích sâu sắc đầy đủ đúng nội dung biết vận dụng linh hoạt kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh; làm đúng và đầy đủ thứ tự các bước công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu…., ý thức địch tình cao. | Tác phong bảo đảm, khẩu khí to rõ, nêu và phân tích đầy đủ đúng nội dung, làm đầy đủ và khá tốt công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu, biết vận dụng kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh nhưng chưa thực sự linh hoạt, có ý thức địch tình. | Tác phong bảo đảm, nêu đầy đủ đúng nội dung, biết phân tích và vận dụng kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh, làm công tác tổ chức chuẩn bị chến đấu còn nhiều sai sót và nhưng chưa sát, có ý thức địch tình. | Nắm nội dung chưa đầy đủ, mức độ hiểu, phân tích và vận dụng vào thực tiễn còn nhiều hạn chế, ý thức địch tình chưa cao. | Nắm nội dung còn thiếu cơ bản và chưa chắc. |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá giữa kỳ (A.1.3 Phần thực hành)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **10** | **B**  **9.0** | **C**  **8.0** | **D**  **7.0** | **F**  **5.0-6.0** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Khẩu lệnh** | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng, dứt khoát. | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh nhưng hô nhỏ, chưa rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh. | Hô sai khẩu lệnh | 20% |
| **Xử lý tình huống và hành động chiến đấu** | Nắm chắc tình huống nhận định tình hình địch, ta, cách xử lý bám sát nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn, hành động chỉ huy của tổ trưởng và hành động chiến đấu linh hoạt, ý thức địch tình cao. | Nắm chắc tình huống xảy ra, nhận định tình hình địch, ta, xử trí được tình huống đã bám nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn. Hành động chỉ huy của tổ trường và hành động chiến đấu bảo đảm, có ý thức địch tình. | Nắm được tình huống xảy ra nhận định tình hình địch, ta, xử lý tình huống cơ bản bám nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn nhưng chưa thực sự sát. Hành động chỉ huy của tổ trưởng và động tác chiến đấu cơ bản bảo đảm, ý thức địch tình chưa thực sự cao. | Nắm được tình huống xảy ra, nhận định tình hình địch, ta và xử trí tình huống chưa bám sát nguyên tắc, địa hình, thực tiễn. Hành động chỉ huy của tổ trưởng và hành động chiến đấu ý thức địch tình chưa cao. | Chưa nắm chắc tình huống cách xử trí chưa bám sát nguyên tắc và thực tiễn, hành động chỉ huy, chiến đấu và ý thức địch tình kém. | 70% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chuẩn xác, khẩu lệnh to, rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác thuần thục, đều và dứt khoát.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chuẩn xác, khẩu lệnh chưa rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác thuần thục, đều nhưng chưa dứt khoát.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chưa chuẩn xác, khẩu lệnh chưa rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác chưa thuần thục, chưa đều và chưa dứt khoát.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về kết quả. | - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Chỉ huy không linh hoạt, sai động tác, sai khẩu lệnh.  - Nhóm thực hiện sai động tác.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về kết quả. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | |

**Bảng 4. Bảng Rubric đánh giá bài A2.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Vấn đáp** | Nêu và trình bày sâu sắc đầy đủ đúng nội dung biết vận dụng linh hoạt kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh; làm đúng và đầy đủ thứ tự các bước công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu…., ý thức địch tình cao. | Nêu và phân tích đầy đủ đúng nội dung, làm đầy đủ và khá tốt công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu, biết vận dụng kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh nhưng chưa thực sự linh hoạt, có ý thức địch tình. | Nêu đầy đủ đúng nội dung, biết phân tích và vận dụng kinh nghiệm chiến đấu, địa hình để chứng minh, làm công tác tổ chức chuẩn bị chến đấu còn nhiều sai sót và nhưng chưa sát, có ý thức địch tình. | Nắm nội dung chưa đầy đủ, mức độ hiểu, phân tích và vận dụng vào thực tiễn còn nhiều hạn chế, ý thức địch tình chưa cao. | Nắm nội dung còn thiếu cơ bản và chưa chắc. | 30% |
| **Khẩu lệnh** | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng, dứt khoát. | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh nhưng hô nhỏ, chưa rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh. | Hô sai khẩu lệnh | 10% |
| **Xử trí tình huống và hành động chỉ huy, chiến đấu** | Nắm chắc tình huống nhận định tình hình địch, ta, cách xử lý bám sát nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn, hành động chỉ huy của tổ trưởng và hành động chiến đấu linh hoạt, ý thức địch tình cao. | Nắm chắc tình huống xảy ra, nhận định tình hình địch, ta, xử trí được tình huống đã bám nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn. Hành động chỉ huy của tổ trường và hành động chiến đấu bảo đảm, có ý thức địch tình. | Nắm được tình huống xảy ra nhận định tình hình địch, ta, xử lý tình huống cơ bản bám nguyên tắc chiến thuật, thực tiễn nhưng chưa thực sự sát. Hành động chỉ huy của tổ trưởng và động tác chiến đấu cơ bản bảo đảm, ý thức địch tình chưa thực sự cao. | Nắm được tình huống xảy ra, nhận định tình hình địch, ta và xử trí tình huống chưa bám sát nguyên tắc, địa hình, thực tiễn. Hành động chỉ huy của tổ trưởng và hành động chiến đấu ý thức địch tình chưa cao. | Chưa nắm chắc tình huống cách xử trí chưa bám sát nguyên tắc và thực tiễn, hành động chỉ huy, chiến đấu và ý thức địch tình kém. | 50% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Đình Lưu – Hoàng Hải Chinh, Giáo trình chiến thuật bộ binh, NXB giáo dục Việt Nam, năm 2015.

[2] Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng. Tập 2 – Vụ giáo dục quốc phòng, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2005

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Bộ Tổng Tham mưu - Từng người và Tổ bộ binh trong chiến đấu, NXB Quân đội nhân dân, năm 1999.

[4] Bộ Tổng Tham mưu Từng người và Tổ bộ binh trong chiến đấu, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, năm 2001.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 11 (5) | **Chương 6:**  **Trung đội bộ binh làm nhiệm vụ mở cửa và đánh chiếm đầu cầu**  6.1. Những vấn đề chung  6.2. Tổ chức chuẩn bị chiến đấu  6.2.1. Hạ quyết tâm  6.2.2. Giao nhiệm vụ | Địa điểm: Giảng đường  + Nêu vấn đề, đặt câu hỏi thảo luận, thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông và địa hình để chứng minh.  - Làm mẫu hành động động báo cáo KHCĐ, giao nhiệm vụ. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 6 phần 6.1. 6.2.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Tham gia thảo luận xây dựng bài, nghe nắm chắc nội dung | CLO1.1 CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 12(5) | **Trung đội bộ binh làm nhiệm vụ mở cửa và đánh chiếm đầu cầu**  6.2. Tổ chức chuẩn bị chiến đấu  6.2.3. Tổ chức hiệp đồng, quy định bảo đảm  6.2.4. Kiểm tra báo cáo  **Chương 7** Trung đội bộ binh chiến đấu phòng ngự  7.1. Những vấn đề chung | Địa điểm: Giảng đường  + Nêu vấn đề, đặt câu hỏi thảo luận, thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu.  - Làm mẫu hành động động giao nhiệm vụ, tổ chức hiệp đồng quy định đảm bảo, kiểm tra báo cáo.  Địa điểm: Giảng đường  + Nêu vấn đề, đặt câu hỏi thảo luận, thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông và địa hình để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 6 phần 6.1; 6.2.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Tham gia thảo luận xây dựng bài, nghe nắm chắc nội dung  - Chuẩn bị nội dung luyện tập theo nội dung đã được nghe, quan sát.  - Đọc và nghiên cứu trước chương 7 phần 7.1.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Tham gia thảo luận xây dựng bài, nghe nắm chắc nội dung | CLO1.1 CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 13(5) | **Chương 7** Trung đội bộ binh chiến đấu phòng ngự  7.2. Tổ chức chuẩn bị chiến đấu | Địa điểm: Giảng đường  + Nêu vấn đề, đặt câu hỏi thảo luận, thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu.  - Làm mẫu hành động động giao nhiệm vụ, tổ chức hiệp đồng quy định đảm bảo, kiểm tra báo cáo. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 7 phần 7.2.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Tham gia thảo luận xây dựng bài, nghe nắm chắc nội dung  - Chuẩn bị nội dung luyện tập theo nội dung đã được nghe, quan sát. | CLO1.1 CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1 CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(5) | **Tín chỉ 1: Chương 1: Từng người trong chiến đấu tiến công**  **1.1. Từng người chiến đấu tiến công**  1.1.1. Những vấn đề chung  1.1.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.  1.1.3. Hành động của chiến sĩ thực hành chiến đấu  - VĐHL 2: Hành động của chiến sĩ thực hành đánh chiếm mục tiêu  **Tự học**: Đánh địch trong hào chiến đấu, giao thông hào, đánh địch trong hầm ngầm, đánh địch trong căn nhà, đánh tên, tốp địch ngoài công sự). | - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1: 1.1.1, 1.1.2; 1.13.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 2(5) | 1.1.3. Hành động của chiến sĩ thực hành chiến đấu  - VĐHL 3: Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ  **1.2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự**  1.2.1. Những vấn đề chung  1.2.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ | - Địa điểm: Thao trường  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1: 1.1.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.2: 1.2.1, 1.2.2.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 3(5) | **1.2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự**  1.2.3. Hành động của chiến sĩ thực hành chiến đấu  - VĐHL2: Hành động của chiến sĩ trước khi địch tiến công.  - VĐHL3: Hành động của chiến sĩ đánh địch xung phong vào trận địa.  - VĐHL4: Hành động của chiến sĩ đánh địch đột nhập trận địa  - VĐHL5: Hành động của chiến sĩ sau mỗi đợt chiến đấu. | - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.2: 1.2.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 4(5) | **Tín chỉ 2:**  **Chương 2: Tổ bộ binh trong chiến đấu**  **2.1. Tổ bộ binh trong chiến đấu tiến công**  2.1.1. Những vấn đề chung  2.1.2. Hành động của tổ sau khi nhận nhiệm vụ  2.1.3. Hành động của tổ thực hành chiến đấu  - VĐHL 2: Hành động của tổ thực hành đánh chiếm mục tiêu  **Tự học**: Đánh địch trong hào chiến đấu, giao thông hào, đánh địch trong hầm ngầm, đánh địch trong căn nhà, đánh tốp địch ngoài công sự, đánh địch chốt giữ ngã 3’, ngã 4) | - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 phần 2.1: 2.1.1, 2.1.2.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 5(5) | 2.1.3. Hành động của tổ thực hành chiến đấu  - VĐHL 3: Hành động của tổ sau khi hoàn thành nhiệm vụ  **2.2. Tổ bộ binh trong chiến đấu phòng ngự**  2.2.1. Những vấn đề chung  2.2.2. Hành động của tổ sau khi nhận nhiệm vụ | - Địa điểm: Thao trường  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung    - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 phần 2.1: 2.1.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên  - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 phần 2.2: 2.2.1; 2.2.2  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2  CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 6(5) | 2.2.3. Hành động của tổ thực hành chiến đấu | - Địa điểm: Thao trường  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 2 phần 2.2: 2.2.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 7 (5) | **Chương 3**  **Tiểu đội bộ binh đánh một số mục tiêu địch trong công sự**  3.1. Những vấn đề chung  3.2. Hành động của tiểu đội sau khi nhận nhiệm vụ ở thực địa (VĐHL1)  3.3. Hành động của tiểu đội thực hành đánh chiếm mục tiêu (VĐHL 2)  **Tự học: Chương 4:** Tiểu đội bộ binh đánh một số mục tiêu địch ngoài công sự | - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 phần 3.1; 3.2..  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 8 (5) | 3.3. Hành động của tiểu đội thực hành đánh chiếm mục tiêu (VĐHL 3)  **Chương 5: Tiểu đội bộ binh trong chiến đấu phòng ngự**  5.1. Những vấn đề chung  5.2. Tổ chức chuẩn bị chiến đấu | - Địa điểm: Thao trường  - GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung  - Địa điểm: Thao trường  - Nêu vấn đề, phân tích lấy dẫn chứng kinh nghiệm chiến đấu và địa hình, phương án chiến đấu để chứng minh.  GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 3 phần 3.1; 3.2.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên  - Đọc và nghiên cứu trước chương 5 phần 5.1; 5.2.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 9 (5) | 5.3. Hành động của tiểu đội thực hành chiến đấu | - Địa điểm: Thao trường  - GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 5 phần 5.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 10 (5) | Thảo luận giải đáp thắc mắc.  Kiểm tra giẵ kì | - GV gợi ý cho SV hỏi những vấn đề chưa hiểu, giải đáp thắc mắc cho SV  - Ra câu hỏi giữa kì (lý thuyết) GV đánh giá lưu hồ sơ  - Ra tình huống cho SV xử lí (sau khi bốc thăm tình huống) GV đánh giá lư hồ sơ | - SV nghiên cứu hỏi để GV giải đáp  - Làm bài tập (lí thuyết) gửi để GV chấm bài, đánh giá  - Xử trí tình huống | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 |  |
| 14 (5) | **Trung đội bộ binh làm nhiệm vụ mở cửa và đánh chiếm đầu cầu**  6.3. Thực hành chiến đấu | - Địa điểm: Thao trường  - GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập  + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 6 phần 6.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 15 (3) | **Trung đội bộ binh trong chiến đấu phòng ngự**  7.3. Thực hành chiến đấu | - Địa điểm: Thao trường  - GV: Giảng theo phương pháp huấn luyện ĐNCT 8 bước.  + Nêu tên VĐHL & thời gian  + Yêu cầu đạt được  + Giảng nguyên tắc  + Nêu tình huống  + Bàn cách xử trí  + Kết luận, hướng dẫn hành động.  + Luyện tập   * + Nhận xét, chuyển nội dung | - Đọc và nghiên cứu trước chương 6 phần 7.3.  - Chuẩn bị tài liệu, VKTB, vật chất đầy đủ  - Nghe, thảo luận nắm nội dung và làm theo kết luận, hướng dẫn hành động của giảng viên | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 15 (2) | **Tổng kết và ôn tập** | - Tổng kết môn học giải đáp thắc mắc.   * Hướng dẫn ôn luyện thi đạt kết quả tốt | SV nêu câu hỏi, nghe giảng viên giải đáp | - CLO1.1  Đến  CLO2.3 | A1.1  A1.2  A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG**

**HỌC PHẦN ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Phạm Thế Dũng***

Học hàm, học vị: Trung tá, trưởng bộ môn

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0988823518, thedungdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Đinh Thị Hải***

Học hàm, học vị: Cử nhân

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 03944962557; dinhthihai11111996@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Địa hình quân sự**  (tiếng Anh): **Military terrain** | | |
| - Mã số học phần: **NAP30005** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 25 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quân sự chung, kỹ chiến thuật  Điện thoại: 0988823518 Email: thedungdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phầnĐịa hình quân sự là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP&AN. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về bản đồ địa hình; phương tiện chỉ huy, cách sử dụng bản đồ và vận động góc phương vị; được rèn luyện bản lĩnh, ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động sáng tạo, quyết đoán của người làm công tác GDQP&AN.

**3.Mục tiêu học phần**

- Học phầnĐịa hình quân sự giới thiệu những kiến thức cơ bản bản đồ địa hình; phương tiện chỉ huy các phép đo ở trên bản đồ; xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu.

- Hình thành cho người học những kỹ năng sử dụng bản đồ và vận động góc phương vị.

- Người học có bản lĩnh, niềm tin, có tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong làm việc khoa học nghiêm túc, chủ động, sáng tạo, quyết đoán trong hoạt động nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 |
| 1.1.5 | 2.1.4 2.1.5 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 | ✓ | ✓ |  |
| CLO2.2 |  | ✓ |  |
| CLO2.3 |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày được những nội dung cơ bản về cơ sở toán học, danh pháp, kí hiệu địa vật, dáng đất trên bản đồ địa hình; phương tiện chỉ huy; đo cự li diện tích, tọa độ trên bản đồ. | Thuyết trình, sử dụng trình chiếu và các mô hình, vật thực để chứng minh. | Vấn đáp |
| CLO1.2 | K4 | Thể hiện thành thạo cách sử dụng ống nhòm, địa bàn, thước chỉ huy; đo cự li, diện tích; xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu. | - Thuyết trình, kết hợp giới thiệu cách sử dụng bằng các dụng cụ học tập và thực hành ngoài thực địa Làm mẫu theo 2 bước:  B1: Vừa nói vừa làm  B2. Làm lại một lần nữa  - Phổ biến kế hoạch và duy trì luyện tập | Vấn đáp, kiểm tra cách thực hành sử dụng bản đồ và thực hành bài tập ngoài thực địa |
| CLO 2.1 | S4 | Thể hiện thành thạo sử dụng bản đồ ngoài thực địa và vận động góc phương vị. | Giới thiệu qua 2bước:  B1: Thuyết trình (hướng dẫn lên kế hoạch vận động)  B2: Vừa nói vằ làm động tác sử dụng bản đồ (hướng dẫn vận động ngoài thực địa)  - Ra bài tập phổ biến kế hoạch, duy trì điều hành theo dõi luyện tập và vận động | - Kiểm tra kết quả thực hiện |
| CLO 2.2 | S4 | Thể hiện bản lĩnh, niềm tin và tính tổ chức, kỉ luật, trách nhiệm, tính quyết đoán. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 2.3 | C4 | Thể hiện linh hoạt kiến thức kỹ thuật địa hình quân sự vào quá trình rèn luyện người học; hoạt động GDQP&AN. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.1. | S4 | Tổ chức duy trì hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ mà học phần đề ra. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.2. | S4 | Biết xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học, đánh giá trong học tập, luyện tập. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | - Chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.1.1 |
| A1.2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO1.1.5 |
| A1.3 | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1 | - Sinh viên thực hiện cách sử dụng các phương tiện, sử dụng bản đồ và vận động góc phương vị, GV đánh giá lưu hồ sơ  - Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO 1.1.5  PLO 2.1.4  PLO 3.1.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | CLO3.1 | - Hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO 3.1.1 |
| A2.2 | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1 | - Vấn đáp, thực hành sử dụng bản đồ và vận động góc phương vị | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 40% | PLO 1.1.5  PLO 2.1.4  PLO 3.1.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá giữa kỳ (A.1.3)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong |  |
| **Lý thuyết** | Nêu đầy đủ, chính xác, trình bày rõ ràng các nội dung cần đạt được, liên hệ vận dụng linh hoạt vào thực tiễn bản đồ và sử dụng bản đồ. | Nêu đầy đủ, chính xác, trình bày tương đối rõ ràng các nội dung cần đạt được, liên hệ vận dụng được vào thực tiễn bản đồ và sử dụng bản đồ. | Nêu hiểu và trình bày các nội dung cần đạt được cơ bản đủ, liên hệ vận dụng chưa thuần thục vào thực tiễn bản đồ và sử dụng bản đồ. | Nêu và hiểu và liên hệ vận dung nội dung vào thực tiễn còn sơ sài. | Cơ bản chưa nắm được nội dung. |  |
| **Thực hành** | Tác phong, khẩu khí tốt, công tác chuẩn bị đầy đủ, lên kế hoạch và thực hành nội dung linh hoạt đảm bảo chính xác theo ý định, có ý thức địch tình cao. | Tác phong, khẩu khí khá tốt, công tác chuẩn bị đầy đủ, lên kế hoạch và thực hành nội dung cơ bản đảm bảo đúng ý định, có ý thức địch tình. | Tác phong, khẩu khí đảm bảo, công tác chuẩn bị, lên kế hoạch và thực hành nội dung cơ bản đảm bảo nhưng chưa thực sự đúng ý định, có ý thức địch tình. | Công tác chuẩn bị, lên kế hoạch và thực hành nội dung cơ bản chưa đúng đúng ý định, ý thức địch tình chưa cao. | Công tác chuẩn bị và thực hành nội dung yếu. |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Chỉ huy linh hoạt, sáng tạo, bàn bạc phát huy tốt trí tuệ tập thể lên phương án thực hiện đúng ý định.  - Nhóm phối hợp thực hiện cắt góc phương vĩ, làm bài tập tốt đúng ý đinh, đảm bảo thời gian, an toàn, ý thức địch tình tốt.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Chỉ huy linh hoạt lên phương án, bài tập phát huy được trí tuệ tập thể, phương án cơ bản sát với yêu cầu đặt ra, sát thực tế.  - Nhóm thực hiện . cắt góc phương vĩ, làm bài khá sát ý đinh, thực tiễn đảm bảo an toàn, thời gian, có ý thức địch tình.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Chỉ huy phương án, bài tập chưa thực sự phát huy được trí tuệ tập thể, lên phương án chưa sát với yêu cầu đặt ra, chưa sát thực tế.  - Nhóm thực hiện . cắt góc phương vĩ, làm bài tập chưa thực sự sát ý đinh, thực tiễn đảm bảo an toàn, thời gian chua đảm bảo.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về kết quả. | - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Chỉ huy không linh hoạt, lên phương án chưa bám sát thực tế.  - Nhóm thực hiến chưa đúng ý định, không bảo đảm thời gian, ý thức địch tình chưa cao.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về kết quả. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | |

**Bảng 4. Bảng Rubric đánh giá bài A2.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Vấn đáp** | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích rất thuyết phục, liên hệ sát thực tiễn. | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích khá thuyết phục, liên hệ khá sát thực tiễn. | Trả lời khá đầy đủ, nhưng có phần chưa ngắn gọn, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích có phần không thuyết phục, cơ bản liên hệ sát thực tiễn. | Trả lời chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, dài dòng, ít liên quan đến câu hỏi, lập luân phân tích không thuyết phục, chưa liên hệ được thực tiễn | Hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích không hợp ý | 30% |
| Thực hành | Công tác chuẩn bị đầy đủ, lên kế hoạch và thực hành nội dung bài tập sử dụng bản đồ, vận động góc phương vị linh hoạt đảm bảo chính xác theo ý định, có ý thức địch tình cao. | Công tác chuẩn bị đầy đủ, lên kế hoạch và thực hành nội dung bài tập về sử dụng bản đồ, vận động góc phương vị cơ bản đảm bảo đúng ý định, có ý thức địch tình. | Công tác chuẩn bị, lên kế hoạch và thực hành nội dung bài tập về sử dụng bản đồ, vận động góc phương vị cơ bản đảm bảo nhưng chưa thực sự đúng ý định, có ý thức địch tình. | Công tác chuẩn bị, lên kế hoạch và thực hành nội dung bài tập về bản đồ, vận động góc phương vị cơ bản chưa đúng đúng ý định, ý thức địch tình chưa cao. | Công tác chuẩn bị và thực hành nội dung yếu. |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**6.1. Tài liệu học tập**

[1] ThS. Kiều Hữu Hải – ThS. Hoàng Minh Long - Giáo trình Địa hình quân sự - NXB Giáo dục Việt Nam năm 2015.

**6.2. Tài liệu tham khảo:**

[2] Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng. Tập 2 – Vụ giáo dục quốc phòng, Nhà xuất bản Giáo dục. Năm 2005

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Tín chỉ 1:Chương 1**  **Chương 1. Những vấn đề chung**  1.1. Cơ sở toán học, danh pháp bản đồ địa hình  1.1.1. Khái niệm bản đồ địa hình  1.1.2 Cơ sở toán học bản đồ địa hình | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1: 1.1.1; 1.1.2  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 2(3) | 1.1.3. Danh pháp bản đồ  1.1.4. Phân loại đặc điểm công dụng bản đồ địa hình  1.1.5. Khung bản đồ và ghi chú xung quanh | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1: 1.1.3; 1.1.4; 1.1.5  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 4(3) | 1.2. Ký hiệu địa vật trên bản đồ địa hình  1.2.1. Ký hiệu  1.2.2. Giải thích một số ký hiệu  1.3. Ký hiệu dáng đất trên bản đồ địa hình  1.3.1. Đường bình độ và những căn cứ nghiên cứa địa hình | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần: 1.2.1; 1.2.2; 1.3.1  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 5(3) | 1.3.2. Tìm độ cao, độ chênh cao, đo độ góc, xác định tầm nhìn thông suốt trên bản đồ  1.4. Ống nhòm, địa bàn, thước chỉ huy  1.4.1. Ống nhòm  1.4.2. Địa bàn  1.4.3. Thước chỉ huy | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần: 1.3.2; 1.4: 1.4.1; 1.4.2; 1.4.3.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 6(3) | **Tín chỉ 2.**  1.5. Đo cự li, diện tích trên bản đồ  1.5.1. Đo cự ly  1.5.2. Đo diện tích | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần: 1.5.1; 1.5.2.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 7(3) | 1.6. Tọa độ vuông góc, tọa độ cực  1.6.1.Tọa độ vuông góc  1.6.2. Tọa độ cực | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, bản đồ để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần: 1.6.1; 1.6.2.  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 8(3) | - Giải đáp thắc mắc  - Hệ thống lại nội dung lí thuyết đã học | - GV gợi ý cho SV nêu những thắc mắc chưa hiểu chưa rõ về nội dung  - GV nghiên cứu giải đáp cho SV hiểu  - Hệ thống lại toàn bộ nội dung lí thuyết đã học để SV nắm tổng hợp và hiểu hơn. | - Nghiên cứu theo cá nhân (nhóm) nêu câu hỏi yêu cầu GV giải đáp những vướng mắc  - Nghe nắm chắc và xâu chuỗi nội dung đã học | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 3(3) | 1.1.6. Chắp ghép, gấp dán, bảo quản bản đồ | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp bản đồ và các vật chất để thực hiện mẫu cho sinh viên quan sát. | - Đọc chương 1, phần 1.6; tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  Nghe, thảo luận, quan sát nắm nội dung và làm theo | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 9(3) | **Chương 2. Sử dụng bản đồ**  2.1. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa  2.1.1. Định hướng bản đồ  2.1.2. Xác định điểm đứng ngoài thực địa lên bản đồ | - Địa điểm: Thao trường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp bản đồ và các vật chất để thực hiện mẫu cho sinh viên quan sát. | - Đọc chương 2, 2.1.1;2.1.2. tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  Nghe, thảo luận, quan sát nắm nội dung, động tác mẫu và làm theo | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 10(3) | - Kiểm tra giữa kỳ | - Ra bài tập phần lí thuyết cho SV làm bài GV chấm lưu hồ sơ  - Ra bài tập thực hành SV thực hành theo nội dung đã được học | - Nghiên cứu làm bài tập theo nội dung đã được giao  - Làm bài tập thực hành theo đề bài | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 11(3) | **Tín chỉ 3:**  2.1.3. Đối chiếu bản đồ với thực địa  2.1.4. Bổ sung địa vật (mục tiêu) lên bản đồ | - Địa điểm: Thao trường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp bản đồ và các vật chất để thực hiện mẫu cho sinh viên quan sát. | - Đọc chương 2, 2.1.3;2.1.4. tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  Nghe, thảo luận, quan sát nắm nội dung, động tác mẫu và làm theo | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 12(3) | 2.2. Vân động góc phương vị  2.2.1. Công tác chuẩn bị  2.2.2. Vẽ lược đồ, lập bảng vận động | - Địa điểm: Thao trường  **-** Nêu nội dung tập gợi ý cho SV làm công tác chuẩn bị và nội dung, từng nhóm, từng SV báo cáo kết quả làm chuẩn bị. GV kiểm tra hướng dẫn chấn chỉnh sửa sai. | - Đọc chương 2, 2.2.1;2.2.2. tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  Nghe nội dung bài tập thảo luận nhóm đưa ra phương án bản đồ vận động báo cáo trước GV và tập thể lớp… | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 13(3) | 2.2.3. Thực hành vận động | - Địa điểm: Thao trường  - Ra tình huống cho SV vận động theo nhiệm vụ; theo dõi và nghe SV báo cáo kết quả vận động, nhận xét đánh giá kết quả… | - Đọc chương 2, 2.2.2;2.2.3. tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Từng nhóm vận động theo sơ đồ đã chuẩn bị, báo cáo kết quả vận đông cho GV. | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 14(3) | 2.2.3. Thực hành vận động  2.2.4. Một số điểm lưu ý khi vận động ở địa hình rừng núi và ban đêm | - Địa điểm: Thao trường  - Ra tình huống cho SV vận động theo nhiệm vụ; theo dõi và nghe SV báo cáo kết quả vận động, nhận xét rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả… | - Đọc chương 2, 2.2.2;2.2.3, 2.2.4. tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Từng nhóm vận động theo sơ đồ đã chuẩn bị, báo cáo kết quả vận đông cho GV. | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.2  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 15(3) | **- Tổng kết môn học, giải đáp thắc mắc**  **- Hướng dẫn ôn luyện** | Địa điểm: Giảng đường   * Gợi ý sinh viên đặt câu hỏi, hỏi những thắc mắc, nội dung chưa hiểu và đóng góp ý kiến cho GV trong quá trình dạy. GV nghiên cứu trả lời cho SV * Hướng dẫn cho SV ôn luyện, cách làm bài thi cuối kì; đọc điểm CC-GK và làm bài tập cho SV. | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  - Chuẩn bị câu hỏi để hỏi giảng viên những nội dung chưa rõ  - Nghe nắm nội dung và tích cực ôn luyện theo hướng dẫn | -CLO1.1  Đến  -CLO2.1 | - A2.1  - A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Học phần: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Đình Phi***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0973.672.683, dinhphidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Lưu Văn Mạnh***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0987.817.345; manhqpandhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ**  (tiếng Anh): **Command of army management and command of troops** | | |
| - Mã số học phần: NAP30004 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 15 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập:0 | |  |
| + Số tiết thực hành:45 | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận, bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Kỹ - Chiến thuật  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP-AN. Học phần chung cấp cho người học những kiến thức về điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, hình thành cho người học kỹ năng quản lý và kỹ năng thực hành điều lệnh đội ngũ. Người học được rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong quân nhân. Có thái độ nghiêm túc, chuẩn mực trong hoạt động GDQP&AN.

**3. Mục tiêu học phần**

- Học phần Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ giới thiệu những kiến thức cơ bản về điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ,

- Hình thành cho người học những kỹ năng về điều lệnh quản lý và kỹ năng về điều lệnh đội ngũ.

- Người học có tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong quân sự và tác phong nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | | PLO2.2 | PLO3.2 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 2.1.5 | 2.2.2 | 3.2.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Biết, nhớ, hiểu được ý nghĩa, quy định của điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ | Thuyết trình | Câu hỏi TNKQ |
| CLO 1.2 | K4 | Nắm được chức trách, nhiệm vụ trong công tác quản lý và thứ tự các bước thực hành động tác điều lệnh đội ngũ. | Thuyết trình | Câu hỏi TNKQ |
| CLO 2.1 | S4 | Thực hiện thuần thục các động tác điều lệnh đội ngũ. | Giới thiệu động tác qua 3 bước:  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm có phân tích  B3: Làm tổng hợp | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.2 | S4 | Vận dụng linh hoạt kiến thức ĐLQL&ĐLĐN vào quá trình quản lý, rèn luyện người học và các hoạt động GDQP&AN | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.3 | C4 | Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tư thế, tác phong nghiêm túc. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.1 | S4 | Biết tổ chức, duy trì và chỉ huy nhóm trong học tập và luyện tập. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | - Chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO2.2.2  PLO3.2.1 |
| A1.2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO1.1.5 |
| A1.3 | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3 | - Sinh viên thực hiện các động tác điều lệnh, GV đánh giá lưu hồ sơ  - Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO 1.3.2  PLO 2.1.4  PLO 2.1.5  PLO 2.2.2  PLO 3.2.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1 | CLO3.1 | - Hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO 2.2.2  PLO 3.2.1 |
| A2.2 | - CLO2.1  - CLO2.3 | - Vấn đáp, thực hành các động tác | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 40% | PLO 2.1.5  PLO 2.2.2  PLO 3.2.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá giữa kỳ (A.1.3)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Khẩu lệnh** | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng, dứt khoát. | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh nhưng hô nhỏ, chưa rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh. | Hô sai khẩu lệnh | 20% |
| **Động tác** | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng, thực hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng, thực hiện động tác nhanh nhưng chưa mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng nhưng chưa nhanh, mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác nhưng chưa nhịp nhàng, thực hiện động tác chưa nhanh, mạnh, dứt khoát. | Sai động tác | 70% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chuẩn xác, khẩu lệnh to, rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác thuần thục, đều và dứt khoát.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chuẩn xác, khẩu lệnh chưa rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác thuần thục, đều nhưng chưa dứt khoát.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Chỉ huy linh hoạt, các động tác chưa chuẩn xác, khẩu lệnh chưa rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác chưa thuần thục, chưa đều và chưa dứt khoát.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về kết quả. | - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Chỉ huy không linh hoạt, sai động tác, sai khẩu lệnh.  - Nhóm thực hiện sai động tác.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về kết quả. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | |

**Bảng 4. Bảng Rubric đánh giá bài A2.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Vấn đáp** | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích rất thuyết phục | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích khá thuyết phục | Trả lời khá đầy đủ, nhưng có phần chưa ngắn gọn, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích có phần không thuyết phục | Trả lời chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, dài dòng, ít liên quan đến câu hỏi, lập luân phân tích không thuyết phục | Hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích không hợp ý | 30% |
| **Khẩu lệnh** | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng, dứt khoát. | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh nhưng hô nhỏ, chưa rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh. | Hô sai khẩu lệnh | 10% |
| **Động tác** | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng, thực hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng, thực hiện động tác nhanh nhưng chưa mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác, phối hợp nhịp nhàng nhưng chưa nhanh, mạnh, dứt khoát. | Thuần thục, chính xác nhưng chưa nhịp nhàng, thực hiện động tác chưa nhanh, mạnh, dứt khoát. | Sai động tác | 50% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] **ThS. Trương Đình Quý**, Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, năm 2015

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] **Cục quân huấn**, Huấn luyện điều lệnh đội ngũ tập 1, NXB Quân đội nhân dân, năm 2014

[3] PGS. TS. Lê Văn Chung, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh, NXB Giáo dục, năm 2015

[4] Bộ Quốc phòng (2015), Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 15 tiết lí thuyết và 45 tiết thực hành, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1:*** Từ chương 1đến chương 5: 15 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 3 tuần.

***Tín chỉ 2, 3,4***: Từ chương 6 đến chương 13: 45 tiết thực hành.

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

***\* Lý thuyết***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, (số tiết)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1  (5) | **Chương 1.Những vấn đề chung về công tác quản lý bộ đội ở phân đội.**  1.1. Những vấn đề chung về công tác quản lý  1.2. Công tác quản lý bộ đội ở phân đội  **Chương 2. Chức trách, mối quan hệ, lễ tiết tác phong quân nhân**  2.1. Chức trách và mối quan hệ quân nhân  2.2. Lễ tiết tác phong quân nhân  2.3. Trách nhiệm của quân nhân trong việc thực hiện quy định chức trách, mối quan hệ và lễ tiết tác phong quân nhân | - Lớp học online (học qua video các bài giảng trực tuyến)  - Thuyết trình, vấn đáp  - Hướng dẫn thảo luận | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Trả lời câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 2  (5) | **Chương 3. Trang phục, cấp hiệu, phù hiệu của quân đội và công an nhân dân**  3.1. Quân hiệu, công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu  3.2. Trang phục quân đội và công an nhân dân  3.3. Trang phục môn học GDQP&AN trong các nhà trường  3.4. Công tác quản lý học siinh, sinh viên trong GDQP&AN ở các cơ sở đào tạo  3.5. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ  **Chương 4. Công tác quản lý quân nhân**  4.1. Tầm quan trọng của việc thực hiện các chế độ quy định | - Lớp học online (học qua video các bài giảng trực tuyến)  - Thuyết trình, vấn đáp  - Hướng dẫn thảo luận | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Trả lời câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A2.2 |
| 3  (5) | **Chương 4. Công tác quản lý quân nhân**  4.2. Nội dung quy định của điều lệnh  4.3. Trách nhiệm của quân nhân trong việc thực hiện các quy định  **Chương 5. Khen thưởng, xử phạt và khiếu nại, tố cáo**  5.1. Tầm quan trọng của việc thực hiện quy định khen thưởng, xử phạt và khiếu nại, tố cáo  5.2. Nội dung quy định về khen thưởng, xử phạt và khiếu nại, tố cáo  5.3. Trách nhiệm của quân nhân | - Lớp học online (học qua video các bài giảng trực tuyến)  - Thuyết trình, vấn đáp  - Hướng dẫn thảo luận | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Trả lời câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A2.2 |

***\* Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, (số tiết)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 4  (4) | **Chư­ơng 6: Nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ và tiến lùi, qua phải, qua trái**  6.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ  6.2. Tiến lùi, qua phải, qua trái | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 5  (4) | **Chư­ơng 7: Chào; ngồi xuống, đứng dậy và bỏ mũ, đội mũ, đặt mũ**  7.1. Chào  7.2. Ngồi xuống, đứng dậy  7.3. Bỏ mũ, đội mũ đặt mũ | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 6  (4) | **Chư­ơng 8:** **Đi đều, đứng lại, đổi chân; giậm chân; chạy đều, đứng lại và đi nghiêm đứng lại**  8.1. Đi đều, đứng lại, đổi chân | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 7  (4) | **Chư­ơng 8:** **Đi đều, đứng lại, đổi chân; giậm chân; chạy đều, đứng lại và đi nghiêm đứng lại**  8.2. Giậm chân  8.3. Chạy đều, đứng lại | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 8  (4) | **Chư­ơng 8:** **Đi đều, đứng lại, đổi chân; giậm chân; chạy đều, đứng lại và đi nghiêm đứng lại**  8.4. Đi nghiêm, đứng lại  8.5. Đi đều chuyển thành đi nghiêm chào và thôi chào | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 9  (4) | **Chư­ơng 9: Nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ khi có súng và động tác khám súng**  9.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ có súng  9.2. Khám súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 10  (4) | **Chư­ơng 10: Đặt súng, trao súng và mang, đeo, treo súng, xuống súng**  10.1. Đặt súng, trao súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 11  (4) | **Chư­ơng 10: Đặt súng, trao súng và mang, đeo, treo súng, xuống súng**  10.2. Mang súng, xuống súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 12  (4) | **Chư­ơng 10: Đặt súng, trao súng và mang, đeo, treo súng, xuống súng**  10.3. Đeo súng, xuống súng  10.4. Treo súng, xuống súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 13  (3) | **Chư­ơng 11: Đội ngũ Tiểu đội**  11.1. Đội hình cơ bản của tiểu đội bộ binh  11.2. Tiểu đội tiến lùi, qua phải, qua trái  11.3. Tiểu đội khám súng, giá súng, đặt súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 14  (3) | **Chư­ơng 12: Đội ngũ Trung đội**  12.1. Đội hình cơ bản của trung đội bộ binh  12.2. Trung đội tiến lùi, qua phải, qua trái  12.3. Trung đội khám súng, giá súng, đặt súng | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2.1  - A2.2 |
| 15  (3) | **Chư­ơng 13: Đội ngũ Đại đội**  13.1. Đội hình đại đội hàng ngang  13.2. Đội hình đại đội hàng dọc | **- Địa điểm:**  Bãi huấn luyện điều lệnh  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác mẫu quá 3 bước:  Bước 1: Làm nhanh  Bước 2: Làm chậm có phân tích  Bước 3: Làm tổng hợp  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Nghiên cứu tài liệu: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, 2015.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO 3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**THỰC TẾ, THAM QUAN Ở CÁC ĐƠN VỊ, NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Thế Tiến**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0972195710, nguyenthetiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***Giảng viên 2:* Nguyễn Minh Quyết**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0987257019, Email: nguyenminhquyetqpan@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thực tế, tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội**  (tiếng Anh): [**In**](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/in)[**fact**](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/fact)**, visiting**[**military**](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/military)**units**[**and**](https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english-vietnamese/and)**schools** | | |
| - Mã số học phần: NAP30019 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Giáo dục Quốc phòng và An ninh** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  🗹 Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | | 02 |
| + Số tiết lý thuyết: | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: | | 30 |
| + Số tiết tự học: | | 30 |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận, bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: tổ bộ môn Kỹ - Chiến thuật, khoa GDQP  Điện thoại: 0972195710 Email: nguyenthetiendhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *thực tế, tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo GDQP VÀ AN. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học các môn học thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành. *Thực tế, tham quan ơ các đơn vị, nhà trường Quân đội* là một học phần của ngành GDQP VÀ AN nhằm giúp cho sinh viên hình thành kiến thức cốt lõi và kĩ năng của nghành sư phạm GDQP&AN để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy và thực tế tham quan ở các đơn vị, nhà trường Quân đội.

**3. Mục tiêu học phần**

Sinh viên có thể hiểu và vận dụng được các kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, biết tổ chức và sắp xếp công việc thực tế, tham quan ở các đơn vị nhà trường Quân đội trong học tập giảng dạy và nghiên cứu lịch sử của các nhà trường Quân đội. Sinh viên sẽ nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của việc thực tế, tham quan trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu, có thái độ đánh giá khách quan, công bằng, tích cực và hiệu quả.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.1.3 | 1.2.3 | 2.1.2 | 3.1.1 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓✓ |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày khái quát về sự ra đời hình thành và phát triển của các đơn vị, nhà trường quân đội | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức về lịch sử các đơn vị, nhà trường Quân đội thông qua hoạt động thực tế, tham quan | Thực hành | Quan sát Thực hành |
| CLO2.1 | S4 | Thành thạo các kỹ năng, tự học, tự nghiên cứu thông qua thực tế, tham quan | Thực hành | Quan sát Thực hành |
| CLO3.1 | S2 | Thể hiện được khả năng làm việc nhóm, quản lý nhóm hiệu quả trong quá trình thực tế, tham quan | Thực hành làm việc nhóm | Quan sát Thực hành |
| CLO4.1 | S2 | Xác định được vị trí, vai trò của học phần thực tế, tham quan cho quá trình nghiên cứu và giảng dạy. | Thực hành làm việc nhóm | Quan sát Thực hành |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Tự học các tài liệu học tập và hoạt động trên lớp và thực tế, tham quan  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | 10% |
| A1.2: Chuyên cần | Tham gia đầy đủ các hoạt động tại thực tế, tham quan  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.2 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm, thực hành) | - Tham gia thảo luận, làm các bài tập và tham gia hoạt động thực tế, tham quan.  SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ, | - Rubric 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Bài tập được giao theo nhóm với từng chủ đề thực tế, tham quan. | - Rubric 3  - Đáp án | CLO2.1  CLO3.1 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | Viết báo cáo | Nhận xét đánh giá | CLO1.1  CLO4.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: a = a1 × 0.3 + a2 × 0.2 + a3 × 0.5**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá thường xuyên (Thái độ học tập, Chuyên cần, Hồ sơ học phần ) a2: điểm đánh giá giữa kỳ; a3: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2***

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết/ 30 tiết ) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút ) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp và trong quá trình thực tế tham quan (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, tham quan,**  **…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu trong quá trình thực tế.  ( được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu trong quá trình thực tế.  (~75%  hoạt động ) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu trong quá trình thực tế.  (~50%  hoạt động ) | Ít tham gia làm bài tập, thực hành, thảo luận, phát biểu trong quá trình thực tế.  (~25%  hoạt động ) | Không tham gia các hoạt động trên lớp và khi thực tế | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (làm bài tâp, viết giáo án…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân  -  Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV) | 15% |

**Rubric 2: Đánh giá bài A1.3**

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2,3: Đánh giá bài A1.3, A2.1

Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Thực hành nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đề tài  -Đưa ra  những ý tưởng rõ  ràng, liên quan đến nội dung bài học. | -Thu thập thông tin cơ bản về nội dung bài học.  -Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến nội dung bài | -Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  Ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**Rubric 2: Đánh giá bài A3.1**

Bảng 1.3. Bảng Rubric 3: Đánh giá bài A3.1

Tiêu chí đánh giá việc viết báo cáo

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Viết báo cáo** | Bài viết tốt, thu thập và đưa ra nhiều tài liệu, và hình ảnh trong quá trình đi thực tế.  -Đưa ra  những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến nội dung học phần. | Bài viết tốt, thu thập và đưa ra nhiều tài liệu, và hình ảnh trong quá trình đi thực tế chưa phù hợp.  -Đưa ra  những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến nội dung học phần. | Bài viết tốt, thu thập và đưa ra nhiều tài liệu, và ít đưa hình ảnh trong quá trình đi thực tế.  - Ý tưởng rõ ràng, liên quan đến nội dung học phần. | Bài viết còn thiếu nhiều thông tin,  - Ý tưởng không rõ ràng. | Bài viết không thể hiện được nội dung học phần | 100% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** |  |
| Họ và tên: | **Lê Duy Hiếu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | ThS |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0977150397, Email: duyhieudhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Đường lối quân sự, Lý luận, phương pháp giảng dạy chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **Giảng viên 2:** |  |
| Họ và tên: | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | ThS |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0989640989, Email: tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 3:** |  |
| Họ và tên: | **Trần Thị Xinh** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | CN |
| Thời gian, địa điểm làm việc: | Các ngày làm việc trong tuần tại Trung tâm GDQP |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Đại học Vinh |
| Điện thoại: | 0962903318, Email: tranxinh180997@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Đường lối quân sự, Lý luận, phương pháp giảng dạy chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Công tác quốc phòng, quân sự địa phương  (tiếng Anh): Defense word local military | | |
| - Mã số học phần: NAP30022 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  🗹 Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 36 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 9 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2.** **Mô tả học phần**

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương là học phần trang bị kiến thức chuyên ngành cho ngành đào tạo Giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm giúp cho người học hiểu được mục đích, nhiệm vụ toàn diện của dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh;Công tác quốc phòng, quân sự địa phươnglà kế sách lớn, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cụ thể hóa quan điểm, tư tưởng, đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện ở địa phương trong thời bình cũng như thời chiến, nhằm tổ chức thực hiện một trong hai nhiệm vụ chiến lược là “bảo vệ Tổ quốc” trực tiếp ở địa phương; trang bị những kiến thức và kỹ năng để giải quyết một số hay một loạt các thao tác phức tạp của hành động sư phạm trong trường học.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này giới thiệu cho ng­ười học những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, nhằm nâng cao nhận thức về chính trị, giúp ng­ười học nhân thức rõ những quan điểm cơ bản của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua học tập sinh viên được bồi dưỡng kỹ năng phân tích, xem xét và đánh giá các vấn đề về chính trị , kinh tế , xã hội và quốc phòng, an ninh của đất nước.Bồi dưỡng cho người học phẩm chất tốt của một công dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu Tổ quốc, quê hương, có niềm tin vững chắc đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.2 | PLO4.1 |
| 1.1.4 | 2.2.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |
| CLO2.2 |  | ✓ |  |
| CLO2.3 |  | ✓ |  |
| CLO2.4 |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |
| CLO3.3 |  |  | ✓ |
| CLO3.4 |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng những nội dung chính của công tác quốc phòng quân sự địa phương | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Hiểu và vận dụng những nội dung xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vào thực tiễn giảng dạy | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.1 | A4 | Nhận thức về quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực quốc phòng an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.2 | A4 | Tin tưởng tuyệt đối vào quan điểm,đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống của lực lượng vũ trang. Kiên quyết đấu tranh với những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc | Thuyết trình  Tự học | Tự luận |
| CLO2.3 | K4 | Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu | Tự học | Hồ sơ học phần |
| CLO2.4 | A4 | Có tinh thần yêu nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và tác phong công tác trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.1 | C4 | Nắm bắt kịp thời chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo và lĩnh vực quốc phòng an ninh | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.2 | C4 | Nắm bắt kịp thời tình hình thế giới, trong nước và âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trên lĩnh vực quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.3 | C4 | Nắm bắt được sự phát triển của phương thức tổ chức chiến tranh và yêu cầu, nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong bối cảnh hiện nay | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.4 | C4 | Nắm bắt những hạn chế, yếu kém đang tồn tại trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cần khắc phục | Thuyết trình | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO2.1 |  |
| A.1.2 | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.2 |  |
| A1.3 | - Bài tập tự luận, bài thảo luận  SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO3.1 |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1; CLO1.2 |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO4.1; CLO4.1 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** a = a1 × 0.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá giữa kỳ; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

**6.1. *Giáo trình:***

[1] *Giáo trình công tác quốc phòng, quân sự địa phương* Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] *Giáo trình lý luận về công tác quốc phòng – quân sự địa phương, công tác xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở*, BQP, Hà Nội, 2009;

[3] *Luật Dân quân tự vệ,* năm 2019;

[4] *Luật quốc phòng,* 2018

[5] *Luật Lực lượng Dự bị động viên,* 2019

**7. Kế hoạch giảng dạy** các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá học phần)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Chuẩn bị của SV** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **TÍN CHỈ 1: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG**  **Chương 1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương ở cơ sở trong tình hình mới**  1.1. Khái niệm, vị trí công tác quốc phòng, quân sự địa ph­ương  1.1.1. Khái niệm  1.1.2. Vị trí  1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ  1.2.1. Đặc điểm  1.2.2. Nhiệm vụ  1.3. Nội dung công tác quốc phòng, quân sự địa ph­ương  1.3.1. Thực hiện nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng, an ninh toàn dân  1.3.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  1.3.3. Xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện  1.3.4. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội  1.3.5. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quân sự cơ sở  1.3.6. Thực hiện chính sách về quốc phòng, quân sự  1.3.7. Sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **- Hỏi đáp**:  + Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác quốc phòng quân sự địa phương  - **Quan sát thuyết giảng** về Khái niệm, vị trí, Đặc điểm, nhiệm vụ và nội dung công tác quốc phòng, quân sự địa phương  **- Tự học**:  Phần 1.3.7. Sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 7 đến trang 22.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 2(3) | 1.4. Một số biện pháp tổ chức thực hiện  1.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phát huy hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền, vai trò làm tham mưu của cơ quan quân sự và các ban ngành  1.4.2. Chăm lo bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - quân sự địa phương cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở địa phương, cơ sở  1.4.3. Quan tâm xây dựng, cũng cố dân quân tự vệ  1.4.4. Thực hiện dân chủ, công bằng xã hội, tổ chức thực hiện tốt chính sách quốc phòng - quân sự địa phương  **Chương 2. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương**  2.1. Quá trình hình thành và phát triển của lực lượng vũ trang địa phương  2.1.1. Truyền thống dân tộc  2.1.2. Kinh nghiệm của Đảng ta  2.1.3. Điều kiện và khả năng của đất nước; thực trạng lực lượng vũ trang địa phương hiện nay  2.2. Vị trí, đặc điểm, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang địa phương  2.2.1. Vị trí  2.2.2. Đặc điểm  2.2.3. Nhiệm vụ | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **Quan sát thuyết giảng** về một số biện pháp tổ chức thực hiện CTQP, QSĐP, Quá trình hình thành và phát triển của lực lượng vũ trang địa phương, vị trí, đặc điểm, nhiệm vụ của LL VTĐP  **- Tự học**: Phần 1.4.4. | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 23 đến trang 37.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm  - Chuẩn bị tranh mô hình và súng trường CKC | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 3(3) | 2.3. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương  2.3.1. Yêu cầu  2.3.2. Nội dung  2.4. Một số biện pháp  2.4.1. Thường xuyên giáo dục cho lực lượng vũ trang địa phương quán triệt đường lối, quan điểm quốc phòng - an ninh, hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng trong tình hình mới  2.4.2. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang có chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực chuyên môn giỏi, thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ  2.4.3. Thực hiện tốt chương trình huấn luyện, diễn tập hàng năm cho lực lượng vũ trang địa phương sát với yêu cầu nhiệm vụ  2.4.4. Tổ chức thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với dân quân tự vệ | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **Quan sát thuyết giảng** về  - Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương  - Một số biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang địa phương  **Hỏi đáp:**  Tại sao xây dựng lực lượng vũ trang địa phương lại phải đảm bảo yêu cầu vững mạnh toàn diện? | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 38 đến trang 47.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.2  - CLO1.2  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A2.1 |
| 4(3) | **TÍN CHỈ 2: XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ**  **Chương 3. Xây dựng xã chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện**  3.1. Đặc điểm  3.1.1. Về chính trị xã hội  3.1.2. Về quốc phòng - an ninh  3.1.3. Về kinh tế, văn hóa  3.2. Vị trí, nhiệm vụ  3.2.1. Vị trí  3.2.2. Nhiệm vụ  3.3. Nội dung  3.3.1. Xây dựng kế hoạch chiến đấu trị an  3.3.2. Xây dựng lực lượng  3.3.3. Xây dựng thế trận  3.3.4. Xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật  3.4. Một số biện pháp  3.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, làm tốt công tác giáo dục ở địa phương  3.4.2. Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến nhận thức về vị trí vai trò của hệ thống làng, xã trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc  3.4.3. Làm tốt công tác quy hoạch, thực hiện cơ chế, chính sách, xây dựng phương án chiến đấu trị an | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **Hỏi đáp:**  - Anh(chị) hiểu như thế nào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của xã, phường, thị trấn  **Quan sát thuyết giảng** về  - Đặc điểm xã, phường, thị trấn  - Vị trí, nhiệm vụ  - Xây dựng kế hoạch chiến đấu trị an  - Xây dựng lực lượng  **- Tự học**:  3.2.2. | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 48 đến trang 56.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO2.4  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  - A3.1 |
| 5(3) | **Chương 4. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện**  4.1. Khái niệm, vị trí, tác dụng  4.1.1. Khái niệm  4.1.2. Vị trí, tác dụng  4.1.3. Cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **Quan sát thuyết giảng** về  - Xây dựng thế trận  - Xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật  - Một số biện pháp | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 56 đến trang 70.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO2.4  - CLO2.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A3.1 |
| 6(3) | 4.2. Đặc điểm, nhiệm vụ, khả năng  4.2.1. Đặc điểm  4.2.2. Nhiệm vụ  4.2.3. Khả năng  4.3. Nội dung  4.3.1. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần  4.3.2. Xây dựng tiềm lực kinh tế - xã hội  4.3.3. Xây dựng tiềm lực quân sự  4.4. Một số biện pháp  4.4.1. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng  4.4.2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng; hiệu lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, tổ chức xây dựng khu vực phòng thủ của địa phương  4.4.3. Phát huy vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của các cơ quan, ban ngành  4.4.4. Kết hợp chặt chẽ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội với tổ chức xây dựng khu vực phòng thủ  4.4.5. Duy trì chế độ kiểm tra, sơ kết, tổng kết. đánh giá kết quả | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  **Quan sát thuyết giảng** về  - Đặc điểm, nhiệm vụ, khả năng  - Nội dung xây dựng khu vực phòng thủ huyện  - Một số biện pháp trong xây dựng khu vực phòng thủ | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 89.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO2.4  - CLO2.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A3.1 |
| 7(3) | **TÍN CHỈ 3: HOẠT ĐỘNG TÁC CHIẾN CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  **Chương 5. Hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương trong khu vực phòng thủ huyện**  5.1. Đặc điểm  5.1.1. Địch  5.1.2. Ta  5.1.3. Địa hình, thời tiết  5.2. Nhiệm vụ, khả năng  5.2.1. Nhiệm vụ  5.2.2. Khả năng  5.3. Hình thức, phương pháp hoạt động  5.3.1. Hình thức hoạt động tác chiến  5.3.2. Phương pháp hoạt động tác chiến  5.4. Tổ chức sử dụng và bố trí lực lượng  5.4.1. Tổ chức lực lượng  5.4.2. Sử dụng và bố trí lực lượng | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Đặc điểm  - Nhiệm vụ, khả năng  - Hình thức, phương pháp hoạt động | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 90 đến trang 103.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm  - Chuẩn bị giấy A0, dụng cụ để giữ giấy,bút viết | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A3.1 |
| 8(3) | 5.5. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy và thông tin liên lạc  5.5.1. Lãnh đạo, chỉ đạo  5.5.2. Chỉ huy  5.5.3. Thông tin liên lạc  5.6. Tổ chức chuẩn bị tác chiến phòng thủ  5.6.1. Chuẩn bị từ thời bình  5.6.2. Chuẩn bị trực tiếp khi có chiến tranh  5.7. Thực hành tác chiến phòng thủ  5.7.1. Chống bạo loạn lật đổ, chống lấn chiếm biên giới, biển đảo  5.7.2. Đánh địch tiến công hỏa lực  5.7.3. Đánh địch tiến công vào địa bàn huyện (quận)  5.7.4. Phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy và thông tin liên lạc  - Tổ chức chuẩn bị tác chiến phòng thủ  - Thực hành tác chiến phòng thủ | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 103 đến trang 122.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A3.1 |
| 9(3) | **Chương 6. Hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với công an giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội**  6.1. Nguyên tắc phối hợp  6.1.1. Nguyên tắc về lãnh đạo và quản lý  6.1.2. Nguyên tắc về chỉ huy điều hành  6.1.3. Nguyên tắc về kế hoạch hóa  6.2. Nội dung và cơ chế phối hợp  6.2.1. Trao đổi thông tin và kiểm tra xác minh thông tin  6.2.2. Công tác vận động quần chúng  6.2.3. Chống bạo loạn, khủng bố và bắt cóc con tin  6.2.4. Đấu tranh phòng chống tội phạm  6.2.5. Bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới  6.2.6. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ lực lượng vũ trang  6.2.7. Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự  6.2.8. Phối hợp trong công tác huấn luyện, đào tạo và tổ chức diễn tập  6.3. Tổ chức quán triệt, hướng dẫn thực hiện quy chế  6.3.1. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác giáo dục quốc phòng toàn dân  6.3.2. Xây dựng kế hoạch tác chiến  6.3.3. Thường xuyên diễn tập, luyện tập kiểm tra bổ sung phương án tác chiến | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Nguyên tắc phối hợp  - Nội dung và cơ chế phối hợp  - Tổ chức quán triệt, hướng dẫn thực hiện quy chế  - Tự học phần: 6.3 | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 123 đến trang 135.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.3  - CLO3.2  - CLO3.3 | - A1.1  - A1.2  - A3.1 |
| 10(3) | **Chương 7. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn**  7.1. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn  7.1.1. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã  7.1.2. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Chỉ huy phó quân sự cấp xã  7.1.3. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã  7.1.4. Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã  7.2. Nội dung và phương pháp công tác của chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã  7.2.1. Nội dung công tác  7.2.2. Phương pháp công tác  7.3. Một số biện pháp thực hiện nội dung và phương pháp công tác  7.3.1. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng  7.3.2. Nâng cao năng lực, phương pháp công tác của người chỉ huy và cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã  7.3.3. Duy trì thực hiện tốt chế độ kiểm tra, sơ kết, tổng kết | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 136 đến trang 142.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm  - Chuẩn bị giấy A0, dụng cụ để giữ giấy,bút viết | - CLO2.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 11(3) | **TÍN CHỈ 4: CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**  **Chương 8. Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ ở xã, phường, thị trấn**  8.1. Khái niệm, vị trí, vai trò  8.1.2. Mộ số khái niệm  8.1.2. Vị trí, vai trò  8.2. Nguyên tắc, yêu cầu  8.2.1. Nguyên tắc  8.2.2. Yêu cầu  8.3. Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã  8.3.1. Tổ chức hội đồng  8.3.2. Nguyên tắc hoạt động  8.4. Đăng ký, quản lý, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  8.4.1. Đăng ký, quản lý công dân nhập ngũ  8.4.2. Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  8.4.3. Xử lý các hành vi vi phạm  8.4.4. Hồ sơ, mẫu biểu  8.5. Một số biện pháp  8.5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành trong thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  8.5.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục  8.5.3. Phát huy vai trò làm tham mưu của ban chỉ huy quân sự  8.5.4. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  8.5.5. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Khái niệm, vị trí, vai trò của công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  - Nguyên tắc, yêu cầu của công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  - Đăng ký, quản lý, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  - Một số biện pháp nhằm thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ  - Khái niệm, phân loại động viên quân đội  - Vị trí, nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên ở cấp xã  - **Tự học** phần 8.4.4. | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 154 đến trang 172.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.3  - CLO2.4  - CLO3.2 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |
| 12(3) | **Chương 9. Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên**  9.1. Khái niệm, phân loại động viên quân đội  9.1.1. Khái niệm  9.1.2. Phân loại, hình thức động viên  9.2. Vị trí, nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên ở cấp xã  9.2.1. Vị trí  9.2.2. Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên  9.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên  9.3.1. Xây dựng lực lượng dự bị động viên  9.3.2. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên  9.3.3. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên  9.3.4. Thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị trong xây dựng lực lượng dự bị động viên  9.3.5. Bảo đảm hậu cần, trang bị kỹ thuật và tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên  9.3.6. Một số công tác chuẩn bị để sẵn sàng huy động lực lượng dự bị động viên  9.4. Nội dung huy động lực lượng dự bị động viên  9.4.1. Thông báo lệnh huy động lực lượng dự bị động viên  9.4.2. Tập trung quân nhân dự bị và tập trung phương tiện kỹ thuật  9.4.3. Thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị trong huy động lực lượng dự bị động viên  9.4.4. Thực hiện công tác bảo đảm hậu cần, trang bị kỹ thuật và tài chính cho huy động lực lượng dự bị động viên  9.5. Một số biện pháp trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên  9.5.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ (chi bộ), sự quản lý điều hành của chính quyền, vai trò làm tham mưu và tổ chức thực hiện của các ban ngành chức năng  9.5.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, về nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên tại cơ sở  9.5.3. Thường xuyên cũng cố kiện toàn và bồi dưỡng Ban chỉ huy quân sự và những người làm công tác xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên  9.5.4. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên | - Địa điểm: Giảng đường A  - Thuyết trình  - Vấn đáp  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - **Quan sát thuyết giảng** về  - Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên  - Nội dung huy động lực lượng dự bị động viên  - Một số biện pháp trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 173 đến trang 180.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO2.1  - CLO2.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.2  - A2.1  - A3.1 |

***Thảo luận:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 13(3) | * - Trình bày những nội dung chính của công tác quốc phòng quân sự địa phương. Làm rõ nội dung: xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện * - Trình bày nội dung: xây dựng về chính trị, tinh thần | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 18-19  - Đọc tài liệu [1], trang 38-39 | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.3 |
| 14(3) | - Trình bày nội dung: xây dựng về kinh tế, văn hóa xã hội | Hoạt động nhóm | - Đọc tài liệu [1], trang 78-80  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO2.1  - CLO2.4  - CLO2.3  - CLO3.4 | - A1.1  - A1.3 |
| 15(3) | Làm rõ công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ. Liên hệ địa phương nơi cư trú, công tác | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 163-170 | - CLO2.3  - CLO2.4  - CLO3.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thượng tá, Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0989640989, tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 2:** | **Nguyễn Đình Lưu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0986608954, luund37@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự, Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng CSVN; Pháp luật về quốc phòng, an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và Bảo vệ Tổ quốc**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  🗹 Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | 🗹 Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 36 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 9 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, Tiểu luận qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và Bảo vệ Tổ quốc* thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDQP & AN.

*Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và Bảo vệ Tổ quốc* giới thiệu một số vấn đề chung học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh; Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về các quy luật quyết định tiến trình và kết cục của chiến tranh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân; Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và xây dựng QĐND Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần *Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và Bảo vệ Tổ quốc* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp nhận thức mới về nguồn gốc, bản chất chiến tranh và quân đội trong thời đại ngày nay và những quan điểm, đường lối chính sách của Đảng về vấn đề chiến tranh quân đội làm cơ sở để vận dụng vào thực tiễn hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thông qua nghiên cứu những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa xây dựng ý thức quốc phòng, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Bồi dưỡng cho người học có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 |
| 1.1.3 | 1.3.1 | 2.1.1 | 2.2.1 | 3.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐRhọc phần (CLO)** | **TĐNLCĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, nguồn gốc bản chất, chức năng của quân đội vào thực tiễn hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí minh về về chiến tranh cách mạng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vào thực tiễn hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.3 | K4 | Vận dụng kiến thức nâng cao về Tính chất xã hội của chiến tranh và các loại hình của chiến tranh trong thời đại ngày nay; quan điểm của CN Mác – Lênin về Sức mạnh chiến đấu của quân đội và Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng QĐND Việt Nam vào giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế hiện nay | *Thuyết trình, bài tập* | *bài tập lớn* |
| CLO2.1 | S4 | Phát triển tư duy hệ thống, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong nghiên cứu quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh thông qua nghiên cứu Sự nhận thức và vận dụng quy luật chiến tranh của Đảng cộng sản Việt Nam và Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về lý luận bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân | *Thuyết trình, bài tập* | *bài tập lớn* |
| CLO2.2 | A4 | Bộc lộ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân thông qua tinh thần thái độ tích cực học tập, nghiên cứu, hoàn thành bài tập | *Thuyết trình,* | *Bảng kiểm,* |
| CLO3.1 | S4 | Thể hiện khả năng hợp tác làm việc hiệu quả trong phối hợp cùng nhau thực hành thuyết trình về mối quan hệ chiến tranh và chính trị thông qua các cuộc chiến tranh gần đây và việc phát huy sức mạnh bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay | *Thuyết trình, , làm việc nhóm* | Phiếu đánh giá |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:Trắc nghiệm,tự luận,vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát,hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Đánh giá tinh thần, thái độ học tập | - Đáp án | CLO2.2 |  |
| A1.2 | Câu hỏi TNKQ | 30 câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| A1.3 | - Bài tập 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.3 |  |
| A1.4 | - Bài tập 2; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.1 |  |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Bài báo cáo thuyết trình trên powerpoint theo nhóm | - Rubric 1 |  |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO 2.1  CLO3.1 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia trên 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia 80% các các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia dưới 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1 | Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về nguồn gốc của chiến tranh | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.2 | Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về bản chất của chiến tranh | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.3 | Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về nguồn gốc của quân đội | 6 | 3 | 3 |  |
| 1.4 | Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về bản chất của quân đội | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.5 | Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, về chức năng của quân đội | 6 | 3 | 3 | - |
| 2.1 | Tư tưởng Hồ Chí minh về chiến tranh cách mạng | 5 | 2 | 2 | 1 |
| 2.2 | Tư tưởng Hồ Chí minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | 5 | 2 | 2 | 1 |
| **Tổng** | | **40** | **16** | **16** | **8** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **40%** | **40%** | **20%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá bài thuyết trình làm việc nhóm (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Bài thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Bài thuyết trình**  ***(6 điểm)*** | - Trình bày đầy đủ lý luận về mối quan hệ chiến tranh và chính trị. Đánh giá toàn diện các cuộc chiến tranh gần đây. Trình bày khoa học việc phát huy sức mạnh bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. | - Trình bày đầy đủ lý luận về mối quan hệ chiến tranh và chính trị. Đánh giá tương đối đầy đủ cuộc chiến tranh gần đây. Đã trình bày được việc phát huy sức mạnh bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể. | - Trình bày đầy đủ lý luận về mối quan hệ chiến tranh và chính trị. Có đánh giá một số cuộc chiến tranh gần đây. Có trình bay việc phát huy sức mạnh bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài. | - Trình bày lý luận về mối quan hệ chiến tranh và chính trị chưa đầy đủ. Đánh các cuộc chiến tranh gần đây sơ sài. Chưa trình bày được việc phát huy sức mạnh bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Phùng Văn Thiết – Nguyễn Xuân Trường ( Đồng chủ biên), Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc* ,Nxb GDVN, 2015.

[2] Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội* –Nxb Quân đội Nhân dân, 2008.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2006,2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Tín chỉ 1: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh**  **Chương 1.** Một số vấn đề chung về học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc  1.1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.  1.2. Những quan điểm, tư tưởng trước Mác về chiến tranh, quân đội và bước ngoặt cách mạng trong lý luận triết học – xã hội về chiến tranh và quân đội do Mác và Ăngghen thực hiện ; Lênin bảo vệ, phát triển  1.3. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội trong điều kiện Việt Nam. | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  ….. | - Đọc tài liệu [1], trang 7-25 | - CLO1.1 |  |
| 2(3) | **Chương 2.** Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh  2.1 Nguồn gốc, bản chất của chiến tranh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 3(3) | 2.2 Tính chất xã hội của chiến tranh và các loại hình của chiến tranh trong thời đại ngày nay. | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.3 | - A1.3 |
| 4(3) | **Chương 3. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật quyết định tiến trình và kết cục của chiến tranh**  3.1 Khái niệm quy luật chiến tranh  3.2 Hệ thống các quy luật quyết định triến trình và kết cục của chiến tranh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 46-48 | - CLO1.2 |  |
| 5(3) | 3.3 Sự nhận thức và vận dụng quy luật chiến tranh của Đảng cộng sản Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 49-55 | - CLO3.1 |  |
| 6(3) | **Chương 4.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân  4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng  4.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 60-67  - Đọc tài liệu [1], trang 68-77 | - CLO1.2  - CLO2.2 | - A1.2 |
| 7(3) | **Thảo luận, ôn tập**  Mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị? Vận dụng để đánh giá các cuộc chiến tranh hiện nay | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 7-77  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2 | - A1.2 |
| 8(3) | **Tín chỉ 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin , tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội**  **Chương 5.** Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội  5.1 Nguồn gốc, bản chất, chức năng của quân đội | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 78-86 | - CLO1.3 | - A1.2 |
| 9(3) | 5.2. Sức mạnh chiến đấu của quân đội | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 87-99 | - CLO2.3 | - A1.2 |
| 10(3) | **Chương 6.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và xây dựng QĐND Việt Nam  6.1 Những vấn đề cơ bản trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  6.2 Những vấn đề cơ bản trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng QĐND Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 100-108  - Đọc tài liệu [1], trang 108-119 | - CLO1.3  - CLO1.3 | - A1.2 |
| 11(3) | **Thảo luận**  Bản chất giai cấp của quân đội và ý nghĩa công tác xây dựng bản chất giai cấp cho quân đội hiện nay | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 78-119  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.3 | - A2.1 |
| 12(3) | **Tín chỉ 3: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin , tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc**  **Chương 7.** Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN  7.1 Khái niệm Tổ quốc, Tổ quốc XHCN  7.2 Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO1.4 | - A1.3 |
| 13(3) | 7.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO1.4 | - A1.3 |
| 14(3) | 7.3 Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về lý luận bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO3.2 | - A1.3 |
| 15(3) | **Thảo luận, ôn tập**  Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn ôn tập | - Đọc tài liệu [1], trang 78-119  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.3  - CLO2.3 | - A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG**

**HỌC PHẦN KỸ THUẬT BẮN SÚNG BỘ BINH VÀ NÉM LỰU ĐẠN**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Phạm Thế Dũng***

Học hàm, học vị: Trung tá, trưởng bộ môn

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0988823518, thedungdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Đinh Thị Hải***

Học hàm, học vị: Cử nhân

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 03944962557; dinhthihai11111996@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn**  (tiếng Anh): **Technques of infantry shooting and grenade throwing** | | |
| - Mã số học phần: **NAP30007** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  K Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 15 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 45 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quân sự chung, kỹ chiến thuật  Điện thoại: 0988823518 Email: thedungdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phầnKỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP&AN. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kỹ thuật bắn súng bộ binh, ném lựu đạn; đồng thời hình thành kỹ năng thực hành bắn súng bộ binh và ném lựu đạn. Người học được rèn luyện bản lĩnh, tạo niềm tin, tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong làm việc nghiêm túc cẩn thận, tỉ mỉ trong hoạt động GDQP&AN.

**3.Mục tiêu học phần**

- Học phần Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn giới thiệu những kiến thức cơ bản về lý thuyết bắn súng bộ binh và tác dụng, tính năng chiến đấu, nguyên lí hoạt động của một số loại lựu đạn.

- Hình thành cho người học những kỹ năng kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn.

- Người học có bản lĩnh, niềm tin, có tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong làm việc khoa học nghiêm túc, tỉ mỉ, cẩn thận trong hoạt động nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.2 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 3.2.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ | ✓ | ✓ |  |
| CLO2.2 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày được trường hợp vận dụng và quy tắc về bắn súng bộ binh và ném lựu đạn. | Thuyết trình | Vấn đáp |
| CLO1.2 | K4 | Trình bày được những nội dung cơ bản về lí thuyết bắn súng bộ binh, tác dụng, tính năng, nguyên lí hoạt động của một số loại lựu đạn và thứ tự các bước về kỹ thuật bắn súng bộ binh, ném lựu đạn. | Thuyết trình  Chứng minh bằng mô hình, súng thực.  Giới thiệu động tác qua 3 bước:  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm có phân tích  B3: Làm tổng hợp | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.1 | S4 | Thể hiện thuần thục kỹ thuật động tác bắn súng bộ binh và ném lựu đạn ở các tư thế. | Giới thiệu động tác qua 3 bước:  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm có phân tích  B3: Làm tổng hợp  - Phổ biến kế hoạch, duy trì điều hành theo dõi luyện tập | - Kiểm tra động tác |
| CLO 2.2 | S4 | Thể hiện bản lĩnh, niềm tin và tính tổ chức, kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nghiêm túc của người hoạt đông GDQP&AN. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 2.3 | C4 | Thể hiện linh hoạt kiến thức kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn vào quá trình rèn luyện người học; hoạt động GDQP&AN và thực tiễn chiến đấu (nếu xảy ra). | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.1 | S4 | Tổ chức duy trì hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ mà học phần đề ra. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.2 | S4 | Biết xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học, đánh giá trong học tập, luyện tập. | Trải nghiệm & hoạt động nhóm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | - Chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO3.2.1 |
| A1.2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO1.1.5 |
| A1.3 | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ.  - Sinh viên thực hiện các động tác bắn súng, ném lựu đạn GV đánh giá lưu hồ sơ | - Phiếu đánh giá  (Rubrics)  - Thực hành | 20% | PLO 1.3.2  PLO 2.1.4  PLO 3.2.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2.1  A2.2 | - CLO2.1  - CLO2.3 | - Thực hành bắn súng Tiểu liên AK bài 1B | Kết quả bắn súng Tiểu liên AK | 40% | PLO 2.1.5  PLO 2.2.2  PLO 3.2.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1+A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi, các bài tập thực hành hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi, bài tập thực hành trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi, đông tác thực hành trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi, động tác thực hành trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Bảng Rubric đánh giá bài giữa kỳ A1.3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Lý thuyết** | Nắm đầy đủ chính xác và trình bày rõ, thuyết phục nội dung, liên hệ linh hoạt vào trong thực tiễn. | Nắm đầy đủ, hiểu và trình bày được cơ bản nội dung liên hệ vận dụng được vào trong thực tiễn | Nắm cơ bản nội dung, mức độ hiểu, trình bày và liên hệ vận dụng thực tiễn còn hạn chế | Nắm nội dung chưa đầy đủ, mức độ hiểu, trình bày và vận dụng thực tiễn còn nhiều hạn chế | Chưa nắm được nội dung | 30% |
| **Khẩu lệnh** | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng, dứt khoát. | - Hô đúng khẩu lệnh, to, rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh nhưng hô nhỏ, chưa rõ ràng. | - Hô đúng khẩu lệnh. | Hô sai khẩu lệnh | 10% |
| **Thực hành (Bắn, ném)** | Thuần thục, chính xác, thực hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát, ý thức địch tình cao; chấp hành nghiêm quy chế, quy tắc an toàn. Kết quả bắn súng đạt: 29 – 30 điểm; lựu đạn: trên 35m (nam), trên 30m (nữ); đúng quy chế. | . Thuần thục, chính xác, thực hiện động tác nhanh, mạnh, dứt khoát, ý thức địch tình cao; chấp hành nghiêm quy chế, quy tắc an toàn. Kết quả bắn súng đạt: 26 – 28 điểm; lựu đạn: 32 – 34 m, nữ 27 – 29m đúng quy chế. | Đông tác chưa thực sự thuần thục, có ý thức địch tình, bảo đảm an toàn. Kết quả bắn súng đạt: 16 – 20 điểm; lựu đạn: 28 - 31m (nam);23 - 26 m (nữ) đúng quy chế.. | Đông tác chưa thực sự thuần thục, ý thức địch tình chưa cao, bảo đảm an toàn. Kết quả bắn súng đạt: 20 – 22 điểm; lựu đạn: 25 - 27 m (nam); 20 – 22 m (nữ) đúng quy chế. | Sai động tác kết quả bắn súng đạt: 15 – 19 điểm; lựu đạn: 20 - 24 m (nam); 16 – 19 m (nữ) đúng quy chế | 50% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Chỉ huy linh hoạt, nhanh nhẹn, khẩu lệnh to, rõ ràng.  - Các thành viên thực hiện động tác thuần thục, đúng kỹ thuật, mạnh mẽ dứt khoát, có ý thức địch tình cao kết quả bắn, ném đạt loại xuất sắc.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Chỉ huy linh hoạt, nhanh nhẹn, khẩu lệnh to, rõ ràng.  - Các thành viên thực hiện động tác cơ bản thuần thục, đúng kỹ thuật, mạnh mẽ dứt khoát, có ý thức địch tình kết quả bắn, ném đạt loại giỏi.  - Có bảng đánh giá chi khá tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về kết quả. | - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Chỉ huy chưa thực sự nhanh nhẹn, linh hoạt, khẩu lệnh chưa rõ ràng.  - Nhóm thực hiện động tác chưa thuần thục, chưa mạnh mẽ, dứt khoát, kết quả bắn, ném đạt trung bình.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về kết quả. | - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Chỉ huy không linh hoạt, sai khẩu lệnh.  - Nhóm thực hiện sai động tác. Kết quả bắn, ném yếu.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về kết quả. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | |

**Bảng 4. Bảng Rubric đánh giá cuối kì A2.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Ghi chú** |
| **A**  **10** | **B**  **9.0** | **C**  **8.0** | **D**  **7.0** | **F**  **4.0-6.0** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong |  |
| **Thực hành bắn** | Đúng kỷ thuật động tác, nhanh nhẹn, có ý thức địch tình cao, chấp hành nghiêm quy tắc an toàn. Bắn đạt kết quả 29 – 30 điểm. | Đúng kỷ thuật động tác, nhanh nhẹn, có ý thức địch tình, chấp hành nghiêm quy tắc an toàn. Bắn đạt kết quả 26 – 28 điểm. | Đúng kỷ thuật động tác, chưa nhanh nhẹn, ý thức địch tình chưa cao, chấp hành nghiêm quy tắc an toàn. Bắn đạt kết quả 23 – 25 điểm. | Kỷ thuật động tác cơ bản đúng, chưa nhanh nhẹn, ý thức địch tình chưa cao, chấp hành nghiêm quy tắc an toàn. Bắn đạt kết quả 20 – 22 điểm. | Kỷ thuật động tác chưa đúng, chưa nhanh nhẹn, ý thức địch tình chưa cao, chấp hành nghiêm quy tắc an toàn. Bắn đạt kết quả 5 – 19 điểm | 5 - 10 (4 điểm)  11 – 15 (5 điểm) |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**6.1. Tài liệu học tập**

[1] ThS. Nguyễn Tiến Hải – Nguyễn Trọng Hải – Giáo trình Vũ khí bộ binh và kỹ thuật sử dụng NXB Giáo dục Việt Nam năm 2015.

[2] Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng. Tập 2 – Vụ giáo dục quốc phòng, Nhà xuất bản Giáo dục. Năm 2005

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Kĩ thuật sử dụng lựu đạn Quân đội nhân dân Năm 2000; Lý thuyết bắn súng bộ binh – Cục quân huấn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Năm 2000

[4] Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh (Tập 1) huấn luyện bắn súng Tiểu liên AK, Trung liên RPD, RPK; NXB Quân đội nhân dân, năm 2012.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(4) | **Tín chỉ 1: Chương 1, 2**  **Chương 1. Một số nội dung về lý thuyết bắn súng**  1.1. Sức giật của súng và sự hình thành góc nẩy  1.1.1. Khái niệm sức giật của súng  1.1.2 Các thời kì giật, nguyên nhân, ảnh hưởng đến bắn trúng và cách khắc phục  1.1.3 Góc nẩy và nguyên nhân gây ra góc nẩy | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, mô hình, vũ khí để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1, 1.2, 1.3,  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3 |
| 2(4) | 1.2. Hình dáng đường đạn trong không gian và ý nghĩa thực tiễn trong chiến đấu  1.2.1. Hình dáng đường đạn  1.2.2. Ý nghĩa thực tiễn của đường đạn trong chiến đấu  1.3. Khoảng nguy hiểm, khoảng an toàn, khoảng che đỡ  1.3.1. Khoảng nguy hiểm  1.3.2. Khoảng che đỡ  1.3.3. Khoảng an toàn | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, mô hình, vũ khí để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.1, 1.2, 1.3,  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3 |
| 3(4) | 1.4. Ngắm bắn  1.4.1. Khái niệm về ngắm bắn  1.4.2. Thứ tự thực hành ngắm bắn  1.4.3. Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn  1.4.4. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, mô hình, vũ khí để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 1 phần 1.4, 1.4.1, 1.4.2, 1.4.3, 1.4.4  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3 |
| 9(4) | **Chương 5:** Binh khí một số loại lựu đạn  5.1. Những vấn đề chung  5.1.1. Tính năng, cấu tạo, chuyển động của một số lựu đạn diệt bộ binh  5.1.2. Qui tắc sử dụng lựu đạn | - Địa điểm: Giảng đường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp màn hình trình chiếu, mô hình lựu đạn để chứng minh. | - Đọc và nghiên cứu trước chương 5 phần 5.1; 5.1.1, 5.1.2  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất đầy đủ  - Nghe, suy nghĩ thảo luận, quan sát nắm chắc nội dung bài học. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3 |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 4(4) | **Tín chỉ 1: Chương 1, 2**  1.5. Kiểm tra và hiệu chỉnh súng  1.5.1. Kiểm tra súng và đạn  1.5.2. Hiệu chỉnh súng | - Địa điểm: Thao trường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp mô hình, vũ khí và các vật chất để thực hiện mẫu cho sinh viên quan sát. | - Đọc chương 1, phần 1.5; tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Nghe, thảo luận, quan sát nắm nội dung và làm theo | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 5(4) | **Chương 2**. Động tác bắn tại chỗ các loại súng bộbinh**.**  2.1. Động tác bắn súng tiểu liên AK, CKC  2.1.1. Động tác nằm bắn  2.1.2. Động quì bắn  2.1.3. Động tác đứng bắn | - Địa điểm: Thao trường  + Làm động tác mẫu theo 3 bước  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm vừa nói vừa làm  B3: Làm tổng hợp | - Đọc chương 2 phần 2.1 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Quan sát nắm nội dung và làm theo động tác mẫu | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 6(4) | **Tín chỉ 2: Chương 3, 4, 5**  **Chương 3.** Ngắm trúng, chụm  3.1. Ý nghĩa ngắm trúng chụm  3.2. Tập ngắm chụm  3.3. Tập ngắm chụm và trúng  **Chương 4**. Tập bắn bài 1 súng AK  4.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu  4.2. Phương án tập  4.3. Cách thực hành tập bắn  4.4. Điều kiện kiểm tra và cách thực hành bắn kiểm tra | - Địa điểm: Thao trường  **-** Nêu vấn đề, đặt câu hỏi gợi ý cho SV suy nghĩ trả lời; thuyết trình, kết hợp mô hình, vũ khí và các vật chất để thực hiện mẫu cho sinh viên quan sát.  + Làm mẫu động tác thực hành tập bắn cho SV quan sát | - Đọc chương 3,4 phần 3.13.2,3.3; 4.1-4.4 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Thảo luận, quan sát nắm nội dung và làm theo động tác mẫu | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 7(4) | **Luyện tập**  **Chương 2,3,4**.  2.1. Động tác bắn súng tiểu liên AK  2.1.1. Động tác nằm bắn  2.1.2. Động quì bắn  2.1.3. Động tác đứng bắn  3.3. Tập ngắm trúng, chụm  4.3. Tập bắn bài 1 AK | - Địa điểm: Thao trường  Chia thành 2 điểm tập:  Điểm tập 1: Tập ngắm trúng chum  Điểm tập 2: Động tác bắn súng tiểu liên AK kết hợp ngắm vào các mục tiêu theo điều kiện bài bắn  Sau đó xoay vòng đổi tập  Hướng dẫn, sửa sai cho sinh viên tập từ chậm đến nhanh dần.  Phân loại sinh viên để có biện pháp bồi dưỡng | Đọc chương 2,3,4 phần 2.1,3.3, 4.3 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 8(4) | **Luyện tập**  **Chương 2,3,4**.  2.1. Động tác bắn súng tiểu liên AK  2.1.1. Động tác nằm bắn  2.1.2. Động quì bắn  2.1.3. Động tác đứng bắn  3.3. Tập ngắm trúng, chụm  4.3. Tập bắn bài 1 AK | - Địa điểm: Thao trường  Chia thành 2 điểm tập:  Điểm tập 1: Tập ngắm trúng chum  Điểm tập 2: Động tác bắn súng tiểu liên AK kết hợp ngắm vào các mục tiêu theo điều kiện bài bắn  Sau đó xoay vòng đổi tập  Hướng dẫn, sửa sai cho sinh viên tập từ chậm đến nhanh dần.  Phân loại sinh viên để có biện pháp bồi dưỡng | Đọc chương 2,3,4 phần 2.1,3.3, 4.3 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.1. |
| 9(4) | **Luyện tập**  **Chương 3**. Ngắm trúng, chụm  **Chương 2, 4**. Tập động tác và tập bắn bài 1 súng AK | - Địa điểm: Thao trường  Chia 2 bộ phận để luyện tập sau đó xoay vòng đổi tập.  Quan sát hướng dẫn và kiểm tra SV luyện tập.  Chương 3: Chỉ dành cho SV ngắm còn yếu | Đọc chương 3,4 phần 3.3, 4.3 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 10(4) | **Chương 5:**  5.2. Kĩ thuật ném lựu đạn  5.2.1. Động tác ném lựu đạn  5.2.2. Ném lựu đạn xa trúng hướng  5.2.3. Ném lựu đạn xa trúng đích | - Địa điểm: Thao trường  + Làm động tác mẫu theo 3 bước  B1: Làm nhanh  B2: Làm chậm vừa nói vừa làm  B3: Làm tổng hợp | - Đọc chương 5 phần 5.2 tài liệu  - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Quan sát nắm nội dung và làm theo động tác mẫu | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 11(4) | **Tín chỉ 3: Luyện tập**  **Chương 4**. Tập bắn bài 1 súng AK  **Chương 5**. Tập tư thế động tác ném lựu đạn và bài 1 ném lựu đạn xa trúng đích | - Địa điểm: Thao trường  Chia 2 bộ phận để luyện tập sau đó xoay vòng đổi tập. Quan sát, kiểm tra hướng dẫn, sửa sai rút kinh nghiệm. | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 12 (4) | **Luyện tập**  **Chương 4**. Tập bắn bài 1 súng AK  **Chương 5**. Tập ném lựu đạn bài 1 xa trúng đích | - Địa điểm: Thao trường  Chia 2 bộ phận để luyện tập sau đó xoay vòng đổi tập. Quan sát, kiểm tra hướng dẫn, rút kinh nghiệm sửa sai cho sinh viên. | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên, chú ý sửa sai kịp thời sau rút kinh nghiệm của GV | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 13(4) | **Luyện tập**  **Chương 4**. Tập bắn bài 1 súng AK  **Chương 5**. Tập ném lựu đạn bài 1 xa trúng đích  **Tự học:** Trường hợp vận dung, lý thuyết của các tư thế ném lự đạn;  5.1.1. Tính năng, cấu tạo, chuyển động của một số lựu đạn | - Địa điểm: Thao trường  Chia 2 bộ phận để luyện tập sau đó xoay vòng đổi tập. Quan sát, kiểm tra hướng dẫn, rút kinh nghiệm sửa sai cho sinh viên. | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên, chú ý sửa sai kịp thời sau rút kinh nghiệm của GV | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 14(4) | **Luyện tập**  Tập tổng hợp theo điều kiện bài bắn, ném lựuđạn.  **Chương 4**. Tập bắn bài 1 súng AK  **Chương 5**. Tập ném lựu đạn bài 1 xa trúng đích | - Địa điểm: Thao trường   * GV duy trì hướng dẫn tập theo điều kiện bài bắn, ném lựu đạn thứ tự từng nội dung.   Rút kinh nghiệm, sửa sai.  . | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  Tập theo sự hướng dẫn của giảng viên, chú ý sửa sai kịp thời sau rút kinh nghiệm của GV | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A1.3  - A2.2 |
| 15(4) | **- Tổng kết môn học giải đáp thắc mắc**  **- Hướng dẫn ôn luyện thi kết thúc môn** | Địa điểm: Thao trường   * Gợi ý sinh viên đặt câu hỏi, hỏi những thắc mắc, nội dung chưa hiểu và đóng góp ý kiến cho GV trong quá trình dạy. GV nghiên cứu trả lời cho SV   Hướng dẫn cho SV ôn luyện, cách làm bài thi cuối kì; đọc điểm CC-GK và làm bài tập cho SV. | - Chuẩn bị tài liệu, vật chất, VKTB đầy đủ  - Chuẩn bị câu hỏi để hỏi giảng viên những nội dung chưa rõ  - Nghe nắm nội dung và tích cực ôn luyện theo hướng dẫn | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thượng tá, Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0989640989, tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 2:** | **Nguyễn Đình Lưu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0986608954, luund37@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự, Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng CSVN; Pháp luật về quốc phòng, an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  🗹 Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 36 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 9 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam*thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDQP & AN.

Học phần *Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam*giới thiệu quá trình ra đời, xây dựng và trưởng thành của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam bao gồm, quá trình hình thành, sự trưởng thành của quân đội và công an trong từng giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Giới thiệu truyền thống và một số bài học kinh nghiệm xây dựng QĐND và Công an nhân dân Việt Nam.

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần *Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam*trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình ra đời, xây dựng, trưởng thành và phát triển của lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam anh hùng, rút ra những bài học kinh nghiệm qua các giai đoạn và thời kỳ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, học phần góp phần bồi dưỡng lòng tự hào về truyền thống vẻ vang, tin tưởng vào sức mạnh của Quân đội và Công an nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 |
| 1.1.3 | 1.3.1. | 2.1.1 | 2.2.2 | 3.1.1. |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO1.4 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐRhọc phần (CLO)** | **TĐNLCĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức về quá trình ra đời, xây dựng, trưởng thành và phát triển của lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam vào giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức về quá trình ra đời, xây dựng, trưởng thành và phát triển của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.3 | K4 | Vận dụng hiểu biết về những nét truyền thống tiêu biểu của Quân đội nhân dân Việt Nam vào giáo dục hình thành tình cảm và sự tin yêu đối với lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam | Thuyết trình, bài tập | bài tập lớn |
| CLO1.4 | K4 | Vận dụng hiểu biết về những nét truyền thống tiêu biểu của Công an nhân dân Việt Nam vào giáo dục hình thành tình cảm và sự tin yêu đối với lực lượng Công an nhân dân Việt Nam | Thuyết trình, bài tập | bài tập lớn |
| CLO2.1 | S4 | Phát triển tư duy tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo đấu tranh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh thông qua nghiên cứu bài học kinh nghiệm trong xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam | Thuyết trình, bài tập | bài tập lớn |
| CLO2.2 | A4 | Bộc lộ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, thông qua thực hiện nề nếp, chế độ học tập nghiên cứu lịch sử tuyền thống quân đội công an | Thuyết trình, , làm việc nhóm | Bảng kiểm, bài tập lớn |
| CLO3.1 | S4 | Hợp tác cùng nhóm hoàn thành các bài thuyết trình về các chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam | Thuyết trình, làm việc nhóm | Phiếu đánh giá |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:Trắc nghiệm,tự luận,vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát,hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Đánh giá tinh thần, thái độ học tập | - Đáp án | CLO2.2 |  |
| A1.2 | Câu hỏi TNKQ | 20 câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| A1.3 | - Bài tập 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.3 |  |
| A1.4 | - Bài tập 2; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.1 |  |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Bài báo cáo thuyết trình trên powerpoint theo nhóm | - Rubric 1 | CLO3.1 |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO 2.1  CLO3.1 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia trên 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia 80% các các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. | Tham gia dưới 80% các buổi học tập, thảo luận, làm việc nhóm. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, thảo luận, làm việc nhóm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1 | Lịch sử ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.2 | Thời kỳ trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam trong trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp (1945 – 1954) | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.3 | Thời kỳ trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam trong trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) | 6 | 3 | 3 |  |
| 1.4 | Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN (1975 - nay) | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.5 | Công an nhân dân Việt Nam ra đời, đấu tranh và trưởng thành giai đoạn 1945 – 1954 | 6 | 3 | 3 | - |
| 2.1 | Công an nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước | 5 | 2 | 2 | 1 |
| 2.2 | Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc XHCN và công cuộc đổi mới đất nước | 5 | 2 | 2 | 1 |
| **Tổng** | | **40** | **16** | **16** | **8** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **40%** | **40%** | **20%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá bài thuyết trình làm việc nhóm (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Bài thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của Bài thuyết trình**  ***(6 điểm)*** | - Lựa chọn, trình bày đầy đủ bối cảnh, diễn biến nội dung có điểm nhấn chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam, Rút ra ý nghĩa, bài học lịch sử và ý nghĩa đối với công tác xây dựng Quân đội, Công an hiện nay  - Sưu tầm tư liệu lịch sử phong phú, phương thức trình bày sáng tạo, cuốn hút  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  . | - Lựa chọn, trình bày đầy đủ bối cảnh, diễn biến nội dung nhưng chưa có điểm nhấn chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam, Rút ra ý nghĩa, bài học lịch sử và ý nghĩa đối với công tác xây dựng Quân đội, Công an hiện nay  - Sưu tầm tư liệu lịch sử tương đối đầy đủ, phương thức trình bày tương đối sáng tạo  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  . | - Lựa chọn, trình bày đủ bối cảnh, đủ diễn biến nội dung chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam, Đã rút ra ý nghĩa, bài học lịch sử và ý nghĩa đối với công tác xây dựng Quân đội, Công an hiện nay nhưng chưa thật đầy đủ  - Có sưu tầm tư liệu lịch sử nhưng chưa đầy đủ, phương thức trình bày đơn điệu  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  . | - Lựa chọn, trình bày chưa đầy đủ bối cảnh, diễn biến nội dung sơ sài chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam, Chưa rút ra được ý nghĩa, bài học lịch sử và ý nghĩa đối với công tác xây dựng Quân đội, Công an hiện nay  - Chưa sưu tầm tư liệu lịch sử hoặc quá sơ sài, phương thức trình đơn điệu  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  . |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Đình Lưu , Tập bài giảng *Lịch sử, truyền thống của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam* ,Lưu hành nội bộ, 2020.

[2] Viện lịch sử quân sự - BQP, *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam* ,Nxb Quân đội nhân dân, 2005.

[3] Tạ Ngọc Vãng-Bùi Văn Thịnh-Phạm Đình Xinh-Đinh Tuấn Anh- Phan Tân Hoài-Nguyễn Hoàng Minh, Giáo trình *Giáo dục an ninh – trật tự* –Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

*Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.*

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2006,2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | ***Chương 1.*** **Lịch sử ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam**  1.1. Những quan điểm quân sự đầu tiên của Đảng  1.2. Sự ra đời các đội quân cách mạng và Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của quân đội  1.3. Những chiến thắng đầu tiên  1.4. Quân đội cùng toàn dân thực hiện thắng lợi cách mạng tháng 8/1945 | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  ….. | - Đọc tài liệu [1], trang 7-25 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 2(3) | ***Chương 2.*** **Thời kỳ trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam trong trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp (1945 – 1954)**  2.1. Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947,  2.2. Chiến thắng Biên giới 1950 | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 3(3) | 2.3. Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954 và Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 4(3) | **Thảo luận, ôn tập**  Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời các đội quân cách mạng và đội VNTTGPQ  Ý nghĩa , tầm vóc lịch sử của chiến dịch Điện Biên Phủ | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 7-77  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 5(3) | ***Chương 3.*** **Thời kỳ trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam trong trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)**  3.1. Xây dựng Quân đội nhân dân tiến lên chính quy hiện đại, Giữ gìn, phát triển lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam (1954 – 1960)  3.2. Đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Đế quốc Mỹ (1961 – 1965)  3.3.Quân đội vừa chiến đấu, vừa xây dưng cùng toàn dân đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Đế quốc Mỹ(1965 – 1968) | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 46-48 | - CLO1.1 |  |
| 6(3) | 3.4. Tiến lên tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, đánh bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Đế quốc Mỹ (1969 – 1972)  3.5. Chuẩn bị và tiến hành cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1973 – 1975) | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 60-67  - Đọc tài liệu [1], trang 68-77 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 7(3) | ***Chương 4.*** **Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN (1975 - nay)**  4.1. Quân đội nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ biên giới Tây nam và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả  4.2. Quân đội nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ biên giới phía Bắc  4.3. Quân đội nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ chủ quyền Biển Đảo của Tổ quốc | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 49-55 | - CLO1.1 | - A1.2 |
| 8(3) | ***Chương 5.*** **Truyền thống và một số bài học kinh nghiệm trong Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam**  5.1. Những nội dung tiêu biểu trong truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 78-86 | - CLO1.3 | - A1.3 |
| 9(3) | 5.2. Bài học kinh nghiệm trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 87-99 | - CLO2.1 | - A1.4 |
| 10(3) | **Thảo luận**  Bản chất giai cấp của quân đội và ý nghĩa công tác xây dựng bản chất giai cấp cho quân đội hiện nay | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 78-119  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.3  - CLO2.1 | - A1.3  - A1.4 |
| 11(3) | ***Chương 6***: **Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam**  6.1. Công an nhân dân Việt Nam ra đời, đấu tranh và trưởng thành giai đoạn 1945 – 1954 | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 100-108  - Đọc tài liệu [1], trang 108-119 | - CLO1.2  - | - A1.2 |
| 12(3) | 6.2 Công an nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước  6.3 Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc XHCN và công cuộc đổi mới đất nước | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 13(3) | ***Chương 7***. **Truyền thống và một số bài học kinh nghiệm Xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt Nam**  7.1. Truyền thống , bản chất tốt đẹp của lực lương Công an nhân dân | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO1.4 | - A1.3 |
| 14(3) | 7.2. Một số bài học kinh nghiệm của Công an nhân dân Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 120-122 | - CLO2.1 | - A1.4 |
| 15(3) | **Thảo luận, báo cáo** bài thuyết trình về các chiến công lịch sử của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam | - Địa điểm: Giảng đường  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn ôn tập | - Đọc tài liệu [1], trang 78-119  - Chuẩn bị bài thảo luận theo chủ đề được giao | - CLO3.1  - CLO2.3 | - A2.1  - A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Học phần: THỰC HÀNH HÀNH TRÚ QUÂN DÃ NGOẠI**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Đình Phi***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ:Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0973.672.683, dinhphidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***Giảng viên 2: Lưu Văn Mạnh***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0987.817.345; manhqpandhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thực hành hành, trú quân dã ngoại**  (tiếng Anh): **Practice maneuver, garrisonning** | | |
| - Mã số học phần: NAP30018 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 0 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập:0 | |  |
| + Số tiết thực hành:30 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận, bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Kỹ - Chiến thuật  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành hành, trú quân dã ngoại là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong ch­ương trình đào tạo đại học ngành GDQP-AN. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hành quân và trú quân dã ngoại, hình thành cho người học những kỹ năng cần thiết trong hành, trú quân dã ngoại. Người học được trải nghiệm trong môi trường sát với thực tiễn, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong nhanh nhẹn.

**3. Mục tiêu học phần**

- Học phần Thực hành hành, trú quân dã ngoại giới thiệu những kiến thức cơ bản về hành quân, trú quân dã ngoại và các hoạt động được kết hợp thực hiện trong hành, trú quân.

- Hình thành cho người học những kỹ năng cần thiết trong hành quân, trú quân dã ngoại.

- Người học có tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong quân sự và tác phong nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 3.1.1 | 3.2.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ✓ |  | ✓ |  |
| CLO2.3 |  | ✓ |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
|  |  |  |  |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Biết, nhớ, hiểu được ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu trong hành, trú quân dã ngoại | Thuyết trình | Câu hỏi TNKQ |
| CLO 1.2 | K4 | Nắm được nội dung các công tác bảo đảm trong hành, trú quân dã ngoại. | Thuyết trình | Câu hỏi TNKQ |
| CLO 2.1 | S4 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong hành, trú quân dã ngoại | Thực hành | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.2 | S4 | Thực hành thành thạo các nội dung của hành, trú quân dã ngoại | Thực hành | Vấn đáp, kiểm tra động tác |
| CLO 2.3 | C4 | Vận dụng linh hoạt kiến thức về hành, trú quân vào rèn luyện người học và các hoạt động GDQP&AN | Trải nghiệm | Phiếu đánh giá |
| CLO 3.1 | S4 | Nhận biết và xử lý tốt các tình huống diễn ra trong hành, trú quân dã ngoại | Trải nghiệm | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.1 | - Chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO 2.1.4  PLO 3.2.1 |
| A1.2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | 20% | PLO 1.1.5 |
| A1.3 | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO2.3 | - Sinh viên thực hiện các động tác, GV đánh giá lưu hồ sơ  - Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO 1.3.2  PLO 2.1.4  PLO 3.1.1  PLO 3.2.1  PLO 4.1.1 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2 | - CLO2.1  - CLO2.2  - CLO3.1 | - Vấn đáp, thực hành các động tác | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 50% | PLO 2.1.4  PLO 3.1.1  PLO 3.2.1  PLO 4.1.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá giữa kỳ (A.1.3)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Công tác chuẩn bị** | - Chuẩn bị chu đáo, đúng thời gian, đảm bảo tốt các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, đúng thời gian, đảm bảo các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, chậm thời gian, đảm bảo các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, chậm thời gian, không đầy đủ các nội dung yêu cầu. | - Không làm công tác chuẩn bị | 20% |
| **Kết quả huấn luyện** | Thực hiện tốt các yêu cầu trong hành trú quân; thực hành thành thạo kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; thực hành thành thạo kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại chưa thành thạo; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại chưa thành thạo; chậm thời gian quy định | Không thực hiện được các nội dung yêu cầu | 70% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 3. Bảng Rubric đánh giá bài A2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tác phong** | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc, khẩn trương. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong, nghiêm túc. | Chấp hành đúng lễ tiết tác phong | Lễ tiết tác phong chưa bảo đảm | Sai lễ tiết tác phong | 10% |
| **Vấn đáp** | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích rất thuyết phục | Trả lời đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích khá thuyết phục | Trả lời khá đầy đủ, nhưng có phần chưa ngắn gọn, liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích có phần không thuyết phục | Trả lời chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, dài dòng, ít liên quan đến câu hỏi, lập luân phân tích không thuyết phục | Hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi, lập luận phân tích không hợp ý | 30% |
| **Công tác chuẩn bị** | - Chuẩn bị chu đáo, đúng thời gian, đảm bảo tốt các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, đúng thời gian, đảm bảo các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, chậm thời gian, đảm bảo các nội dung yêu cầu. | - Chuẩn bị chưa chu đáo, chậm thời gian, không đầy đủ các nội dung yêu cầu. | - Không làm công tác chuẩn bị | 10% |
| **Động tác** | Thực hiện tốt các yêu cầu trong hành trú quân; thực hành thành thạo kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; thực hành thành thạo kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại chưa thành thạo; đúng thời gian quy định | Thực hiện được các yêu cầu trong hành trú quân; kỹ thuật các động tác trong hành, trú quân dã ngoại chưa thành thạo; chậm thời gian quy định | Không thực hiện được các nội dung yêu cầu | 50% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ……………………………………………..)*** | | | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] **Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng,** Tập 3 – Vụ giáo dục

quốc phòng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2005.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] **ThS. Trương Đình Quý**, Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, NXB Giáo dục, năm 2015

[3] PGS. TS. Lê Văn Chung, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh, NXB Giáo dục, năm 2015

[4] Bộ Quốc phòng (2015), Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 45 tiết thực hành

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

***\* Thực hành***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, (số tiết)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1  (3) | **Chương 1. Đặc điểm, yêu cầu trong hành, trú quân dã ngoại.**  1.1. Đặc điểm  1.2. Yêu cầu | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 2  (3) | **Chương 2. Công tác hậu cần trong hành, trú quân dã ngoại**  2.1. Sử dụng quân trang, đồ dùng trang bị  2.2. Đeo, đặt ba lô, đồ dùng, trang bị  2.3. Ăn uống trong hành, trú quân dã ngoại  2.4. Ngủ, nghỉ trong hành, trú quân dã ngoại  2.5. Phòng và chữa bệnh trong hành, trú quân dã ngoại | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 3  (3) | **Chương 3. Công tác vệ sinh trong hành, trú quân dã ngoại**  3.1. Quy định chung  3.2.Công tác vệ sinh trong hành quân  3.3. Công tác vệ sinh trong trú quân dã ngoại | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 4  (3) | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.1. Đào bếp Hoàng cầm cấp I | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 5  (3) | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.1. Đào bếp Hoàng cầm cấp I | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
|  | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.1. Đào bếp Hoàng cầm cấp I | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 6  (3) | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.2. Đào bếp Hoàng cầm cấp II | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 7  (3) | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.2. Đào bếp Hoàng cầm cấp II | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 8  (3) | **Chương 4. Kỹ thuật đào và sử dụng bếp hoàng cầm trong hành, trú quân dã ngoại**  4.2. Đào bếp Hoàng cầm cấp II | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 9  (3) | **Chương 5. Kỹ thuật mắc tăng võng trong hành, trú quân dã ngoại**  4.1. Mắc võng  4.2. Mắc màn, tăng  4.3. Một số điểm chú ý | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 10  (3) | **Chương 5. Kỹ thuật mắc tăng võng trong hành, trú quân dã ngoại**  5.1. Mắc võng  5.2. Mắc màn, tăng  5.3. Một số điểm chú ý | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 11  (3) | **Chương 6. Kỹ thuật đào công sự chiến đấu trong hành, trú quân dã ngoại**  6.1. Đào công sự nằm bắn | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 12  (3) | **Chương 6. Kỹ thuật đào công sự chiến đấu trong hành, trú quân dã ngoại**  6.1. Đào công sự nằm bắn | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 13  (3) | **Chương 6. Kỹ thuật đào công sự chiến đấu trong hành, trú quân dã ngoại**  6.1. Đào công sự quỳ bắn | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 14  (3) | **Chương 6. Kỹ thuật đào công sự chiến đấu trong hành, trú quân dã ngoại**  6.1. Đào công sự quỳ bắn | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **+** Tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 15  (3) | **Chương 7: Trú quân trong nhà dân**  7.1. Quy định chung  7.2. Công tác dân vận  7.3. Quản lý quân nhân khi đóng quan trong nhà dân | **- Địa điểm:**  Bãi huấn chiến thuật  **- Giảng dạy thực hành:**  + GV kết hợp thuyết trình, giảng giải và giới thiệu động tác  + Hướng dẫn và tổ chức luyện tập | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu trước chương 1  - Thảo luận  - Luyện tập theo kế hoạch | CLO1.1  CLO1.2  CLO 2.1  CLO 2.2  CLO 2.3  CLO 3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: THỰC HÀNH DẠY HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Giảng viên 1:** | **Trần Văn Thông** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thượng tá, Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0989640989, tvthongdhv@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự Hệ thống thông tin quản lý; Lý luận dạy học GDQP&AN; Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên nghành GDQP&AN |
| **Giảng viên 2:** | **Nguyễn Đình Lưu** |
| Chức danh, học hàm, học vị: | Thạc sỹ |
| Địa chỉ liên hệ: | Trung tâm GDQP&AN, Nghi Ân -TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại, Email: | 0986608954, luund37@gmail.com |
| Các hướng nghiên cứu chính: | Lý luận chung về quốc phòng, quân sự, Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng CSVN; Pháp luật về quốc phòng, an ninh |

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: NAP30023 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và an ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  🗹 Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 45 | |  |
| + Số tiết tự học: 150 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông | | Mã số HP: NAP30016 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, Tiểu luận qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Đường lối quân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần **Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh** thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm chuyên ngành giáo dục quốc phòng – an ninh , là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDQP & AN.

**Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh** Giới thiệu cho sinh viên Chương trình, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông**;** kĩ năng sư phạm của người giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh;Chuẩn bị và thực hành giảng bài lý thuyết môn GDQP& AN, chuẩn bị và thực hành giảng bài kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chuẩn bị và thực hành giảng bài chiến thuật bộ binh, chuẩn bị và thực hành giảng bài điều lệnh đội ngũ trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông

**3.Mục tiêu học phần**

Học phần **Thực hành dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh** trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chương trình, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông**;** kĩ năng sư phạm của người giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh;trình tự , phương pháp chuẩn bị và thực hành giảng bài lý thuyết, kỹ thuật, chiến thuật, điều lệnh trong chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh để vận dụng vào thực tiễn xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thực hành thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học các bài lý thuyết về giáo dục quốc phòng và an ninh, thành thạo kỹ năng giảng dạy (huấn luyện) bài thực hành kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật, điều lệnh và tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh.

Rèn luyện cho sinh viên phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy và trách nhiệm của giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 |
| 1.2.2. | 2.1.4 | 2.2.2. | 3.1.2 | 3.2.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 |  | ✓ |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐRhọc phần (CLO)** | **TĐNLCĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức cơ bản về Chương trình, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông, kĩ năng sư phạm của người giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức cơ bản về tổ chức và phương pháp chuẩn bị giảng bài lý thuyết môn GDQP& AN, tổ chức và phương pháp chuẩn bị giảng bài kĩ thuật chiến đấu bộ binh, giảng bài chiến thuật bộ binh, giảng bài điều lệnh đội ngũ để chuẩn bị các bài giảng Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình GDQPAN cấp THPT | Thuyết giảng  Thực hành | Bảng kiểm |
| CLO2.1 | S4 | Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổ chức thực hành phương pháp dạy học kiểm tra, đánh giá các bài lý thuyết về giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; | *Thực hành* | *Thực hành* |
| CLO2.2 | S4 | Thực hành thành thạo các kỹ năng giảng dạy (huấn luyện) bài thực hành kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật, điều lệnh trong hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh | *Thực hành* | *Thực hành* |
| CLO2.3 | A4 | Thể hiện phong cách mô phạm, chuẩn mực, công bằng, tính tổ chức, tính kỷ luật, tác phong chính quy thông qua hoạt động thực hành luyện tập giảng bài thực hành kỹ năng quân sự | *Thực hành* | *Bảng kiểm, Thực hành* |
| CLO3.1 | S4 | Bộc lộ khả năng tổ chức triển khai, quản lý và lãnh đạo hoạt động nhóm hiệu quả trong hoạt động trong tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng quân sự trong các buổi thực hành tập giảng | *Thực hành, , làm việc nhóm* | Phiếu đánh giá |
| CLO3.2 | S4 | Thể hiện phong cách chững chạc, thành thạo sử dụng ngôn ngữ và các phương thức, phương tiện trong thực hành giảng bài giáo dục giáo dục quốc phòng và an ninh | *Thực hành* | Phiếu đánh giá |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:Trắc nghiệm,tự luận,vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát,hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Tinh thần, thái độ, tính tổ chức, tính kỷ luật | Rubric | CLO2.3 |  |
| A1.2 | Câu hỏi TNKQ | 30 câu hỏi TNKQ | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Thực hành giảng bài giáo dục quốc phòng và an ninh | Rubric | CLO2.1  CLO2.2 |  |
| A2.2 | Thực hành hoạt động nhóm | Rubric | CLO 3.1 |  |
|  |  |  |  |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 | - Thi thực hành giảng bài | Rubric | CLO2.1  CLO2.2  CLO 3.2 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

*- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.*

*- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, buổi tập giảng | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi tập giảng | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi tập giảng | Tham gia dưới 80% các buổi học, buổi tập giảng |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, tập giảng.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, giờ tập giảng.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, giờ tập giảng.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, giờ tập giảng.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1 | Chương trình, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.2 | Khái niệm và phân loại kỹ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.3 | Hệ thống kĩ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh | 6 | 3 | 3 |  |
| 1.4 | Chuẩn bị và thực hành giảng bài lý thuyết môn giáo dục qp – an | 6 | 2 | 2 | 2 |
| 1.5 | Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn kĩ thuật chiến đấu bộ binh | 6 | 3 | 3 | - |
| 2.1 | Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn chiến thuật bộ binh | 5 | 2 | 2 | 1 |
| 2.2 | Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn điều lệnh đội ngũ | 5 | 2 | 2 | 1 |
| **Tổng** | | **40** | **16** | **16** | **8** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **40%** | **40%** | **20%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá thực hành tập giảng bài (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Tinh thần thái độ tập giảng *(2 điểm)*** | Chủ động, tích cực, nhiệt tình, tận dụng hết thời gian để tập giảng  Biết rút kinh nghiệm, tiến bộ sau từng buổi tập | Thực hiện tốt kế hoạch tập giảng, tận dụng hết thời gian để tập giảng  Biết rút kinh nghiệm, tiến bộ sau từng buổi tập | Thực hiện đủ thời gian tập giảng  Việc rút kinh nghiệm và tiến bộ sau từng buổi tập còn có hạn chế | Thực hiện 80% thời gian tập giảng, chưa tích cực, tự giác  Mức độ tiến bộ sau từng buổi tập thấp |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Công tác chuẩn bị Bài giảng**  ***(2 điểm)*** | - Chuẩn bị giáo án đầy đủ, cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án đầy đủ, cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Thực hành tập giảng bài**  ***(6 điểm)*** | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế, có tính giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh mà giáo viên dạy.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp, biết kết hợp tốt các hoạt động dạy và học.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng, tạo hình ảnh trực quan, dễ tiếp thu cho học sinh.  - Tổ chức thực hiện linh hoạt các khâu lên lớp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng.  - Tổ chức thực hiện các khâu lên lớp tương đối phù hợp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. Biết tạo ra các tình huống để học sinh tham gia giải quyết vấn đề một cách hứng thú. | - Nội dung chính xác rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp tương đối phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp  - Đã có trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học theo nội dung bài giảng.  - Đã trình bày các khâu lên lớp tương đối phù hợp, đã có phân phối thời gian và có hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng. | - Nội dung còn có chỗ thiếu chính xác , chưa xác định rõ trọng tâm, chưa có liên hệ thực tế.  - Phương pháp trình bày sơ sài, chưa phù hợp với nội dung bài giảng  - Trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học chung chung, không theo nội dung bài giảng.  - Các khâu lên lớp trình bày chưa phù hợp, phân phối thời gian chung chung. |
|  |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia tập luyện và bình tập của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 5. Rubric đánh giá thi thực hành giảng bài (A3.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Công tác chuẩn bị Bài giảng**  ***(2 điểm)*** | - Chuẩn bị giáo án đầy đủ, cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án đầy đủ, cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Chuẩn bị giáo án chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Thực hành giảng bài**  ***(6 điểm)*** | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế, có tính giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh mà giáo viên dạy.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp, biết kết hợp tốt các hoạt động dạy và học.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng, tạo hình ảnh trực quan, dễ tiếp thu cho học sinh.  - Tổ chức thực hiện linh hoạt các khâu lên lớp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. | - Nội dung chính xác khoa học, có tính hệ thống, rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp.  - Phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp với nội dung bài giảng.  - Tổ chức thực hiện các khâu lên lớp tương đối phù hợp, phân phối thời gian hợp lý, hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng tích cực, chủ động. Biết tạo ra các tình huống để học sinh tham gia giải quyết vấn đề một cách hứng thú. | - Nội dung chính xác rõ trọng tâm, có liên hệ thực tế.  - Phương pháp tương đối phù hợp với đặc trưng bộ môn, nội dung của bài lên lớp  - Đã có trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học theo nội dung bài giảng.  - Đã trình bày các khâu lên lớp tương đối phù hợp, đã có phân phối thời gian và có hướng dẫn học sinh tham gia vào bài giảng. | - Nội dung còn có chỗ thiếu chính xác , chưa xác định rõ trọng tâm, chưa có liên hệ thực tế.  - Phương pháp trình bày sơ sài, chưa phù hợp với nội dung bài giảng  - Trình bày các phương tiện và thiết bị dạy học chung chung, không theo nội dung bài giảng.  - Các khâu lên lớp trình bày chưa phù hợp, phân phối thời gian chung chung. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Chuẩn bị bài giảng điện tử**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức bài giảng đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảng khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảng đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức bài giảng đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]PGS.TS Nguyễn Văn Chung (chủ biên), Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học GDQP&AN, NXB GDVN, 2015

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức, Giáo trình Lý luận dạy học đại học, Trường ĐHSP 1, 1999

[3] Đặng Thành Hưng, Dạy học hiện đại- Lí luận – biện pháp – kỹ thuật, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2002

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 75 tiết, trong đó có 30 tiết lí thuyết 45 tiết thực hành số tiết theo cụ thể như sau:

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(5) | **Chương 1. Giới thiệu chương trình, kế hoạch, tài liệu dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh**  1. Chương trình, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên giáo trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trung học phổ thông  2. Chương trình, kế hoạch dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.  3. Chương trình kế hoạch dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở cao đẳng, đại học | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  ….. | - Đọc tài liệu [1], trang 7-25 | - CLO1.1 |  |
| 2(5) | ***Chương 2.* Kỹ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh**  1. Khái niệm và phân loại kỹ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh  2. Hệ thống kĩ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh  3. Quy trình rèn luyện kĩ năng sư phạm của người giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh  4. Tổ chức thực hành rèn luyện kỹ năng sư phạm cho giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.1 | - A1.1 |
| 3(5) | ***Chương 3*. Chuẩn bị và thực hành giảng bài lý thuyết môn giáo dục qp – an**  1. Tổ chức, phương pháp chuẩn bị giảng bài lý thuyết môn giáo dục quốc phòng – an ninh  2. Tổ chức, phương pháp thực hành giảng bài lý thuyết môn giáo dục quốc phòng – an ninh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 26-34 | - CLO1.2 | - A1.1 |
| 4(5) | ***Chương 4.* Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn kĩ thuật chiến đấu bộ binh**  1. Đặc điểm dạy học môn Kĩ thuật chiến đấu bộ binh  2. Tổ chức, phương pháp chuẩn bị giảng bài môn KTCĐBB  3. Tổ chức, phương pháp thực hành giảng bài môn kĩ thuật chiến đấu bộ binh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình | - Đọc tài liệu [1], trang 46-48 | - CLO1.2 |  |
| 5(5) | ***Chương 5.* Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn chiến thuật bộ binh**  1. Hình thức, đặc điểm tổ chức dạy học chiến thuật từng người, tổ, tiểu đội bộ binh  2. Chuẩn bị dạy học các bài chiến thuật từng người, tổ, tiểu đội bộ binh  3. Phương pháp thực hành dạy học các bài chiến thuật từng người, tổ, tiểu đội bộ binh | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 49-55 | - CLO1.2 |  |
| 6(5) | ***Chương 6.* Chuẩn bị và thực hành giảng bài môn điều lệnh đội ngũ**  1. Những vấn đề chung  2. Chuẩn bị huấn luyện điều lệnh đội ngũ  3. Thực hành giảng dạy | - Địa điểm: Giảng đường  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc tài liệu [1], trang 60-67  - Đọc tài liệu [1], trang 68-77 | - CLO1.2 | - A1.2 |

***Thực hành: 45 tiết***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 7(5) | **Thực hành giảng bài lý thuyết môn Giáo dục quốc phòng và an ninh** | - Địa điểm: Giảng đường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.1  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.1 |
| 8(5) | **Thực hành giảng bài lý thuyết môn Giáo dục quốc phòng và an ninh** | - Địa điểm: Giảng đường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.1  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.1 |
| 9(5) | **Thực hành giảng bài lý thuyết môn Giáo dục quốc phòng và an ninh** | - Địa điểm: Giảng đường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.1  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.1 |
| 10(5) | Thực hành giảng bài Kĩ thuật chiến đấu bộ binh trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |
| 11(5) | Thực hành giảng bài Kĩ thuật chiến đấu bộ binh trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |
| 12(5) | Thực hành giảng bài Chiến thuật binh trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |
| 13(5) | Thực hành giảng bài Chiến thuật bộ binh trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |
| 14(5) | Thực hành giảng bài Điều lệnh đội ngũ trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |
| 15(5) | Thực hành giảng bài Điều lệnh đội ngũ trong chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh | - Địa điểm: Thao trường  - Sv thực hành giảng bài. GV hướng dẫn | - Giáo án, tài liệu, vật chất học tập theo nội dung bài giảng được giao | - CLO2.2  - CLO2.3  - CLO3.1  - CLO3.2 | - A2.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Lê Duy Hiếu** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GDQP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**VŨ KHÍ BỘ BINH**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*** ***Đoàn Quang Dũng***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0986 186 187, quangdungdhv87@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***Giảng viên 2:Nguyễn Thế Tiến***

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân –TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại, email: 0972 195 710, nguyenthetiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Vũ khí bộ binh**  (tiếng Anh): **Infantry weapons** | | |
| - Mã số học phần: NAP30002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục quốc phòng và An ninh | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  VV | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%.  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận , bài tập qua hệ thống LMS  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: : Khoa GDQP, Tổ Kỹ - Chiến thuật  Điện thoại: 0986 186 187 Email: quangdungdhv87@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Vũ khí bộ binh*  là học phần kỹ thuật cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên GDQP&AN, bao gồm 03 tín chỉ. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo GDQP&AN. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học các môn học thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành. *Vũ khí bộ binh* là một học phần của ngành GDQP&AN nhằm cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo tác dụng các bộ phận chính và tháo lắp thông thường của súng AK, CKC, RPĐ, B40, B41, K54. Qua đó, giúp người học hiểu, nắm được các kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng thành thạo trong quá trình học tập và công tác sau này

**3. Mục tiêu học phần**

Đây là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên GDQP - AN nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo và chuyển động khi bắn của các loại súng khí bộ binh.

Thực hành thành thạo động tác tháo, lắp, sử dụng súng. Vận dụng những kĩ năng có được vào hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn công tác sau sau này.

Thông qua nội dung của học phần nhằm bồi dưỡng cho người học có thái độ nghiêm túc trong học tập, rèn luyện đức tính cần cù chịu khó, tinh thần đồng đội, có niểm tin vào tính năng vũ khí trong chiến đấu.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 3.1.1 | 3.2.1 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | ✓ |
|  |  |  |  |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | - Trình bày được nội dung cơ bản về tác dụng, tính năng chiến đấu, tên gọi tác dụng cấu tạo các bộ phận, chuyển động, tháo lắp và bảo quản các loại súng | Thuyết trình, vấn đáp | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | - Vận dụng kiến thức để nâng cao thực hành tháo lắp các loại súng vũ khí bộ binh | Thực hành | Quan sát Thực hành |
| CLO2.1 | S4 | - Thực hành thành thạo kỹ năng sử dụng và tháo thắp các loại vũ khí | Thực hành | Quan sát  Thực hành |
| CLO3.1 | S4 | - Tổ chức thành các tổ thực hành luyện tập động tác theo ý định của GV | Thực hành  Làm việc nhóm | Quan sát  Thực hành |
| CLO3.2 | S4 | Thể hiện được khả năng làm việc nhóm, chỉ huy, phối hợp hiệp đồng, tính tổ chức kỉ luật, trong quá trình luyện tập | Thực hành làm việc nhóm | Quan sát Thực hành |
| CLO4.1 | C4 | Xác định được vị trí tầm quan trong của môn học vào trong quá trình giảng dạy chương trình phổ thông và thực tiễn cuộc sống. | Thảo luận  Thuyết trình | Câu hỏi |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.2: Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm, thực hành) | - Thực hành kỹ thuật động tác, Bài tập tự luận, bài thảo luận  SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ, | - Rubric 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Thực hành kỹ thuật động tác,  Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | - Rubric 2  - Đáp án  - Quan sát | CLO1.2 đến CLO3.2 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | Thi viết; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Rubric 2  - Đáp án | CLO1.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: a = a1 × 0.3 + a2 × 0.2 + a3 × 0.5**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá thường xuyên (Thái độ học tập, Chuyên cần, Hồ sơ học phần ) a2: điểm đánh giá giữa kỳ; a3: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2***

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết/ 30 tiết ) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút ) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút ) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp và thao trường (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, thực hành động tác,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu, thành thạo thuần thục về kỹ năng thực hành động tác.  ( được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu, thành thạo về kỹ thuật động tác (~75%  hoạt động ) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, Phát biểu, nắm được kỹ thuật động tác (~50%  hoạt động ) | Ít tham gia làm bài tập, thực hành, thảo luận, phát biểu  (~25%  hoạt động ) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân  -  Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV) | 15% |

**Rubric 2: Đánh giá bài A1.3**

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Thực hành nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đề tài  -Đưa ra  những ý tưởng rõ  ràng, liên quan đến nội dung bài học. | -Thu thập thông tin cơ bản về nội dung bài học.  -Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến nội dung bài | -Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  Ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học*, cao đẳng. Tập 3 – Vụ giáo dục quốc phòng Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Năm 2005

[2] *Giáo trình Vũ khí bộ binh và kỹ thuật sử dụng*, dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh, NXb Giáo dục Việt Nam, 2015

[3] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập 2*, dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXb Giáo dục Việt Nam, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Cục Quân huấn, Bộ tổng tham mưu (2004), *Sổ tay Tiểu đội trưởng,* NXb Quân đội nhân dân.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình giáo dục quốc phòng, lớp 12,* Nxb Giáo dục Việt nam.

[6] Đề cương bài giảng *Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh,* ThS. Đoàn Quang Dũng biên soạn năm 2018.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết, thực hành:*** *(15 tuần)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Tín chỉ 1 :**  **Chương 1. Binh khí súng Tiểu liên.**  1.1 Tác dụng, tính năng kĩ chiến thuật  1.2 Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn  1.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | **- Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp**: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới độ chính xá của một phát bắn?  **- Tự học**:  1, Tính năng chiến đấu? | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định rèn luyện. | CLO1.1 | A1.1,A1.2,A1.3  A2.1;  A3.1, |
| **2**  **Thực hành**  3 tiết | 1.3. Tháo và lắp súng thông thường | Sử dụng phương pháp thuyết trình giảng giải, kết hợp giáo cụ trực quan.  Giới thiệu động tác theo 3 bước:  + Bước 1: Làm nhanh (Để SV khái quát, nhận biết động tác)  + Bước 2:  Làm chậm phân tích từng cử động của động tác (Để sinh viên hiểu được động tác)  + Bước 3:  Làm tổng hợp để sinh viên nắm chắc ĐT)  - Phổ biến kế hoạch luyện tập, nội dung, thời gian LT, tổ chức và phương pháp, vị trí luyện tập, ký tín hiệu, người phụ trách.  **- Tự học**:  1.5. Qui tắc giữ gìn, bảo quản súng | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết, vũ khí trang bị.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định rèn luyện  - Tổ trưởng duy trì luyện tập  Tổ trưởng tập hợp tổ thành hàng ngang, dãn cách; Người chỉ huy hô khẩu lệnh; người tập động tác theo khẩu lệnh; Người chỉ huy quan sát sửa tập cho từng cá nhân; cá nhân luyện tập theo 3 bước (tự nghiên cứ, tập chậm, tâp hoàn thiện động tác) | CLO1.2 đến  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **3**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Chương 2**. **Binh khí súng trường bán tự động CKC**  2.1. Tác dụng, tính năng kĩ chiến thuật  2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn | - **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:** Phân tích sự khác nhau giữa súng TL AK và CKC?  **- Tự học**: | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **4**  **-Lý thuyết**  3 tiết | 2.3. Quy tắc, tháo và lắp súng thông thường  2.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | - **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:** Nêu những điểm chú ý trong quá trình tháo lắp súng?  **- Tự học**:  2.5. Qui tắc giữ gìn, bảo quản súng | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **5**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Tín chỉ 2 :**  **Chương 3. Binh khí súng chống tăng B40.**  3.1. Tác dụng, tính năng kĩ chiến thuật  3.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo các bộ phận  3.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:**  So sánh sự chuyển động của súng B40 với các súng đã học?  **- Tự học**: | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **6**  **-Lý thuyết**  3 tiết | 3.3. Tháo và lắp súng thông thường  3.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Tự học**:  3.5. Qui tắc an toàn khi sử dụng súng | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **7**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Chương 4. Binh khí súng chống tăng B41.**  4.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo các bộ phận  4.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:** Đạn của súng chống tăng cấu tạo theo nguyên lý nổ lõm có tác dụng như thế nào?  **Tự học**  4.1. Tác dụng, tính năng kĩ chiến thuật | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1, |
| **8**  **Thực hành**  3 tiết | 4.3. Tháo và lắp súng thông thường | **Quan sát và thực hành, phương pháp như các tiết thực hành trước**  **- Hỏi đáp:**Khi tháo lắp súng cần tuân theo những nguyên tắc nào?  **Tự học**  4.5. Qui tắc an toàn khi sử dụng súng | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết, vũ khí trang bị.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định, phương pháp luyện tập của sinh viên như ở các tiết thực hành trước | CLO1.2 đến  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **9**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Tín chỉ 3 :**  **Chương 5. Binh khí súng ngắn K54.**  5.1. Tác dụng, tính năng kĩ chiến thuật  5.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn  5.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:**Từ tính năng kỹ chiến thuật nêu trường hợp vận dụng của súng?  **Tự học**  5.3. Quy tắc, thứ tự tháo và lắp súng thông thường | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 |
| **10**  **-Lý thuyết**  3 tiết | **Chương 6. Binh khí súng Trung liên RPĐ.**  6.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu  6.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:** Làm rõ tính thực tiễn khi sử dụng súng Trung liên?  **Tự học**  Tác dụng, cấu tạo đạn K56? | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 |
| **11**  **-Lý thuyết**  3 tiết | 6.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng  6.5. Quy tắc, thứ tự tháo, lắp súng thông thường | **Quan sát và nghe thuyết trình**  **- Hỏi đáp:** Phân tích quá trình chuyển động của các loại súng?  **Tự học** | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định | CLO1.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **12**  **Thực hành**  3 tiết | **Tín chỉ 4 :**  Thực hành tháo, lắp súng tiểu liên AK | **Quan sát và thực hành, phương pháp như các tiết thực hành trước**  **- Hỏi đáp:**  **Tự học**  Quy tắc và thứ tự tháo, lắp súng AK | - Chuẩn bị tài liệu đầy đủ: giáo trình, vở ghi, bút viết, vũ khí trang bị.  - Đọc và nghiên cứu giáo trình.  - Mang mặc trang phục đúng quy định, phương pháp luyện tập của sinh viên như ở các tiết thực hành trước | CLO1.2 đến  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **13**  **Thực hành**  2 tiết | Thực hành tháo, lắp súng CKC | **Quan sát và thực hành, phương pháp như các tiết thực hành trước**  **- Hỏi đáp:**  **Tự học**  Quy tắc và thứ tự tháo, lắp súng CKC | - Mang mặc trang phục đúng quy định, phương pháp luyện tập của sinh viên như ở các tiết thực hành trước | CLO1.2 đến  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **14**  **Thực hành**  2 tiết | Tháo, lắp súng RPĐ | **Quan sát và thực hành, phương pháp như các tiết thực hành trước**  **- Hỏi đáp:**  **Tự học**  Quy tắc và thứ tự tháo, lắp súng RPĐ | - Mang mặc trang phục đúng quy định, phương pháp luyện tập của sinh viên như ở các tiết thực hành trước | CLO1.2 đến  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| **15**  **Thực hành**  2 tiết | Tháo, lắp súng K54  **- Hỏi đáp thắc mắc, hướng dẫn ôn luyện** | **Quan sát và thực hành, phương pháp như các tiết thực hành trước**  **- Hỏi đáp:**  **Tự học**  Quy tắc và thứ tự tháo, lắp súng K54 | - Mang mặc trang phục đúng quy định, phương pháp luyện tập của sinh viên như ở các tiết thực hành trước | CLO1.2 đến  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QP&AN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**CÔNG TÁC BẢO ĐẢM HẬU CẦN, QUÂN Y**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Nguyễn Thế Tiến**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0972195710, nguyenthetiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***Giảng viên 2:* Đoàn Quang Dũng**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm GDQP&AN, Xã Nghi Ân - TP Vinh - Nghệ An

Điện thoại, email: 0986186187, Email: quangdung48qp@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quân sự

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Công tác bảo đảm hậu cần, quân y**  (tiếng Anh): **Logistics – Medical corps management activity** | | |
| - Mã số học phần: NAP30011 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: **Giáo dục Quốc phòng và An ninh** | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  🗹 Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: 🗹 Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | | 02 |
| + Số tiết lý thuyết: | | 20 |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | | 5 |
| + Số tiết thực hành: | | 10 |
| + Số tiết tự học: | | 30 |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: Thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài thảo luận, bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: tổ bộ môn Kỹ - Chiến thuật, khoa GDQP  Điện thoại: 0972195710 Email: nguyenthetiendhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Công tác bảo đảm hậu cần, quân y* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo GDQP VÀ AN. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học các môn học thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành. *Công tác bảo đảm hậu cần, quân y* là một học phần của ngành GDQP VÀ AN nhằm giúp cho người học hiểu và nắm được hệ thống tổ chức hậu cần và công tác bảo đảm hậu cần trong QĐND Việt Nam. Nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định gãy xương, hô hấp nhân tạo, chuyển thương.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới các nội dung giảng dạy ở THPT. Đó là nội dung về cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường và băng bó vết thương trong chương trình lớp 10 THPT.

Môn học có mối quan hệ với các nội dung kỹ thuật cơ bản; vũ khí bộ binh và kỹ thuật sử dụng lựu đạn; thuốc khối kiến thức chuyên ngành để vận dụng tìm hiểu, nghiên cứu, phát huy năng lực, kiến thức tư duy của cả người dạy và học, hình thành kỹ năng sư phạm để giảng dạy và phát triển chương trình GDQP&AN tại các trường THPT.

**3. Mục tiêu học phần**

Nắm được hệ thống tổ chức hậu cần và công tác bảo đảm hậu cần trong QĐND Việt Nam. Nắm được kiến thức cơ bản ban đầu về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định gãy xương, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, chuyển thương; Biết cách xử lý đơn giản ban đầu các tai nạn thông thường; biết băng vết thương và ứng dụng các phương tiện sẵn có tại chỗ; làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định gãy xương, hô hấp nhân tạo, chuyển thương, biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống; Ý thức được nhiệm vụ, vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo đảm hậu cần trong thời bình và trong thời chiến. Có thái độ tích cực, nhiệt tình, sẵn sàng, cứu giúp người gặp khó khăn, tai nạn. Xây dựng tinh thần “Mình vì mọi người”. Luôn lạc quan, bình tĩnh xử trí mọi tình huống; biết tự cứu chữa, tự chăm sóc và bảo vệ bản thân.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 |
| 1.1.5 | 1.3.2 | 2.1.4 | 3.1.1 | 3.2.1 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày khái quát về sự ra đời hình thành và phát triển của nghành hậu cần Quân đội, Hiểu được nội dung cơ bản về công tác bảo đảm hậu cần và cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh. | Thuyết giảng  Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Vận dụng kiến thức để nâng cao thực hành kỹ năng về cấp cứu ban đầu, cố định tạm thời gãy xương và mang vác thương binh | Thực hành | Quan sát Thực hành |
| CLO2.1 | S4 | Thực hành thành thạo các kỹ năng băng bó chuyển thương, cố định tạm thời gãy xương và chuyển thương trong quá trình huấn luyện. | Thực hành | Quan sát Thực hành |
| CLO3.1 | S4 | Tổ chức thành các tổ thực hành luyện tập động tác theo ý định của GV | Thực hành làm việc nhóm | Quan sát Thực hành |
| CLO3.2 | S4 | Thể hiện được khả năng làm việc nhóm, chỉ huy, phối hợp hiệp đồng, tính tổ chức kỉ luật, trong quá trình luyện tập | Thực hành làm việc nhóm | Quan sát Thực hành |
| CLO4.1 | C4 | Xác định được vị trí tầm quan trong của môn học vào trong quá trình giảng dạy chương trình phổ thông và thực tiễn cuộc sống. | Thuyết trình  Thảo luận | Câu hỏi |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1: Thái độ học tập | Ý thức xây dựng bài, phát biểu, tích cực trong học tập  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.2: Chuyên cần | Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc, không bỏ giờ  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.1 đến CLO4.1 | 10% |
| A1.3: Hồ sơ học phần( bài tập, bài thảo luận, bài tập nhóm) | Bài tập tự luận, bài thảo luận nhóm, Thực hành kỹ thuật động tác. SV làm bài trên LMS hoặc SV làm bài trực tiếp trên giấy A4 nộp cho GV và GV đánh giá lưu hồ sơ | - Rubric 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Thực hành kỹ thuật động tác,  Viết tiểu luận; SV nạp bài qua LMS hoặc nạp bài trực tiếp cho GV đánh giá và lưu hồ sơ. | - Rubric 2  - Đáp án  - Quan sát | CLO1.2 đến CLO3.2 | 20% |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 (Lý thuyết) | Thi viết; Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Rubric 2  - Đáp án | CLO1.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết** **a = a × a.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 \* 0.5.**  *Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.* | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

Bảng 1.1. Bảng Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (4-5  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (6-7 tiết/ 30 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (7-8 tiết/ 30 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 5-6 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn >6 buổi (quá 15 phút) | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận, phát biểu, thực hành tập)** | Tích cực  tham gia thảo luận, phát biểu, luyện tập  (được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu, luyện tập (~75%  hoạt động) | Có tham gia thảo luận, luyện tập (~50%  hoạt động) | Ít tham gia thảo luận, phát biểu, luyện tập  (~25%  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà…)** | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân, tự học bài tập thực hành  -Nạp bài tập đúng hạn | -Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân, bài tập thực hành  -Nạp bài tập không đúng hạn | -Làm được 50% bài tập  cá nhân, bài tập thực hành  - Nạp bài tập đúng hạn | -Làm được 50% bài tập cá nhân, bài tập thực hành  -  Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  Bài của người khác nạp (qua các câu hỏi của GV); không tập được bài thực hành | 15% |

**Rubric dùng đánh giá trong HP**

Bảng 1.2. Bảng Rubric 2: Đánh giá bài A1.3, A2.1, A3.1.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Bài lí thuyết** | Nắm đầy đủ chính xác và hiểu rõ nội dung về công tác bảo đảm hậu cần, quân y | Nắm đầy đủ và hiểu nội dung nội dung về về công tác bảo đảm hậu cần, quân y | Nắm cơ bản nội dung, mức độ hiểu nội dung về về công tác bảo đảm hậu cần, quân y còn hạn chế | Nắm nội dung chưa đầy đủ nội dung về về công tác bảo đảm hậu cần, quân y còn nhiều hạn chế | Chưa nắm được nội dung | 100% |
|  | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Bài thực hành**  Một số tư thế động tác thực hành băng vết thương, cầm máu tạm thời cố định gãu xương, chuyển thương hỏa tuyến | Hiểu được mục đích nguyên tắc của kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, tác phong bảo đảm, khẩu khí to rõ, động tác đúng, phân chia cử động rõ ràng dứt khoát, động tác đẹp, sát với thực tiễn. | Hiểu được mục đích nguyên tắc của kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, tác phong bảo đảm, khẩu khí to rõ, động tác đúng nhưng chưa đẹp, cử động chưa rõ ràng dứt khoát. | Hiểu được mục đích nguyên tắc của kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, tác phong bảo đảm, động tác cơ bản đúng nhưng còn sai sót, chưa rõ ràng dứt khoát. | Hiểu chưa rõ được mục đích nguyên tắc của kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, tác phong bảo đảm, động tác còn sai, chưa rõ ràng dứt khoát. | Chưa nắm được nội dung và động tác còn sai nhiều. | 100% |
| **Bài lí thuyết (Thi kết thúc học phần)** | **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
|  | Nắm đầy đủ nội dung, hiểu và làm rõ vấn đề về công tác bảo đảm hậu cần cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến. Liên hệ với thực tiễn | Nắm đầy đủ nội dung, hiểu và làm rõ khá tốt vấn đề về công tác bảo đảm hậu cần cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến. Liên hệ được với thực tiễn | Nắm nội dung còn thiếu, hiểu và làm rõ nhưng chưa cụ thể các vấn đề về công tác bảo đảm hậu cần cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến | Nắm nội dung còn thiếu nhiều, hiểu và làm chưa rõ vấn đề về công tác bảo đảm hậu cần cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến | Cơ bản chưa nắm và không hiểu nội dung. | 100 % |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng*, Tập 3 – Vụ giáo dục quốc phòng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2005.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập 2*, dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXb Giáo dục Việt Nam, 2015.

[3] Cục Quân huấn, Bộ tổng tham mưu (2004), *Sổ tay Tiểu đội trưởng,* NXb Quân đội nhân dân.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình giáo dục quốc phòng, lớp 10,* Nxb Giáo dục Việt nam.

[5] Đề cương bài giảng *Công tác bảo đảm hậu cần, quân Y,* ThS. Nguyễn Thế Tiến biên soạn năm 2018.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 30 tiết, trong đó có 20 tiết lí thuyết và 10 tiết thực hành, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1:*** Chương 1 và chương 2, 3: 18 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 6 tuần (*Mỗi tuần 3 tiết)*.

***Tín chỉ 2***: Chương 4 (12 tiết) học thực hành trong 4 tuần (*Mỗi tuần 3 tiết)*. Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

***Lý thuyết:*** *(6 tuần/ mỗi tuần 3 tiết)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Chương1. Những vấn đề chung về công tác hậu cần**  1. Hệ thống tổ chức hậu cần quân đội | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Đọc tài liệu: Giáo trình GDQP-ĐH,CĐ, NXB QĐND, 2005. Tập 3,  tr 351-362.  - Mang mặc trang phục đúng quy định rèn luyện. | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |
| **2** | 2. Các mặt công tác hậu cần  3. Thành phần, nhiệm vụ khả năng hậu cần quân đội | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS chương 2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |
| **3** | **Chương 2. Công tác bảo đảm hậu cần**  1. Công tác bảo đảm hậu cần thường xuyên | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS chương 2 nội dung 2 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |
| **4** | 1. Công tác bảo đảm hậu cần thường xuyên (tiếp) | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS phần 3.1.1 và 3.1.3 | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |
| **5** | 2. Công tác bảo đảm hậu cần trong chiến đấu | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |
| **6** | **Chương 3: Cấp cứu đầu tiên vết thương chiến tranh**  1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh  1.1 Vết thương do vũ khí lạnh  1.2 Vết thương do vũ khí nổ  1.3 Vết thương do vũ khí hạt nhân  1.4 Vết thương do vũ khí hóa học  1.5. Vết thương do vũ khí sinh học | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc |  |  | K4 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.1 |

***Thực hành:*** *(4 tuần/ mỗi tuần 3 tiết)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Chương 4: Kỹ thuật cấp cứu chuyển thương hỏa tuyến**  1. Băng vêt thương  1.1 Mục đích, nguyên tắc băng vết thương  1.2 Một số kiểu băng cơ bản sử dụng băng cuộn và băng cá nhân | Thao trường và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Mang mặc trang phục đúng quy định rèn luyện  - Tổ trưởng duy trì luyện tập  Tổ trưởng tập hợp tổ; Người chỉ huy quan sát sửa tập cho từng cá nhân; cá nhân luyện tập theo 3 bước (tự nghiên cứ, tập chậm, tâp hoàn thiện động tác) | Giới thiệu động tác theo 2 bước:  + Bước 1: Làm nhanh (Để SV khái quát, nhận biết động tác)  + Bước 2:  Làm chậm phân tích từng cử động của động tác (Để sinh viên hiểu được động tác)  - Phổ biến kế hoạch luyện tập, nội dung, thời gian LT, tổ chức và phương pháp, vị trí luyện tập, ký tín hiệu, người phụ trách. | K4, S4 | A1.3  A2.1 | CLO1.2 đến  CLO3.2 |
| **2** | 2. Cầm máu tạm thời  2.1 Mục đích, nguyên tắc, phân biệt các loại chảy máu  2.2 Các biện pháp cầm máu tạm thời | Thao trường và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Mang mặc trang phục đúng quy định rèn luyện  - Tổ trưởng duy trì luyện tập  Tổ trưởng tập hợp tổ; Người chỉ huy quan sát sửa tập cho từng cá nhân; cá nhân luyện tập theo 3 bước (tự nghiên cứ, tập chậm, tâp hoàn thiện động tác) | Giới thiệu động tác theo 2 bước:  + Bước 1: Làm nhanh (Để SV khái quát, nhận biết động tác)  + Bước 2:  Làm chậm phân tích từng cử động của động tác (Để sinh viên hiểu được động tác)  - Phổ biến kế hoạch luyện tập, nội dung, thời gian LT, tổ chức và phương pháp, vị trí luyện tập, ký tín hiệu, người phụ trách. | K4, S4 | A1.3  A2.1 | CLO1.2 đến  CLO3.2 |
| **3** | 3. Cố định tạm thời gãy xương  3.1 Mục đích, đặc điểm, tai biến sau gãy xương  3.2 Nguyên tắc cố dịnh tạm thời gãy xương và các loại nẹp  3.3 Cố định tạm thời trong từng hợp gãy xương  4. Hô hấp nhân tạo  4.1 Mục đích  4.2 Nguyên nhân gây ngạt thở và cách phân biệt người bị ngạt, cách xử lí  4.3 Các phương pháp hô hấp nhân tạo | Thao trường và không gian tự học của nhóm và cá nhân |  |  | K4, S4 | A1.3  A2.1 | CLO1.2 đến  CLO3.2 |
| **4** | 5. Chuyển thương hỏa tuyến  5.1 Yêu cầu cơ bản  5.2 Một số cách chuyển thương  **- Hỏi đáp thắc mắc, hướng dẫn ôn luyện** | Thao trường và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Nắm các nội dung SV hỏi nghiên cứu giải đáp và hướng dẫn các em ôn luyện. | Hỏi các nội dung chưa hiểu nghe giải đáp;tích cực ôn luyện | K4  S4  C4 | A1.3  A2.1  A3.1 | CLO1.2 đến  CLO4.1 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

- Thực hành thuần thục và vừa nói vừa làm động tác.

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  | **Trần Văn Thông** | **Phạm Thế Dũng** |

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. Công cụ đánh giá cần phải thiết kế để đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần đồ án /dự án. [↑](#footnote-ref-3)